BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

-----ꕥ🕮ꕥ-----

PHẠM ANH TUẤN

CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI, 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

-----ꕥ🕮ꕥ-----

PHẠM ANH TUẤN

CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Chuyên ngành : QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số : 62.14.01.14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1 - GS.TS PHẠM THÀNH NGHỊ
2 - TS PHẠM QUANG SÁNG

HÀ NỘI, 2015

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu sinh trân trọng cảm ơn:

Lãnh đạo Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng, các Quý thầy cô, các nhà khoa học của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

GS.TS Phạm Thành Nghị và TS Phạm Quang Sáng.

Các thầy, các cô trong các hội đồng thi chuyên đề tiến sĩ, seminar luận án tiến sĩ, bảo vệ luận án cấp bộ môn, cấp Viện…

Sở GD&ĐT Thái Bình, trường THPT Chu Văn An, các trường THPT khác trong tỉnh Thái Bình, bạn bè, đồng nghiệp của nghiên cứu sinh.

Gia đình nghiên cứu sinh

đã hướng dẫn, động viên, tạo điều kiện giúp đỡ *nghiên cứu sinh* hoàn thành luận án!

Tác giả luận án
Nghiên cứu sinh

Phạm Anh Tuấn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

Phạm Anh Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài 2
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 2
4. Nội dung và phạm vi nghiên cứu 2
5. Giả thuyết khoa học 3
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 4
7. Nơi thực hiện nghiên cứu 5
8. Luận điểm khoa học đưa ra bảo vệ 5
9. Những đóng góp mới của luận án 6
10. Bố cục của luận án 6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 7
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề quản lý chất lượng và tự đánh giá trong quản lý chất lượng 7
1.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển của quản lý chất lượng, tự đánh giá chất lượng 7
1.1.2. Một số nghiên cứu về quản lý chất lượng , tự đánh giá chất lượng 8
1.1.3. Đóng góp của những công trình nghiên cứu đã có và một số vấn đề đặt ra 10
1.2. Chất lượng và quản lý chất lượng trong trường trung học phổ thông 12
1.2.1. Chất lượng 12
1.2.2. Quản lý chất lượng 15
1.2.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các cấp độ quản lý chất lượng trong trường trung học phổ thông 17
1.3. Tự đánh giá và tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông 22
1.3.1. Khái niệm Tự đánh giá 22
1.3.2. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông 24

1.3.3. Các điều kiện để thực hiện tự đánh giá ở trường trung học phổ thông trong đảm bảo chất lượng ……. 27

1.4. Nội dung cơ bản của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông …… 32

1.4.1. Nội dung của tự đánh giá cấp trường …… 33

1.4.2. Nội dung tự đánh giá cấp bộ môn …….. 46

1.5. Một số yếu tố tác động tới tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông …… 48

1.5.1. Yếu tố bên ngoài nhà trường tác động trực tiếp lên hoạt động tự đánh giá …….. 49

1.5.2. Một số yếu tố bên trong nhà trường tác động đến hoạt động tự đánh giá …….. 49

Kết luận chương 1 ……. 50

CHƯƠNG 2 CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 53

2.1. Tự đánh giá chất lượng ở trường trung học trên thế giới ……. 53

2.1.1. Tự đánh giá ở trường trung học của một số nước phát triển ……. 53

2.1.2. Tự đánh giá ở trường trung học phổ thông tại một số quốc gia đang phát triển …… 58

2.2. Tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam …….. 62

2.2.1. Sơ lược về tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam 62

2.2.2. Thực trạng tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam qua nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình …… 67

2.3. Kinh nghiệm thế giới và các hạn chế trong tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam …… 93

2.3.1. Kinh nghiệm thế giới cho hoạt động tự đánh giá ở trường trung học phổ thông Việt Nam …… 93

2.3.2. Những hạn chế trong tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam …… 94

Kết luận chương 2 ……. 95

CHƯƠNG 3 CÁC BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI TỰ ĐÁNH GIÁ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VIỆT NAM 97

3.1. Bối cảnh và nguyên tắc đề xuất biện pháp 97

3.1.1. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với chất lượng và hoạt động tự đánh giá chất lượng ở các trường trung học phổ thông 97

3.1.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp 100

3.2. Một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường trung học phổ thông 102

3.2.1. Thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá 102

3.2.2. *Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng* 106

3.2.3. *Tăng cường các nguồn lực và thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng được lựa chọn ở cấp trường* 112

3.2.4. *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* 117

3.2.5. *Nâng cao năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên* 118

3.2.6. *Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá.* 121

3.3. Khảo nghiệm và thử nghiệm biện pháp được đề xuất 122

3.3.1. Khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp ... 122

3.3.2. Thử nghiệm một số biện pháp được đề xuất 125

Kết luận chương 3 133

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 135

1. Kết luận 135

2. Kiến nghị 137

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ 139

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 140

PHỤ LỤC 149

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CBQL	Cán bộ quản lý
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
KT	Kinh tế
XH	Xã hội
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Tên bảng biểu, hình vẽ	Trang
Sơ đồ S1: Các cấp độ quản lý chất lượng	21
Bảng 1.1 Dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT	25
Bảng 1.2 So sánh các lĩnh vực cần phải tiến hành tự đánh giá giữa Việt Nam và các nhà khoa học nước ngoài	34
Bảng 2.1 Thực trạng tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện của các trường THPT	79
Bảng 2.2 Kết quả thực hiện trình tự đánh giá theo các lĩnh vực được lựa chọn	80
Bảng 2.3 Thực trạng viết báo cáo và chuẩn bị cho công bố kết quả	82
Biểu đồ số 1 Sự quan tâm của cán bộ, giáo viên đối với chất lượng trường THPT	89
Sơ đồ S2: Quy trình tự đánh giá chất lượng môn học	110
Biểu đồ số 2: Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết của các biện pháp	123
Biểu đồ số 3: Kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp	124
Bảng 3.1 Kết quả lấy ý kiến giáo viên dạy Sinh về chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học	130
Bảng 3.2 Kết quả học tập môn Sinh học theo Chuẩn đánh giá đã xây dựng....	131

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thế kỉ XXI chứng kiến xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới. Nền kinh tế thế giới đang chuyển dần từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế hậu công nghiệp hay kinh tế tri thức nhờ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, nhất là sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng lưới Internet. Đặc điểm nói trên cùng với quá trình phi tập trung hóa và đại chúng hóa giáo dục đã dẫn tới yêu cầu gia tăng về năng lực tự quản của các cơ sở giáo dục. Khi các năng lực này yếu kém, chất lượng giáo dục sẽ không đáp ứng yêu cầu đặt ra. Trong thực tế, giáo dục thế giới từng bước chuyển dần từ nền giáo dục theo định hướng Nhà nước sang nền giáo dục theo định hướng của thị trường, nên sự cạnh tranh giữa các trường học ngày càng trở nên quyết liệt. Quản lý chất lượng trở thành công cụ để tăng cường chất lượng cho các trường học. Tự đánh giá như là một mắt xích trong quá trình đảm bảo chất lượng được quan tâm nghiên cứu.

Về phương diện lí luận: Tự đánh giá trong quản lý chất lượng, đặc biệt là trong đảm bảo chất lượng là vấn đề được nhiều nhà khoa học và giới quản lý ở các nước phát triển quan tâm. Trên thế giới hiện nay tồn tại nhiều cách tiếp cận khái niệm chất lượng, nhiều cách đưa ra khái niệm tự đánh giá… Lựa chọn khái niệm tự đánh giá, xây dựng khung lí luận cho hoạt động tự đánh giá (đặc biệt là xác định vị trí, vai trò của tự đánh giá; điều kiện, nội dung tự đánh giá) để chất lượng trường THPT được nâng lên sau khi tiến hành tự đánh giá là vấn đề cần nghiên cứu, làm rõ. Tuy nhiên, những vấn đề nêu trên hoặc chưa được nghiên cứu, hoặc chưa được nghiên cứu sâu ở Việt Nam.

Về phương diện thực tiễn: Thực tiễn tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT cho thấy: Các trường phổ thông ở Hoa Kì, Cộng hòa Scotlen – Vương quốc Anh và một số quốc gia khác như Cộng hòa Croatia; Cộng hòa Slovenia… trong đó có một số nước cũng đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam đã quan tâm, thực hiện việc tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng. Trường học ở các quốc gia này đã chủ động trong việc quản lý, tổ chức hoạt động tự đánh giá như: xác định mục tiêu chất lượng, xây dựng chuẩn chất lượng, xác định các quy trình chất lượng; thực hiện các quy trình chất lượng; tự đánh giá theo chuẩn và quy trình… Ở Việt Nam, các trường THPT bước đầu đã quan tâm tới tự đánh giá chất lượng nhà trường. Nhưng hoạt động tự đánh giá mà các trường THPT đang tiến hành có là một bộ phận của đảm

bảo chất lượng, có nâng cao chất lượng nhà trường hay chỉ là một hoạt động giúp cho kiểm định chất lượng là điều vẫn chưa rõ ràng.

Tóm lại: Về lý luận và thực tiễn đã đặt ra yêu cầu cấp bách cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, làm rõ cơ sở lí luận, đánh giá thực trạng, từ đó đề ra biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường THPT. Với mong muốn góp phần giải quyết vấn đề đã nêu, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài: *"Cơ sở lí luận và thực tiễn của tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông"* cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của tự đánh giá trong quản lý chất lượng (tập trung vào cấp độ đảm bảo chất lượng) ở trường THPT, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý chất lượng ở trường THPT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT.

4. Nội dung và phạm vi nghiên cứu

4.1. Nội dung nghiên cứu

4.1.1. Tổng hợp, phân tích, xác định cơ sở lí luận về tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT. Tập trung vào tự đánh giá ở trường THPT theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

4.1.2. Nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của tự đánh giá chất lượng ở trường trung học trên thế giới.

4.1.3. Đánh giá thực trạng hoạt động tự đánh giá ở trường THPT thông qua việc nghiên cứu trường hợp điển hình tại tỉnh Thái Bình.

4.1.4. Đề xuất một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam.

4.1.5. Thử nghiệm một số biện pháp được đề xuất trong luận án.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Cơ sở lý luận của tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT được nghiên cứu chủ yếu là tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng

- Nghiên cứu thực trạng tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam được giới hạn phạm vi nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình

- Phỏng vấn sâu 30 người gồm: các nhà khoa học, chuyên gia về quản lý chất lượng giáo dục ở Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT Thái Bình, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; lãnh đạo sở, lãnh đạo phòng ban sở của các sở GD&ĐT: Thái Bình, Điện Biên, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Kiên Giang và hiệu trưởng (phó hiệu trưởng) trường THPT ở Thái Bình.

- Khảo sát bằng phiếu hỏi ý kiến đối với: 200 cán bộ, giáo viên tại 10 trường THPT ở 4 huyện, thành phố của tỉnh Thái Bình.

- Tiến hành thử nghiệm biện pháp:

Thử nghiệm một phần các biện pháp: biện pháp 1 *"Tiến hành quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá"*, biện pháp 2 *"Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng"*, biện pháp 6 *"Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá"* với nội dung thử nghiệm: hai trường THPT phối hợp với nhau để xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học của trường THPT. Kết quả thực hiện một phần của các biện pháp 1, 2 và 6 được sử dụng vào thử nghiệm biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* với nội dung thử nghiệm là tự đánh giá chất lượng môn Sinh học của trường THPT.

5. Giả thuyết khoa học

Về mặt lý luận cũng như thực tiễn quản lý chất lượng giáo dục ở các quốc gia phát triển, tự đánh giá được xác định là một khâu (thành phần) của hệ thống đảm bảo chất lượng; trong khi đó tự đánh giá trong các trường THPT ở Việt Nam mà tác giả luận án tiến hành khảo sát chỉ thực hiện chức năng đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài), hơn nữa việc tự đánh giá cũng chưa được tiến hành bài bản, theo quy trình và nội dung hợp lý, cũng không được tiến hành trên cả hai cấp độ (cấp trường và cấp bộ môn). Việc xác định và thực hiện các biện pháp tự đánh giá như một khâu (một thành phần) của hệ thống đảm bảo chất lượng giúp tự đánh giá thực hiện hai

chức năng: (1) duy trì và nâng cao chất lượng thường xuyên và (2) đáp ứng yêu kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) trường THPT

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Luận án được thực hiện trên cơ sở sử dụng các cách tiếp cận sau:

- Tiếp cận hệ thống: Giáo dục phổ thông là tiểu hệ thống của hệ thống giáo dục quốc gia. tự đánh giá là tiểu hệ thống của quản lý chất lượng , của đảm bảo chất lượng. Do đó, bất cứ sự thay đổi nào của tiểu hệ thống cũng ảnh hưởng đến hệ thống và ngược lại, sự biến động của hệ thống cũng tác động đến tiểu hệ thống.

- Tiếp cận quản lý chất lượng trong sự thay đổi của hệ thống KT , XH chuyển từ bao cấp sang thị trường ; thay đổi cấp độ quản lý chất lượng từ kiểm soát chất lượng sang đảm bảo chất lượng.

- Tiếp cận quản lý chất lượng theo mục tiêu: Quản lý chất lượng là nhằm duy trì, ổn định và nâng cao chất lượng, nhờ đó để thực hiện mục tiêu giáo dục của trường THPT. Cụ thể, thực hiện quản lý chất lượng thông qua hoạt động tự đánh giá cần đảm bảo: i) hoạt động tự đánh giá phù hợp với các quy định hiện hành (tính pháp lí); ii) hoạt động tự đánh giá được chỉ đạo, tổ chức, điều khiển bởi chủ thể quản lý chính thức là nhà trường với sự phân công nhiệm vụ cụ thể và được thực hiện bởi những người chuyên nghiệp (nhân sự nòng cốt để thực hiện) ;iii) hoạt động tự đánh giá phải được đảm bảo các điều kiện để thực hiện và được thực hiện trong môi trường thuận lợi.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Có ba nhóm phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng.

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu lý luận, các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài … nhằm xác định nội hàm của các khái niệm cơ bản, xây dựng những nguyên tắc, xác định đường lối và phương tiện nghiên cứu, hình thành giả thuyết khoa học, xây dựng khung lý luận của đề tài nghiên cứu.

Sử dụng Internet trong tra cứu, tìm tài liệu...

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Điều tra bằng bảng hỏi*: Dùng phiếu hỏi để điều tra thực tiễn tự đánh giá ở trường THPT đối với 200 cán bộ, giáo viên tại 10 trường THPT tỉnh Thái Bình. - *Phỏng vấn nhóm và phỏng vấn sâu cá nhân*: phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu 30 người để thu thập thêm những thông tin về quản lý chất lượng trường THPT. Số người được phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu nói trên gồm:

5 người là các nhà khoa học, chuyên gia về quản lý chất lượng giáo dục, cán bộ quản lý ở Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT Thái Bình, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

15 người là lãnh đạo sở, phòng ban sở, hiệu trưởng một số trường THPT ở các sở GD&ĐT: Thái Bình, Điện Biên, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Kiên Giang và 10 hiệu trưởng (phó hiệu trưởng) trường THPT ở Thái Bình.

- *Quan sát:* Tiến hành dự 5 buổi triển khai tự đánh giá ở 4 trường THPT Thái Bình, nhằm tìm hiểu thông tin về đối tượng nghiên cứu tại nơi diễn ra tự đánh giá.

- *Nghiên cứu sản phẩm*: Nghiên cứu các báo cáo kết quả tự đánh giá; nghiên cứu kết quả thử nghiệm nhằm thu thập được thông tin xác thực về đối tượng nghiên cứu.

- *Thử nghiệm*:

Thử nghiệm một số biện pháp trong số các biện pháp luận án đã đề xuất. Địa điểm thử nghiệm tại hai trường THPT Chu Văn An và THPT Đông Tiền Hải tỉnh Thái Bình (cả thử nghiệm và đối chứng) để khẳng định tính khả thi của việc vận dụng biện pháp vào đổi mới hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT.

- *Tổng kết kinh nghiệm:* phân tích việc tổ chức, quản lý, hoạt động tự đánh giá trường THPT ở một số nước phát triển và đang phát triển trên thế giới; rút ra kinh nghiệm tổ chức tự đánh giá đối với các trường THPT ở Việt Nam.

6.2.3. Nhóm phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để phân tích về định lượng và định tính của kết quả nghiên cứu. Sử dụng bảng tính Excel để xử lý, tính toán số liệu thu được của đề tài và vẽ các biểu đồ.

7. Nơi thực hiện nghiên cứu

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

8. Luận điểm khoa học đưa ra bảo vệ

- Hiện nay tự đánh giá ở trường THPT chưa được tổ chức bài bản theo quy trình và nội dung hợp lý, chưa được tiến hành trên cả hai cấp độ (cấp trường và cấp bộ

môn); tự đánh giá mới đáp ứng kiểm định chất lượng, chưa đáp ứng nâng cao chất lượng thường xuyên.

- Để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng, trước tiên cần tiến hành quản lý chất lượng bên trong.

- Xác định, thực hiện các biện pháp tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng sẽ góp phần nâng cao chất lượng và đáp ứng kiểm định chất lượng trường THPT

9. Những đóng góp mới của luận án

Luận án đã:

- Xác định, làm rõ nội hàm khái niệm tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

- Nêu ra các điều kiện thực hiện và nội dung cơ bản của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT.

- Thực tiễn tự đánh giá ở trường THPT (của một số quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam qua nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình); kinh nghiệm tự đánh giá cho các trường THPT Việt Nam.

- Đề xuất, thử nghiệm một số biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam.

- Đề xuất một số kiến nghị đối với Bộ GD&ĐT; với các sở GD&ĐT và với các trường THPT việc tổ chức hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng .

10. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các kiến nghị, luận án gồm 3 chương.

Chương 1 Cơ sở lí luận của tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông

Chương 2 Cơ sở thực tiễn của tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông

Chương 3 Các biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường trung học phổ thông Việt Nam

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề quản lý chất lượng và tự đánh giá trong quản lý chất lượng

1.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển của quản lý chất lượng, tự đánh giá chất lượng

Ngoài nước

- Trong sản xuất: Quản lý chất lượng đã được hình thành một cách sơ khai, tự phát từ thời kì cổ đại đến thời kì chiếm hữu nô lệ và phong kiến dưới dạng những nguyên tắc về kiểm tra, về quản lý sản xuất. Trong lĩnh vực sản xuất, từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất *(thế kỷ XVIII)* đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (*giữa thế kỷ XX*) và tới thập kỷ 70 thế kỷ XX lần lượt xuất hiện phương pháp kiểm tra chất lượng (Quality Control) đến phương pháp kiểm tra chất lượng toàn diện (Total Quality Control - TQC) và quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management - TQM)[63], [60].

- Trong giáo dục, quản lý chất lượng không phải là điều mới mẻ trên thế giới, nó đã có lịch sử phát triển lâu dài ở Hoa Kì. Gần đây, trước những vấn đề nảy sinh trong quá trình phi tập trung hoá, đại chúng hoá giáo dục và đặc biệt, giáo dục trên thế giới đang dần dần chuyển từ nền giáo dục theo định hướng của Nhà nước sang nền giáo dục theo định hướng thị trường thì quản lý chất lượng đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm, chú trọng để duy trì, nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục. Đối với hoạt động tự đánh giá, nhiều cơ sở giáo dục ở một số quốc gia Châu Âu đã sử dụng tự đánh giá như một công cụ tự hoàn thiện nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của mình [52].

Như vậy, quản lý chất lượng đã được các doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong sản xuất và dần được đưa vào áp dụng trong giáo dục. Tự đánh giá đã được nhiều cơ sở giáo dục sử dụng để nâng cao chất lượng của mình.

Trong nước [12]

- Quản lý chất lượng theo cấp độ kiểm soát chất lượng đã được các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thực hiện từ lâu. Còn quản lý chất lượng theo cấp độ đảm bảo chất lượng là vấn đề mới ở Việt Nam. Cụ thể: quản lý chất lượng ở các cơ sở giáo dục phổ thông từng bước chuyển dần từ kiểm soát chất lượng sang đảm bảo chất lượng chỉ

thực sự bắt đầu từ sau khi cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục (KT&KĐCLGD) được thành lập (năm 2003). Sau khi Cục KT&KĐCLGD ra mắt, công tác kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông được đẩy mạnh với việc Phòng Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên trong Cục KT&KĐCLGD được thành lập. Tiếp theo, Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn các sở GD&ĐT lập Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục. Việc ra đời Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục đã góp phần đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng ở các địa phương và ở các cơ sở giáo dục phổ thông. Hiện nay, tăng cường công tác quản lý chất lượng giáo dục phổ thông là chủ trương của Đảng, Nhà nước và ngành GD&ĐT nhằm đẩy mạnh việc phát triển bền vững nền giáo dục Việt Nam.

- Đối với hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông: sau khi triển khai và tổng kết kết quả thí điểm tự đánh giá phục vụ cho kiểm định chất lượng ở một số trường phổ thông tại một số tỉnh, thành, kể từ năm học 2009 – 2010, hoạt động tự đánh giá phục vụ cho kiểm định chất lượng được triển khai đại trà ở các trường phổ thông trong cả nước. Năm 2011 và năm 2014 Bộ GD&ĐT đã tổ chức các hội nghị sơ kết công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông. Tại các hội nghị nói trên, những mặt mạnh và mặt hạn chế của hoạt động tự đánh giá đã được nêu ra.

Như vậy, có thể nói quản lý chất lượng giáo dục phổ thông nói chung và tự đánh giá phục vụ cho kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng không phải vấn đề mới ở Việt Nam. Nhưng tự đánh giá các cơ sở giáo dục phổ thông để: (1) duy trì và nâng cao chất lượng thường xuyên và (2) đáp ứng yêu kiểm định chất lượng *(tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng)* là vấn đề mới.

1.1.2. Một số nghiên cứu về quản lý chất lượng , tự đánh giá chất lượng

Ngoài nước

- Crosby P. [72]; Sallis E. [88]; Van Vught F.A. & Westerheijden D.F. [95]… là những nhà khoa học đã đưa ra những cách tiếp cận khác nhau đối với khái niệm chất lượng.

- Biljana Vrankovic, Maja rebersak và Jasmina Muraja [56]; Christopher Bezzina và Rose Privitelli đã trình bày, phân tích làm rõ vấn đề cải thiện chất lượng ở các trường trung học và cải thiện chất lượng với việc phát triển nhà trường. Sallis E. [88] đã nêu ra một trong những thách thức hiện nay mà các cơ sở giáo dục đang phải đối

mặt và chỉ ra vấn đề quản lý chất lượng ở một số trường học chưa đáp ứng các yêu cầu của xã hội đề ra.

- Sallis E. [88]; Gerry McNamara, Joe O'Hara [79] đã đề cập tới các cấp độ quản lý chất lượng và mối quan hệ giữa chúng. Cụ thể:

Gerry McNamara, Joe O'Hara [79] mượn quan điểm của Kells (2002) về quản lý chất lượng để nêu ra ba thành phần của quản lý chất lượng và mối quan hệ giữa các thành phần của quản lý chất lượng. Ba thành phần này gồm: đảm bảo chất lượng, đánh giá chất lượng và kiểm soát chất lượng.

Sallis [88] đề cập tới ba cấp độ quản lý chất lượng gồm kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể (TQM) nhưng tác giả tập trung giới thiệu sâu về quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và thảo luận sự thích hợp của việc áp dụng TQM vào quản lý chất lượng giáo dục.

Như vậy, dưới những góc độ tiếp cận khác nhau, các nhà khoa học nêu trên đã chỉ ra các cấp độ của quản lý chất lượng và mối quan hệ giữa các cấp độ đó. Tuy nhiên, giữa các tác giả vẫn còn một số điểm chưa thống nhất, từ tên gọi đến mối quan hệ giữa các cấp độ… Đặc biệt, các tác giả chưa làm rõ quản lý chất lượng trong giáo dục phổ thông có mấy cấp độ; sự khác biệt và mối quan hệ giữa các cấp độ; điều kiện áp dụng mỗi cấp độ đó như thế nào và xu thế ngày nay áp dụng cấp độ nào là phù hợp nhất.

- Nghiên cứu về tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học:

Christopher Bezzina, Rose Privitelli [93]; Gerry McNamara, Joe O'Hara [79]; Alexander Bilcik và Jozef Kadnar [64]; Nada Pozar Matijasic, Mateja Gajgar [87]… đều chỉ ra tầm quan trọng của tự đánh giá trong quản lý chất lượng trường trung học; những vấn đề (lĩnh vực) cần đánh giá trong trường học.

Alexander Bilcik và Jozef Kadnar [64]; Biljana Vrankovic, Maja rebersak và Jasmina Muraja [56] đã luận bàn, trình bày, phân tích làm rõ về quá trình tự đánh giá, về một số quy định tự đánh giá trong trường trung học. Cuốn sách *Chỉ dẫn đánh giá và đảm bảo chất lượng trong trường trung học* [89] đã nêu ra trình tự các bước của quá trình tự đánh giá và tự điều tiết. Nghiên cứu của các nhà khoa học và tài liệu nói trên đã chỉ ra điểm bắt đầu của quá trình tự đánh giá ở các nhà trường.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá; quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội đối với việc tự đánh giá ở trường trung học đã được Gerry McNamara, Joe O'Hara [79] và các nhà kiểm định chất lượng giáo dục Scotlen [89] đưa ra.

Trong nước

Các nghiên cứu về tự đánh giá, về quản lý chất lượng giáo dục chưa nhiều, tập trung vào giáo dục đại học là chính. Có thể nêu ra một số nghiên cứu tiêu biểu sau:

- Phạm Thành Nghị [43], [45]; Phạm Sỹ Tiến [51] đưa ra quan niệm của mình về chất lượng và một số khái niệm khác có liên quan đến chất lượng như đánh giá, kiểm toán; kiểm định chất lượng giáo dục… thông qua việc hệ thống hóa lại một số quan niệm trên thế giới.

- Nguyễn Đức Chính cùng các cộng sự [15];Nguyễn Kim Dung [16]; Đặng Thành Hưng [35]; Phạm Thành Nghị [43], [45] đã cung cấp những cơ sở lí luận khoa học về đảm bảo chất lượng, về các cách tiếp cận đảm bảo chất lượng trên thế giới; về các mô hình, nguyên tắc, lĩnh vực quản lý chất lượng trong trường học.

- Về các cấp độ quản lý chất lượng , Phạm Thành Nghị [45, tr 81-84] kế thừa quan điểm của Sallis, cho rằng tương tự như quá trình phát triển của quản lý, đi từ mô hình quản lý hành chính tập trung (mọi vấn đề được kiểm tra, kiểm soát từ bên trên, bên ngoài) đến các mô hình quản lý phi tập trung (thông qua các quy trình, cơ chế chịu trách nhiệm nhất định), quản lý chất lượng gồm có 3 cấp độ phát triển từ thấp đến cao cùng với quá trình quản lý từ *Kiểm soát chất lượng* lên *Đảm bảo chất lượng* và đến *Quản lý chất lượng tổng thể (TQM).*

- Về tự đánh giá trong quản lý chất lượng : Nguyễn Đức Chính [15], Trần Khánh Đức [26], Nguyễn Minh Đường [27] đã nêu ra vai trò; quy trình và nội dung tự đánh giá cơ sở đào tạo đại học. Phạm Thành Nghị đã đi sâu nghiên cứu về tự đánh giá trong quản lý chất lượng các cơ sở giáo dục đại học nói riêng [43] và tự đánh giá trong quản lý chất lượng giáo dục nói chung [45]. Cụ thể, tác giả đã nêu và phân tích chi tiết về tự đánh giá trên các phương diện: quan niệm, bối cảnh, nhu cầu tự đánh giá, nội dung, các bước cũng như việc thiết kế quá trình và tiến hành tự đánh giá.

1.1.3. Đóng góp của những công trình nghiên cứu đã có và một số vấn đề đặt ra

Đóng góp của những công trình nghiên cứu đã nêu

- Các nghiên cứu đã nêu ra: Các cách tiếp cận với khái niệm chất lượng, vấn đề cải thiện chất lượng trường học; Vị trí, tầm quan trọng của quản lý chất lượng, quản lý chất lượng là một phần không thể thiếu trong quản lý trường học, quyết định sự tồn tại và phát triển của trường học đó; Các cấp độ quản lý chất lượng trong giáo dục đại học,

từ kiểm soát chất lượng đến đảm bảo chất lượng, cuối cùng là quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và mối quan hệ giữa các cấp độ quản lý chất lượng đã nêu.

- Về tự đánh giá, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài và một số tác giả trong nước đã khẳng định: Tự đánh giá trong các trường học là phần việc quan trọng nhất trong quản lí chất lượng. Tự đánh giá không chỉ là một biện pháp đảm bảo chất lượng cho nhà trường mà nó còn là một công cụ, góp phần làm thay đổi một cách tích cực đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững cho các cơ sở giáo dục; Những vấn đề cần đánh giá trong trường học, tiến trình tổ chức tự đánh giá trong các nhà trường cũng được một số tác giả đề cập trong nghiên cứu của mình. Các tác giả này đưa ra nhận xét: Mỗi trường học có thể lựa chọn phương pháp tổ chức, quản lý việc tự đánh giá khác nhau nên quá trình tổ chức tự đánh giá phải vận dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, của địa phương; Quyền tự chủ của các nhà trường trong việc tự đánh giá cần được tôn trọng và các nhà trường cần chịu trách nhiệm xã hội về kết quả tự đánh giá của mình; Tự điều tiết cần gắn liền với tự đánh giá trường học. Kinh nghiệm tổ chức tự đánh giá ở một số quốc gia, trường học đã được các tác giả chia sẻ, phân tích, bình luận.

<u>Một số vấn đề có liên quan đến luận án chưa được làm rõ trong các nghiên cứu nói trên</u>

- Một số khái niệm liên quan đến tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT.

- Vị trí, vai trò…của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT.

- Điều kiện, nội dung tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT…

- Một số công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đã đề cập tới tự đánh giá ở trường phổ thông, nhưng các trường THPT Việt Nam không thể vận dụng một cách máy móc các kết quả nghiên cứu đó vào tự đánh giá ở nhà trường THPT vì một số lí do chính như: sự không tương đồng giữa Việt Nam với các nước về kinh tế, chính trị, xã hội, về việc tổ chức và hoạt động của hệ thống giáo dục; các trường THPT Việt Nam khi tiến hành tự đánh giá thì quyền tự chủ chưa nhiều và trách nhiệm xã hội chưa cao (nhất là ở các trường công lập).

1.2. Chất lượng và quản lý chất lượng trong trường trung học phổ thông

1.2.1. Chất lượng

- Khái niệm chất lượng: Khái niệm chất lượng có thuộc tính động và đa chiều. Do đó trên thế giới có nhiều quan điểm, góc nhìn và cách tiếp cận khác nhau về chất lượng. Dưới đây là bốn cách tiếp cận cơ bản:

Thứ nhất, tiếp cận theo quan niệm *chất lượng là sự hoàn hảo nhất quán*, đây là quan niệm mang tính tuyệt đối, với cách tiếp cận này để có chất lượng cần thiết kế quy trình để làm đúng ngay từ đầu.

Thứ hai, tiếp cận theo quan niệm *truyền thống* về chất lượng thì sản phẩm có chất lượng là sản phẩm được làm ra một cách hoàn thiện, bằng những vật liệu quý hiếm và đắt tiền.

Thứ ba, tiếp cận theo quan niệm *Chất lượng là sự phù hợp với các tiêu chuẩn, các thông số*. Đại diện cho cho cách tiếp cận này có thể nêu ra là Crosby P. Crosby P. cho rằng chất lượng đơn giản là: "*Chất lượng là sự phù hợp với những yêu cầu*", yêu cầu được đề cập ở đây chính là yêu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ của nhà sản xuất, nhà cung ứng có phù hợp với khả năng, năng lực của nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ [72].

Thứ tư, tiếp cận theo quan niệm *Chất lượng là sự phù hợp với mục đích sử dụng, là sự hài lòng của người tiêu dùng*. Với cách tiếp cận này và kế thừa quan niệm của Sallis, Phạm Thành Nghị đưa ra quan niệm của mình về chất lượng: *"Chất lượng có thể được định nghĩa là cái làm hài lòng, vượt những nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng"* [45, tr 28].

Ngoài bốn cách tiếp cận như đã nêu, một số nhà khoa học khác đã đưa ra quan niệm của mình về chất lượng. Ví dụ: Van Vught F.A. & Westerheijden D.F. thì chất lượng là một khái niệm khó hiểu và khó giải thích vì quan niệm về chất lượng rất rộng, mang tính cảm xúc nhiều hơn các chỉ số khách quan [95].

Nhận xét: Trong bốn cách tiếp cận khái niệm chất lượng như đã nêu, khái niệm chất lượng theo cách tiếp cận thứ nhất rất trừu tượng, vì thế nào là sự hoàn hảo? Cách tiếp cận thứ hai thì chung chung, không thể hiện rõ thuộc tính của khái niệm. Cách tiếp cận thứ ba mang tính áp đặt, cứng nhắc không phù hợp với thuộc tính *động* của khái niệm. Cách tiếp cận thứ ba có thể cũng xuất phát từ yêu cầu của việc đáp ứng nhu cầu, mục đích sử dụng và cách tiếp cận này rất tiến bộ, nhưng thiếu tính hành động

(xây dựng quy trình, xác định chuẩn chất lượng). Về thực chất, cách tiếp cận thứ tư xuất phát từ nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng để thiết kế sản phẩm theo các chuẩn chất lượng và xây dựng quy trình để đạt chất lượng đã xác định. Tuy nhiên, điều này chưa được phản ánh rõ nét trong khái niệm. Kết hợp những điểm mạnh trong hai cách tiếp cận thứ ba và thứ tư, khái niệm chất lượng được sử dụng trong luận án: *Chất lượng là sự phù hợp với chuẩn mực được xác định và chuẩn được xác định phải phù hợp với mục tiêu được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.*

- Chất lượng giáo dục

Như đã nêu ở trên, có rất nhiều cách tiếp cận khái niệm chất lượng. Ứng với mỗi cách tiếp cận khái niệm chất lượng có một hay nhiều cách đưa ra khái niệm chất lượng giáo dục.

Tiếp cận theo quan niệm *Chất lượng là sự phù hợp với các tiêu chuẩn, các thông số*. Với cách tiếp cận này, có một số quan điểm về chất lượng giáo dục được đưa ra như sau: Chất lượng giáo dục được đánh giá bằng *"đầu vào"* hoặc chất lượng giáo dục đánh giá bằng *"đầu ra"*. Đầu vào được thể hiện qua việc tuyển chọn được nhiều học sinh giỏi, đội ngũ giáo viên giảng dạy có uy tín, có nguồn tài chính dồi dào, có các trang thiết bị giảng dạy, học tập hiện đại, đầy đủ ... ; đầu ra của trường THPT là sản phẩm của quá trình giáo dục, được thể hiện bằng năng lực của học sinh khi ra trường hay chất lượng học sinh vào học các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường nghề…. Cả đầu vào, đầu ra đều thể hiện được một phần nội hàm của chất lượng nhưng chưa trọn vẹn khi đã bỏ qua sự tác động của quá trình giáo dục diễn ra rất đa dạng và liên tục trong thời gian dài. Bên cạnh đó, tình trạng chạy theo thành tích trong giáo dục khá phổ biến khiến cho các số liệu được thống kê được thu thập đôi khi thiếu khách quan và độ tin cậy.

Khắc phục hạn chế đo chất lượng bằng đầu vào và đầu ra, một số người đã nêu ra những quan điểm bổ sung như: Chất lượng giáo dục được đánh giá bằng *"giá trị gia tăng"* (chất lượng giáo dục được ghi nhận bởi các tác động tích cực từ nhà trường đến học sinh để tạo ra sự khác biệt trong sự phát triển về trí tuệ của học sinh) hoặc chất lượng giáo dục được đánh giá bằng "*giá trị học thuật*" (Giá trị học thuật là năng lực học thuật của đội ngũ cán bộ, giáo viên). Ngoài ra, có một số quan điểm khác, ví dụ: Chất lượng giáo dục được đánh giá bằng *"văn hóa tổ chức riêng",* với nét đặc trưng quan trọng là không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục hoặc chất lượng giáo dục được đánh giá bằng *"kiểm toán",* với việc xem xét các trường có thu thập đủ thông tin,

thông tin có phù hợp để giúp những người ra quyết định có những thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định về chất lượng hợp lí và hiệu quả… Những quan điểm bổ sung nếu tách riêng chúng ra thì không có quan điểm nào phản ánh đầy đủ nội hàm của khái niệm chất lượng. Do đó, cần có sự kết hợp giữa các quan điểm với nhau để tìm ra một khái niệm phù hợp nhất về chất lượng giáo dục.

Với cách tiếp cận có tính kế thừa ưu điểm của những cách tiếp cận nói trên và với quan điểm phân biệt giữa hiệu quả *(có đặc trưng thiên về các chỉ số: số lượng, đầu ra)* với chất lượng, Nguyễn Lộc cho rằng "*Chất lượng được định nghĩa như mức độ mà sản phẩm hoặc dịch vụ của nhà trường/tổ chức đáp ứng mong đợi của khách hàng*" [41, tr 285]

Với khái niệm *Chất lượng là sự phù hợp với chuẩn mực được xác định và chuẩn được xác định phải phù hợp với mục tiêu được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người sử dụng* được nêu ở trên và với quan điểm cần đặc biệt chú ý tới tác động của yếu tố quá trình như đã phân tích ở trên, kết hợp với quan niệm hiện nay của Đảng, Nhà Nước, của Bộ GD&ĐT về chất lượng giáo dục thì khái niệm chất lượng giáo dục được sử dụng trong luận án như sau: *Chất lượng giáo dục là sự phù hợp với chuẩn chất lượng đã được xác định, chuẩn được xây dựng dựa trên mục tiêu của giáo dục đã đề ra, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ và các sản phẩm của giáo dục*. Khái niệm chất lượng giáo dục nói trên khá gần với quan điểm của các nhà hoạch định chính sách và quản lý giáo dục, quan điểm của tổ chức Đảm bảo chất lượng giáo dục quốc tế (INQAHE- International Network of Quality Assurance In Higher Education).

- Chất lượng trường THPT

Những người quan niệm *chất lượng là sự phù hợp với mục đích* cho rằng *Chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông là sự đáp ứng của nhà trường đối với các yêu cầu về mục tiêu giáo dục phổ thông quy định tại Luật giáo dục.*

Dựa trên quan niệm *Chất lượng là sự phù hợp với chuẩn mực được xác định, chuẩn được xác định phải phù hợp với mục tiêu được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;* chất lượng trường THPT trong luận án được hiểu như sau: *Chất lượng trường THPT là mức độ đạt được của nhà trường so với chuẩn chất lượng đã xác định, chuẩn chất lượng phải phù hợp với mục tiêu được đặt ra đối với nhà trường.*

Mục tiêu được đặt ra đối với nhà trường phải đáp ứng mục tiêu chung do Bộ GD&ĐT đề ra đối với các trường THPT và đáp ứng mong muốn của các nhóm đối tượng quan tâm đến chất lượng nhà trường.

Các nhóm đối tượng quan tâm đến chất lượng giáo dục trường THPT được phân thành 2 nhóm, nhóm bên trong và bên ngoài nhà trường, hai nhóm này có quan hệ liên đới với nhau. Nhóm bên ngoài gồm có: Chính phủ, chính quyền các cấp; Bộ GD&ĐT, các sở GD&ĐT; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường nghề; doanh nghiệp; xã hội. Nhóm bên trong có: Ban giám hiệu, Hội đồng trường (với những trường đã thành lập hội đồng trường), Hội đồng quản trị (với các trường ngoài công lập); cán bộ, giáo viên; học sinh và cha mẹ học sinh.

Các trường THPT khác nhau sẽ có mục tiêu chất lượng khác nhau. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục cần quy định chuẩn chất lượng tối thiểu chung cho các trường THPT. Từ chuẩn chất lượng tối thiểu này, các trường THPT căn cứ vào khả năng, yêu cầu thực tiễn và mục tiêu của mình để xây dựng chuẩn chất lượng phù hợp.

1.2.2. Quản lý chất lượng

- Quản lý chất lượng

Có nhiều quan niệm khác nhau về quản lý chất lượng; dưới đây sẽ nêu một số quan niệm về quản lý chất lượng thường gặp:

Quan niệm thứ nhất: *Quản lý chất lượng là tập hợp những hoạt động của chức năng quản lý chung xác định chính sách chất lượng, mục đích, trách nhiệm và thực hiện chúng thông qua các biện pháp như: Lập kế hoạch chất lượng, điều khiển chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng trong khuôn khổ hệ thống chất lượng* (Bộ ISO 8402: 1994). Đây là quan niệm chung nhất về quản lý chất lượng và thường được các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng.

Quan niệm thứ hai: "*Quản lý chất lượng là các hoạt động có phối hợp để định hướng và kiểm soát một tổ chức về chất lượng*" (theo ISO 9000 - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia).

Quan niệm thứ ba: *Quản lý chất lượng là tất cả mọi hoạt động trong chức năng quản lý tổng quát nhằm xác định các mục tiêu của chính sách và trách nhiệm liên quan đến chất lượng; đồng thời triển khai những chính sách và trách nhiệm này bằng các phương tiện như kế hoạch chất lượng, các quy trình chất lượng, kiểm soát chất*

lượng, đánh giá chất lượng và cải thiện chất lượng, tất cả nằm trong một hệ thống chất lượng (nguồn http://www.9001quality.com/quality-management-glossary.html)

Quan niệm thứ ba về quản lý chất lượng vừa bao quát được nội dung quan điểm thứ nhất, đặc biệt xem các hoạt động, các phương tiện, quy trình chất lượng … *nằm trong một hệ thống chất lượng*. Trong đó: Mục tiêu của chính sách chất lượng: nâng cao mức độ thỏa mãn, hài lòng của các đối tượng quan tâm đến chất lượng. Lập kế hoạch chất lượng: xác định mục tiêu, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng, quy trình đánh giá. Thực hiện kế hoạch chất lượng: thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu. Đánh giá chất lượng: đánh giá xem những cái đã làm có đạt chuẩn chất lượng và các mục tiêu đã đưa ra hay chưa trên cơ sở sử dụng các quy trình đánh giá. Luận án vận dụng quan niệm thứ ba về quản lý chất lượng vào việc hình thành khái niệm quản lý chất lượng trường THPT.

- Quản lý chất lượng trường THPT

Từ cách tiếp cận khái niệm chất lượng, chất lượng giáo dục và quản lý chất lượng như đã nêu thì khái niệm quản lý chất lượng trường THPT được hiểu như sau: *Quản lý chất lượng trường THPT là tất cả các hoạt động quản lý trong nhà trường nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách chất lượng, trách nhiệm của các đối tượng có liên quan đến chất lượng; tổ chức triển khai thực hiện những chính sách và trách nhiệm này.*

Mục tiêu của chính sách chất lượng là nâng cao mức độ thỏa mãn, hài lòng của các đối tượng quan tâm đến chất lượng nhà trường trên cơ sở chi phí hợp lý và tối ưu.

Nhiệm vụ của quản lý chất lượng bao gồm: lập kế hoạch chất lượng; thực hiện kế hoạch chất lượng; đánh giá chất lượng và cải thiện chất lượng. Cụ thể: *Lập kế hoạch chất lượng: xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng nhà trường (bộ môn) cần đạt được, xây dựng quy trình chất lượng, quy trình đánh giá chất lượng nhà trường (bộ môn); Thực hiện kế hoạch chất lượng là thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng nhà trường (bộ môn) đã đề ra; Đánh giá chất lượng là đánh giá việc thực hiện các quy trình chất lượng, đánh giá kết quả đạt được có đạt chuẩn chất lượng và các mục tiêu chất lượng đã đề ra hay chưa trên cơ sở sử dụng các quy trình đánh giá; Cải thiện chất lượng là việc nâng cao mức độ đáp ứng, mức độ phù hợp so với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng .*

Trách nhiệm các đối tượng trong trường có liên quan đến chất lượng phải kể đến trước hết là cán bộ quản lý, người dậy và người học nhằm tạo ra các *"sản phẩm, dịch vụ"* giáo dục đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng đề ra.

1.2.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các cấp độ quản lý chất lượng trong trường trung học phổ thông

1.2.3.1. Các thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng trong trường trung học phổ thông

Theo Phạm Thành Nghị thì hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục nói chung gồm có ba thành tố chính: (a) Quản lý chất lượng bên trong; (b) Tự đánh giá (đánh giá trong) và (c) Kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) [45, tr91]. Vận dụng quan điểm trên và với cách đưa ra các khái niệm chất lượng, chất lượng giáo dục, quản lý chất lượng, quản lý chất lượng trường THPT như đã nêu thì các thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng trong trường THPT trong luận án này gồm ba thành tố chính là: Quản lý chất lượng bên trong (lập kế hoạch chất lượng và thực hiện kế hoạch chất lượng); Tự đánh giá (đánh giá trong) và Kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài). Do đó, trước khi tiến hành hoạt động tự đánh giá thì các trường THPT nhất thiết phải thực hiện tốt việc quản lý chất lượng bên trong với hai nội dung là lập kế hoạch chất lượng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng.

1.2.3.2. Các cấp độ quản lý chất lượng trong trường trung học phổ thông

Theo Sallis [88] và một số nhà khoa học khác thì quản lý chất lượng có ba cấp độ Kiểm soát chất lượng (Quality Control), Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance) và Quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management). Dựa trên quan niệm của Sallis và của một số tác giả thì các cấp độ quản lý chất lượng trong trường THPT được hiểu như sau:

- Cấp độ kiểm soát chất lượng

Kiểm soát chất lượng là cấp độ xuất hiện trước tiên, lâu đời nhất trong các cấp độ quản lý chất lượng. Nhiệm vụ của *Kiểm soát chất lượng* là nhằm *phát hiện* sai sót và *loại bỏ* các sản phẩm kém chất lượng sau khi quá trình sản xuất đã diễn ra. Trong sản xuất, cũng như trong giáo dục việc kiểm soát chất lượng được thực hiện bởi những nhà chuyên môn, quản lý hoặc của thanh tra từ bên ngoài. Đối với giáo dục, hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện bởi bên trong hay bên ngoài cơ sở giáo dục nhằm xác định các sản phẩm của giáo dục có đạt các chuẩn chất lượng đặt ra hay không

đóng vai trò nòng cốt của quản lý chất lượng ở cấp độ này. Ở cấp độ kiểm soát chất lượng, các chuẩn chất lượng được xác định từ các cấp quản lý cao hơn, sau đó đưa xuống cấp dưới thực hiện. Cấp trên đóng vai trò thanh tra và kiểm soát việc thực hiện của cấp dưới. Hạn chế của kiểm soát chất lượng là quá trình kiểm soát chất lượng diễn ra sau quá trình sản xuất, đào tạo nên hậu quả là nhiều sản phẩm bị loại bỏ, gây lãng phí và không khắc phục, sửa chữa được những sai sót trong quá trình tạo ra sản phẩm. Cấp độ quản lý chất lượng này phù hợp với việc quản lý tập trung với vai trò quyết định thuộc về những người điều hành cấp trên.

Đối với trường THPT, kiểm soát chất lượng tập trung vào việc phát hiện những "*sản phẩm*" cuối cùng của quá trình giáo dục trong trường THPT không đạt các chuẩn mực theo quy định hiện hành, "*Sản phẩm*" được nhắc tới ở đây chính là người học (học sinh). Việc kiểm soát chất lượng giáo dục phổ thông được thực hiện chủ yếu thông qua việc đánh giá, cho điểm học sinh thường xuyên trong các kì học được thực hiện bởi giáo viên hoặc thông các hoạt động thanh tra, kiểm tra định kì hay đột xuất. Việc kiểm tra định kì thường tập trung chủ yếu ở cuối các kì học, cuối năm học và kì thi tốt nghiệp THPT. Các chuẩn mực chất lượng được sử dụng làm thước đo đánh giá do cấp trên đề ra. Ví dụ: Nhà trường ra đề kiểm tra chung cho một số môn học; sở GD&ĐT đề ra chuẩn đánh giá, chuẩn chất lượng cho các hoạt động thanh tra, kiểm tra cuối năm đối với các trường THPT; Bộ GD&ĐT đề ra chuẩn đánh giá đối với kì thi tốt nghiệp THPT... Tồn tại của hình thức kiểm soát chất lượng này là chỉ tập trung loại bỏ các "*sản phẩm*" không đạt chuẩn mực đề ra, ít có tác dụng trong việc giúp các nhà trường cải thiện, nâng cao chất lượng của mình.

Ở cấp độ kiểm soát chất lượng, ba thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng trường THPT như quản lý bên trong; tự đánh giá (đánh giá trong) và kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) không có sự phân định một cách rõ ràng, nhất là giữa quản lý bên trong với tự đánh giá.

- Cấp độ đảm bảo chất lượng

Đảm bảo chất lượng là cấp độ quản lý chất lượng tiếp theo của kiểm soát chất lượng. Khác với kiểm soát chất lượng chỉ tập trung phát hiện, loại bỏ các sản phẩm kém chất lượng so với quy định thì *đảm bảo chất lượng* có trọng tâm là *phòng ngừa* sự xuất hiện những sai sót bằng các quy trình và cơ chế nhất định được xác định trước và trong quá trình sản xuất. Để thực hiện quản lý chất lượng ở cấp độ này, trước tiên phải thiết kế các chuẩn mực chất lượng và quy trình chất lượng để đưa vào quá trình sản

xuất nhằm đảm bảo sản phẩm đầu ra đạt được những chuẩn mực chất lượng đã định trước. Trong sản xuất hay trong giáo dục *đảm bảo chất lượng* được sử dụng như là phương tiện nhằm phòng ngừa các sản phẩm có sai sót kỹ thuật ngay chính trong quá trình sản xuất, giáo dục bằng các quy trình chủ động. Vì vậy, trách nhiệm về chất lượng thuộc về cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục hơn là thanh tra bên ngoài. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ lúc đó được tạo nên bởi một hệ thống các quy trình, cơ chế xây dựng chuẩn mực, thực thi và đánh giá quá trình đạt chuẩn. Hệ thống này được gọi là hệ thống đảm bảo chất lượng. Hệ thống này sẽ chỉ ra một cách cụ thể quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ sẽ phải tiến hành như thế nào, với những chuẩn mực chất lượng nào. Ở cấp độ đảm bảo chất lượng, sự phối hợp giữa người quản lý và người thực hiện, giữa cấp trên và cấp dưới là rất chặt chẽ. Mặt khác cấp độ quản lý chất lượng này phù hợp với quá trình quản lý phi tập trung trong thời kỳ chuyển đổi.

Đối với trường THPT, đảm bảo chất lượng được định hình như sau: Căn cứ vào mục tiêu, các chuẩn mực chất lượng được cấp có thẩm quyền quy định đối với từng cấp học, đảm bảo chất lượng là một hệ thống các quy trình, các cơ chế tác động vào quá trình giáo dục ở nhà trường nhằm phòng ngừa sự xuất hiện các "*sản phẩm*" giáo dục chất lượng thấp. Các tác động này diễn ra ngay từ khi quá trình giáo dục bắt đầu và sự tác động này tiếp tục diễn ra cho tới khi các "*sản phẩm*" giáo dục được "*ra lò*". Như vậy, có thể thấy đảm bảo chất lượng được tiến hành trước và trong quá trình giáo dục ở trường THPT. Tuy nhiên, với đặc điểm về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế, xã hội của các vùng, miền khác nhau, ngoài chuẩn chất lượng tối thiểu, chung cho các trường THPT, tùy tình hình thực tiễn các trường THPT cần bổ sung thêm một số nội dung mới vào chuẩn hoặc ở mức cao hơn chuẩn chất lượng tối thiểu để nhà trường có mục tiêu phấn đấu. Đảm bảo chất lượng ở trường THPT được tiến hành không chỉ bởi các nhà thanh tra giáo dục mà nó đòi hỏi tinh thần trách nhiệm và sự vào cuộc của tất cả các đối tượng có tham gia, có liên đới tới quá trình giáo dục, từ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, các cá nhân, tổ chức đoàn thể chính trị trong nhà trường, tới các bậc cha mẹ học sinh và rộng ra là toàn thể xã hội. Để ngăn ngừa các "*sản phẩm*" giáo dục chất lượng thấp thì quá trình tác động của hệ thống đảm bảo chất lượng cần diễn ra mọi nơi, mọi lúc, mọi thời điểm trong suốt quá trình giáo dục. Nhà trường với chức năng, nhiệm vụ của mình đã được quy định trong Luật giáo dục hoặc các văn bản dưới luật phải đóng vai trò chủ đạo, nòng cốt trong việc đảm bảo chất lượng.

Ở cấp độ đảm bảo chất lượng, ba thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng trường THPT như quản lý bên trong; tự đánh giá (đánh giá trong) và kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) có sự phân định một cách rõ ràng; trong đó, quản lý bên trong và tự đánh giá giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục.

- Cấp độ quản lý chất lượng tổng thể

Quản lý chất lượng tổng thể (TQM) là cấp độ quản lý chất lượng cao nhất, nó là sự kế thừa, tiếp tục và phát triển đảm bảo chất lượng lên một tầm cao mới. *Quản lý chất lượng tổng thể* nhằm vào việc *cải thiện liên tục* chất lượng, lấy việc thay đổi hệ thống giá trị và văn hóa của tổ chức làm trọng tâm. Ở cấp độ quản lý chất lượng này, chất lượng liên tục được cải thiện nhằm hướng tới việc làm hài lòng tất cả các khách hàng, khách hàng là tối thượng, mọi mong muốn của khách hàng đều được đáp ứng ở mức độ cao nhất theo cách mà họ muốn. Quản lý chất lượng tổng thể còn là quá trình nghiên cứu những kỳ vọng và mong muốn của khách hàng, thiết kế sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu, mục đích sử dụng của khách hàng, thậm chí khi nhu cầu còn chưa định hình. Ý thức của khách hàng có thể thay đổi, do vậy, tổ chức cũng tìm cách duy trì quan hệ gần gũi với khách hàng để có thể đáp ứng sở thích và nhu cầu của họ, hay nói cách khác là đáp ứng sự phù hợp của sản phẩm với mục đích tiêu dùng của khách hàng ở mọi lúc có thể. Quản lý chất lượng tổng thể chỉ phù hợp với những tổ chức phát triển, có cấu trúc phi tập trung và các cơ chế điều hành mềm dẻo, phù hợp với hệ thống, nơi mà các cơ sở giáo dục được giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình rất cao với khách hàng, với các cơ quan tài trợ và toàn xã hội.

Đối với trường THPT, quản lý chất lượng tổng thể đáp ứng đầy đủ các mục tiêu, các chuẩn mực được cấp có thẩm quyền quy định đối với cấp học. Không dừng lại đó, hệ thống quản lý chất lượng tổng thể còn nghiên cứu các kì vọng, mong muốn của khách hàng, từ đó xác định các mục ti êu, các chuẩn mực cao hơn so với quy định để thiết kế các "sản phẩm", dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng *(khách hàng ở đây là: Nhà nước, xã hội, học sinh, cha mẹ học sinh, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường dạy nghề...)*. Với những yêu cầu cao được đặt ra đối với cấp độ quản lý chất lượng tổng thể, ta thấy chỉ có một số không nhiều các cơ sở giáo dục có điều kiện thực hiện quản lý chất lượng ở cấp độ này.

Kiểm định chất lượng không tồn tại khi trường THPT thực hiện quản lý chất lượng tổng thể.

- Mối quan hệ giữa các cấp độ của quản lý chất lượng :

Theo Sallis [88] ba cấp độ quản lý chất lượng này được đặt trong mối quan hệ tiến hóa theo sơ đồ sau:

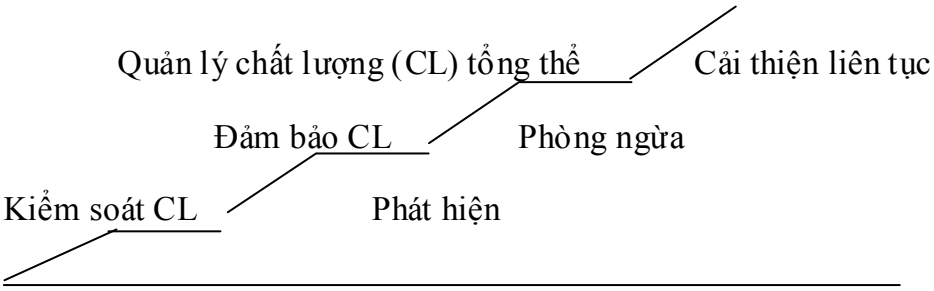

Sơ đồ S1: Các cấp độ quản lý chất lượng

Theo Phạm Thành Nghị [45] thì mối quan hệ giữa kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể là rất mềm dẻo, linh hoạt. Nếu đảm bảo chất lượng là sự mở rộng phạm vi quản lý chất lượng cho tất cả những người thực thi thì quản lý chất lượng tổng thể là sự tiếp tục của đảm bảo chất lượng theo chiều sâu. Dù việc quản lý chất lượng đang được áp dụng ở cấp độ đảm bảo chất lượng hay quản lý chất lượng tổng thể thì kiểm soát chất lượng không hoàn toàn biến mất, nó vẫn có mặt ở nhiều khâu, nhiều công đoạn trong môi trường đảm bảo chất lượng. Khi đó chức năng kiểm soát chất lượng có thể được đẩy xuống các cấp quản lý thấp hơn và hầu hết các trường hợp này đều nằm trong tay người sản xuất, thực hiện. Ví dụ: nếu nhà trường đang áp dụng cấp độ đảm bảo chất lượng vào quản lý chất lượng thì việc kiểm soát chất lượng có thể đang được các tổ, nhóm, bộ môn trong trường sử dụng. Đảm bảo chất lượng trong giáo dục chỉ có thể được sử dụng trong môi trường tổ chức - nơi mà mô hình đồng nghiệp, mô hình văn hóa được sử dụng rộng rãi và mô hình hành chính chỉ còn vai trò mờ nhạt.

Như vậy, có thể thấy cả ba cấp độ: kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể đều đang có mặt trong quản lý chất lượng giáo dục ở các nước. Cả ba cấp độ quản lý chất lượng trên đây đều nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ được các cơ sở giáo dục cung cấp có chất lượng theo những chuẩn mực nhất định. Tuy nhiên, xét về bản chất, chúng được tiến hành theo những quy trình khác nhau và tác dụng của các quy trình đó đối với việc duy trì chất lượng cũng rất khác nhau. Kiểm soát chất lượng không hướng tới nâng cao chất lượng mà chỉ duy trì chất lượng theo các chuẩn mực đã được định sẵn từ bên ngoài. Trong kiểm soát chất lượng, vai trò của các hoạt động thanh tra, kiểm tra là rõ nét, được phát huy tối đa, vai trò của người

giảng dạy là mờ nhạt. Khác với kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng vừa làm cho sản phẩm của giáo dục ra đời ổn định về chất lượng vừa tạo ra động lực để cải thiện chất lượng thông qua cơ chế chịu trách nhiệm giữa nhà trường với người sử dụng dịch vụ, nhà tài trợ và người sử dụng lao động. Nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên phối hợp hài hòa để tăng trách nhiệm của đội ngũ trực tiếp giảng dạy. Quản lý chất lượng tổng thể là cấp độ quản lý chất lượng cao nhất, hướng tới việc thường xuyên nâng cao chất lượng, mỗi người trong tổ chức, từ giáo chức đến người phục vụ, từ người quản lý tới cán bộ nhân viên đều thấm nhuần các giá trị văn hóa chất lượng. Ở đây vai trò của người giảng dạy rất lớn, được tạo điều kiện tối đa.

Đứng trước những thời cơ, thách thức đặt đối với các trường THPT trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, để tồn tại, phát triển bền vững thì các trường THPT cần áp dụng cấp độ đảm bảo chất lượng vào quản lý chất lượng nhà trường THPT. Đây là một xu thế phổ biến, phù hợp, tất yếu đối với các trường THPT.

1.3. Tự đánh giá và tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông

1.3.1. Khái niệm tự đánh giá

- Tự đánh giá thường được hiểu *là quá trình mà theo đó cơ sở giáo dục xem xét trên tinh thần phê phán, kết quả hoạt động để tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục được cung cấp [45, tr137]*. Tuy nhiên, căn cứ vào mục đích đánh giá đã có nhiều cách đưa ra khái niệm tự đánh giá khác nhau. Về mục đích, tự đánh giá có thể chỉ nhằm phục vụ công tác kiểm định chất lượng hoặc tự đánh giá có thể là một mắt xích của quá trình đảm bảo chất lượng.

Nếu tự đánh giá chỉ nhằm phục vụ kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) là chính thì tự đánh giá được xác định là "*sự mô tả, phân tích, được cán bộ trong cơ sở giáo dục tiến hành trước khi có sự đánh giá ngoài về những điều kiện, mục tiêu, quá trình và kết quả đã đạt được; chủ yếu để chuẩn bị một báo cáo cho đoàn kiểm toán hay đoàn đánh giá đồng nghiệp*" (Kells, 1995: 28) [45, tr137].

Nếu tự đánh giá hướng tới mục tiêu là một mắt xích của quá trình đảm bảo chất lượng thì nó phải được tiến hành theo mục đích rộng hơn. Với mục đích đánh giá này thì *Tự đánh giá sẽ được coi là một bước tiến tới đổi mới các hoạt động của cơ sở giáo dục bằng việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phục vụ của từng đơn vị và toàn bộ tổ chức. Lúc đó, xây dựng một báo cáo cho đoàn kiểm định*

hay đánh giá đồng nghiệp sẽ chỉ còn là mục tiêu số hai (mục tiêu thứ yếu) [45, tr137].

- Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT

Theo Bộ GD&ĐT: *"Tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên* là hoạt động tự xem xét, kiểm tra, đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành*"* [9]. Khái niệm tự đánh giá như đã nêu chưa thực sự phù hợp với thực tế. Đó là, nếu chỉ dựa vào tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ đề ra thì rất nhiều trường THPT đã đạt và vượt qua chuẩn. Khi đó, nếu không nâng chuẩn lên mức độ cao hơn thì việc tự đánh giá ở các trường THPT kể trên không có nhiều ý nghĩa, không có tác dụng giúp trường THPT nâng cao chất lượng của mình.

Bằng cách tiếp cận quan điểm tự đánh giá để nâng cao chất lượng và đề cao sự chủ động của nhà trường trong quản lý chất lượng, đề cao các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường dù họ là nhà đầu tư hay khách hàng thì *Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT* trong luận án này được hiểu như sau: *Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT* là hoạt động tự kiểm tra, xem xét việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng của nhà trường có đáp ứng chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT và nhà trường đề ra, đáp ứng sự mong đợi của các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường. Các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường, như đã đề cập ở trên gồm các đối tượng bên ngoài và các đối tượng bên trong nhà trường. Trong đó cần nhấn mạnh thêm: Chính phủ (Nhà nước), chính quyền các cấp (tỉnh, thành phố trực thuộc) có vai trò kép, vừa là nhà đầu tư, vừa là khách hàng. Các nhà trường cần chủ động trong công tác quản lý chất lượng nhất là thực hiện tốt việc quản lý chất lượng bên trong để chất lượng đạt được đáp ứng mặt bằng chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đề ra và đáp ứng sự kì vọng về chất lượng của các đối tượng quan tâm đến chất lượng nhà trường. Thực tế cho thấy, mong muốn của các đối tượng quan tâm thường luôn cao hơn so với chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đưa ra. Như vậy, để tiến hành tự đánh giá chất lượng theo cách hiểu khái niệm tự đánh giá chất lượng trường THPT mà luận án đưa ra thì các trường THPT cần xây dựng chuẩn của riêng mình dựa trên chuẩn của Bộ (khi đó chuẩn của Bộ đóng vai trò là chuẩn tối thiểu)

Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT dù là tự đánh giá trong khuôn khổ đảm bảo chất lượng *(tự đánh giá là một trong ba thành tố của đảm bảo chất lượng)* hay tự

đánh giá trong khuôn khổ kiểm định chất lượng thì bản thân nó đều hướng tới việc nâng cao chất lượng nhà trường. Tuy nhiên, tự đánh giá chỉ thực sự góp phần nâng cao chất lượng nếu đó là tự đánh giá nằm trong khuôn khổ của đảm bảo chất lượng, còn tự đánh giá nằm trong khuôn khổ của kiểm định chất lượng chỉ góp phần xác định chất lượng, không giúp nhiều cho việc nâng cao chất lượng nhà trường.

1.3.2. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông

Như đã trình bày ở trên, quản lý chất lượng ở trường THPT có ba cấp độ kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể (TQM). Tuy nhiên, tự đánh giá thực chất chỉ tồn tại một cách đúng nghĩa ở cấp độ đảm bảo chất lượng. Ở cấp độ kiểm soát chất lượng, không có hoạt động tự đánh giá đáp ứng kiểm định chất lượng nhưng vẫn lẻ tẻ diễn ra hoạt động tự đánh giá từng mặt theo sự chỉ đạo và yêu cầu từ cấp trên, từ bên ngoài, kết quả tự đánh giá đó được sử dụng để báo cáo cấp trên hoặc đón các đoàn thanh tra, kiểm tra. Ví dụ: giáo viên đánh giá kết quả làm bài kiểm tra của học sinh sau mỗi bài kiểm tra 1 tiết theo phân phối chương trình do Bộ GD&ĐT quy định… Hoạt động tự đánh giá như đã nêu chỉ phản ánh hiện trạng chất lượng của nhà trường, môn học; không tạo ra động lực thực hiện cho mọi người trong nhà trường. Bản thân người thực hiện ít phải chịu trách nhiệm xã hội về việc làm của họ. Ở cấp độ quản lý chất lượng tổng thể (TQM), tự đánh giá được phân cấp đến cấp quản lý thấp nhất của cơ sở giáo dục, hoạt động tự đánh giá diễn ra liên tục, thường xuyên và trở thành văn hóa chất lượng của nhà trường. Cũng ở cấp độ quản lý chất lượng này, chuẩn và quy trình chất lượng chủ yếu là do nhà trường đề ra.

Hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục gồm có ba thành tố: quản lý chất lượng bên trong, tự đánh giá và kiểm định chất lượng. Như vậy tự đánh giá mà luận án đề cập đến là một khâu trong ba khâu của hệ thống đảm bảo chất lượng. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng được xem là phù hợp với điều kiện của các trường THPT ở nước ta hiện nay và các trường cần hướng tới thực hiện. Bởi vậy, cần thiết phải chỉ ra các dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đức Chính, Phạm Thành Nghị, Phạm Xuân Thanh và một số tác giả nước ngoài khác, luận án tổng hợp *Dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT* (xem bảng 1.1).

Bảng 1.1. Dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT

Tên dấu hiệu/ đặc điểm	**Mô tả dấu hiệu/ đặc điểm**
Mục đích tự đánh giá	Tự đánh giá để có cơ sở điều chỉnh việc quản lý bên trong, vừa để chuẩn bị đón đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng)
Vị trí của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng	Với việc gộp hai bước lập kế hoạch chất lượng và thực hiện kế hoạch chất lượng thành một bước quản lý chất lượng bên trong thì tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở vị trí thứ hai trong ba bước *Quản lý chất lượng bên trong; Tự đánh giá; Kiểm định chất lượng* của hệ thống đảm bảo chất lượng.
Vai trò của tự đánh giá	Tự đánh giá có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo, nâng cao chất lượng. Cụ thể: Nhà trường thông qua hoạt động tự đánh giá để: - Rà soát toàn bộ các hoạt động quản lý chất lượng . - Hoàn thiện, cải tiến quy trình chất lượng.
Động lực tự đánh giá	Việc tự đánh giá được thực hiện từ lợi ích, nhu cầu đảm bảo chất lượng của nhà trường nên động lực tự đánh giá của nhà trường và của các thành viên trong nhà trường rất lớn.
Nguyên tắc tự đánh giá (Việc tự đánh giá cần đảm bảo):	- Tính pháp lí. - Theo chuẩn, quy trình đã xây dựng. - Đánh giá là nhiệm vụ của cơ sở giáo dục và các cấp quản lý giáo dục. - Nhận được sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên - Phục vụ lợi ích nâng cao chất lượng - Phục vụ lợi ích kiểm định chất lượng.
Nguồn lực tự đánh giá	Tự đánh giá được thực hiện dựa vào nguồn lực nhà trường, kết hợp với huy động nguồn lực xã hội.
Các cấp độ tự đánh giá	Tự đánh giá diễn ra ở hai cấp, cấp nhà trường và cấp bộ môn

Các lĩnh vực *(Nội dung)* tự đánh giá	Các lĩnh vực *(Nội dung)* tự đánh giá do nhà trường đề ra xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, kết hợp yêu cầu của kiểm định chất lượng.
Chuẩn chất lượng, chuẩn đánh giá *(gọi tắt là Chuẩn)*	Nhà trường đề ra chuẩn dựa trên cơ sở chuẩn do Bộ GD&ĐT đề ra.
Tiêu chí tự đánh giá	Do nhà trường đề ra trên cơ sở dựa vào tiêu chí của kiểm định chất lượng, có bổ sung.
Quy trình chất lượng, quy trình tự đánh giá *(Gọi tắt là Quy trình)*	Quy trình do nhà trường đề ra bám sát vào hướng dẫn của Bộ và Sở GD&ĐT.
Tổ chức triển khai thực hiện	Thực hiện theo kế hoạch của Bộ, sở GD&ĐT nhưng chủ yếu là thực hiện theo chu kì tự đánh giá do nhà trường đề ra
Chỉ đạo thực hiện tự đánh giá (chủ thể tự đánh giá)	Nhà trường chỉ đạo thực hiện tự đánh giá, chủ thể có thể là nhà trường, là tổ (nhóm) trưởng, là cá nhân cán bộ, giáo viên
Kiểm tra, điều chỉnh tự đánh giá	Cơ quan quản lý cấp trên và nhà trường phối hợp nhưng nhà trường đóng vai trò quan trọng hơn.
Quyền tự chủ đối với tự đánh giá	Nhà trường có nhiều quyền tự chủ.
Trách nhiệm xã hội về hoạt động tự đánh giá	Trách nhiệm xã hội của nhà trường cao.
Kết quả lớn nhất đạt được sau khi tự đánh giá	Chất lượng nhà trường được xác định, cải thiện, nâng lên đáp ứng yêu cầu của xã hội nhờ thực hiện các biện pháp đề xuất.

Ở cấp độ đảm bảo chất lượng, hoạt động tự đánh giá được các nhà trường, tập thể, cá nhân quan tâm, trước tiên là vì tự đánh giá xuất phát từ lợi ích của chính bản thân họ. Sự quan tâm đó được thể hiện qua việc tự đánh giá được đưa vào kế hoạch chiến lược. Trong cấp độ đảm bảo chất lượng, nhà trường có nhiều quyền tự chủ trong tự đánh giá. Quyền tự chủ nói trên được thể hiện ở chỗ nhà trường có quyền đề ra những chuẩn chất lượng cho riêng mình trên cơ sở chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT quy định. Tương tự, nhà trường có thể đề ra một số nội dung, phương pháp, quy trình, kế hoạch tự đánh giá bên cạnh nội dung, phương pháp, quy trình, kế hoạch tự đánh giá

do cơ quan quản lý cấp trên đưa xuống. Tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng có mối quan hệ chặt chẽ với quản lý chất lượng bên trong và với kiểm định chất lượng.

Vai trò quan trọng của tự đánh giá đối với việc đảm bảo chất lượng trong nhà trường được thể hiện dưới hai góc độ sau: *Thứ nhất*, thông qua tự đánh giá, nhà trường xác định được các điểm đã đạt, chưa đạt được của nhà trường so với chuẩn chất lượng. Nếu chưa đạt nhà trường sẽ xem xét lại quy trình chất lượng hoặc xem lại chuẩn chất lượng. Việc làm này đã thực sự tác động tích cực đến chất lượng nhà trường. *Thứ hai,* trên cơ sở kết quả tự đánh giá của nhà trường đoàn đánh giá đồng nghiệp (peer review) tiến hành đánh giá và xây dựng báo cáo cho việc kiểm định chất lượng nhà trường. Kết quả kiểm định chất lượng, một mặt tiếp tục chỉ ra những mặt mạnh, mặt hạn chế, những cơ hội, thách thức đối với nhà trường để nhà trường có những biện pháp quản lý chất lượng bên trong hiệu quả hơn. Mặt khác chất lượng nhà trường nếu được đoàn đánh giá đồng nghiệp công nhận sau khi kiểm định sẽ là cơ sở để nhà trường tiếp tục quảng bá, phát triển thương hiệu của mình đối với xã hội.

1.3.3. Các điều kiện để thực hiện tự đánh giá ở trường trung học phổ thông trong đảm bảo chất lượng

Như đã phân tích ở trên, cấp độ kiểm soát chất lượng hiện tại không còn phù hợp với thực tiễn phát triển và quản lý giáo dục THPT ở nước ta, cấp độ quản lý chất lượng tổng thể lại quá cao so với năng lực của đa số các trường THPT nên xu thế thực hiện việc quản lý chất lượng theo cấp độ đảm bảo chất lượng là phù hợp nhất với điều kiện các trường THPT ở nước ta. Để triển khai được tự đánh giá ở trường THPT theo hướng đảm bảo chất lượng cần tập trung thực hiện hai nội dung cơ bản: Xây dựng *điều kiện để tự đánh giá* và *tổ chức tự đánh giá trường THPT trong đảm bảo chất lượng*.

Điều kiện để tự đánh giá trường THPT trong đảm bảo chất lượng bao gồm điều kiện chung và điều kiện tiên quyết.

Điều kiện chung

Điều kiện chung thứ nhất: hoạt động tự đánh giá của các trường THPT được đảm bảo về mặt pháp lí. Điều kiện chung thứ hai: trường THPT phải có quyền tự chủ và phải chịu trách nhiệm xã hội về hoạt động tự đánh giá của mình.

- Về quyền tự chủ: Gerry McNamara, Joe O'Hara[79] đã trích dẫn ý kiến của Kells và Nevo…để làm nổi bật quyền tự chủ, trách nhiệm xã hội của trường trung học trong việc tổ chức tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng. Cụ thể: Theo Kells thì tự

đánh giá là một chức năng quan trọng của nội bộ tổ chức, là một phần không thể thiếu của quá trình đánh giá chất lượng. Còn Nevo (2002) cho rằng phần lớn các nước châu Âu quan niệm đánh giá nội bộ là cách đánh giá tốt nhất…

Trường THPT cần có quyền tự chủ trong tự đánh giá trên các lĩnh vực: tự chủ đưa ra tuyên bố sứ mệnh; tự chủ một phần trong việc: xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng, quy trình tự đánh giá; xác định lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá hay lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng cho nhà trường dựa trên những quy định đã có của Bộ GD&ĐT; tự chủ trong: lãnh đạo và điều hành hoạt động tự đánh giá, tạo nguồn tài chính để tổ chức tự đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động tự đánh giá…Các cơ quan quản lý cấp trên và bên ngoài chủ yếu thực hiện vai trò hỗ trợ, giám sát.

- Về trách nhiệm xã hội: Trần Khánh Đức [26] nhấn mạnh rằng tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở và điều kiện thuận lợi cho đánh giá ngoài mà nó còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trước cơ quan quản lý cấp trên, trước xã hội về toàn bộ các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao, phù hợp với tôn chỉ, sứ mệnh của nhà trường.

Đối với trường THPT, trách nhiệm xã hội không nên hiểu một cách đơn giản là nhà trường làm thì nhà trường chịu trách nhiệm, mà cần thông qua cơ chế công khai hay thông qua sự giải trình của nhà trường trước các đối tượng quan tâm tới chất lượng, nhà trường chứng tỏ được năng lực chịu trách nhiệm của mình trước xã hội.

Để khẳng định trách nhiệm xã hội của mình trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá, trường THPT cần văn bản hóa, công khai hóa tuyên bố sứ mệnh, mục tiêu chất lượng, các chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng. Công khai lĩnh vực (nội dung), quy trình và kết quả tự đánh giá… trước xã hội. Để thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, nhà trường cần quan tâm đến dư luận, thông tin phản hồi từ xã hội về hoạt động tự đánh giá. Dư luận xã hội là một kênh thông tin khá tin cậy phản ánh mức độ đạt được của nhà trường trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội đối với hoạt động tự đánh giá.

Một số vấn đề cần công khai hóa và đối tượng được tiếp cận thông tin, đó là:

(1) Tuyên bố sứ mệnh, mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng, các điều kiện đảm bảo chất lượng được thông báo công khai, đầy đủ cho các cơ quan quản lý, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội. (2) Lĩnh vực tự đánh giá, phương pháp thu thập minh chứng, diễn biến quá trình tự đánh giá, kết quả tự đánh giá được thông tin kịp thời tới các thành viên trong nhà trường và các đối tượng quan

tâm, các bên có liên quan đến chất lượng nhà trường để họ cùng tham gia giám sát hoặc đóng vai trò tư vấn cho nhà trường. (3) Nhà trường công khai về tính hiệu quả, tính kinh tế của việc huy động, sử dụng các nguồn lực từ Nhà nước, từ xã hội so với kế hoạch mà nhà trường đề ra, đạt được khi tiến hành tự đánh giá.

- Mối quan hệ giữa quyền tự chủ với trách nhiệm xã hội trong tự đánh giá theo hướng đảm bảo chất lượng:

Phạm Thành Nghị [45, tr 84-85] đã đề cập tới mối quan hệ giữa quyền tự chủ với trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục trong đảm bảo chất lượng. Theo đó, việc trao thêm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các cơ sở giáo dục đã góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển từ kiểm soát chất lượng sang đảm bảo chất lượng và điều này hoàn toàn phù hợp với sự thay đổi của xã hội khi chuyển quản lý giáo dục từ tập trung, bao cấp sang phân cấp, kinh tế thị trường. Tuy nhiên, cần phải tạo ra mối quan hệ chặt chẽ và hài hòa giữa quyền tự chủ với trách nhiệm xã hội khi tổ chức tự đánh giá trong trường THPT. Nếu trường THPT có quá nhiều quyền tự chủ mà không yêu cầu thực hiện trách nhiệm xã hội thì sẽ dẫn tới tình trạng nhà trường lạm quyền, chạy theo lợi ích trước mắt, tập trung vào các mục tiêu ngắn hạn mà bỏ qua mục tiêu dài hạn. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội còn đảm bảo trước xã hội về độ tin cậy của kết quả tự đánh giá. Ngược lại nếu tập trung vào thực hiện trách nhiệm xã hội mà hạn chế quyền tự chủ sẽ trói buộc nhà trường, hạn chế động lực, tính sáng tạo của cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường.

Trường THPT có sự khác biệt so với các cơ sở giáo dục đại học về năng lực quản lý, về khả năng sáng tạo tri thức mới, về thực hiện chức năng giáo dục, nghiên cứu khoa học. Do vậy, việc trao quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho trường THPT cần được thực hiện theo một lộ trình nhất định và được kiểm soát chặt chẽ. Dù vậy, trong điều kiện hệ thống KT, XH đã chuyển từ cơ chế bao cấp sang thị trường, nếu vẫn thực hiện quản lý chất lượng theo các chuẩn mực và quy trình áp đặt cứng nhắc bằng mệnh lệnh từ trên xuống thì quản lý chất lượng vẫn chỉ dừng ở cấp độ kiểm soát chất lượng. Điều này cho thấy, trao quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho trường THPT là một điều kiện quan trọng đảm bảo sự thành công của chuyển từ kiểm soát chất lượng sang đảm bảo chất lượng.

Điều kiện tiên quyết để tổ chức tự đánh giá

Tự đánh giá chỉ là một thành tố *(công đoạn)* trong ba thành tố *(công đoạn)* khác nhau của hệ thống đảm bảo chất lượng ở trường THPT. Do vậy, để có thể tiến hành tự

đánh giá, điều đầu tiên là cần thực hiện tốt việc quản lý chất lượng bên trong trường THPT. Phạm Thành Nghị [45, tr 141,142] đã nêu ra ba điều kiện tiên quyết cho tự đánh giá trong một cơ sở giáo dục; đó là: i) cơ sở giáo dục cần đưa ra tuyên bố sứ mệnh và tuyên bố sứ mệnh được cụ thể hóa bởi các mục tiêu và chuẩn mực cụ thể, ii) điều kiện cơ bản để duy trì chất lượng và phòng ngừa những sản phẩm chất lượng kém cần có *các quy trình đảm bảo chất lượng* và iii) Cơ sở giáo dục xác định *các chuẩn mực* phù hợp và thường xuyên *đánh giá sản phẩm* hoạt động theo các chuẩn mực này. Kế thừa quan điểm của Phạm Thành Nghị và vận dụng quan điểm đó vào giáo dục phổ thông thì tự đánh giá trong trường THPT có hai điều kiện tiên quyết. Hai điều kiện tiên quyết đó là: Nhà trường lập kế hoạch chất lượng và thường xuyên thực hiện kế hoạch chất lượng (thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng).

- ***Điều kiện tiên quyết thứ nhất:*** Nhà trường lập kế hoạch chất lượng

Kế hoạch chất lượng tập trung vào hai nội dung: ***thứ nhất,*** xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu chất lượng và chuẩn mực chất lượng cần đạt được; ***thứ hai,*** xây dựng các quy trình chất lượng.

Xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu chất lượng và chuẩn mực chất lượng: Nhà trường phải xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn mực chất lượng cần đạt được. Sứ mệnh, mục tiêu và chuẩn mực chất lượng cần được phổ biến rộng rãi đến các đối tượng tham gia vào hoạt động tự đánh giá. Nói khác đi là nhà trường phải xây dựng được kế hoạch chất lượng và kế hoạch này được cấp có thẩm quyền (sở GD&ĐT) phê duyệt. Sứ mệnh của trường THPT phải hướng tới phục vụ học sinh, cố gắng thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của học sinh. Nhu cầu của học sinh trong từng thời kì, giai đoạn có sự khác biệt và luôn thay đổi; nên sứ mệnh của trường THPT không phải là bất biến và cần được điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học. Trường học cần thích nghi với những thay đổi của môi trường bên ngoài, đáp ứng những nhu cầu chính đáng của người học của xã hội và tuyên bố sứ mệnh cũng phải phản ánh được sự thích nghi, sự đáp ứng đó. Thông thường sứ mệnh được xem xét lại theo định kỳ hoặc được cập nhật, bổ sung và phải luôn phản ánh mục tiêu nền tảng của nhà trường. Mục tiêu là sự cụ thể hóa một bước sứ mệnh của trường THPT. Các chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng sẽ phản ánh số đo cụ thể của các mục tiêu đã định. Thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm xã hội của mình và căn cứ vào điều kiện thực tiễn của nhà trường, căn cứ vào mục tiêu chung do Bộ GD&ĐT đề ra, các trường xác định mục tiêu chất lượng của mình. Ví dụ: Các trường THPT Chuyên thì mục tiêu của nhà trường sẽ

tập trung vào cung cấp hành trang kiến thức vững chắc, xây dựng phương pháp học tập, tự học, giúp học sinh hòa nhập vào các khóa đào tạo của các trường đại học danh tiếng ở Việt Nam hay trên thế giới; đào tạo các thế hệ học sinh ưu tú, tạo nguồn nhân lực sáng tạo, có khả năng nắm bắt mọi thay đổi trên thế giới và đóng góp một cách hữu ích cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Còn các trường THPT ở các vùng sâu, vùng xa, hải đảo thì mục tiêu của nhà trường sẽ tập trung vào trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học phổ thông cơ bản, đáp ứng nguồn đầu vào chủ yếu cho giáo dục nghề nghiệp hoặc thị trường lao động phổ thông. Chuẩn mực chất lượng được hiểu là mức độ đạt kết quả mong muốn theo các chỉ số đã xác định. Đối với trường THPT cần đề ra chuẩn chất lượng ở hai cấp, cấp trường và cấp môn học. *Cụ thể*: Chuẩn chất lượng cấp trường được xác định theo các chỉ số về các chức năng của nhà trường. Ví dụ: một số tiêu chí đánh giá chất lượng chung trong các lĩnh vực: tổ chức quản lý của nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên , đội ngũ học sinh, việc giảng dạy và học tập, cơ sở vật chất, tài chính, quan hệ xã hội, … Chuẩn chất lượng môn học, đó là các tuyên bố về mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ - hành vi của học sinh khi hoàn thành môn học sau mỗi năm học, thông thường là sau mỗi khóa học (3 năm học). Tính tiên quyết của nội dung này được thể hiện ở chỗ, thông thường khi trường THPT tiến hành lập kế hoạch chất lượng thì các yếu tố như tầm nhìn, hệ thống giá trị, triết lý tồn tại và phát triển được thể hiện trong tuyên bố sứ mệnh và được cụ thể hóa trong các mục tiêu và chuẩn mực cụ thể. Còn các yếu tố về nhân lực, vật lực và thiết bị… được đưa vào kế hoạch thể hiện qua các tiêu chí, được đánh giá và so sánh giữa kế hoạch lập ra và kết quả thực hiện được. Do đó, nếu không xác định được sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn mực chất lượng thì không thể thực hiện được tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

Xây dựng các quy trình chất lượng: Các quy trình chất lượng là điều kiện cơ bản để duy trì chất lượng và phòng ngừa những sản phẩm chất lượng kém. Các quy trình này có liên quan đến việc thực hiện các hoạt động, duy trì chuẩn mực, đánh giá và điều chỉnh kết hợp với các cơ chế thưởng phạt là điều kiện về mặt pháp lí giúp đạt được chuẩn chất lượng mong muốn. Trong quản lý chất lượng ở trường THPT có thể sử dụng hai loại quy trình: quy trình nâng cao chất lượng và quy trình đánh giá chất lượng. Việc thiết kế nội dung, chương trình đáp ứng mục tiêu giáo dục hiện tại do Bộ GD&ĐT đảm nhiệm xây dựng cho tất cả các trường THPT trong toàn quốc là chính. Vì vậy, các quy trình nâng cao chất lượng trường THPT chủ yếu tập trung vào tiến hành giảng dạy, quản lý các khóa học, cấp văn bằng tốt nghiệp... Nói cách khác, quy

trình nâng cao chất lượng chính là cách thức đi đến các chuẩn mực chất lượng. Những quy trình nâng cao chất lượng được xây dựng, áp dụng, đánh giá và hoàn thiện trong quá trình giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Các quy trình nâng cao chất lượng bao gồm các quy định, quy chế trong xác định mục tiêu, phát triển chương trình, giảng dạy, sơ kết, tổng kết, xem xét hoạt động của cán bộ, giáo viên, xây dựng cơ chế thi đua, khen thưởng... Các quy trình đánh giá liên quan đến việc tổ chức đánh giá trong nhà trường. Việc xem xét tính hiệu quả của các quy trình đánh giá có thể căn cứ vào các thông tin như: Việc đánh giá được tiến hành theo định kỳ hay đột xuất? Trình tự đánh giá có được xác định từ trước hay không? Việc đánh giá do một người hay một hội đồng thực hiện? Thành viên hội đồng được lựa chọn như thế nào (nếu đánh giá theo hội đồng)? Biên bản đánh giá được quy định trước hay do cá nhân, nhóm đánh giá lập ra? …

- ***Điều kiện tiên quyết thứ hai***: Nhà trường thường xuyên thực hiện kế hoạch chất lượng (thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng)

Với kế hoạch chất lượng đã được xây dựng, nhà trường cần thường xuyên thực hiện các quy trình chất lượng. Trước tiên là thực hiện các quy trình nâng cao chất lượng để nhà trường đi đúng và đi nhanh trên con đường đến với các chuẩn mực chất lượng. Tiếp theo là thực hiện các quy trình đánh giá chất lượng để đánh giá các "*sản phẩm"* của nhà trường đạt được so với các chuẩn mực đã xác định.

Các chỉ số thực hiện được xác định theo chuẩn mực được xác định phải phù hợp với các mục tiêu, triết lý và sứ mệnh của trường THPT. Các hoạt động đánh giá phải được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của nhà trường (*giảng dạy của môn học*) chứ không chỉ đợi khi sản phẩm ra đời mới đánh giá. Do vậy, hệ thống chuẩn mực sẽ bao gồm các nhóm chia theo các yếu tố đầu vào, yếu tố quá trình, yếu tố đầu ra ở mỗi công đoạn và sự tác động của yếu tố bối cảnh lên các yếu tố này, các chuẩn mực được dùng để đánh giá. Khi đó, mỗi sai sót trong hoạt động của nhà trường (hay trong giảng dạy môn học) sẽ được sớm phát hiện và điều chỉnh kịp thời trong suốt quá trình giúp tránh được sản phẩm chất lượng thấp sau khi kết thúc quá trình giáo dục, đào tạo.

1.4. Nội dung cơ bản của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông

Nếu tự đánh giá ở các trường đại học, cao đẳng được thực hiện ở nhiều cấp độ khác nhau như cấp độ nhà trường, cấp độ khoa, cấp độ bộ môn, cấp độ chương trình

đào tạo,…. thì tự đánh giá ở trường THPT ở nước ta hiện nay mới dừng ở tự đánh giá nhà trường. Trong quy định ban hành kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT đã nêu ra tiêu chuẩn đánh giá một số bộ phận (đơn vị) trong trường trung học như Văn phòng, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học… nhưng thiếu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của một trong những bộ phận (đơn vị) quan trọng nhất trong nhà trường là đánh giá chất lượng các tổ, nhóm bộ môn. Thực tế cho thấy, chất lượng bộ môn đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng chung của nhà trường. Các bộ môn có đạt chuẩn thì nhà trường mới đạt chuẩn. Do đó, để thực hiện tự đánh giá trường THPT theo cấp độ đảm bảo chất lượng cần tiến hành đồng thời việc tự đánh giá ở hai cấp độ: cấp trường (cơ sở giáo dục) và cấp bộ môn. Tự đánh giá cấp bộ môn được xem là nhánh phụ của tự đánh giá ở trường THPT nhằm 02 mục tiêu: Cung cấp thông tin, bằng chứng cho đánh giá ở cấp trường và nâng chất lượng dạy học của từng môn học.

1.4.1. Nội dung của tự đánh giá cấp trường

Dựa vào kết quả nghiên cứu của các tác giả Phạm Thành Nghị [45], Nguyễn Đức Chính và của một số nhà khoa học nước ngoài về nội dung công việc tự đánh giá cơ sở giáo dục, vận dụng vào giáo dục trung học thì tự đánh giá cấp trường gồm 6 nội dung công việc chính sau: *Lựa chọn mô hình đánh giá; Lập kế hoạch tự đánh giá: lựa chọn lĩnh vực tự đánh giá; xác định các phương pháp thu thập minh chứng; xây dựng quy trình tự đánh giá; Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; Tiến hành trình tự đánh giá; Phân tích, đánh giá và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá; Công bố kết quả tự đánh giá*

1.4.1.1. Lựa chọn mô hình đánh giá

Kells (1995) [45] đã nêu ra hai mô hình tự đánh giá phổ biến đối với một cơ sở giáo dục. Đó là, mô hình thành tố và mô hình quá trình. Nếu mô hình thành tố, tập trung xem xét bản chất, chức năng, vấn đề và cấp độ hoạt động của mỗi thành tố *(đầu vào, mục tiêu, quá trình, đầu ra, tác động của môi trường)* và mối quan hệ đầu ra với các thành tố khác của hệ thống một cách tương đối độc lập thì mô hình quá trình lại trình bày các hoạt động đánh giá theo một trật tự quá trình sau: (a) Chẩn đoán và thiết kế (lập kế hoạch cho quá trình); (b) Tổ chức nhân sự; (c) Tiến hành trình tự đánh giá; (d) Phân tích và chuẩn bị báo cáo; (e) Đón đoàn đánh giá đồng nghiệp và (f) Quyết định thay đổi. Trong hai mô hình đánh giá trên, mô hình thành tố tương đối xa lạ với

các trường THPT ở nước ta ở các khía cạnh đánh giá tác động của môi trường, xác định mối quan hệ giữa các thành tố với đầu ra của giáo dục THPT; còn mô hình quá trình là mô hình quen thuộc hơn, phù hợp với năng lực quản lý và thực tiễn các trường THPT hơn. Do đó, mô hình quá trình được luận án lựa chọn và các hoạt động chính của quá trình tự đánh giá của mô hình này gồm có 05 hoạt động: *Chẩn đoán và thiết kế (lập kế hoạch); Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; Tiến hành trình tự đánh giá; Phân tích và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá; Công bố kết quả tự đánh giá*.

1.4.1.2. Lập kế hoạch tự đánh giá

Nội dung công việc của lập kế hoạch tự đánh giá bao gồm: *Lựa chọn lĩnh vực tự đánh giá; xác định các phương pháp thu thập minh chứng; xây dựng quy trình tự đánh giá*.

Lựa chọn lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá

Việc lựa chọn các lĩnh vực (nội dung) cần phải tiến hành tự đánh giá phụ thuộc vào cách tiếp cận và quan niệm về chất lượng giáo dục. Bảng 1.2 sẽ trình bầy so sánh các lĩnh vực được lựa chọn tự đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam và theo quan điểm của Alexander Bilcik và Jozef Kadnar.

Bảng 1.2: So sánh các lĩnh vực cần phải tiến hành tự đánh giá giữa Việt Nam và các nhà khoa học nước ngoài

Theo Bộ GD&ĐT Việt Nam [9, mục 2]	**Theo Alexander Bilcik và Jozef Kadnar** (2011) [64])
- Tổ chức và quản lý nhà trường - Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh - Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học - Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội – Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	- Đánh giá dựa vào mục tiêu giáo dục đã được xác định. - Đánh giá kết quả giáo dục (kết quả hiện tại, trước mắt). - Đánh giá hiệu quả giáo dục (kết quả lâu dài của cả một quá trình giáo dục). - Đánh giá môi trường học tập, bầu "không khí" trong nhà trường. - Đánh giá nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể và cả cơ sở giáo dục.

	- Đánh giá mức độ và kết quả đạt được trong các nghiên cứu về sư phạm giáo dục (nghiên cứu khoa học). - Đánh giá các chỉ số giáo dục. - Đánh giá tài liệu học tập. - Đánh giá một cơ sở giáo dục và so sánh nó với các cơ sở giáo dục khác, nhất là so sánh giữa trường công với trường tư…

Bộ GD&ĐT, với cách tiếp cận chất lượng theo quan niệm *Chất lượng là sự phù hợp với các tiêu chuẩn, các thông số,* đã nêu ra một số nội dung cần đánh giá để xác định chất lượng của trường phổ thông. Nội dung các lĩnh vực cần đánh giá mà Bộ đề ra có phần nghiêng nhiều về đầu vào và đầu ra. Đi sâu vào các câu hỏi của những lĩnh vực được đánh giá, nhà trường chỉ cần trả lời "*có*" hoặc "*không*"; " *đủ*" hoặc "*thiếu*"; "*bảo quản tốt*"; "*lưu trữ tốt*"… là hoàn thành phần trả lời cho một mục trong nội dung, lĩnh vực cần đánh giá. Các câu trả lời như vậy không thể làm thỏa mãn những đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường. Những nội dung, lĩnh vực đánh giá mà Bộ GD&ĐT đưa ra, phần lớn là đánh giá các hệ điều kiện của nhà trường để phục vụ việc quản lý, giảng dạy của cán bộ, giáo viên và việc học tập của học sinh, chưa hướng vào quy trình đạt chuẩn chất lượng giáo dục của nhà trường. Đánh giá kết quả giáo dục đã được Bộ GD&ĐT đưa vào nội dung đánh giá trường trung học. Tuy nhiên, nội dung đánh giá kết quả giáo dục được đề cập trong chuẩn chất lượng do Bộ ban hành rất chung chung, chưa đánh giá đến kết quả cụ thể của từng môn học. Hiệu quả giáo dục đã không được Bộ đề cập tới.

Alexander Bilcik và Jozef Kadnar (2011) [64] đã chỉ ra trong trường học có rất nhiều vấn đề cần đánh giá, vấn đề nào cũng quan trọng và thiết thực, đòi hỏi cần được đánh giá. Alexander Bilcik và Jozef Kadnar đã nhấn mạnh việc đánh giá cần bám chặt vào mục tiêu giáo dục đã xác định; đánh giá không chỉ căn cứ vào kết quả hiện tại mà phải kết hợp với đánh giá hiệu quả giáo dục được thể hiện bởi kết quả lâu dài của cả một quá trình giáo dục. Một số ưu điểm nổi bật nữa của hai nhà khoa học này là quan tâm tới *nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể và cả cơ sở giáo dục; môi trường học tập, bầu "không khí" trong nhà trường và đánh giá một cơ sở giáo dục và so sánh nó với các cơ sở giáo dục khác, nhất là so sánh trường công với trường tư.*

Nhu cầu cần đánh giá rất quan trọng, nó sẽ quyết định động lực tham gia tự đánh giá của cá nhân và tập thể. Môi trường hay bầu "*không khí*" trường học sẽ quyết định tới việc gắn kết hay không gắn kết của cán bộ, giáo viên, học sinh đối với nhà trường. Việc so sánh chất lượng giữa các cơ sở giáo dục với nhau là rất cần thiết vì như vậy nhà trường đã có đối trọng để so sánh. Điều này sẽ tạo động lực cho các nhà trường liên tục cải thiện chất lượng, vươn lên để bằng và vượt các trường trong khu vực. Việc so sánh kết quả tự đánh giá giữa các trường học còn giúp cho nhà đầu tư quyết định mức độ đầu tư cho phù hợp với từng nhà trường. Tuy nhiên, thực tế chúng ta không thể tiến hành tự đánh giá song song, đồng thời tất cả các lĩnh vực (nội dung) như hai nhà khoa học đã nêu. Do đó, một bài toán được đặt ra là phải sắp xếp các lĩnh vực (nội dung) cần được đánh giá theo một trình tự như thế nào để hiệu quả đánh giá là cao nhất.

Việc so sánh nói trên cho thấy việc xác định các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá cho các trường phổ thông Việt Nam như quy định của Bộ GD&ĐT là chưa đủ. Bộ GD&ĐT xác định chưa đủ các lĩnh vực (nội dung) cần tự đánh giá có thể xuất phát vì hai lí do chính sau: ***thứ nhất***, ngay với các cơ sở giáo dục đại học được Bộ ưu tiên triển khai công tác quản lý chất lượng sớm hơn rất nhiều so với công tác quản lý chất lượng giáo dục phổ thông mà đến thời điểm này công tác quản lý chất lượng vẫn còn rất nhiều bàn cãi vì nó chưa đạt được kì vọng đặt ra là đánh giá đúng chất lượng và thúc đẩy chất lượng giáo dục đại học phát triển trong khi đó công tác quản lý chất lượng giáo dục phổ thông mới được quan tâm, triển khai đại trà từ mấy năm gần đây. ***Thứ hai,*** lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá mà Bộ quy định hướng tới mục đích chuẩn bị báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng) là chính chứ chưa phải tự đánh giá để nâng cao chất lượng nhà trường. Do đó, để tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng, ngoài các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá đã có do Bộ quy định cần bổ sung thêm một số lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá mới. Các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá cần bổ sung được luận án quan tâm, gồm: *xác định sứ mệnh, mục tiêu chất lượng của nhà trường*; *nhu cầu cần đánh giá* vì nhu cầu sẽ chi phối động lực và hiệu quả làm việc; *quản lý phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh* vì xu hướng chung trên thế giới và Việt Nam là tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp quản lý cho các nhà trường, trong đó có việc phân cấp cho trường THPT tự lựa chọn, phát triển nội dung, chương trình học tập. Hơn nữa lựa chọn phát triển nội dung, chương trình học tập sẽ quyết định rất nhiều tới công tác tổ chức và quản lý nhà trường, tới nhu cầu cần

có về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài liệu học tập của học sinh, tới hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; *so sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường trung học khác…*

Xác định các phương pháp thu thập minh chứng

Về các phương pháp thu thập minh chứng, do mỗi quốc gia, mỗi vùng, miền, trường học có những đặc điểm riêng biệt khác nhau nên sẽ có những phương pháp thu thập minh chứng khác nhau. Có lẽ vì điều này nên trong nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, cũng như hướng dẫn tự đánh giá ở một số quốc gia trên thế giới không thấy đề cập nhiều về phương pháp thu thập minh chứng. Để thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng, các trường THPT cần chú ý sử dụng một số phương pháp thu thập minh chứng sau: *Sử dụng chuyên gia; điều tra bằng bảng hỏi; phỏng vấn và phỏng vấn sâu đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh đã và đang công tác, học tập tại trường, cha mẹ học sinh; thống kê số liệu của các năm học; nghiên cứu sản phẩm; quan sát.*

Trong các phương pháp thu thập minh chứng đã nêu thì phương pháp *chuyên gia* là rất cần thiết vì hầu hết đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường THPT chưa am hiểu một cách rõ ràng, đầy đủ về phương pháp này. Hai phương pháp: *Thống kê số liệu của các năm học* và *nghiên cứu sản phẩm* là những phương pháp các cơ sở giáo dục có thể sử dụng một cách rộng rãi. Tuy vậy, số liệu các năm học qua việc thống kê nhiều khi không phản ánh đúng chất lượng của một nhà trường, hơn nữa các số liệu chỉ cho biết hiện tượng mà không cho biết nguyên nhân hay quá trình hoạt động giáo dục của nhà trường để tạo ra những sản phẩm đó như thế nào. Vì vậy việc sử dụng thêm các phương pháp thu thập minh chứng khác là rất cần thiết. Khi thực hiện hai phương pháp *điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn và phỏng vấn sâu một số cán bộ, giáo viên, học sinh đã và đang công tác, học tập tại trường, cha mẹ học sinh* cần tạo ra sự yên tâm, tin tưởng, không cảm thấy lo lắng… cho những người được hỏi, được phỏng vấn để họ tự nguyện, tự tin tham gia và có những câu trả lời đúng, chính xác nhất. Cần áp dụng nhiều phương pháp khác nhau trong quá trình thu thập minh chứng. Việc áp dụng nhiều phương pháp sẽ tăng độ tin cậy của các minh chứng thu thập được.

Xây dựng quy trình tự đánh giá trong trường THPT

Một số nhà khoa học ở Scotlen [89] đã nêu ra trình tự 8 bước tiến hành của quá trình tự đánh giá và tự điều tiết. Nội dung ở một số bước của quy trình tự đánh giá ở Scotlen tuy còn khá chung chung hoặc có phần khó thực hiện đối với nhiều trường

THPT như bước "*Kiểm tra tính bền vững của các quyết định đánh giá*" nhưng khi thực hiện chúng lại tham gia góp phần cải thiện chất lượng nhà trường, ví dụ như xác định chuẩn mực chất lượng phù hợp với nhà trường, lựa chọn vấn đề, lĩnh vực, nội dung, phương pháp đánh giá… Các nhà khoa học ở Slovakia như Alexander Bilcik và Jozef Kadnar [64] đã nêu ra bước đầu tiên của quy trình tự đánh giá là chuẩn bị tự đánh giá thông qua việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của nhà trường. Alexander Bilcik và Jozef Kadnar còn đưa ra một số bước, một quy luật cần được lưu ý để đảm bảo sự thành công trong việc tự đánh giá của các cơ sở giáo dục._Phạm Thành Nghị [45, tr 144] đã nêu ra việc chuẩn bị tự đánh giá cần tập trung vào bốn nội dung: sự ủng hộ của lãnh đạo; chuyên gia kỹ thuật; nguồn lực cho đánh giá; động lực tự đánh giá.

Quy trình tự đánh giá trong trường THPT (6 bước) do Bộ GD&ĐT Việt Nam quy định [9], gồm: *Thành lập hội đồng tự đánh giá; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; Viết báo cáo tự đánh giá; Công bố báo cáo Tự đánh giá*.

So sánh quy trình tự đánh giá được Bộ quy định với các quy trình tự đánh giá khác đã đề cập ở trên, ta thấy một số bước quan trọng trong quy trình tự đánh giá như: Xác định lí do cần tự đánh giá, chuẩn bị tự đánh giá, sử dụng kết quả tự đánh giá để cải thiện chất lượng… chưa được nêu ra trong quy trình tự đánh giá của Bộ GD&ĐT. Do vậy cần thiết phải xây dựng quy trình tự đánh giá trong trường THPT theo cấp độ đảm bảo chất lượng và quy trình này, một mặt kế thừa quy trình do Bộ quy định vì các bước trong quy trình do Bộ quy định đều quan trọng, không thể thiếu trong quy trình tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng. Mặt khác một số bước quan trọng như bước chuẩn bị tự đánh giá với một số nội dung: *Xác định các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức đối với hoạt động tự đánh giá trong nhà trường; tìm kiếm sự ủng hộ của cấp trên; xây dựng đội ngũ chuyên gia kĩ thuật; chuẩn bị nguồn lực; xây dựng động lực tự đánh giá* hoặc bước thiết kế quá trình tự đánh giá hay nội dung *đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng đối với những nội dung, mục tiêu chưa đạt so với chuẩn mực chất lượng* cần được bổ sung vào quy trình tự đánh giá.

1.4.1.3. Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện

Một công việc rất quan trọng cần thực hiện trước khi tự đánh giá là tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện.

- Tổ chức nhân sự: Quản lý chất lượng là hệ thống quản lý yêu cầu sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhà trường như những tiểu hệ thống trong một hệ thống lớn nên toàn thể cán bộ, giáo viên trong trường đều phải tham gia hoạt động tự đánh giá. Vì vậy, hiệu trưởng hoặc người được hiệu trưởng ủy nhiệm phải phân công nhiệm vụ một cách cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên tham gia hoạt động tự đánh giá. Trong việc tổ chức nhân sự cần xác định rõ người thiết kế, người thực thi, người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh hoạt động tự đánh giá. Trong việc tổ chức nhân sự, vai trò của đội ngũ cố vấn và chuyên gia kĩ thuật là rất quan trọng. Đội ngũ chuyên gia kĩ thuật cần được xây dựng với nòng cốt là cán bộ, giáo viên trong trường. Trong một số trường hợp xét thấy cần thiết có thể mời cán bộ cốt cán của các trường bạn hoặc chuyên gia bên ngoài tham gia hỗ trợ cho đội ngũ chuyên gia trong trường. Đối với nhóm cố vấn, họ là những nhà khoa học, cán bộ quản lý, chuyên viên của các cơ quan, đơn vị bên ngoài am hiểu sâu sắc về lĩnh vực cần đánh giá.

- Phân bổ thời gian: cần phân bổ thời gian cho từng bước trong quy trình, từng nội dung tự đánh giá một cách hợp lí. Việc tự đánh giá cần thực hiện đúng tiến độ thời gian đã đề ra. Khác với tự đánh giá thường xuyên ở trường THPT theo năm học như hiện nay, tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng thường được tổ chức theo chu kì 5 năm đối với lần tự đánh giá đầu tiên, các lần sau có thể 5 năm hoặc rút xuống 3 năm tùy tình hình cụ thể.

- Xác định nguồn kinh phí tổ chức hoạt động: Ngoài sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định và các nguồn tài chính trong nhà trường cần khai thác, huy động tiềm năng vật chất, tinh thần của các lực lượng ngoài nhà trường.

1.4.1.4. Tiến hành trình tự đánh giá

Sau khi lập kế hoạch tự đánh giá, tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian và chuẩn bị kinh phí nhà trường tiến hành thực hiện tự đánh giá theo trình tự các lĩnh vực tự đánh giá đã xác định. Khi tiến hành tự đánh giá theo mỗi lĩnh vực cần căn cứ vào các chỉ số thực hiện (*tiêu chuẩn, tiêu chí*) chất lượng đã xác định để thấy được mức độ đạt được của từng nội dung. Dựa vào những nội dung tự đánh giá được Bộ GD&ĐT Việt Nam quy định và một số lưu ý trong quá trình tự đánh giá mà Phạm Thành Nghị [45, tr 150] đã nêu ra, luận án tập trung vào các lĩnh vực được đề cập ở trên khi tổ chức tự đánh giá ở trường THPT:

- *Về sứ mệnh và mục tiêu*: Vì tuyên bố sứ mệnh và mục tiêu thể hiện bản chất và những dự định của nhà trường, nên khi đánh giá, xem xét sứ mệnh và mục tiêu của

trường THPT, nhóm đánh giá cần làm rõ một số vấn đề sau đây: Đánh giá tuyên bố sứ mệnh thông qua việc xác định mức độ thỏa mãn của sứ mệnh được thể hiện dưới dạng các câu hỏi, ví dụ như: *Tuyên bố sứ mệnh có chứa đựng những cam kết quan trọng không? Tuyên bố sứ mệnh có đưa ra những chức năng cơ bản của nhà trường không? Tuyên bố sứ mệnh có xác định các mối quan hệ giữa các bên trong trường như: nhà trường, tổ chức chính trị với tổ, nhóm chuyên môn hay không? Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường có gì khác so với tuyên bố sứ mệnh của các trường bạn hay không? Tuyên bố sứ mệnh có ngắn gọn, sắc sảo và dễ hiểu không? Tuyên bố sứ mệnh có đảm bảo tính liên tục và bao quát một khoảng thời gian dài hay không? Tuyên bố sứ mệnh có xác định nhà trường phải chịu trách nhiệm với các đối tượng quan tâm tới nhà trường, đặc biệt là trách nhiệm với học sinh của mình hay không và ở mức độ nào?* Đánh giá mức độ rõ ràng, sự phù hợp, mức độ bao phủ các hoạt động, mức độ nhất trí của các thành viên trong nhà trường về mục tiêu chất lượng đã xác định. Đánh giá mức độ cập nhật, bổ sung mục tiêu. Ngoài ra, nhóm đánh giá còn cần xem xét trước mức độ nhận thức, mức độ thấm nhuần mục tiêu của cán bộ, nhân viên nhà trường thông qua các trao đổi, phỏng vấn hoặc trả lời phiếu hỏi.

- *Về nhu cầu tự đánh giá*: cần xác định được cá nhân và nhà trường có nhu cầu tự đánh giá hay không, nếu có thì nhu cầu đó xuất phát từ đâu, từ việc chỉ đạo của cấp trên hay từ bản thân nội bộ nhà trường hay từ một lí do khác và nhu cầu tự đánh giá ở mức độ nào, cao hay thấp. Nhu cầu tự đánh giá, nếu được hình thành từ yêu cầu về chất lượng của nhà trường thì nó chịu sự chi phối hay chịu sự ảnh hưởng nhất từ yếu tố nào trong các yếu tố bối cảnh, đầu vào, quá trình, đầu ra?

- *Về quản lý, phát triển nội dung chương trình học tập* (đánh giá việc quản lý phát triển của nhà trường và của từng bộ môn): Cần đánh giá nhà trường, các tổ, nhóm bộ môn có thực hiện quản lý, phát triển nội dung chương trình học tập hay không và nếu có thực hiện thì đạt ở mức độ nào. Việc quản lý, phát triển này có tác động như thế nào *(tích cực, tiêu cực)* đối với các lĩnh vực khác trong nhà trường như thế nào. Ví dụ: Nội dung, chương trình học tập có phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường hay không? Công tác tổ chức, quản lý nhà trường, xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giáo viên , điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của trường … có đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với nội dung, chương trình đã lựa chọn hay không?...

- *Về tổ chức và quản lý nhà trường*: Trước tiên cần đánh giá về tổ chức và quản lý nhà trường như đã thực hiện để nâng cao chất lượng thường xuyên trong trường

THPT. Tiếp theo đánh giá công tác tổ chức, quản lý của nhà trường hướng tới việc đảm bảo chất lượng. Cụ thể: Đánh giá việc tổ chức, quản lý nhà trường của ban giám hiệu đã khai thác những tác động tích cực và hạn chế những tác động không tích cực đến chất lượng nhà trường do điều kiện kinh tế, xã hội, chính sách, môi trường đưa lại như thế nào; Đánh giá việc đề ra mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường đã có và nếu có đã hợp lí, đã phù hợp với nội dung, chương trình học tập đã lựa chọn hay chưa. Đánh giá việc tổ chức quản lý của nhà trường đã tác động đến thực trạng đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài liệu học tập của nhà trường như thế nào để đáp ứng nội dung, chương trình học tập đã lựa chọn. Công tác tổ chức, quản lý của nhà trường còn được thể hiện qua hiệu quả của những tác động quản lý đến hoạt động dạy và học trong trường, của các dịch vụ hỗ trợ khác; Đánh giá việc tổ chức, quản lý của ban giám hiệu đã đưa lại kết quả đầu ra tiến triển như thế nào, vì kết quả cuối cùng của công tác tổ chức, quản lý nhà trường được thể hiện bởi "đầu ra". Đầu ra của nhà trường là tiếng nói có trọng lượng nhất, khẳng định việc tổ chức, quản lý nhà trường đã đạt được ở mức độ nào.

- *Về môi trường dạy và học, về đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh*:

Đánh giá môi trường dạy và học trước hết được thể hiện qua việc đánh giá tình hình kinh tế, xã hội ở địa phương trên địa bàn tuyển sinh của nhà trường đã tác động như thế nào đến môi trường dạy và học của nhà trường. Tiếp đến, việc đánh giá môi trường dạy và học còn được thể hiện qua cơ chế, biện pháp đã được nhà trường triển khai nhằm tạo ra môi trường dạy và học thuận lợi, thân thiện, tích cực. Các cán bộ, giáo viên, học sinh có hào hứng, phấn khởi khi tới trường hay không và phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong nhà trường diễn ra như thế nào, tốt hay chưa tốt…

Đánh giá đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường, trước hết là đánh giá đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh trên phương diện: mức độ đạt chuẩn và vượt chuẩn về bằng cấp, về năng lực giảng dạy thể hiện qua số lượng giáo viên dạy giỏi các cấp, số chiến sĩ thi đua các cấp, kết quả thi đua của nhà trường, kết quả đầu vào trường của học sinh so với các trường trong khu vực…; tiếp theo đánh giá việc tự học, tự bồi dưỡng, tự đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh và cuối cùng là đánh giá tác động của nhà trường thông qua các biện pháp quản lý của ban lãnh đạo đến việc nâng cao chất lượng của đội ngũ này như thế nào?…

- *Về cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính của nhà trường*: Vì vai trò quan trọng của 02 nguồn lực này trong việc đảm bảo, nâng cao chất lượng trường học; việc đánh

giá cần tập trung vào việc giải đáp một số câu hỏi như: *Thứ nhất,* cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính đã đáp ứng nhu cầu cần có của hoạt động dạy, học trong nhà trường ở mức độ nào? có phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường đã được xác định hay có phù hợp với nội dung, chương trình học tập của nhà trường hay không? *Thứ hai,* cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính đã tác động như thế nào tới việc cải thiện, nâng cao chất lượng nhà trường? *Thứ ba,* nỗ lực của lãnh đạo nhà trường đối với việc tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính ở mức độ nào? Hiệu quả của các biện pháp quản lý đã được lãnh đạo nhà trường áp dụng để tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính như thế nào?

- *Về quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội*: Mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội có ảnh hưởng rất lớn tới việc đảm bảo chất lượng trường phổ thông. Vì sự hợp tác giữa ba lực lượng giáo dục: Nhà trường, gia đình, xã hội trước tiên *(quan trọng nhất)* là giúp nhà trường tạo ra một môi trường giáo dục tốt. Tiếp theo là góp phần thu hút chất lượng học sinh đầu vào, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính. Những tác động vào quá trình giáo dục trong nhà trường khó đạt được kết quả cao nếu thiếu sự đồng thuận giữa ba lực lượng giáo dục nói trên. Kết quả của mối quan hệ hợp tác nói trên là thúc đẩy chất lượng đầu ra của nhà trường nâng lên, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, nâng cao mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh. Do đó, khi đánh giá nội dung này cần tập trung đánh giá việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội. Đặc biệt, đánh giá việc xây dựng cơ chế quản lý phối hợp giữa ba lực lượng giáo dục nói trên và kết quả của hoạt động phối hợp này.

- *Về hoạt động giáo dục* (hoạt động dạy của giáo viên; hoạt động học của học sinh; các hoạt động khác diễn ra trong nhà trường, ngoài nhà trường, có sự tham gia của nhà trường và hướng đến việc giáo dục học sinh nhà trường) và kết quả giáo dục.

Việc đánh giá hoạt động giáo dục, cần được đánh giá trên hai phương diện, phương diện thứ nhất là các hoạt động hướng tới kết quả giáo dục trước mắt, phương diện thứ hai là các hoạt động hướng tới kết quả giáo dục lâu dài. Đánh giá hoạt động giáo dục hướng tới kết quả giáo dục trước mắt được thực hiện với trọng tâm đánh giá hoạt động dạy, hoạt động học và các hoạt động khác có đảm bảo thực hiện đủ, đúng theo chương trình, nội dung do Bộ GD&ĐT đã đề ra đối với nhà trường và đối với từng môn học. Đánh giá hoạt động hướng tới kết quả giáo dục lâu dài được hiểu là các hoạt động dạy, hoạt động học và các hoạt động khác trong nhà trường đã hướng tới

việc hình thành năng lực thực hiện cho học sinh như thế nào? Ngoài việc tập trung cung cấp các kiến thức như trước đây thì hoạt động dạy, hoạt động học và các hoạt động khác bây giờ sẽ có ảnh hưởng như thế nào tới việc hình thành, phát triển các kỹ năng, hành vi, thái độ cho học sinh? Các kĩ năng nhà trường đã trang bị cho học sinh sẽ giúp các em như thế nào khi các em tiếp tục học lên hoặc ra ngoài xã hội tìm việc làm. Ví dụ: khi đánh giá kết quả hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hàng năm cần trả lời được câu hỏi hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề đó đã tác động như thế nào tới việc chọn nghề và hành nghề của học sinh sau này?

- *Về đánh giá kết quả giáo dục*: Để đánh giá kết quả giáo dục cần đánh giá kết quả hiện tại và đánh giá kết quả lâu dài của cả một quá trình giáo dục (hiệu quả giáo dục). Việc đánh giá kết quả giáo dục hiện tại được tập trung vào đánh giá kết quả xếp loại hạnh kiểm, kết quả xếp loại học lực của học sinh, tỉ lệ lên lớp, đỗ tốt nghiệp THPT, thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng… hằng năm có đáp ứng mục tiêu nhà trường đã xác định hay chưa và đạt được ở mức độ nào. Về đánh giá kết quả lâu dài của cả một quá trình giáo dục (hiệu quả giáo dục), cần đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường, mức độ ổn định, phát triển về chất lượng; hiệu quả thu về giữa mức độ đầu tư và kết quả nhận được.

- *So sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường trung học khác*: So sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường trung học khác, nhất là so sánh giữa các trường trung học có điều kiện tương đồng và so sánh giữa trường trung học công lập với trường trung học tư thục là một việc rất cần thiết, vì: Thông qua việc so sánh, nhà trường thấy được: với nhiều điều kiện tương đồng nhau (cùng một địa phương,cùng điều kiện kinh tế, xã hội, chính sách và môi trường như nhau), có đầu vào không cách biệt nhau quá lớn nhưng kết quả đầu ra lại khác nhau nhiều thì nguyên nhân chính của sự khác biệt đó nằm ở sự tác động của nhà trường đối với việc đảm bảo chất lượng; Kết quả so sánh là một minh chứng về mức độ đạt được của công tác quản lý chất lượng ở một nhà trường, là một bài toán mới được đặt ra để các nhà quản lý trường học tiếp tục tìm lời giải; Việc so sánh này còn cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách về giáo dục trong việc phát triển mô hình, loại hình trường công lập, tư thục. Kết quả so sánh còn cung cấp cơ sở để các nhà đầu tư (Nhà nước, tư nhân…) quyết định việc đầu tư vào các nhà trường như thế nào sao cho đạt hiệu quả nhất.

1.4.1.5. Phân tích, đánh giá và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá

- Phân tích, đánh giá mức độ đạt được so với chuẩn chất lượng đã đề ra:

Sau khi các bộ phận đã tập hợp tất cả các dữ liệu, minh chứng thu thập được thì phần việc tiếp theo của hội đồng tự đánh giá và nhóm chuyên gia là tiến hành phân tích, xem xét mức độ đạt được của từng lĩnh vực được đánh giá so với chuẩn chất lượng đã đề ra. Nhiệm vụ của hội đồng tự đánh giá là xem xét một cách tổng quát tất cả các yếu tố tạo nên chất lượng nhà trường. Các yếu tố này đã được đề cập tới trong kế hoạch chiến lược của nhà trường được công bố trong thời gian gần nhất so với thời điểm tiến hành tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá thông qua việc phân tích, đánh giá chất lượng cần xác định được những biện pháp mà nhà trường đã áp dụng để duy trì, nâng cao chất lượng và kết quả của những biện pháp đó. Một số điểm cần lưu ý khi tiến hành phân tích, đánh giá chất lượng nhà trường, đó là: Các minh chứng phải được thu thập đầy đủ, rõ ràng. Các vấn đề được đề nghị xem xét cần được làm rõ; Việc phân tích, đánh giá cần đảm bảo tính khách quan, tính thống nhất của các thành viên trong mỗi nhóm đánh giá, tránh các nhận định mang tính chủ quan, áp đặt; Các văn bản, kết quả tự đánh giá của chu kì trước (nếu có) được lưu lại cần được đưa ra để xem xét, đối chiếu, so sánh để thấy được sự đi lên hay đi xuống của chất lượng nhà trường.

- Chuẩn bị báo cáo tự đánh giá:

Theo Phạm Thành Nghị [45, tr 153] thì báo cáo tự đánh giá là sản phẩm đầu ra của toàn bộ công việc mà nhóm đánh giá tiến hành. Phạm Thành Nghị [45] cũng nêu ra các đặc điểm của một báo cáo tốt và gợi ý việc xây dựng báo cáo. Kết hợp quan điểm của Phạm Thành Nghị với các văn bản hướng dẫn tổ chức tự đánh giá của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục phổ thông [6,8,9,10] có thể thấy báo cáo tự đánh giá cần thể hiện được toàn bộ những gì mà hội đồng tự đánh giá đã làm, kết quả thu được, các ý kiến, kiến nghị của hội đồng với nhà trường nhằm duy trì, cải tiến chất lượng. Báo cáo tự đánh giá do nhóm thư kí của hội đồng tự đánh giá soạn thảo và nhóm thư kí cần cần lưu ý một số điểm sau khi soạn thảo báo cáo tự đánh giá: *Một là, định rõ trách nhiệm xây dựng báo cáo tự đánh giá*. Báo cáo do nhóm thư kí soạn thảo nhưng chủ tịch hội đồng tự đánh giá là người chịu trách nhiệm chính, cuối cùng đối với những nội dung được đề cập tới trong báo cáo. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường không phải là sản phẩm "gộp lại" báo cáo của các nhóm đánh giá thành viên mà phải được xây dựng trên cơ sở những ý tưởng chỉ đạo rút ra từ kết luận đánh giá. *Hai là, nội dung báo cáo đủ, có trọng tâm, trọng điểm.* Báo cáo cần tập trung vào những vấn đề quan trọng, phản

ánh trung thực hiện trạng chất lượng nhà trường. Báo cáo nên tóm tắt, nhấn mạnh những vấn đề gay cấn, những điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức hay những kết luận, nhận định ở cuối mỗi phần để người đọc dễ nắm bắt ý tưởng chính của báo cáo. *Ba là, trình bày báo cáo.* Báo cáo cần cô đọng, không quá dài (dài khoảng 30 đến 50 trang là đủ) nhưng lời văn phải rõ ràng và cấu trúc phù hợp. Báo cáo cần có sự hài hòa giữa hai yêu cầu súc tích, cô đọng với chi tiết. Bảng số liệu và những tài liệu cần thiết có thể đưa vào phần phụ lục để khi cần người đọc có thể tham khảo. Báo cáo nên sử dụng các bảng biểu, biểu đồ, tạo thuận lợi cho việc tiếp thu ý tưởng dễ dàng hơn. *Bốn là, tính minh bạch và công khai của báo cáo.* Dự thảo báo cáo cần được thảo luận rộng rãi, công khai, trước là trong hội đồng tự đánh giá, sau là trong nhà trường. Dự thảo báo cáo có thể để ở thư viện, phòng chờ giáo viên hay phòng họp hội đồng, nơi có nhiều người qua lại để mọi thành viên trong nhà trường có thể bổ sung, đề nghị sửa chữa. *Năm là, cần có đủ thời gian tối thiểu và có kế hoạch cho việc xây dựng báo cáo.* Cần có khoảng thời gian nhất định đủ để các thành viên trong nhà trường nghiên cứu, đóng góp cho báo cáo. Những phản hồi về báo cáo cần được ghi chép lại. Báo cáo cần được chỉnh sửa, bổ sung sau khi hội đồng tự đánh giá tiếp thu các ý kiến góp ý trước khi công bố trước cơ quan quản lý cấp trên và trước xã hội. Hội đồng tự đánh giá mà cụ thể là nhóm thư kí cần chuẩn bị kế hoạch sơ bộ cho việc xây dựng báo cáo. Kế hoạch này có thể bao gồm cấu trúc; dự kiến các công việc và các bước tiến hành viết báo cáo, các số liệu cho từng phần báo cáo…

- *Đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng với những nội dung, lĩnh vực chưa đạt so với chuẩn chất lượng*: Sau khi tiến hành tự đánh giá, có thể có một số chỉ số thực hiện (tiêu chuẩn, tiêu chí) chưa đạt chuẩn chất lượng đã xác định; khi đó đương nhiên nhà trường cần có những biện pháp cải tiến chất lượng. Trường hợp kết quả tự đánh giá cho thấy nhà trường đã đạt chuẩn chất lượng đề ra thì nhà đầu tư, khách hàng và xã hội sẽ tiếp tục yêu cầu nhà trường nâng chuẩn chất lượng lên mức độ cao hơn; lúc này, một số chỉ số thực hiện (tiêu chuẩn, tiêu chí) trước đã đạt nay lại không đạt so với chuẩn chất lượng đã được bổ sung nâng lên. Vì vậy sau khi tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá cần đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng với những nội dung chưa đạt so với chuẩn chất lượng cũ hoặc mới.

1.4.1.6. Công bố kết quả tự đánh giá

- *Kết quả tự đánh giá được công khai báo cáo trước các nhóm đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường*: Các nhóm đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà

trường có nhóm đối tượng bên trong và nhóm đối tượng bên ngoài nhà trường. Đối với nhóm đối tượng bên trong nhà trường việc báo cáo kết quả tự đánh giá được thực hiện thông qua các cuộc họp toàn thể (toàn thể hội đồng giáo dục, toàn thể cha mẹ học sinh, toàn thể học sinh trong các buổi chào cờ, sinh hoạt cuối tuần…); thông qua việc dán, niêm yết công khai ở bảng tin nhà trường hoặc trong thư viện nhà trường. Đối với nhóm đối tượng bên ngoài, nhà trường có thể gửi báo cáo theo đường công văn. Nhưng cách tốt nhất để công khai kết quả tự đánh giá tới cả hai nhóm đối tượng đã nêu là thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, đặc biệt là công khai báo cáo trên web của sở GD&ĐT hay web của nhà trường.

- Chuyển kết quả tự đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền là sở GD&ĐT để đề nghị sở có kế hoạch về thẩm định, đánh giá ngoài. Đối với một số địa phương nếu có các đơn vị, tổ chức kiểm định chất lượng độc lập, có uy tín và được sự cấp phép của cấp có thẩm quyền thì nhà trường cũng có thể gửi kết quả tự đánh giá tới đó để đăng kí kiểm định chất lượng. Nhà trường cần lưu trữ các ghi chép tự đánh giá, tài liệu tự đánh giá, bằng chứng có liên quan và kết quả tự đánh giá để những chu kì tự đánh giá sau đó có dữ liệu đối chứng.

1.4.2. Nội dung tự đánh giá cấp bộ môn

Nếu tự đánh giá cấp nhà trường là hoạt động diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan, ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học trong trường, cần sự tham gia, phối hợp của nhiều người ở trong và ngoài trường, được tiến hành trong một khoảng thời gian dài từ 3 đến 5 năm… thì tự đánh giá cấp bộ môn là hoạt động diễn ra trong trường, của một người hay của một nhóm người trong cùng bộ môn, có thể tiến hành trong một thời gian ngắn là một học kì hay một năm học với mục tiêu là đảm bảo chất lượng của bộ môn để từ đó góp phần đảm bảo chất lượng chung của nhà trường. Từ điều nói trên có thể thấy hoạt động tự đánh giá cấp bộ môn có thể diễn ra thường xuyên hơn tự đánh giá cấp trường.

Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [9], do Bộ GD &ĐT ban hành đã nêu ra một số nội dung đánh giá bộ môn như : Đánh giá về cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học của các tổ chuyên môn *(xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần , tháng, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định)*; đánh giá về về đội ngũ: Số lượng,

trình độ đào tạo của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường trung học; kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên *(xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt từ loại trung bình trở lên theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông; số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp đáp ứng yêu cầu; đảm bảo các quyền của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật)*; đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương đối với bộ môn. Ví dụ như thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định… Nếu xem tự đánh giá cấp bộ môn là 1 cấp đánh giá trong hoạt động tự đánh giá của nhà trường thì tự đánh giá cấp bộ môn sẽ tập trung đánh giá việc quản lý các chuẩn mực, quy trình chất lượng môn học, các điều kiện đảm bảo chất lượng môn học; khi đó, tự đánh giá cấp bộ môn cần được thực hiện trên một số phương diện sau:

- Sử dụng quyền tự chủ gắn với việc thực hiện trách nhiệm xã hội để lập kế hoạch chất lượng môn học, tập trung vào một số nội dung chính như: *Xác định mục tiêu của môn học; xác định chuẩn môn học với các hệ tham chiếu tương ứng; cụ thể hóa hệ tham chiếu bằng các nội dung, công việc* (điều kiện tiên quyết thứ nhất: Lập kế hoạch chất lượng đã đề cập ở trên). Về mục tiêu của môn học, mục tiêu này phải phù hợp với mục tiêu đối với môn học do Bộ GD&ĐT quy định nhưng vẫn đáp ứng mong muốn của học sinh. Căn cứ vào mục tiêu môn học để xác định chuẩn môn học với các hệ tham chiếu tương ứng. Hệ tham chiếu được cụ thể hóa bằng các nội dung, công việc. Ví dụ: quản lý, thực hiện nội dung, chương trình học tập theo quy định của Bộ và phát triển nội dung, chương trình học tập để phù hợp với đối tượng học sinh; số lượng và trình độ đào tạo của giáo viên cần đạt so với quy định và so với thực tế yêu cầu của bộ môn; chất lượng dạy, chất lượng học và kết quả học tập môn học…

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung, công việc được xác định ở trên *(hướng dẫn, thực hiện các quy trình chất lượng theo chuẩn môn học đã xác định thỏa mãn điều kiện tiên quyết thứ nhất và thứ hai đã đề cập ở trên)*. Như vậy, thực hiện đánh giá theo chuẩn môn học cần đánh giá rất nhiều nội dung, trong đó có nội dung *đánh giá chất lượng dạy học môn học* của giáo viên. Chất lượng dạy học môn học của giáo viên có vai trò quyết định đến kết quả học tập của học sinh, kết quả học tập của học sinh phản ánh chất lượng của môn học. Vì vậy trong luận án này, Tự đánh giá cấp bộ môn được ***giới hạn tập trung vào*** tự đánh giá chất lượng môn học với các nội dung

chính như: *Xây dựng chuẩn đầu ra; chuẩn đánh giá; xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học.* Đối với quy trình nâng cao chất lượng môn học là một vấn đề lớn, trong phạm vi luận án này xin được giới hạn chưa đề cập.

Xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá đối với môn học: chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học cần đảm bảo căn cứ pháp lí; bám sát mục tiêu môn học đã được Bộ GD&ĐT đề ra, được nhà trường xác định; có ý kiến phản biện của các chuyên gia; được thông báo công khai, rộng rãi.

Xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học: Xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học là bước đi tiếp theo của các tổ, nhóm bộ môn sau khi đã có chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học. Lâm Quang Thiệp [54, tr 111] đã đưa ra chu trình đánh giá gồm 5 giai đoạn. Nếu áp dụng quan điểm của Lâm Quang Thiệp vào xây dựng quy trình thì quy trình tự đánh giá chất lượng môn học sẽ gồm 5 bước là: *lập kế hoạch, phát triển, nhận xét phê phán, thực hiện và xem xét điều chỉnh.* Nếu áp dụng quy trình tự đánh giá trong trường THPT do Bộ GD&ĐT quy định [9] với thực tế tự đánh giá chất lượng môn học là việc làm của mọi thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn nên không cần phải lập hội đồng tự đánh giá thì quy trình tự đánh giá chất lượng môn học cũng gồm 5 bước: *xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; công bố báo cáo tự đánh giá*.

Quy trình tự đánh giá chất lượng môn học sẽ được đề xuất cụ thể trong chương 3 của luận án. Tuy nhiên, tự đánh giá chất lượng môn học là một phần của hoạt động tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng nên quy trình này cần có các bước cơ bản như: lập kế hoạch; tiến hành tự đánh giá theo quy trình đã xây dựng *(thu thập, phân tích, đánh giá các minh chứng)*; công bố kết quả tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá để cải tiến giảng dạy, học tập. Hiệu trưởng hay phó hiệu trưởng quản lý, chỉ đạo, duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng môn học của tổ bộ môn; tổ trưởng (nhóm trưởng) quản lý, chỉ đạo, duyệt báo cáo tự đánh giá của các giáo viên trong tổ, nhóm bộ môn.

1.5. Một số yếu tố tác động tới tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường trung học phổ thông

Xác định các yếu tố tác động tới hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT là một công việc cần thiết. Có thể nhóm gộp các yếu tác động tới hoạt động tự đánh giá thành hai nhóm, đó là các yếu tố tác động đến từ bên ngoài

nhà trường *(gọi tắt là yếu tố tác động bên ngoài)* và các yếu tố tác động từ bên trong nhà trường *(gọi tắt là yếu tố tác động bên trong)*. Các yếu tố tác động bên ngoài nhà trường có ảnh hưởng gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động tự đánh giá của nhà trường. Các tác động bên ngoài chủ yếu là ảnh hưởng gián tiếp hoặc trực tiếp tạo áp lực đòi hỏi nhà trường phải quan tâm tới việc đảm bảo chất lượng. Các tác động bên trong có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của việc tổ chức và thực hiện hoạt động tự đánh giá. Nghiên cứu về các yếu tố bên ngoài nhà trường, ở luận án này xin được giới hạn tập trung vào các yếu tố tác động trực tiếp lên hoạt động tự đánh giá hay nói cách khác chỉ đề cập đến quy định của Bộ và chỉ đạo của sở GD&ĐT.

1.5.1. Yếu tố bên ngoài nhà trường tác động trực tiếp lên hoạt động tự đánh giá

Quy định của Bộ GD&ĐT có tác động rất lớn đối với hoạt động tự đánh giá của trường THPT. Nếu quy định đó được xây dựng theo hướng mở sẽ tạo cơ hội cho các trường có điều kiện sử dụng quyền tự chủ để xác định các chuẩn mực chất lượng, các quy trình chất lượng phù hợp với mục tiêu chất lượng được nhà trường (bộ môn) đề ra. Điều này cũng giúp nâng cao trách nhiệm của nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá.

Với tư cách là cơ quan quản lý trực tiếp đối với các trường THPT thì sự chỉ đạo của sở GD&ĐT có tác động lớn đến hoạt động tự đánh giá của các nhà trường. Nếu sở chỉ đạo sát sao, quyết liệt thì hoạt động tự đánh giá sẽ diễn ra nhanh, đúng thực chất. Ngược lại, hoạt động tự đánh giá sẽ diễn ra chậm, hình thức, kết quả tự đánh giá không đáng tin cậy.

1.5.2. Một số yếu tố bên trong nhà trường tác động đến hoạt động tự đánh giá

Yếu tố tác động đến từ bên trong có ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên và rất quan trọng tới hoạt động tự đánh giá của nhà trường. Xác định các yếu tố tác động bên trong của nhà trường hướng đến mục tiêu tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu bên trong nhà trường ảnh hưởng đến hoạt động tự đánh giá. Điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường sẽ định hình nội dung của hoạt động tự đánh giá. Yếu tố tác động bên trong đối với hoạt động tự đánh giá trong trường THPT là những yếu tố như: con người, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính,... Những yếu tố này có liên quan mật thiết với nhau. Để tổ chức tốt hoạt động tự đánh giá các nhà trường cần phân tích từng yếu tố để thấy được điểm mạnh và điểm yếu của mình khi tiến hành hoạt động tự đánh giá. Với những điểm mạnh (kể cả điểm mạnh tiềm năng) sẽ tìm cách khai thác, phát

huy một cách tốt nhất còn với những điểm yếu (tồn tại) sẽ tìm cách quản lý tiến tới khắc phục được nó.

- *Yếu tố con người* được biểu hiện qua một số khía cạnh sau:

Sự quan tâm đến chất lượng nhà trường và nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên về tầm quan trọng của tự đánh giá, về trách nhiệm thực hiện tự đánh giá của bản thân. Sự quan tâm đến chất lượng, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng, về trách nhiệm của bản thân cộng với việc lợi ích của cá nhân, của nhà trường được quan tâm đúng mức sẽ là động lực để đội ngũ cán bộ, giáo viên và các nhà trường tích cực tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá.

Dù đã xây dựng được động lực thực hiện tự đánh giá trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhưng nếu năng lực tổ chức tự đánh giá và năng lực thực hiện tự đánh giá của đội ngũ cán bộ, giáo viên yếu và thiếu thì hoạt động tự đánh giá cũng không đạt kết quả như mong muốn.

- *Yếu tố cơ sở vật chất, kĩ thuật và tài chính:* nếu cơ sở vật chất, thiết bị thiếu thốn và tài chính không đáp ứng thì hoạt động tự đánh giá hoặc không thực hiện được hoặc có thực hiện được thì kết quả cũng không cao. Do đó, có thể nói cơ sở vật chất, kĩ thuật và tài chính là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động tự đánh giá

- *Yếu tố tổ chức Tự đánh giá và quản lý chất lượng:*

Các nguồn lực như nhân lực và vật lực có đủ nhưng nếu việc tổ chức, sắp xếp và sử dụng các nguồn lực đã có không hợp lí thì sẽ không khai thác được tối đa các nguồn lực đã có. Điều này dẫn tới sự lãng phí nguồn lực mà kết quả tự đánh giá lại không cao.

Một yếu tố bên trong tác động mạnh nhất đến hoạt động tự đánh giá là yếu tố đổi mới công tác quản lý chất lượng của nhà trường (của tổ, nhóm bộ môn). Nếu nhà trường (tổ, nhóm bộ môn) chậm đổi mới phương thức quản lý chất lượng từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng; không phát huy quyền tự chủ và không chịu trách nhiệm xã hội trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá thì hoạt động này sẽ không thành công.

Kết luận chương 1

- Chất lượng là một khái niệm trìu tượng, mang tính động, đa chiều vì vậy có nhiều cách tiếp cận khái niệm chất lượng khác nhau. Khái niệm chất lượng trong luận án được hiểu như sau: *Chất lượng là sự phù hợp với chuẩn mực được xác định và*

chuẩn được xác định phải phù hợp với mục tiêu được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Với khái niệm chất lượng như đã nêu thì:

Chất lượng trường THPT là mức độ đạt được của nhà trường so với chuẩn chất lượng đã xác định, chuẩn chất lượng phải phù hợp với mục tiêu được đặt ra đối với nhà trường.

Quản lý chất lượng trường THPT là tất cả các hoạt động quản lý trong nhà trường nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách chất lượng, trách nhiệm của các đối tượng có liên quan đến chất lượng; tổ chức triển khai thực hiện những chính sách và trách nhiệm này.

Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT là hoạt động tự kiểm tra, xem xét việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng của nhà trường có đáp ứng chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT và nhà trường đề ra, đáp ứng sự mong đợi của các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường.

- Quản lý chất lượng có 3 cấp độ, phát triển từ thấp tới cao, từ Kiểm soát chất lượng đến Đảm bảo chất lượng và cuối cùng là Quản lý chất lượng tổng thể. Hiện nay quản lý chất lượng theo cấp độ Đảm bảo chất lượng là phù hợp nhất với điều kiện của các trường THPT ở Việt Nam.

- Tự đánh giá thực chất chỉ tồn tại một cách đúng nghĩa ở cấp độ Đảm bảo chất lượng. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng có hai chức năng cơ bản: tự đánh giá để nâng cao chất lượng thường xuyên và tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng sẽ xác định chất lượng nhà trường đạt đến mức độ nào so với mục tiêu và chuẩn chất lượng được đề ra. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng sẽ nâng cao chất lượng nhà trường thông qua việc thực hiện các quy trình chất lượng (bản chất của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là tự đánh giá theo chuẩn trên cơ sở thực hiện các quy trình chất lượng).

- Điều kiện để trường THPT thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng: nhà trường có quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội về hoạt động tự đánh giá; nhà trường cần đáp ứng 02 điều kiện tiên quyết sau: i) nhà trường lập kế hoạch chất lượng; và ii) nhà trường thường xuyên thực hiện kế hoạch chất lượng (thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng).

- Nội dung tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT: tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT cần được thực hiện ở cấp trường và cấp bộ

môn, trong đó tự đánh giá cấp bộ môn với nội dung chính là tự đánh giá chất lượng môn học đóng vai trò quan trọng.

Tự đánh giá cấp trường gồm 6 nội dung công việc chính: i) lựa chọn mô hình đánh giá; ii) lập kế hoạch tự đánh giá (lựa chọn lĩnh vực tự đánh giá, xác định các phương pháp thu thập minh chứng, xây dựng quy trình tự đánh giá); iii) tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; iv) tiến hành trình tự đánh giá; v) phân tích, đánh giá và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá; và iv) công bố kết quả tự đánh giá.

Tự đánh giá cấp bộ môn trong luận án này mới chỉ tập trung tự đánh giá chất lượng môn học với các nội dung chính như: Xây dựng chuẩn đầu ra; chuẩn đánh giá; xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng: Hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp của nhiều yếu tố; trong luận án các yếu tố được đề cập được giới hạn và chia thành 2 nhóm: thứ nhất là các quy định của Bộ, sự chỉ đạo của sở GD&ĐT; thứ hai các yếu tố thuộc về nhà trường, gồm: nhân lực (con người), cơ sở vật chất, kĩ thuật và tài chính, tổ chức tự đánh giá và quản lý chất lượng của nhà trường.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. Tự đánh giá chất lượng ở trường trung học trên thế giới

2.1.1. Tự đánh giá ở trường trung học của một số nước phát triển

Tự đánh giá ở trường trung học của một số nước phát triển được giới thiệu trong luận án này gồm có Hoa Kì và Cộng hòa Scotlen – Vương quốc Anh.

2.1.1.1. Tự đánh giá ở trường phổ thông ở miền Tây Hoa Kì và tự đánh giá môn học ở trường trung học phổ thông của bang Michigan, Hoa Kì

Ngày nay, Hoa Kì được coi là một trong những quốc gia có nền giáo dục dẫn đầu thế giới. Hệ thống giáo dục của Hoa Kì cung cấp các môn học phong phú đa dạng nhất trên thế giới, từ khoa học hạt nhân đến phim ảnh, nghệ thuật, khiêu vũ,...Tất cả các chuyên ngành đều đạt chất lượng quốc tế. Giáo dục Hoa Kì chủ yếu là nền giáo dục công do chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương điều hành, cung cấp tài chính. Trường trung học (Secondary education) ở Hoa Kì gồm có: Trung học cơ sở (Middle school hay Junior high school) và trung học phổ thông (High school hoặc Senior high school)[61].

Ở Hoa Kì, tự đánh giá là một quá trình tự học tập, tự nghiên cứu và tự hoàn thiện theo các chuẩn mực đã ban hành để nhà trường hay chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định. Quá trình tự đánh giá nhà trường ở Hoa Kì thường kéo dài ít nhất 18 tháng, đó là khoảng thời gian cần thiết để nhà trường tự nhận thấy những khiếm khuyết của mình và phấn đấu để khắc phục những khiếm khuyết đó [52]. Tự đánh giá ở trường phổ thông Hoa Kì không chỉ diễn ra ở cấp nhà trường mà còn được triển khai tới các môn học. Dưới đây là tự đánh giá ở cấp nhà trường với ví dụ là tự đánh giá tại các trường phổ thông ở miền Tây Hoa Kì và tự đánh giá cấp bộ môn (môn học) với ví dụ là tự đánh giá môn học ở trường trung học phổ thông của bang Michigan, Hoa Kì.

<u>Tự đánh giá tại các trường phổ thông ở miền Tây Hoa Kì</u>

Các trường phổ thông ở miền Tây Hoa Kì sau khi tự đánh giá có thể được kiểm định chất lượng bởi Hội đồng Kiểm định cho các trường phổ thông của tổ chức Hiệp hội các trường phổ thông và đại học miền Tây Hoa Kì (WASC) [56]. Hoạt động tự đánh giá và công tác quản lý chất lượng ở các trường phổ thông Hoa Kì đã được thể hiện phần nào qua hoạt động của tổ chức WASC

- Về mục đích: WASC xây dựng quy trình kiểm định với hai mục đích song hành. *Thứ nhất*, yêu cầu các trường học phải xứng đáng với sự tin cậy là mang đến những cơ hội học tập chất lượng cao. *Thứ hai,* yêu cầu các trường phải thể hiện rõ yếu tố then chốt là nỗ lực không ngừng cải thiện chính mình [56]. Như vậy, mục đích căn bản của WASC là nhằm giúp cho các trường tạo ra những trải nghiệm học tập với chất lượng cao nhất, đầy ý nghĩa nhất mà họ có thể kiến tạo cho tất cả các học sinh. Mục đích nhất quán của WASC chính là hỗ trợ một cách chuyên nghiệp cho các trường trong việc tự các trường phải tạo ra một tầm nhìn rõ ràng về những gì họ mong muốn học sinh học được hay có thể làm được và từ đó đảm bảo có được những phương thức giáo dục hiệu quả và thích đáng để đáp ứng nhu cầu, mục tiêu học tập của mỗi học sinh. Khả năng cải tiến tự hoàn thiện của bất kỳ tổ chức nào đều trực tiếp liên quan đến khả năng tổ chức đó có thể nhận biết, thừa nhận và hành động dựa trên những mặt mạnh và mặt hạn chế của chính tổ chức đó [56].

- Triết lí của WASC về hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng tại các trường phổ thông: (i) Các chương trình học phải bao gồm cả việc rèn luyện tri thức và tình cảm cho học sinh, thúc đẩy sự trưởng thành, phát triển con người để học sinh trở thành những thành viên có trách nhiệm, hữu ích trong cộng đồng trường học và trong xã hội. (ii) Mỗi trường cần định ra mục đích riêng thể hiện niềm tin của mình. Trong quá trình liên tục cải tiến chương trình học, mỗi trường nên có những đánh giá mang tính khách quan và chủ quan để xác định xem trường học đó có đạt được những mục tiêu nhà trường đã đặt ra. (iii) Quá trình tự đánh giá của trường và báo cáo của hội đồng thanh tra sẽ đưa ra bằng chứng thuyết phục rằng: *Thứ nhất,* nhà trường đang đạt được một cách căn bản những mục đích và chức năng đã nêu, thể hiện trường đang hoạt động phù hợp với loại hình của trường. *Thứ hai*, nhà trường đang đạt được mức độ có thể chấp nhận được về chất lượng theo tiêu chuẩn của WASC do Hội đồng Kiểm định thông qua [56].

Tự đánh giá chất lượng môn học ở trường trung học phổ thông của bang Michigan, Hoa Kì

Đối với các trường THPT thuộc bang Michigan - Hoa Kì [46], [86], việc tự đánh giá môn học là một hoạt động quen thuộc của các nhà trường để đảm bảo chất lượng. Hoạt động tự đánh giá môn học được thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra và chuẩn thực hiện môn học đã xác định. Chuẩn đầu ra và chuẩn thực hiện môn học được xác định cho cả cấp học. Cụ thể:

- Chuẩn đầu ra được xây dựng để hướng dẫn giáo viên giảng dạy và chất lượng giảng dạy cần hướng tới. Còn để trả lời câu hỏi "Học sinh thực hiện như thế nào?", thì chuẩn thực hiện với các chỉ số đo lường thành tích học tập của học sinh dựa vào chuẩn đầu ra đã được xây dựng.

- Chuẩn thực hiện được xây dựng theo ba mức độ thành thạo đã giúp giáo viên xác định được sự tiến bộ của học sinh so với chuẩn đầu ra môn học. Ba mức độ thành thạo trong chuẩn thực hiện môn học ở bang Michigan được xác định, mô tả như sau: *Mức độ 1* (thành thạo một phần - Partially proficient): Ở mức độ này học sinh phải làm chủ một phần những kiến thức và kĩ năng cơ bản cần thiết nhất mà chuẩn đầu ra yêu cầu. *Mức độ 2* (thành thạo - Proficient): Ở mức độ này học sinh cần phải chứng minh được năng lực của mình thông qua việc nắm vững kiến thức, vận dụng được kiến thức đó để giải quyết những bài toán thực tế. Không chỉ nắm vững kiến thức, các kĩ năng, thái độ, hành vi được quy định ở chuẩn đầu ra đều được học sinh đáp ứng. *Mức độ 3* (nâng cao - Advanced): Ở mức độ này học sinh phải thể hiện năng lực của bản thân vượt cao hơn so với các yêu cầu của chuẩn đầu ra.

Căn cứ vào việc xác định, mô tả mức độ thành thạo nói trên, chuẩn thực hiện môn học được xây dựng

Tóm lại: từ các thông tin đã nêu, kết hợp với so sánh với một số dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT nêu ra ở chương 1 của luận án có thể rút ra một số nhận xét về hoạt động tự đánh giá và công tác quản lý chất lượng ở trường phổ thông Hoa Kì như sau: *Thứ nhất,* tự đánh giá được thực hiện xuất phát từ lợi ích, nhu cầu quản lý chất lượng của nhà trường. Điều này đã tạo ra động lực tự đánh giá cho nhà trường và những cá nhân, tập thể tham gia vào hoạt động này. *Thứ hai,* mục đích tự đánh giá được xác định rất rõ ràng, đầu tiên là nhà trường tổ chức tự đánh giá để không ngừng cải thiện chính mình, tiếp theo là để kiểm định chất lượng theo yêu cầu của hội đồng kiểm định chất lượng. *Thứ ba,* tự đánh giá được thực hiện theo chuẩn đã xác định và phục vụ lợi ích nâng cao chất lượng. *Thứ tư,* tự đánh giá đã diễn ra ở cả hai cấp, cấp trường và cấp bộ môn (môn học). Trong đó tự đánh giá cấp bộ môn (môn học) tập trung vào nội dung đánh giá chất lượng dạy học môn học của giáo viên và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Triết lí của WASC về hoạt động tự đánh giá còn cho thấy chương trình học tập các môn học ở Hoa Kì hướng tới việc hình thành, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh (cung cấp kiến thức, giáo dục kĩ năng, hình thành hành vi, thái độ). *Thứ năm,* về quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội:

Tự đánh giá là hoạt động nội bộ của nhà trường. Các cơ quan quản lý, tổ chức bên ngoài không tham gia, do đó nhà trường có nhiều quyền tự chủ. Tự đánh giá không chỉ là một hoạt động mang tính tự nguyện; tự giác mà nó đã diễn ra với tính tự chủ rất cao của nhà trường. *Thứ sáu, có sự kết hợp tốt giữa tự đánh giá với kiểm định chất lượng để hướng tới sự thành công của việc đảm bảo chất lượng nhà trường.*

Với một số nhận xét trên, có thể nhận định tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở các trường phổ thông Hoa Kì ít nhất đang diễn ra ở cấp độ đảm bảo chất lượng, một số trường phổ thông đang thực hiện tự đánh giá theo hướng quản lý chất lượng tổng thể.

2.1.1.2. Tự đánh giá tại cộng hòa Scotlen – Vương quốc Anh

Cộng hòa Scotlen (Scotland) là một quốc gia tại Tây Âu, thuộc Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland cùng với Anh, xứ Wales và Bắc Ireland. Hệ thống giáo dục Scotlen rất chú trọng vào giáo dục phổ thông với một hệ thống giáo dục công cộng phổ thông. Giáo dục được đặt dưới quyền điều hành của chính phủ và là bắt buộc với tất cả trẻ em. Scotlen có một tỉ lệ cao dân số được giáo dục ở bậc tiểu học, trung học và đại học hơn bất cứ quốc gia nào tại châu Âu [99].

Tự đánh giá trường trung học ở Scotlen [89]

- Về vai trò của tự đánh giá: Tự đánh giá là một thành tố rất quan trọng trong khung đảm bảo chất lượng giáo dục trường học ở Scotlen và các trường phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều này.

- Về quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc tổ chức tự đánh giá: Tự đánh giá trong trường học là việc các nhân viên trong trường quyết định xem các vấn đề liên quan đến nhà trường đã đạt được chuẩn về chất lượng hay chưa. Quyền tự chủ của trường học ở Scotlen được thể hiện ở chỗ bên cạnh các lĩnh vực đánh giá được đề ra bởi hệ thống đánh giá chất lượng Scotlen, các trường học có quyền được lựa chọn thêm lĩnh vực tự đánh giá phù hợp với thực tế nhà trường miễn là nó đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia. Tuy nhiên trách nhiệm xã hội của nhà trường như thế nào đối với kết quả tự đánh giá thì chưa được đề cập nhiều.

- Về lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá: lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá là sự kết hợp giữa hai bên, một bên là đề xuất của hệ thống đánh giá chất lượng Scotlen, bên còn lại là đề xuất của nhà trường tùy vào tình hình thực tế các nhà trường.

- Về quy trình tự đánh giá và tự điều tiết

Tài liệu Hướng dẫn đánh giá và bảo đảm chất lượng cho trường trung học *(Guide to Assessment and Quality Assurance for Secondary Schools)* đã nêu ra trình tự 8 bước

của quá trình tự đánh giá. Các nhà trường cần nắm vững, sử dụng thành công 8 bước này vào tổ chức tự đánh giá chất lượng của mình, 8 bước đã nêu gồm: *Cân nhắc các kĩ năng và kiến thức mà ứng viên phải trình bày, cần đạt được và các tiêu chuẩn đã được áp dụng; Đánh giá những vấn đề cần thiết, sử dụng được tối đa các nguồn lực đã có; Xác định trước câu trả lời hay biện pháp được mong đợi từ việc đánh giá; Điều chỉnh công cụ đánh giá và kết hợp chiến thuật đánh giá với đồng nghiệp; Đánh giá bằng chứng của các ứng viên có tính đến các yêu cầu đánh giá đặc biệt; Kiểm tra tính bền vững của các quyết định đánh giá; Làm và ghi lại các quyết định đánh giá, cho phép đánh giá lại những chỗ cần thiết; Chuyển kết quả tự đánh giá đến trung tâm kiểm định và đánh giá chất lượng Scotlen, lưu trữ các ghi chép đánh giá, tài liệu đánh giá và bằng chứng của các ứng viên; Điều tiết bên trong (tự điều tiết) được thực hiện để đảm bảo chắc chắn rằng các nhân viên của nhà trường đang có những quyết định đánh giá phù hợp với tiêu chí đánh giá đã được đề ra trong hệ thống đánh giá của Scotlen. Tuỳ theo quy mô và năng lực của từng trường mà các trường tiến hành điều tiết theo những cách khác nhau. Nhưng điều quan trọng là các nhân viên của nhà trường phải ý thức được yêu cầu của hệ thống và làm theo các yêu cầu được đề ra. Quá trình tự điều tiết của các nhà trường được giám sát chặt chẽ và sự giám sát này chính là cầu nối giữa tự điều tiết với điều tiết ngoài trong hệ thống đánh giá chất lượng Scotlen. Quá trình tự điều tiết còn giúp cho các nhà trường tránh được những hậu quả không đáng có do sự sơ suất hoặc thiếu kinh nghiệm của một hay một số cá nhân trong trường chưa có kinh nghiệm tự đánh giá. Các tài liệu về tự đánh giá cần được phổ biến rộng rãi ở các trung tâm kiểm định và các tài liệu này cần nhận được sự ủng hộ của các nhà trường [89].*

So với một số dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT nêu ra ở chương 1 của luận án có thể rút ra một số nhận xét sau đây từ Hướng dẫn đánh giá và bảo đảm chất lượng cho trường trung học ở Scotlen: *Thứ nhất,* tự đánh giá có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng cho các nhà trường. *Thứ hai,* quyền tự chủ của nhà trường được tôn trọng. Bên cạnh những đề xuất chung của cả hệ thống đảm bảo chất lượng Scotlen, các trường có quyền đề ra nội dung, lĩnh vực tự đánh giá cho riêng mình. *Thứ ba,* hoạt động tự đánh giá của các nhà trường đảm bảo tính pháp lí, đáng tin cậy, đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia rất chặt chẽ của Scotlen và phù hợp với thực tế các nhà trường. *Thứ tư,* tự điều tiết song hành với tự đánh giá dưới sự giám sát của nhà trường. Như vậy, có thể nhận định tự đánh giá

của các trường trung học ở Scotlen đang diễn ra ở cấp độ trên của kiểm soát chất lượng.

2.1.2. Tự đánh giá ở trường trung học phổ thông tại một số quốc gia đang phát triển

2.1.2.1. Cộng hòa Croatia

- Cộng hòa Croatia là một quốc gia ở Đông Nam Âu mới tuyên bố độc lập để trở thành một quốc gia có chủ quyền từ tháng 6 năm 1991. Cộng hòa Croatia là quốc gia có thu nhập cao và đã tham gia tổ chức thương mại thế giới. Giáo dục phổ thông tại Croatia bắt đầu từ trẻ lên sáu tuổi, gồm tám lớp và giáo dục phổ thông là miễn phí. Giáo dục cưỡng bách lên tới mười tám tuổi (Trường cấp hai) giáo dục cấp hai được thực hiện bởi các trường thể dục và các trường dạy nghề [99].

- Tự đánh giá nhà trường được thực hiện lần đầu tiên trong hệ thống giáo dục Croatia vào tháng 5 năm 2006 sau khi triển khai chương trình đánh giá quốc gia. Tại thời điểm đó chỉ các trường thể dục mới có chương trình tự đánh giá. Đầu tiên, mỗi trường bắt đầu quá trình tự đánh giá *(dựa vào chương trình đánh giá quốc gia và trên các kết quả của bảng câu hỏi cho học sinh, sinh viên)* bằng cách viết một báo cáo tự đánh giá, trong đó có kế hoạch phát triển trường học. Trong phạm vi kế hoạch phát triển, các trường xác định mục tiêu quan trọng, mục tiêu cụ thể cho phát triển trường học và cải thiện chất lượng. Trong năm 2007, việc đánh giá quốc gia được tiến hành tại các trường dạy nghề, chương trình trung học và các trường học khác cũng được khuyến khích để học tập quá trình tự đánh giá bằng cách sử dụng các công cụ tương tự. Kết quả ban đầu là phần lớn các trường thừa nhận những mục tiêu quan trọng, đồng thời là những ưu tiên chính của họ, gồm: chất lượng của quá trình giáo dục, điều kiện vật chất, trang bị trường học, bầu không khí trong trường học, giáo dục thường xuyên của giáo viên và sự hợp tác của tất cả các bên liên quan [56].

Như vậy việc tự đánh giá ở các trường trung học của Croatia đã: *Một là,* đáp ứng được mục đích và một số nguyên tắc của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là tự đánh giá gắn với các mục tiêu phát triển trường học và nhằm vào mục đích cải thiện, nâng cao chất lượng nhà trường. *Hai là,* qua tự đánh giá các nhà trường xác định được các mục tiêu, lĩnh vực quan trọng và các ưu tiên chính cần tập trung nguồn lực, vật lực. Ví dụ: bầu không khí trong trường học, sự giáo dục thường xuyên, liên tục của giáo viên đối với học sinh.

2.1.2.2. Cộng hòa Slovakia

- Cộng hoà Slovakia là một quốc gia ở Đông Âu với dân số trên 5 triệu người và diện tích khoảng 49,000 km^2. Slovakia là quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu, NATO và các tổ chức quốc tế khác. Slovakia trở thành một nhà nước độc lập từ ngày 1 tháng 1 năm 1993. Slovakia có một nền kinh tế hiện đại và có thu nhập cao với mức tăng trưởng kinh tế nhanh nhất EU và OECD [99].

- Tự đánh giá ở cộng hòa Slovakia [64]

Về vai trò của tự đánh giá: Tự đánh giá nói chung và đặc biệt tự đánh giá trong các trường học nói riêng như là một phần không thể thiếu của công tác quản lý. Mỗi trường học có phương pháp tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá khác nhau, tự đánh giá không chỉ là một biện pháp đảm bảo chất lượng cho nhà trường mà nó còn là một công cụ, góp phần làm thay đổi một cách tích cực đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững cho các cơ sở giáo dục.

Về quá trình tự đánh giá: quá trình tự đánh giá của các trường được bắt đầu từ việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức của nhà trường. Việc tổ chức tự đánh giá xuất phát từ nhu cầu mong muốn được tự đánh giá của cơ sở giáo dục và của từng nhân viên trong tổ chức. Các nhân viên tự nguyện, tích cực tham gia vào hoạt động tự đánh giá. Quá trình tự đánh giá bao gồm quá trình thường xuyên và quá trình theo hệ thống (*Tự đánh giá thường xuyên và tự đánh giá theo chu kì, kế hoạch*). Bên cạnh đó, hoạt động tự đánh giá được chuẩn bị kĩ lưỡng và lên kế hoạch một cách linh hoạt.

Như vậy, có thể thấy so với một số dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT ở chương 1 thì tự đánh giá của Slovakia đã thỏa mãn một số dấu hiệu sau của cấp độ đảm bảo chất lượng: *Một là,* tự đánh giá có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng các trường trung học ở Slovakia. *Hai là,* hoạt động tự đánh giá xuất phát từ nhu cầu của cá nhân và cả cơ sở giáo dục. Đây sẽ là điểm tựa để tạo động lực tự đánh giá cho nhà trường và cho các giáo viên. *Ba là,* tự đánh giá được chuẩn bị chu đáo và được thực hiện theo quy trình mà bắt đầu là việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của nhà trường. *Bốn là,* có sự kết hợp giữa tự đánh giá thường xuyên với tự đánh giá theo chu kì.

2.1.2.3. Cộng hòa Slovenia

- Cộng hòa Slovenia là một quốc gia thuộc khu vực Nam Âu. Slovenia là một quốc gia có diện tích tương đối nhỏ và ít dân. Nhưng hệ thống giáo dục của Slovenia

được đánh giá rất cao trên thế giới và đứng thứ 4 trong EU. Tỷ lệ biết chữ quốc gia là 99,6% [99].

- Tự đánh giá trong hệ thống đánh giá và đảm bảo chất lượng ở Slovenia [87]

Ở Slovenia có 4 kiểu đánh giá đan xen lẫn nhau, đó là: Đánh giá bên trong, đánh giá bên ngoài, đánh giá hệ thống và đánh giá kiến thức. Việc đánh giá các trường học được tiến hành như là tự đánh giá với người đánh giá là các đối tượng tham gia trực tiếp vào các hoạt động của nhà trường như cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên và như là đánh giá ngoài với người đánh giá không trực tiếp tham gia vào các hoạt động của trường. Trong 15 năm gần đây, Slovenia đã có sự chủ động trong việc tự đánh giá. Dưới sự khuyến khích của Bộ Giáo dục và Thể thao Slovenia, nhiều dự án về đánh giá chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục đã và đang được tiến hành thực hiện. Nhiều trường học và nhiều dự án có mục tiêu là các quá trình giáo dục chất lượng cao đã liên kết thiết lập một hệ thống tự đánh giá, đánh giá chất lượng, đảm bảo chất lượng giáo dục [87].

Về nội dung, lĩnh vực tự đánh giá: Những nội dung, lĩnh vực mà các trường học đã chọn cho việc tự đánh giá, gồm cả quá trình giáo dục và thành tựu của các mục tiêu chương trình. Ví dụ: các bài học được tiến hành như thế nào (*phương pháp dạy học, chiến thuật học tập một cách chủ động, tổ chức quá trình dạy học, thời gian biểu…*); việc nuôi dưỡng các giá trị trong giáo dục như tính khoan dung độ lượng, tình đoàn kết, tinh thần trách nhiệm, trách nhiệm công dân, lối sống lành mạnh…; mối quan hệ cũng như sự hợp tác giữa các đối tượng giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương (sự tác động qua lại trong lớp, sự giúp đỡ thêm với những học sinh cần sự giúp đỡ đặc biệt, sự chủ động của các cá nhân, sự đầu tư nguồn lực con người, phát triển nghề nghiệp và sự hài lòng về nghề nghiệp…)[87]

Về quy trình tổ chức thực hiện việc tự đánh giá trong các nhà trường Slovenia:

(i) Các cấp quản lý, lãnh đạo chuẩn bị hồ sơ, xác định các nguyên tắc, xây dựng chiến thuật giao tiếp giữa lãnh đạo với nhân viên và các đối tượng liên quan đến việc tự đánh giá. (ii) Lãnh đạo nhà trường bổ nhiệm, giao nhiệm vụ cho các nhóm kiểm tra, đánh giá chất lượng. (iii) Các nhóm kiểm tra xác định lĩnh vực, khu vực tự đánh giá, chuẩn bị hệ thống câu hỏi, tiến hành điều tra, trình bày dữ liệu, phân tích, xử lí dữ liệu. (iv) Xác định các lĩnh vực cần được cải thiện, lựa chọn thiết bị và phương pháp của công việc tiếp theo, thảo luận các chỉ số về chất lượng và thiết kế các kế hoạch hành động. Kế hoạch hành động gồm mục tiêu, hoạt động, khung thời gian, điều hành và

đánh giá các bước của cá nhân. Trong quá trình triển khai tự đánh giá thì nhiều tài liệu được chuẩn bị và chuyển cho học sinh, tổ chức hội thảo về dịch vụ đào tạo đối với học sinh, phát tờ rơi cho cha mẹ học sinh. Nhiều trang web được thiết kế để trình bày dự án và quá trình của dự án. Nhiều hội nghị và hội thảo được tổ chức để thảo luận các vấn đề và tìm ra biện pháp giải quyết các tồn tại. Tại các hội nghị, hội thảo này các đại biểu được tự do chia sẻ kinh nghiệm, phát biểu ý kiến, trao đổi thông tin và đưa ra các ví dụ thực tiễn.

Kinh nghiệm của việc tổ chức tự đánh giá ở các trường phổ thông của Slovenia là:

Một là, quyền tự chủ của các nhà trường trong việc tổ chức tự đánh giá luôn được ưu tiên, coi trọng. *Hai là,* các trường chủ động lựa chọn những lĩnh vực quan trọng của mình để tự đánh giá. *Ba là,* kế hoạch và quy trình thực hiện tự đánh giá được các nhà trường xây dựng rất cụ thể, chi tiết, có sự phân công, phân nhiệm rất rõ ràng, đồng thời huy động được đông đảo các đối tượng liên quan tham gia một cách công khai, minh bạch.

Trên đây là thực tiễn tự đánh giá ở trường phổ thông của một số quốc gia phát triển hay quốc gia đang phát triển. Dưới đây là thực tiễn tự đánh giá của trường phổ thông St.Cettina - Cộng hòa Malta [93]

Tự đánh giá tại trường St.Cettina - Cộng hòa Malta [93]

- Cộng hòa Malta là một đảo quốc nhỏ, diện tích chỉ rộng 300 km^2 và có mật độ dân số cao bậc nhất thế giới. Malta gồm bảy hòn đảo nằm giữa Địa Trung Hải, là một điểm du lịch quốc tế với nhiều khu giải trí và di tích lịch sử, bao gồm 9 di sản thế giới được UNESCO công nhận mà nổi bật nhất là các đền Megalithic là kiến trúc đứng riêng lẻ cổ nhất thế giới [99].

- Tự đánh giá tại trường St.Cettina, Malta

Về vai trò của Tự đánh giá: Tự đánh giá được xác định là một biện pháp quan trọng giúp trường St.Cettina nâng cao chất lượng, đáp ứng quá trình phân cấp và những thay đổi của hệ thống giáo dục ở khắp châu Âu cũng như trên thế giới.

Về mục đích của Tự đánh giá trường St.Cettina xác định:

Mục đích thứ nhất, tự đánh giá để tìm hiểu các hoạt động của nhà trường, cụ thể: nhà trường đã áp dụng một cái nhìn rộng về sáu lĩnh vực chính tạo thành tổ chức của một trường học (*cf.Knowing trường của chúng tôi năm 2004*) thông qua một quá trình tự đánh giá liên quan đến các bên liên quan của nhà trường (các bên có liên quan chủ yếu là: đội ngũ giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh). *Mục đích thứ hai,* thông

qua tự đánh giá, nhà trường hy vọng có được thông tin chi tiết để giúp đỡ cho việc xây dựng kế hoạch phát triển trường học và chuẩn bị cho một cuộc kiểm toán bên ngoài (đánh giá ngoài).

Để tiến hành việc tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng một hệ thống các câu hỏi, với những câu hỏi chính sau: *Các lợi ích của tự đánh giá tại trường St.Cettina là gì? Tự đánh giá trong trường học sẽ tạo ra sự thay đổi tại trường St.Cettina như thế nào? Tổ chức tự đánh giá ở mức độ nào sẽ khuyến khích sự tham gia nhiều hơn giữa tất cả các bên liên quan để thúc đẩy cải tiến trường học? Trong những cách tổ chức tự đánh giá, cách nào sẽ giúp nhà trường lắng nghe được nhiều hơn tiếng nói của học sinh? Tự đánh giá ở mức độ nào sẽ có ảnh hưởng tốt nhất đến chất lượng giảng dạy của giáo viên, chất lượng học tập và thành tích học tập của học sinh? Tự đánh giá trong trường học sẽ tăng cường mức độ cam kết phát triển của giáo viên mà nhất là phát triển chuyên môn để đáp ứng nhu cầu cụ thể của nhà trường hay không? Tự đánh giá trong trường học có thể có khả năng đe dọa đến các giáo viên hay không? Tự đánh giá trong trường học có bị coi như là một gánh nặng thêm cho đời sống học đường hay không?*

Như vậy có thể thấy để tiến hành tự đánh giá, trường St.Cettina đã:

Xác định mục đích tự đánh giá rất rõ ràng là tìm hiểu các hoạt động của chính mình; Tự đánh giá để cải thiện chất lượng và xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (mục đích và một số nguyên tắc của tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng đã được đáp ứng).

Trước khi tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã đặt ra và giải quyết các vấn đề có liên quan tới tự đánh giá nhằm đạt tới kết quả tự đánh giá cao nhất. Lợi ích của nhà trường, lợi ích của các bên có liên quan đều được đặt ra, được coi trọng như nhau. Điều này đã tạo ra động lực tự đánh giá cho các cá nhân và tập thể trong nhà trường...

2.2. Tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam

2.2.1. Sơ lược về tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam

Tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam có thể được phân định làm hai giai đoạn, lấy năm 2003 là năm Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục (KT&KĐCL GD) thuộc Bộ GD&ĐT được thành lập làm mốc tính.

- Tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam trước năm 2003: Trước năm 2003 hoạt động tự đánh giá đã được tiến hành thực hiện hoặc theo năm học hoặc theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên. Thời kì này, dù cơ chế quản lý mang tính tập trung nhưng tự đánh giá vẫn có vai trò nhất định trong việc kiểm soát chất lượng của các nhà trường. Tuy vậy, tự đánh giá trong thời kì này chưa được thực hiện bài bản, chưa theo các quy trình chất lượng đã xác định. Phạm vi tự đánh giá bị giới hạn trong một số nội dung, lĩnh vực nhất định. Kết quả tự đánh giá mới dừng ở chỗ xác định chất lượng của một hoạt động hay một lĩnh vực nào đó trong nhà trường, chưa đóng góp nhiều cho việc đảm bảo chất lượng trong nhà trường. Ví dụ: Trong hoạt động giảng dạy ở các trường THPT, sau khi thực hiện việc chấm bài và trả bài kiểm tra viết (15 phút hay 1 tiết), giáo viên bộ môn thường có phần tự nhận xét, đánh giá về nội dung đề bài và kết quả làm bài kiểm tra của học sinh. Việc nhận xét, đánh giá này nhằm xác định lại nội dung kiểm tra đã bám sát mục tiêu môn học, đã phù hợp với đối tượng học sinh hay chưa và kết quả làm bài của học sinh đạt được ở mức độ nào so với yêu cầu đề ra của giáo viên…Việc tự nhận xét, đánh giá nói trên đã giúp giáo viên xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động dạy của bản thân và hoạt động học của học sinh, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp. Như vậy, rõ ràng trước 2003 hoạt động tự đánh giá đã được tiến hành trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, có bao nhiêu phần trăm giáo viên đã thực hiện nghiêm túc quy định chấm trả nói trên, mức độ điều chỉnh hoạt động giảng dạy từ kết quả chấm bài, trả bài đó diễn ra như thế nào rất khó kiểm soát, định lượng. Một vấn đề khác, nhiều môn học ít tiết trên 1 tuần (có 1 hoặc 2 tiết/1 tuần) cả học kì chỉ có 1 bài kiểm tra 1 tiết khi đó sự điều chỉnh trong dạy và học của giáo viên *(nếu có)* cũng là quá muộn đối với học sinh.

- Tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam từ năm 2003 đến nay

Tự đánh giá ở các trường phổ thông trong nước

Tự đánh giá chất lượng các trường phổ thông được Bộ và các cơ sở giáo dục quan tâm nhiều hơn kể từ năm 2003 sau khi Bộ GD&ĐT thành lập Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục. Cụ thể:

- Việc triển khai: tự đánh giá đối với giáo dục phổ thông đã được thực hiện như sau: Bộ GD&ĐT tiến hành thử nghiệm việc tự đánh giá ở 10 trường THPT trọng điểm và một số trường phổ thông khác thuộc 4 Sở GD&ĐT như Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng, Đắc Lắc. Sau khi có kết quả thử nghiệm, từ năm học 2009 – 2010, thực hiện sự

chỉ đạo của Bộ GD&ĐT việc tổ chức tự đánh giá đã được triển khai ở tất cả các cơ sở giáo dục phổ thông trong cả nước.

- Kết quả bước đầu: Tính đến ngày 30/9/2014, Bộ GD&ĐT đã tổ chức 13 khóa tập huấn về tự đánh giá với tổng số 2730 người được tập huấn. Cũng tới thời điểm nói trên, toàn quốc có 26135 trường tiểu học, THCS và THPT hoàn thành tự đánh giá, đạt 90,75% (23/63 tỉnh, thành phố có 100% trường phổ thông đã hoàn thành tự đánh giá) [12].

- Một số khó khăn, tồn tại: Thông qua việc tiến hành tự đánh giá, các trường phổ thông đã nhận ra được nhiều khó khăn, tồn tại của nhà trường cũng như của hệ thống giáo dục, đặc biệt là những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý; trong điều kiện thiếu cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị dạy học. Tuy nhiên, việc triển khai và tiến hành tự đánh giá từ Bộ đến các cơ sở giáo dục phổ thông còn bộc lộ rất nhiều tồn tại, hạn chế. Cụ thể, Báo cáo sơ kết công tác kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2009-2014 và phương hướng những năm tiếp theo đã chỉ ra:

Về phía Bộ GD&ĐT việc chỉ đạo, triển khai tự đánh giá xuống dưới cơ sở giáo dục có 5 tồn tại chính. Đó là: hệ thống văn bản thay đổi, điều chỉnh nhiều; một số văn bản hướng dẫn thực hiện chậm được ban hành; chưa có chính sách, cơ chế để khuyến khích các cơ sở giáo dục thực hiện tốt và xử lý những cơ sở giáo dục chưa thực hiện tốt việc tự đánh giá; có sự chồng chéo, trùng lặp giữa các hình thức đánh giá nhà trường; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Bộ đối với hoạt động này chưa được thực hiện tốt. Những tồn tại, hạn chế nói trên đã ít nhiều gây khó khăn cho các địa phương và các trường phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá [12].

Về phía các sở GD&ĐT việc chỉ đạo, triển khai tự đánh giá xuống các trường có một số tồn tại cơ bản như: nhận thức về vai trò của tự đánh giá ở một số địa phương chưa đầy đủ nên sự quan tâm đối với hoạt động này chưa đúng mức; đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng của các sở GD&ĐT còn thiếu và yếu; chất lượng tập huấn tự đánh giá ở một số địa phương còn hạn chế, mang tính hình thức (thời gian tập huấn ngắn, đội ngũ cán bộ tham gia chưa chuyên nghiệp) [12]; ... Các tồn tại, hạn chế trên có thể dẫn tới tình trạng việc quản lý, chỉ đạo của các sở GD&ĐT không sát sao, quyết liệt, kết quả tự đánh giá giáo dục phổ thông không cao, không đảm bảo sự tin cậy và khó được xã hội thừa nhận.

Đối với các trường phổ thông việc triển khai hoạt động tự đánh giá có những tồn tại, hạn chế cơ bản như: Tư tưởng ngại khó, ngại tiếp cận vấn đề mới; Cán bộ, giáo viên ở các

trường chưa nắm chắc quy trình, kỹ thuật tự đánh giá nên việc tổ chức triển khai hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng; Các trường chưa thấy được quyền lợi của nhà trường nên việc tổ chức tự đánh giá hoặc chưa thực hiện đúng kế hoạch hoặc thực hiện một cách hình thức, tự đánh giá chưa xuất phát từ nhu cầu của nhà trường; Bệnh thành tích đã tác động không nhỏ đến kết quả tự đánh giá, kết quả thực hiện tự đánh giá không chính xác nên các nhà trường không xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi. Quan điểm tiếp cận "chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu" chưa được thể hiện rõ trong kết quả tự đánh giá; Chất lượng báo cáo tự đánh giá của nhiều trường không tốt. Báo cáo tự đánh giá còn nhiều hạn chế như: có sự mâu thuẫn trong việc phân tích những điểm mạnh, điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng; việc mô tả hiện trạng, minh chứng thu thập được còn nghèo nàn, thiếu tính thuyết phục; kế hoạch cải tiến chất lượng còn chung chung, chưa sát với với yêu cầu của tiêu chí, chưa rõ thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành, chưa xác định được các yêu cầu về nhân lực, vật lực cần có… nên kế hoạch chất lượng không phát huy được mặt mạnh, khắc phục được mặt yếu… hoạt động tự đánh giá ở nhiều trường phổ thông không có nhiều ý nghĩa; Công tác quản lý hành chính, lưu trữ hồ sơ của nhiều trường còn yếu. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhiều trường ở các tỉnh khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động tự đánh giá [12].

Tự đánh giá ở các trường phổ thông ở Thái Bình

- Việc triển khai: Từ năm học 2009 – 2010, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ, sở GD&ĐT Thái Bình đã triển khai tổ chức tự đánh giá tới tất cả các cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh. Sau khi Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên được ban hành, sở GD&ĐT Thái Bình đã đẩy mạnh công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng. Cụ thể, sở GD&ĐT đã ban hành các công văn: số 763/QĐ/SGDĐT-KT&QLCL GD ra ngày 30 tháng 11 năm 2012; số 45/SGDĐT-KT&QLCL GD ra ngày 16 tháng 01 năm 2014 và số 715/SGDĐT-KT&QLCL GD ra ngày 08 tháng 10 năm 2014 để hướng dẫn thực hiện tự đánh giá, kiểm định chất lượng các năm học 2013-2014 và 2014-2015. Việc ban hành các văn bản như trên cho thấy Thái Bình đã triển khai các văn bản của Bộ GD&ĐT về công tác kiểm định chất lượng giáo dục tới các cấp học, đã ban hành một số văn bản để giúp đỡ các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai hoạt động tự đánh giá.

- Kết quả thực hiện tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông Thái Bình (tính đến 30/9/2014)

Cấp học	TS trường	Đã hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả đánh giá ngoài (mức độ đạt)		
		SL	%	SL	%	Cấp độ **1**	Cấp độ **2**	Cấp độ **3**
TH	295			12	4.0			12
THCS	272	272	100.0	18	6.6		1	17
THPT	39	39	100.0	4	10.2			4
GDTX	10	9	90.0	1	10.0		1	
Tổng	**616**	**615**	**99.8**	**35**	**5.7**		**2**	**33**

(nguồn sở GD&ĐT Thái Bình)

Các số liệu nói trên cho thấy các cơ sở giáo dục phổ thông đã triển khai thực hiện khá tốt kế hoạch tự đánh giá theo yêu cầu của sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, với tỉ lệ 5.7% số trường học đã được kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài) cho thấy sở GD&ĐT chưa thực hiện tốt việc kiểm định chất lượng.

- Một số khó khăn, tồn tại *(báo cáo của sở GD&ĐT)*: Một số cán bộ quản lý của một vài đơn vị trường học nhận thức chưa đầy đủ về công tác kiểm định nên điều hành công việc chưa đúng quy trình, chất lượng báo cáo tự đánh giá chưa cao; Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm nòng cốt cho hoạt động kiểm định chất lượng chưa tốt. Số lượng người được tham gia tập huấn, bồi dưỡng thấp (36 người), không tương xứng với số lượng cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh (616) và đa số là kiêm nhiệm nên đã ảnh hưởng tới quá trình đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục cũng như việc kiểm tra công tác tự đánh giá của các cơ sở giáo dục; Kinh phí phục vụ cho công tác đánh giá ngoài hạn chế, chưa có danh mục chi cho công tác tự đánh giá của cơ sở giáo dục.

Tóm lại, căn cứ vào Báo cáo sơ kết công tác kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2009-2014 và phương hướng những năm tiếp theo của Bộ GD&ĐT; các báo cáo về công tác kiểm định chất lượng của sở GD&ĐT Thái Bình có thể khái quát lên bức tranh tự đánh giá ở các trường phổ thông Việt Nam như sau: hoạt động tự đánh giá ở các trường phổ thông đã được triển khai đại trà từ năm học 2009 – 2010, bên cạnh một số thành công hoạt động này còn rất nhiều tồn tại. Tồn tại đầu tiên là sự chỉ đạo của ngành GD&ĐT đối với việc triển khai hoạt động tự đánh ở các nhà trường còn nhiều lúng túng, chậm điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. Tồn tại lớn nhất là ở dưới cơ sở, việc triển khai mang tính hình thức, dựa vào kinh nghiệm, thiếu kế hoạch, đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia vừa ít, vừa chưa nắm được kỹ thuật tự đánh giá… dẫn tới việc

tự đánh giá chất lượng không đúng với thực tế, không có tác dụng cải tiến, nâng cao chất lượng của các nhà trường.

Để làm rõ hơn về các nhận định đã được Bộ và sở GD&ĐT Thái Bình đưa ra trong các báo cáo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông, đồng thời tìm hiểu thêm về các nguyên nhân khác dẫn tới hoạt động tự đánh giá chưa góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng của các trường phổ thông, luận án tiến hành đánh giá thực trạng tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam qua nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình.

2.2.2. Thực trạng tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam qua nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình

2.2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Luận án đã áp dụng một số phương pháp nghiên cứu như phỏng vấn nhóm và phỏng vấn sâu; khảo sát bằng phiếu hỏi; nghiên cứu sản phẩm để đánh giá thực trạng tự đánh giá chất lượng ở trường THPT tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

- Nghiên cứu sinh đã phỏng vấn sâu cá nhân đối với 10 người gồm: nhà khoa học, chuyên gia về lĩnh vực quản lý chất lượng giáo dục; lãnh đạo sở, lãnh đạo phòng ban sở GD&ĐT Thái Bình và đại diện cho các đối tượng quan tâm tới chất lượng của trường THPT. Đối với các trường THPT, nghiên cứu sinh đã phỏng vấn sâu 10 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (gọi chung là cán bộ quản lý) và phỏng vấn nhóm ban giám hiệu của một số trường THPT tỉnh Thái Bình. Nội dung phỏng vấn được thể hiện trong các câu hỏi phỏng vấn ở PHIẾU PHỎNG VẤN (Phiếu PV) phần phụ lục.

- Khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 200 cán bộ quản lý, giáo viên của 10 trường THPT như THPT Nguyễn Đức Cảnh, THPT Lê Quý Đôn, THPT Chu Văn An, THPT Nam Đông Quan, THPT Đông Tiền Hải… thuộc 4/8 thành phố, huyện thị (Thành phố Thái Bình, huyện Đông Hưng, huyện Kiến Xương, huyện Tiền Hải) của Thái Bình.

Các trường THPT được khảo sát đại diện cho: Các trường THPT khu vực thành phố (ví dụ: THPT Lê Quý Đôn), các trường THPT khu vực nông thôn (ví dụ: THPT Nam Đông Quan). Các trường THPT đạt Chuẩn Quốc gia, Chuẩn chất lượng (THPT Nguyễn Đức Cảnh, THPT Chu Văn An), các trường THPT khác (THPT Đông Tiền Hải).

Hình thức tiến hành khảo sát: kết hợp giữa hai hình thức khảo sát, khảo sát công khai với sự tham gia, chứng kiến của lãnh đạo nhà trường và công khai kết quả khảo

sát đối với nhà trường (ví dụ: THPT Chu Văn An, THPT Lê Quý Đôn) hoặc khảo sát độc lập để đảm bảo tính khách quan (ví dụ: THPT Nguyễn Đức Cảnh, THPT Đông Tiền Hải).

- Nghiên cứu sản phẩm là hồ sơ và báo cáo kết quả tự đánh giá của một số trường THPT ở Thái Bình.

2.2.2.2. Kết quả nghiên cứu

a) Kết quả phỏng vấn đội ngũ cán bộ quản lý trường THPT

- *Về mục đích Tự đánh giá*: 9/10 cán bộ quản lý nhận định tự đánh giá để chuẩn bị báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng) của sở GD&ĐT; 1/10 cán bộ quản lý nhận định tự đánh giá trước tiên là để chuẩn bị báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài của sở GD&ĐT, sau đó căn cứ vào kết quả tự đánh giá để nhà trường điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Điều này cho thấy ngay cả đội ngũ cán bộ quản lý, những người chịu trách nhiệm cao nhất trong nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá cũng chưa xác định đúng mục đích của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng. Đối với họ tự đánh giá đơn giản là để phục vụ kiểm định chất lượng.

- *Về vị trí của tự đánh giá trong hệ thống đảm bảo chất lượng*: 10/10 cán bộ quản lý không xác định được vị trí của tự đánh giá trong hệ thống đảm bảo chất lượng. Những cán bộ quản lý này không hiểu hệ thống đảm bảo chất lượng là gì. Đây là một thách thức lớn đối với công tác quản lý chất lượng ở các trường THPT vì các trường đang thực hiện những công việc mà họ không hiểu rõ về nó.

- *Về vai trò của tự đánh giá:* cán bộ quản lý và ban giám hiệu các trường THPT được phỏng vấn đều có chung nhận định tự đánh giá đã giúp nhà trường nhìn nhận lại chất lượng hiện tại của nhà trường. Như vậy, có thể nói bước đầu tự đánh giá đã có vai trò nhất định đối với việc đảm bảo chất lượng trong nhà trường. Nhưng như vậy là chưa đủ vì tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng cần giúp các nhà trường rà soát toàn bộ các hoạt động quản lý chất lượng; tiếp tục hoàn thiện, cải tiến các quy trình chất lượng.

- *Về động lực tự đánh giá*: 9/10 cán bộ quản lý nhận định hoạt động tự đánh giá được nhà trường thực hiện xuất phát từ yêu cầu của Bộ và sở GD&ĐT, không xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của nhà trường, của cán bộ, giáo viên. Kết quả phỏng vấn này cho thấy nhà trường và đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa thực sự có động lực tự đánh giá. Thiếu động lực tự đánh giá sẽ dẫn tới tình trạng nhà trường, cán bộ, giáo viên tổ chức hoạt động tự đánh giá qua loa, hình thức.

- *Về nguyên tắc tự đánh giá*: cán bộ quản lý và ban giám hiệu các trường THPT đều nhận định hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo các văn bản đã có của Bộ GD&ĐT và tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng. Các cán bộ quản lý nhất trí với nhận định để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng cần tuân thủ một số nguyên tắc tự đánh giá khác như: Tự đánh giá phải thực hiện theo chuẩn, bằng các quy trình chất lượng do nhà trường xây dựng hay tự đánh giá phải huy động được mọi cán bộ, giáo viên tham gia… nhưng các nguyên tắc trên chưa được nhà trường triển khai thực hiện. Kết quả phỏng vấn trên cho thấy xét trên phương diện nguyên tắc tự đánh giá thì hoạt động tự đánh giá của các trường THPT chưa đáp ứng các nguyên tắc của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

- *Về các cấp độ tự đánh giá*: 10/10 cán bộ quản lý được hỏi cho biết, các trường đã thực hiện tự đánh giá cấp trường, chưa triển khai tự đánh giá cấp bộ môn. Lí do các trường chưa triển khai tự đánh giá cấp bộ môn vì Bộ, sở GD&ĐT không yêu cầu và không có văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện. Câu trả lời và sự giải thích này là một minh chứng nữa cho thấy hoạt động tự đánh giá hiện nay ở các trường THPT đang diễn ra thụ động, máy móc.

- *Về tổ chức triển khai tự đánh giá*: 100% các trường THPT thực hiện tự đánh giá theo kế hoạch của Bộ và sở GD&ĐT, không có trường nào xây dựng kế hoạch tự đánh giá cho riêng mình dựa vào kế hoạch chung của Bộ và sở GD&ĐT.

- *Về chỉ đạo thực hiện tự đánh giá:* Bộ và sở GD&ĐT chỉ đạo kế hoạch tự đánh giá của các trường THPT, còn quá trình tự đánh giá ở nhà trường do lãnh đạo nhà trường chỉ đạo thực hiện.

- *Về kiểm tra, điều chỉnh hoạt động tự đánh giá:* Đã có sự phối hợp giữa sở GD&ĐT với nhà trường để kiểm tra, điều chỉnh hoạt động tự đánh giá nhưng sở GD&ĐT đóng vai trò quyết định.

- *Về kết quả mà các nhà trường thu được từ hoạt động tự đánh giá:* Thông qua tự đánh giá, các nhà trường đã có đủ minh chứng để xây dựng một bản báo cáo tự đánh giá đón đoàn đánh giá của sở GD&ĐT. Bên cạnh đó, nhờ có tự đánh giá mà "*bức tranh*" chất lượng của nhà trường thời điểm tự đánh giá đã được phác họa dù rằng chưa rõ nét.

<u>*Nhận xét chung*</u>: Đối chiếu giữa cơ sở lí luận về *Dấu hiệu, đặc điểm của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng* được nêu ra ở chương 1 với kết quả phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ quản lý trường THPT trên một số phương diện mục đích, vị trí, vai trò, động lực và nguyên tắc tự đánh giá; các cấp độ tự đánh giá; về tổ chức triển khai, chỉ

đạo, đánh giá, điều chỉnh hoạt động tự đánh giá và về kết quả thu về sau khi thực hiện tự đánh giá, có thể nhận xét hoạt động tự đánh giá đã được các nhà trường tổ chức triển khai thực hiện. Tuy nhiên, với việc thiếu động lực tự đánh giá; mục đích tự đánh giá chỉ để đối phó với hoạt động thanh tra, kiểm định chất lượng từ bên ngoài; với vai trò mờ nhạt của tự đánh giá; với các nguyên tắc tự đánh giá chưa được áp dụng nghiêm ngặt và với sự phụ thuộc quá lớn của các nhà trường vào các cơ quan quản lý cấp trên cho thấy tự đánh giá của trường THPT hiện nay chưa được thực hiện trong đảm bảo chất lượng.

Để làm rõ thực trạng tổ chức, triển khai thực hiện tự đánh giá ở các trường THPT, luận án đưa ra một số kết quả phỏng vấn khác cùng với kết quả nghiên cứu sản phẩm và kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên. Kết quả khảo sát thực trạng bằng phiếu hỏi được tập trung vào một số vấn đề như: Xây dựng và thực hiện các điều kiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng (nhấn mạnh đối với các điều kiện tiên quyết); Thực hiện các nội dung công việc của tự đánh giá cấp trường: Lựa chọn mô hình đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá (lựa chọn lĩnh vực tự đánh giá; xác định các phương pháp thu thập minh chứng; xây dựng quy trình tự đánh giá); tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; kết quả thực hiện tự đánh giá theo các lĩnh vực được lựa chọn; phân tích, đánh giá và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá; công bố kết quả tự đánh giá; Thực hiện các nội dung công việc của tự đánh giá cấp bộ môn (tập trung vào tự đánh giá chất lượng môn học với các nội dung chính như: xây dựng chuẩn đầu ra; chuẩn đánh giá; xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học; tự đánh giá chất lượng môn học); Đánh giá một số yếu tố tác động đến kết quả tự đánh giá

b) Kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, giáo viên kết hợp với nghiên cứu sản phẩm và phỏng vấn cán bộ quản lý về thực trạng tự đánh giá ở trường THPT

Việc khảo sát, nghiên cứu sản phẩm kết hợp với phỏng vấn tập trung làm rõ một số vấn đề có liên quan đến thực trạng tự đánh giá ở trường THPT Thái Bình như: *thực trạng xây dựng và thực hiện các điều kiện tự đánh giá; thực trạng tự đánh giá cấp trường; thực trạng tự đánh giá cấp bộ môn*. Từ đó nhận định về một số yếu tố tác động tới tự đánh giá chất lượng ở trường THPT và việc thực hiện tự đánh giá ở các trường THPT của tỉnh Thái Bình. Kết quả thu được cụ thể như sau:

*** Xây dựng và thực hiện các điều kiện tự đánh giá**

Xác định, thực hiện các điều kiện chung

Đảm bảo tính pháp lí của hoạt động tự đánh giá

- Về các văn bản pháp lí và việc áp dụng các văn bản này để tổ chức hoạt động tự đánh giá trong nhà trường: Kết quả nghiên cứu sản phẩm và phỏng vấn cho thấy hoạt động tự đánh giá ở các trường THPT được triển khai dựa vào: Luật Giáo dục 2005 (Điều 17 và Điều 58); Nghị định số 75/2006/NĐ-CP của Chính phủ (Điều 38,39,40, chương VII); Chiến lược phát triển Giáo dục: giai đoạn 2001-2010; giai đoạn 2011-2020. Về phía Bộ GD&ĐT, Bộ đã ban hành một số văn bản để triển khai công tác quản lý chất lượng đối với giáo dục phổ thông như: Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT, các quyết định số 80/2008/QĐ-BGDĐT; 83/2008/QĐ-BGDĐT *(gọi tắt là QĐ 80 và QĐ 83)*, Hướng dẫn số 7880/BGDĐT-KTKĐCLGD về công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Gần đây, có: Thông tư số 13/2012/TT-BGDĐT, ra ngày 06 tháng 4 năm 2012, *Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học*; Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT, ra ngày 23 tháng 11 năm 2012, *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên* (gọi tắt là Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT); Hướng dẫn số: 8987/BGDĐT-KTKĐCLGD, ra ngày 28 tháng 12 năm 2012, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Việc phổ biến các văn bản pháp lí đến đội ngũ cán bộ, giáo viên: 87% cán bộ, giáo viên cho rằng nhiều văn bản quan trọng như Chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2001-2010 và giai đoạn 2011-2020; văn bản về kiểm định chất lượng…chưa được các nhà trường triển khai, phổ biến kỹ.

Như vậy, có thể thấy, hoạt động tự đánh giá của các trường THPT bước đầu đã được đảm bảo về mặt pháp lí. Tuy nhiên, với hệ thống văn bản như đã nêu trên, có thể thấy hệ thống văn bản pháp lí dành cho hoạt động tự đánh giá nói riêng, công tác quản lý chất lượng nói chung ở các trường phổ thông chưa nhiều. Việc phổ biến các văn bản pháp lí đến đội ngũ cán bộ, giáo viên các nhà trường chưa tốt. Một thực tế nữa là trong một khoảng thời gian ngắn, nhiều văn bản mới ra đời thay thế cho văn bản đã có trước đó cho thấy định hướng của Bộ GD&ĐT với công tác quản lý chất lượng giáo dục phổ thông chưa thực sự ổn định. Nhận định này hoàn toàn phù hợp với báo cáo của Bộ GD&ĐT tại hội nghị sơ kết công tác kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2009-2014.

Về quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường THPT trong việc tự đánh giá

- Về quyền tự chủ: Chương 1 của luận án đã nêu ra một điều kiện quan trọng để nhà trường thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng, đó là: nhà trường cần có quyền tự chủ trong tự đánh giá trên một số lĩnh vực: *đưa ra tuyên bố sứ mệnh; lãnh đạo và điều hành hoạt động tự đánh giá, tạo nguồn tài chính để tổ chức tự đánh giá; tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động tự đánh giá...* và tự chủ một phần trong việc: *xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng và quy trình tự đánh giá; trong việc xác định lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá, lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng cho nhà trường dựa trên những quy định đã có của Bộ GD&ĐT*. Thực tế khảo sát cho thấy:

Mặc dù nhà trường chưa được trao đầy đủ quyền tự chủ trên hai lĩnh vực *lãnh đạo và điều hành (35.5%); tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động tự đánh giá (29.5%)* nhưng ở hai lĩnh vực này các nhà trường cũng có quyền tự chủ một phần (tỉ lệ lần lượt là 60.5% và 65.5%) cùng với việc có quyền tự chủ một phần đối với *Tự chủ nguồn tài chính để tổ chức tự đánh giá* (64%). Các nhà trường hoàn toàn không có quyền tự chủ ở hai lĩnh vực quan trọng nhất là *xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng và quy trình tự đánh giá; trong việc xác định lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá, lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng cho nhà trường* (tỉ lệ đánh giá nhà trường không có quyền tự chủ lần lượt là 69% và 53%)

- Về trách nhiệm xã hội:

Theo đánh giá của cán bộ, giáo viên thì nhà trường đã công khai việc huy động, sử dụng các nguồn lực từ nhà nước, từ xã hội so với kế hoạch mà nhà trường đề ra, đạt được khi tiến hành tự đánh giá (chỉ có 9% số cán bộ, giáo viên không đồng ý với nhận định này). Tuy vậy, có một số cán bộ, giáo viên còn băn khoăn về tính hiệu quả và tính kinh tế của việc huy động, sử dụng các nguồn lực, nhất là nguồn lực huy động từ xã hội. Do đó, các nhà trường cần tiếp tục công khai kịp thời, đầy đủ, chi tiết hơn nữa việc huy động, sử dụng các nguồn lực khi tiến hành tự đánh giá, nhất là công khai với cha mẹ học sinh và với xã hội. Đội ngũ cán bộ, giáo viên đánh giá nhà trường chưa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình khi thực hiện hai tiêu chí: *Tuyên bố sứ mệnh, mục tiêu chất lượng, các chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng, các điều kiện đảm bảo chất lượng đã được nhà trường thông báo công khai, đầy đủ cho các cơ quan quản lý, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội được biết; Lĩnh vực, quy trình và*

diễn biến quá trình tự đánh giá, kết quả tự đánh giá được thông tin kịp thời tới các thành viên trong nhà trường và các đối tượng quan tâm, các bên có liên quan đến chất lượng nhà trường để họ cùng tham gia giám sát hoặc đóng vai trò tư vấn cho nhà trường (số cán bộ, giáo viên công nhận đúng rất thấp với tỉ lệ lần lượt là 5% và 25%). Nghiên cứu sản phẩm bằng việc tìm kiếm thông tin về hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng của các trường THPT và của sở GD&ĐT Thái Bình trên các trang web của sở, của trường cho thấy: Trang web của sở GD&ĐT Thái Bình ít thông tin về kiểm định chất lượng, nội dung thông tin nghèo nàn, ít được bổ sung, cập nhật; trang web của các trường THPT tỉnh Thái Bình không có thông tin về hoạt động tự đánh giá của các nhà trường. Kết quả này đã củng cố nhận định, đánh giá nói trên của đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Như vậy, với thực trạng các trường THPT hoàn toàn không có quyền tự chủ đối với việc *xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng và quy trình tự đánh giá; trong việc xác định lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá*...thì các trường THPT rất khó thực hiện thành công tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng vì các quyền tự chủ nói trên có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tự đánh giá. Việc trường THPT chưa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình khi tổ chức tự đánh giá cũng ảnh hưởng lớn đến tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng. Vì trách nhiệm xã hội của nhà trường khi tổ chức tự đánh giá không cao có thể làm mất niềm tin của các thành viên trong nhà trường và của các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường.

Xác định và thực hiện các điều kiện tiên quyết

Hai điều kiện tiên quyết cần xác định và thực hiện trước khi tự đánh giá là: Lập kế hoạch chất lượng: *Xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn mực chất lượng cần đạt được; xây dựng các quy trình chất lượng (điều kiện tiên quyết thứ nhất)*. Thực hiện kế hoạch chất lượng *(thực hiện các quy trình chất lượng)* để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng *(điều kiện tiên quyết thứ hai)*. Kết quả khảo sát cho thấy:

- Có 32% cán bộ, giáo viên khẳng định nhà trường đã xây dựng được kế hoạch chất lượng, trong số đó, có 12% cán bộ, giáo viên cho rằng hoạt động tự đánh giá đã được đưa vào kế hoạch chất lượng. Các số liệu nói trên cho thấy một số nhà trường hoặc chưa lập được kế hoạch chất lượng hoặc nếu đã lập được thì kế hoạch đó không được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi tới đội ngũ cán bộ, giáo viên. Đối với các trường đã có kế hoạch chất lượng thì hoạt động tự đánh giá cơ bản chưa được đưa vào trong

kế hoạch. Điều này được một số lãnh đạo nhà trường thừa nhận khi được phỏng vấn hoặc *"gián tiếp"* thừa nhận (12% cán bộ, giáo viên cho biết hoạt động tự đánh giá đã được đưa vào trong kế hoạch, trong khi số lãnh đạo trường tham gia khảo sát là 15% số cán bộ, giáo viên). Lí giải cho thực trạng trên, các cán bộ quản lý được phỏng vấn cho biết có hai lí do chính: *Thứ nhất*, lập kế hoạch chất lượng rất khó, từ định hình đến xây dựng nội dung kế hoạch. Đội ngũ cán bộ quản lý của các nhà trường thiếu kiến thức về lĩnh vực này nên không lập được kế hoạch chất lượng. *Thứ hai*, lập kế hoạch chất lượng chưa phải là yêu cầu bắt buộc đối với các nhà trường. Đối với trường đã xây dựng kế hoạch chất lượng, do tự đánh giá trong quản lý chất lượng mới được triển khai trong thời gian gần đây nên chưa được đưa vào kế hoạch chất lượng.

Kết quả đánh giá của cán bộ, giáo viên và kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý cho thấy, sở GD&ĐT và các trường THPT muốn thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng cần sớm trang bị kiến thức về quản lý chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các khóa bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lý chất lượng. Quan trọng nhất là cần có chính sách để các trường THPT tự nguyện xây dựng kế hoạch chất lượng và tự đánh giá là một nội dung của kế hoạch này. Kế hoạch chất lượng cần được sự đánh giá hay phản biện từ các nhà khoa học, sở GD&ĐT và từ xã hội.

- Với 69% cán bộ, giáo viên không biết sứ mệnh, mục tiêu chất lượng của nhà trường, cho thấy nhà trường đã không thực hiện tốt việc xác định, triển khai sứ mệnh và mục tiêu chất lượng của nhà trường đến đội ngũ cán bộ, giáo viên. Kết quả khảo sát ở hai nội dung nói trên cùng với: 63% cán bộ, giáo viên xác định *Tự đánh giá của nhà trường thực hiện theo chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đề ra* và 0% cán bộ, giáo viên xác định *Tự đánh giá của nhà trường thực hiện theo chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đề ra và được nhà trường bổ sung* cho thấy các trường THPT chưa thực hiện được nội dung đầu tiên của điều kiện tiên quyết thứ nhất là nhà trường cần xác định sứ mệnh, mục tiêu chất lượng và đề ra chuẩn chất lượng phù hợp với nhà trường dựa vào chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT quy định để tiến hành hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

- Với 8% cán bộ, giáo viên đồng ý với ý kiến *nhà trường đã xây dựng quy trình nâng cao chất lượng* cho thấy, các trường THPT chưa thực hiện được nội dung thứ hai của điều kiện tiên quyết thứ nhất là xây dựng các quy trình chất lượng.

Như vậy, có thể nói các trường THPT được khảo sát hoặc không thực hiện hoặc có thực hiện thì thực hiện chưa tốt điều kiện tiên quyết thứ nhất *(lập kế hoạch chất*

lượng) để tổ chức tự đánh giá. Kết quả khảo sát này hoàn toàn phù hợp với kết quả phỏng vấn đội ngũ cán bộ quản lý là các trường THPT đã thực hiện tự đánh giá chất lượng nhà trường theo các chuẩn do Bộ GD&ĐT đề ra, nhưng chưa xây dựng được các chuẩn chất lượng phù hợp với mục tiêu chất lượng và thực tiễn nhà trường; chưa xây dựng các quy trình chất lượng.

- Các số liệu: 73% cán bộ, giáo viên khẳng định *nhà trường đã xây dựng quy trình nâng chất lượng* là không đúng; 19% cán bộ, giáo viên không biết *nhà trường đã xây dựng quy trình nâng cao chất lượng* hay chưa và 91% cán bộ, giáo viên không nhất trí với ý kiến *nhà trường thường xuyên thực hiện quy trình nâng cao chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng* cho thấy, các trường THPT hoặc chưa xây dựng quy trình nâng cao chất lượng hoặc nếu đã xây dựng thì chưa triển khai thực hiện các quy trình chất lượng *(điều kiện tiên quyết thứ hai)*.

Ý kiến chuyên gia: khi được hỏi về các điều kiện để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT, giáo sư PTN (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) cho biết: Nếu các trường THPT không xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn mực chất lượng cần đạt được; không xây dựng và thực hiện các quy trình chất lượng hay nói ngắn gọn là không thực hiện tự đánh giá theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng thì tự đánh giá sẽ không đóng góp nhiều cho việc nâng cao chất lượng của trường THPT. Thực tế các trường THPT chưa làm tốt tự đánh giá theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng.

Tóm lại, đối với nội dung xây dựng và thực hiện các điều kiện tự đánh giá, ưu điểm: các trường THPT thực hiện tự đánh giá theo các văn bản pháp lí đã ban hành. Hạn chế: hệ thống văn bản pháp lí chưa hoàn thiện, việc phổ biến các văn bản nói trên tới các đối tượng có liên quan đến tự đánh giá chưa tốt; quyền tự chủ, trách nhiệm xã hội chưa được quan tâm, thực hiện. Đặc biệt, hai điều kiện tiên quyết để thực hiện tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng là lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chất lượng hoặc chưa được xây dựng hoặc chưa được thực hiện. Những hạn chế vừa nêu là nguyên nhân chính, ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

*** Thực trạng tự đánh giá cấp trường**

Lựa chọn mô hình đánh giá

Kết quả phỏng vấn một số hiệu trưởng trường THPT kết hợp với nghiên cứu báo cáo tự đánh giá của các trường THPT cho thấy 100% các trường THPT được khảo sát đã lựa chọn mô hình quá trình với các hoạt động chính như: *Chẩn đoán và thiết kế (lập kế hoạch); Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; Tiến hành trình tự đánh giá; Phân tích và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá* và *Công bố kết quả tự đánh giá* làm mô hình tự đánh giá cho nhà trường. Căn cứ vào kết quả phân tích về các mô hình đánh giá cấp trường đã được đề xuất trong chương 1 của luận án thì đây là sự lựa chọn đúng đắn của các trường THPT trong thời điểm hiện nay.

Lập kế hoạch tự đánh giá

- Xác định lĩnh vực tự đánh giá: Kết quả khảo sát thu được: 97% cán bộ, giáo viên khẳng định nhà trường tự đánh giá theo 5 lĩnh vực, gồm: *Tổ chức và quản lý nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục;* 65% cán bộ, giáo viên cho biết 5 lĩnh vực nói trên được tiến hành đánh giá theo chu kì do cơ quan quản lý cấp trên đề ra và 6% cán bộ, giáo viên nhận định ngoài 5 lĩnh vực tự đánh giá như Bộ GD&ĐT quy định, nhà trường còn bổ sung thêm một số lĩnh vực tự đánh giá khác. Ví dụ: *Xem xét sứ mệnh và mục tiêu chất lượng; Nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học, nhà trường…; Quản lí phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh; ...*

Như vậy, căn cứ vào cơ sở lí luận, kết hợp với kết quả khảo sát cho thấy lĩnh vực được các nhà trường lựa chọn để đánh giá mới dừng lại ở việc giúp nhà trường chuẩn bị báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra đối với việc xác định các lĩnh vực cần đánh giá của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

Ý kiến chuyên gia, CBQL của Bộ GD&ĐT: khi được hỏi về các lĩnh vực tự đánh giá trường THPT cần thực hiện, giáo sư PTN (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) cho rằng việc xem xét sứ mệnh và mục tiêu chất lượng mà nhà trường đã xác định có phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nhà trường tại thời điểm đánh giá là rất quan trọng. Nếu sứ mệnh và mục tiêu chất lượng chưa phù hợp thì nhà trường cần có sự điều chỉnh kịp thời để tự đánh giá góp phần nâng cao chất lượng nhà trường. Bàn về nhu cầu cần đánh giá, theo giáo sư PTN nếu cá nhân hay tập thể không có nhu cầu đánh giá thì việc triển khai tự đánh giá sẽ mang tính hình thức, không phát huy được

sự chủ động và tính sáng tạo của những người tham gia. Còn ông ĐVN (Bộ GD&ĐT) cho biết trong dự thảo chương trình giáo dục phổ thông mà Bộ đang xây dựng có một số môn học tự chọn. Khi đó nhà trường có nhiệm vụ lựa chọn, phát triển nội dung chương trình đối với những môn học tự chọn, nhất là đối với những môn học mà nội dung mang tính lịch sử, địa lý, nghề truyền thống… của địa phương. Do vậy, trong các lĩnh vực tự đánh giá cần đánh giá việc quản lí phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh.

- Lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng: Với 94% và 86% số cán bộ, giáo viên lần lượt xác định 2 phương pháp *Thống kê số liệu* và *Nghiên cứu sản phẩm* là những phương pháp được các nhà trường sử dụng để thực hiện thu thập minh chứng phục vụ hoạt động tự đánh giá. Các phương pháp khác như *Chuyên gia; Điều tra bằng bảng hỏi; Phỏng vấn; Quan sát* có tỉ lệ cán bộ, giáo viên lựa chọn lần lượt là 5.0%; 7.5%; 3.0% và 34%. Điều này cho thấy: các trường THPT vẫn dùng các phương pháp thu thập minh chứng mang tính chất truyền thống để đánh giá chất lượng, một số phương pháp thu thập minh chứng mới *(mới đối với trường phổ thông)* mang lại tính chính xác cao ít được áp dụng. Việc áp dụng đồng thời nhiều phương pháp thu thập minh chứng khác nhau nhằm đưa lại kết quả tự đánh giá chính xác nhất về chất lượng đã không được đội ngũ cán bộ, giáo viên sử dụng (có 10.5% cán bộ, giáo viên khẳng định họ đã kết hợp sử dụng nhiều phương pháp thu thập minh chứng).

Nhận xét: kết quả khảo sát cho thấy các trường THPT chậm đổi mới phương pháp thu thập minh chứng. Điều này dẫn tới độ tin cậy của các minh chứng có thể không cao, ảnh hưởng lớn tới việc xác định đúng chất lượng thực của các nhà trường. Để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng, các trường THPT cần khẩn trương đổi mới phương pháp thu thập minh chứng, mạnh dạn đưa các phương pháp mới có tính chính xác cao nhưng vẫn phù hợp với điều kiện nhà trường vào hoạt động thu thập minh chứng trong nhà trường.

- Xây dựng và thực hiện tự đánh giá theo quy trình: Kết quả khảo sát là: 74.5% cán bộ, giáo viên nhận định *Nhà trường tự đánh giá theo quy trình gồm 6 bước được Bộ GD&ĐT ban hành*; không có cán bộ, giáo viên nào xác định nhà trường thực hiện tự đánh giá theo quy trình được Bộ ban hành nhưng có bổ sung thêm một số bước như *Xác định điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức; Tìm kiếm sự ủng hộ của lãnh đạo cấp trên; Xây dựng đội ngũ chuyên gia kĩ thuật; Chuẩn bị nguồn lực; Xây dựng động lực tự đánh giá*... trước khi thành lập hội đồng tự đánh giá hoặc *đề xuất các biện*

pháp cải tiến chất lượng với những lĩnh vực (nội dung) chưa đạt chuẩn chất lượng sau khi tự đánh giá. Kết quả khảo sát nói trên cho thấy các trường THPT đã thực hiện đánh giá theo quy trình tự đánh giá của Bộ GD&ĐT đưa ra, không có trường THPT nào thực hiện quy trình tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

Từ kết quả khảo sát trên có thể thấy: Kết quả khảo sát cũng cho thấy các trường đã thực hiện quy trình tự đánh giá được Bộ GD&ĐT đề ra. Tuy nhiên, phân tích quy trình tự đánh giá do Bộ GD&ĐT quy định, ta thấy: (i) nếu thực hiện theo đúng quy trình đã nêu thì kết quả cuối cùng nhà trường nhận được là: hoặc trường đã đạt được các tiêu chí do Bộ GD&ĐT quy định, hoặc trường mới đạt một số tiêu chí, còn một số tiêu chí chưa đạt được, cần tiếp tục cải thiện để đạt được các tiêu chí chưa đạt. Phân tích trên cho thấy kết quả tự đánh giá theo quy trình này sẽ mang tính chuẩn bị báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài nhiều hơn việc góp phần nâng cao chất lượng nhà trường. (ii) Quy trình tự đánh giá do Bộ GD&ĐT quy định còn bộc lộ một số vấn đề cần phải xem xét thêm. Đó là, hoạt động tự đánh giá chưa được chuẩn bị kĩ lưỡng từ việc xác định lí do cần tự đánh giá *(điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức)* đến việc chuẩn bị nguồn lực (nhân lực, vật lực), đặc biệt là việc xây dựng động lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa được thể hiện tường minh trong quy trình tự đánh giá đã ban hành. (iii) Quy trình tự đánh giá do Bộ GD&ĐT quy định chưa đề cập đến trách nhiệm của nhà trường thông qua việc nhà trường đề xuất, cam kết với xã hội sẽ thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đối với những nội dung, mục tiêu chưa đạt so với chuẩn mực chất lượng. Không thực hiện điều này thì tự đánh giá khi đó không có nhiều giá trị. Do vậy, nhà trường cần tạo ra chất lượng thông qua thực hiện tốt việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chất lượng *(hai điều kiện tiên quyết để tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng)*, tiếp theo là tiến hành tự đánh giá, khi đã có kết quả tự đánh giá cần tiếp tục đề ra những biện pháp để cải tiến những điểm chưa đạt được về chất lượng hoặc tiếp tục xây dựng chuẩn cao hơn để chất lượng nhà trường liên tục phát triển đi lên.…

Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện

Thực trạng tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện của các trường THPT được thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 2.1 Thực trạng tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện của các trường THPT

Câu hỏi	Câu trả lời	Kết quả lựa chọn	
		SL	Tỉ lệ (%)
Nhà trường đã huy động mọi thành viên trong nhà trường tham gia hoạt động tự đánh giá?	Đúng	24	12.0
	Không đúng	154	77.0
	Không biết	22	11.0
Nhà trường đã có sự "chuyên môn hóa" trong tổ chức nhân sự để tiến hành tự đánh giá *(xác định rõ: người thực hiện, người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh)*?	Có	24	12.0
	Không	142	71.0
	Không rõ	34	17.0
Nhà trường đã thành lập nhóm cố vấn và nhóm chuyên gia kĩ thuật để các nhóm này tham gia tư vấn, chỉ đạo kĩ thuật thực hiện hoạt động tự đánh giá trong nhà trường?	Có	22	11.0
	Không	138	69.0
	Không rõ	40	20.0
Khi tổ chức hoạt động tự đánh giá nhà trường đã thực hiện sự phân bổ thời gian và dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từng công việc đánh giá	Có	27	13.5
	Không	156	78.0
	Không rõ	17	8.5

Từ bảng số liệu trên ta thấy các trường THPT chưa thực hiện tốt nội dung *tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện tự đánh giá*. Cụ thể:

- Lí luận đã chỉ ra tự đánh giá ở cấp độ Đảm bảo chất lượng cần huy động mọi thành viên trong nhà trường tham gia vào hoạt động tự đánh giá. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tế cho thấy chỉ có 12% cán bộ, giáo viên đồng ý với nhận định các trường THPT đã huy động được mọi thành viên trong nhà trường tham gia vào hoạt động tự đánh giá.

- Các trường THPT chưa có sự "chuyên môn hóa" trong tổ chức nhân sự để tiến hành tự đánh giá *(chưa xác định rõ: người thực hiện, người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh)* và chưa thành lập nhóm cố vấn và nhóm chuyên gia kĩ thuật để các nhóm này tham gia vào hoạt động tự đánh giá trong nhà trường.

- Khi tổ chức hoạt động tự đánh giá nhà trường cũng chưa thực hiện một cách rõ ràng sự phân bổ thời gian và dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từng công việc đánh giá.

Từ những hạn chế trên, ta thấy: (i) Nhà trường (hiệu trưởng) chưa thực hiện tốt việc tổ chức nhân sự *(không huy động được mọi cán bộ, giáo viên tham gia vào hoạt động tự đánh giá và tình trạng thiếu "chuyên môn hóa" trong tổ chức nhân sự khi tiến hành tự đánh giá).* Điều này sẽ dẫn tới tình trạng thiếu quan tâm đến hoạt động tự đánh giá trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, tình trạng trùng lặp trong công việc của đội ngũ tham gia hoạt động tự đánh giá và tình trạng ỉ nại, đùn đẩy công việc cho nhau trong đội ngũ cán bộ, giáo viên dẫn tới hiệu quả của hoạt động tự đánh giá không cao. (ii) Đa số cán bộ quản lý, cán bộ, giáo viên các trường THPT là những người không qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng về tự đánh giá chất lượng. Do đó, tình trạng các trường THPT không có các nhóm cố vấn và nhóm chuyên gia kĩ thuật để các nhóm này tham gia tư vấn, chỉ đạo kĩ thuật thực hiện hoạt động tự đánh giá trong nhà trường, cùng với sự phân bổ thời gian không hợp lí và thiếu nguồn kinh phí thực hiện sẽ dẫn tới nhà trường không thực hiện thành công hoạt động tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng. (iii) Với thực trạng tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện tự đánh giá như đã nêu thì các trường THPT sẽ gặp nhiều khó khăn khi tổ chức tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng và chưa thể thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

Kết quả thực hiện tự đánh giá theo trình tự các lĩnh vực được lựa chọn

Các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá được trường THPT lựa chọn và mức độ thực hiện tự đánh giá đối với các lĩnh vực (nội dung) đó được phản ánh trong bảng sau :

Bảng 2.2 Kết quả thực hiện trình tự đánh giá theo các lĩnh vực được lựa chọn

TT	Lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá	Việc thực hiện (TH) của nhà trường *(tỉ lệ %)*		KQ đạt được nếu có TH tự đánh giá ở mức độ *(tỉ lệ % so với số người được hỏi)*		
		Không TH	Có TH	Tốt	B.thường	K. tốt
1	Xem xét sứ mệnh và mục tiêu	100.0	0.0			
2	Nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học và nhà trường	98.0	2.0	0.0	0.0	2.0

3	Quản lý phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh	100.0	0.0			
4	Đánh giá: Cán bộ, giáo viên và học sinh, môi trường học tập, bầu "không khí" trong trường	2.5	97.5	29.0	51.0	17.5
5	Cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập của học sinh.	0.0	100.0	18.0	61.0	21.0
6	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	0.0	100.0	25.0	47.0	28.0
7	Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	0.0	100.0	11.5	63.5	25.0
8	Công tác tổ chức và quản lý nhà trường	0.0	100.0	9.0	53.0	38.0
9	So sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường THPT khác.	100.0	0.0			

Từ bảng số liệu, kết hợp với việc phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ quản lý các trường THPT, có thể thấy:

- Các trường THPT đã tiến hành tự đánh giá nhà trường trên một số lĩnh vực như: Đánh giá *cán bộ, giáo viên và học sinh, môi trường học tập* nhưng chưa đánh giá *bầu "không khí" trong trường*; đánh giá *Cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập của học sinh*; đánh giá *Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội*; đánh giá *Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục*; đánh giá *Công tác tổ chức và quản lý nhà trường*. Trong các lĩnh vực này thì lĩnh vực đánh giá *Cán bộ, giáo viên và học sinh, môi trường học tập* được ghi nhận là thực hiện tốt nhất (29% đánh giá thực hiện tốt, 17.5% đánh giá thực hiện không tốt). Còn lĩnh vực *Công tác tổ chức và quản lý nhà trường* thực hiện kém nhất (9% đánh giá thực hiện tốt, 38% đánh giá thực hiện không tốt).

- Một số lĩnh vực rất cần phải đánh giá nếu muốn thực hiện tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng như: *Xem xét sứ mệnh và mục tiêu*; đánh giá *Nhu cầu cần đánh*

giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học và nhà trường; đánh giá *Quản lý phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh*; *So sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường THPT khác* thì chưa được thực hiện.

Kết quả khảo sát nói trên là một minh chứng nữa cho thấy việc tự đánh giá theo trình tự mà các trường THPT đang thực hiện thực chất mới là tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng, chưa phải tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

Viết báo cáo tự đánh giá: Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây

Bảng 2.3 Thực trạng viết báo cáo và chuẩn bị cho công bố kết quả

TT	Nội dung hỏi			Tỉ lệ % công nhận	
				Đúng	Không đúng
1	Thực hiện viết báo cáo tự đánh giá là:	BGH, tổ (nhóm) trưởng, trưởng các tổ chức chính trị trong trường		99.5	0.5
		Nhóm thư kí hội đồng tự đánh giá		10.5	89.5
2	Báo cáo tự đánh giá đã:	Phản ánh chất lượng hiện tại	Trong năm học	95.5	4.5
			Tại thời điểm tự đánh giá	32.0	68.0
		Đưa ra một số đề nghị điều chỉnh để duy trì chất lượng		92.0	8.0
		Đề xuất một số biện pháp và kiến nghị thay đổi để nâng cao chất lượng		3.0	97.0
3	Báo cáo tự đánh giá được đưa ra xin ý kiến rộng rãi, được chỉnh sửa, hoàn thiện trước khi công bố.			13.0	87.0

Các số liệu cho thấy thực hiện viết báo cáo tự đánh giá là ban giám hiệu, các tổ trưởng, nhóm trưởng, trưởng các tổ chức chính trị, không phải nhóm thư kí của hội đồng tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá đã phản ánh được chất lượng của nhà trường trong năm học, từ đó đưa ra một số đề nghị điều chỉnh để duy trì chất lượng của nhà trường, nhưng chưa đưa ra được các biện pháp và kiến nghị thay đổi để nâng cao chất lượng. Báo cáo tự đánh giá không được đưa ra xin ý kiến cán bộ, giáo viên một cách rộng rãi để có thể chỉnh sửa, hoàn thiện trước khi công bố.

Kết quả phỏng vấn sâu đối với một số hiệu trưởng trường THPT cho thấy:

Các dữ liệu, minh chứng thu thập được đã được hội đồng tự đánh giá nhà trường xem xét mức độ đạt được của từng lĩnh vực được đánh giá so với chuẩn chất lượng đã

xác định. Tuy nhiên, việc tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của những lĩnh vực đã đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn đã không được các nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc. Do đó, nhà trường hoặc không đề xuất được các biện pháp phát huy những ưu điểm, hạn chế các nhược điểm trong công tác quản lý chất lượng nhà trường; hoặc có đề xuất thì những đề xuất đó không phù hợp, không hiệu quả hoặc không góp phần nâng cao chất lượng nhà trường.

Việc xem xét, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá của chu kì này (lần tự đánh giá này) với kết quả tự đánh giá của chu kì trước (các lần tự đánh giá trước) được lưu lại để thấy được sự đi lên hay đi xuống của chất lượng nhà trường chưa được thực hiện tốt.

Công bố kết quả tự đánh giá

Kết quả khảo sát cho thấy kết quả tự đánh giá đã được chuyển đến sở GD&ĐT, sở GD&ĐT căn cứ vào báo cáo kết quả tự đánh giá của nhà trường để ra quyết định thành lập đoàn công tác về thẩm định, đánh giá ngoài (100% cán bộ, giáo viên nhất trí); kết quả tự đánh giá đã được thông báo rộng rãi tới cán bộ, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhà trường (79% cán bộ, giáo viên nhất trí với nhận định). Nhưng kết quả tự đánh giá chưa được thông báo rộng rãi tới tất cả các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường (71% cán bộ, giáo viên nhất trí với nhận định này).

*** Thực trạng tự đánh giá cấp bộ môn**

Tự đánh giá bộ môn theo học kì hay theo năm học là một việc làm quen thuộc của các cán bộ, giáo viên và của các trường THPT từ trước tới nay. Nhưng tự đánh giá cấp bộ môn để đóng góp vào hoạt động tự đánh giá nhà trường theo cấp độ đảm bảo chất lượng là một vấn đề mới với hầu hết các trường THPT. Tự đánh giá cấp bộ môn như đã được phân tích trong phần cơ sở lí luận sẽ tập trung đánh giá việc quản lý các chuẩn mực, quy trình chất lượng môn học, các điều kiện đảm bảo chất lượng môn học để hướng tới cái đích cuối cùng là chất lượng môn học. Do điều kiện đảm bảo chất lượng môn học như: cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học của cá c tổ chuyên môn ; đội ngũ giáo viên của tổ (nhóm) chuyên môn; hay một số vấn đề khác như kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên; việc thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương đối với bộ môn... đã được lồng ghép trong tự đánh giá cấp trường nên thực trạng tự

đánh giá cấp bộ môn trong luận án này giới hạn ở các nội dung then chốt là: Lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng môn học; Tự đánh giá chất lượng môn học.

Lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng môn học

Thực hiện lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng môn học với một số nội dung quan trọng như: *Xác định mục tiêu môn học phù hợp với mục tiêu môn học do Bộ đề ra và phù hợp với mong muốn của học sinh; Các tổ (nhóm) bộ môn căn cứ vào mục tiêu môn học để xác định chuẩn môn học với các hệ tham chiếu tương ứng; Các tổ (nhóm) bộ môn cụ thể hóa hệ tham chiếu bằng các nội dung, công việc cần làm; Các tổ (nhóm) bộ môn hướng dẫn giáo viên cách thực hiện các quy trình chất lượng theo chuẩn môn học đã xác định; Giáo viên triển khai thực hiện các quy trình chất lượng theo chuẩn môn học đã xác định*

Với đặc điểm tự đánh giá cấp bộ môn là vấn đề mới và với đặc điểm khó định lượng đối với hoạt động này nên để xác định thực trạng tự đánh giá cấp bộ môn, hai phương pháp: phương pháp phỏng vấn và phương pháp nghiên cứu sản phẩm (hồ sơ quản lý, hồ sơ của giáo viên) là những phương pháp chủ đạo được sử dụng để đánh giá thực trạng hoạt động này.

Kết quả khảo sát cán bộ, giáo viên cho thấy:

- Về xác định mục tiêu môn học: 95.5% cán bộ, giáo viên được hỏi xác nhận tổ (nhóm) chuyên môn thực hiện giảng dạy theo mục tiêu môn học do Bộ GD&ĐT quy định; 4.5% cán bộ, giáo viên xác nhận tổ (nhóm) chuyên môn thực hiện giảng dạy theo mục tiêu môn học do Bộ GD&ĐT quy định nhưng được tổ (nhóm) bộ môn bổ sung để đáp ứng mong muốn của học sinh. Như vậy, có thể nói ở các trường THPT vẫn thực hiện giảng dạy theo mục tiêu môn học do Bộ quy định, chưa có sự bổ sung, điều chỉnh mục tiêu môn học đáp ứng năng lực, nguyện vọng của học sinh. Đây là hạn chế lớn của các nhà trường, tổ (nhóm) chuyên môn trong việc tổ chức hoạt động dạy học vì mong muốn của học sinh ở mỗi lớp, mỗi trường là khác nhau nên tổ chức hoạt động dạy học như đã nêu chưa đáp ứng mong muốn của học sinh.

- Về xác định chuẩn môn học với các hệ tham chiếu tương ứng phù hợp với mục tiêu môn học do tổ (nhóm) chuyên môn xây dựng, bổ sung: 100% cán bộ, giáo viên xác nhận các trường THPT chưa thực hiện điều này.

- Việc cụ thể hóa hệ tham chiếu bằng các nội dung, công việc cần làm và tổ chức hướng dẫn giáo viên cách thực hiện các quy trình chất lượng theo chuẩn môn học đã

xác định: với việc các trường THPT chưa xác định được chuẩn chất lượng môn học và các hệ tham chiếu tương ứng nên không khó hiểu khi gần 100% và 100% cán bộ, giáo viên xác nhận trường THPT chưa thực hiện hai nội dung này.

- Giáo viên triển khai thực hiện các quy trình chất lượng theo chuẩn môn học đã xác định: 100% cán bộ, giáo viên xác nhận các tổ (nhóm) chuyên môn và bản thân chưa thực hiện điều này.

Kết quả phỏng vấn và nghiên cứu sản phẩm cho thấy:

- Các trường THPT đã xác định được mục tiêu của môn học bao gồm ba mục tiêu cơ bản là kiến thức; kĩ năng; hành vi và thái độ. Tuy nhiên, đa số các nhà trường chưa xây dựng được mục tiêu môn học phù hợp với đối tượng học sinh nhà trường trên cơ sở mục tiêu môn học do cơ quan quản lý cấp trên đề ra.

- Việc quản lý chương trình môn học đã được một số trường THPT quan tâm, thực hiện. Cụ thể, nhiều nhà trường đã giao cho các tổ (nhóm) chuyên môn xây dựng lại phân phối chương trình môn học trên cơ sở khung phân phối chương trình do Bộ GD&ĐT quy định để phù hợp với điều kiện nhà trường. Phân phối chương trình đó được nhà trường phê duyệt và báo cáo sở GD&ĐT trước khi đưa vào sử dụng. Việc quản lý phát triển nội dung môn học chưa được các nhà trường quan tâm, thực hiện.

- Quản lý hoạt động dạy đã được thực hiện tương đối tốt thông qua việc các nhà trường đã đảm bảo đủ số lượng giáo viên và cơ cấu đội ngũ giáo viên các môn học tương đối hợp lí. Quản lý của tổ (nhóm) chuyên môn thông qua các hoạt động: phân công giảng dạy; xây dựng kế hoạch hoạt động; sinh hoạt chuyên môn; dự giờ, trao đổi chuyên môn; thanh tra, kiểm tra quá trình dạy học được thực hiện khá tốt và thường xuyên. Các hệ điều kiện tối thiểu phục vụ cho hoạt động dạy như cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, môi trường dạy học... đã được các nhà trường đảm bảo. Đội ngũ giáo viên đã thực hiện khá tốt việc đảm bảo hồ sơ, kế hoạch dạy học, nội dung, chương trình môn học. Các nhà trường đã chú trọng tới việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên theo hướng lấy học sinh làm trung tâm và đã tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc thực hiện quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh (đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT) đã được đội ngũ giáo viên thực hiện khá nghiêm túc.

- Việc quản lý hoạt động học như đảm bảo hệ điều kiện cho các hoạt động học sách vở, đồ dùng học tập,… Giáo viên bộ môn quản lý đối với hoạt động học của học sinh được thực hiện tương đối tốt. Tuy vậy, việc phối hợp giữa các bên: giáo viên bộ

môn, giáo viên chủ nhiệm, các đoàn thể trong trường, cha mẹ học sinh để quản lý hoạt động học của học sinh và quản lý hoạt động tự học của học sinh chưa được thực hiện tốt. Giáo viên bộ môn đã chú ý tới việc tạo điều kiện cho học sinh phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức thông qua hình thức và phương pháp tổ chức giờ học, tăng cường sử dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học tích cực. Nhưng giáo viên bộ môn chưa thực hiện tốt việc thiết kế các bài học ở nhà hay giao việc để rèn các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm cho học sinh. Việc tìm hiểu khả năng của học sinh, xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh đã được thực hiện nhưng kết quả chưa cao.

Ý kiến CBQL sở GD&ĐT Thái Bình: Theo tiến sĩ BTT (Sở GD&ĐT Thái Bình), Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đã đặt ra yêu cầu với ngành GD&ĐT cần nâng cao năng lực thực hiện của người học. Để nâng cao năng lực thực hiện cho học sinh phổ thông, các cơ sở giáo dục cần tập trung vào việc hình thành kỹ năng, giáo dục hành vi, thái độ cho học sinh trên cơ sở những kiến thức được trang bị. Trong trường phổ thông, kiến thức ở nhiều môn học chủ yếu nhằm mục đích hình thành kỹ năng và năng lực thực hiện cho học sinh.

Tóm lại, kết quả khảo sát, phỏng vấn và nghiên cứu sản phẩm cho thấy các nhà trường, tổ (nhóm) bộ môn chưa thực hiện tốt việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chất lượng môn học. Trong đó, các nội dung như xác định mục tiêu môn học phù hợp với đối tượng học sinh; quản lý phát triển nội dung môn học; xây dựng và thực hiện quy trình nâng cao chất lượng môn học, quản lý việc tự học của học sinh là những nội dung thực hiện yếu nhất.

Thực trạng tự đánh giá chất lượng môn học: Tự đánh giá chất lượng môn học là hoạt động đòi hỏi mọi cán bộ, giáo viên trong nhà trường tham gia. Do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp với phỏng vấn và nghiên cứu sản phẩm để tăng phần định lượng về thực trạng tự đánh giá chất lượng môn học. Kết quả đánh giá thực trạng thu được như sau:

- Về mục tiêu môn học: kết quả khảo sát thực trạng ở bên trên đã chỉ ra các trường THPT chưa xây dựng được mục tiêu môn học phù hợp với đối tượng học sinh nhà trường. Vậy việc thực hiện đánh giá chất lượng môn học theo mục tiêu do Bộ GD&ĐT đề ra đã diễn ra như thế nào? Kết quả khảo sát cho thấy: 85% cán bộ, giáo

viên nhận định đánh giá chất lượng mục tiêu môn học của họ tập trung vào đánh giá kiến thức. Kết quả phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu cho thấy các tổ (nhóm) chuyên môn và các cán bộ, giáo viên chưa có quyền tự chủ trong việc xác định mục tiêu môn học cho học sinh do mình giảng dạy. Như vậy có thể nói xu hướng đề cao kiến thức, thiếu quan tâm đến giáo dục, đánh giá kĩ năng, hành vi và thái độ thông qua môn học *(những thành phần này có ý nghĩa quan trọng trong cấu thành năng lực thực hiện của học sinh)* mang tính phổ biến trong các nhà trường.

- Về Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá chất lượng môn học: 93.5% cán bộ, giáo viên cho biết các tổ (nhóm) bộ môn đang thực hiện theo chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học do Bộ và sở GD&ĐT đề ra; 23.0% cán bộ, giáo viên cho rằng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá chất lượng môn học do tổ (nhóm) chuyên môn xây dựng. Các số liệu vừa nêu cho thấy các trường THPT chưa tự xây dựng được chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá chất lượng môn học phù hợp với trình độ của học sinh nhà trường.

- Về quy trình tự đánh giá và việc sử dụng kết quả tự đánh giá môn học:

Việc thực hiện quy trình tự đánh giá: 2% cán bộ, giáo viên đồng ý với nhận định tự đánh giá môn học đã được thực hiện theo quy trình: lập kế hoạch (*xác định chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học)*; tiến hành tự đánh giá theo quy trình đã xây dựng *(thu thập, phân tích, đánh giá các minh chứng)*; công bố kết quả tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá để cải tiến giảng dạy, học tập. Như vậy, có thể nói các trường THPT chưa thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học trong đảm bảo chất lượng.

Việc thu thập, xử lí minh chứng chưa được thực hiện bài bản theo trình tự, từ xây dựng kế hoạch thu thập minh chứng; xác định hình thức đánh giá (trực tiếp hay gián tiếp); tiến hành đánh giá và phân tích, xử lý kết quả; so sánh kết quả tự đánh giá với chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá để kết luận về mức độ đạt chuẩn chất lượng môn học (84.5% cán bộ, giáo viên nhất trí với nhận định này). Theo quan điểm của các cán bộ quản lý được phỏng vấn, điểm yếu nhất trong bước thu thập, xử lí minh chứng là việc không thể so sánh kết quả tự đánh giá với chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá phù hợp với trình độ học sinh nhà trường do nhà trường chưa xây dựng được Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá môn học phù hợp với trình độ của học sinh nhà trường. Khi đó, kết quả tự đánh giá thu về được đưa ra so sánh với chuẩn do Bộ GD&ĐT đề ra. Điều này dẫn tới kết luận về mức độ đạt chuẩn chất lượng môn học chỉ đúng so với chuẩn của

Bộ, còn so với thực tế trình độ học sinh nhà trường thì kết luận đó không đảm bảo độ tin cậy.

Sử dụng kết quả tự đánh giá môn học: 100% cán bộ, giáo viên nhận định kết quả tự đánh giá môn học được sử dụng làm số liệu báo cáo tổ, nhóm, nhà trường. Trong khi đó chỉ có 40.5% cho rằng kết quả tự đánh giá được sử dụng để cải tiến việc dạy, học. Kết quả phỏng vấn sâu và nghiên cứu sản phẩm cũng cho thấy các nhà trường đã thực hiện khá tốt việc đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT, nhưng chưa thực hiện tốt giữa việc kết hợp đánh giá với cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học. Như vậy có thể thấy, việc sử dụng kết quả tự đánh giá môn học hướng vào mục tiêu lớn nhất là đề ra các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môn học đã không được thực hiện tốt.

Duyệt báo cáo tự đánh giá môn học: Kết quả phỏng vấn cho thấy các tổ trưởng (nhóm trưởng) đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng môn học và hiệu trưởng, phó hiệu trưởng là người quản lý, duyệt các báo cáo nay sau khi kết thúc học kì, kết thúc năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các giáo viên khác chưa có báo cáo tự đánh giá chất lượng môn học do mình phụ trách. Kết quả phỏng vấn này là một minh chứng nữa để khẳng định hoạt động tự đánh giá chưa huy động được đông đảo đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia như đòi hỏi của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

Tóm lại, thực trạng khảo sát tự đánh giá chất lượng môn học đối với các nội dung *xác định mục tiêu chất lượng môn học, xác định Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá, thực hiện đánh giá theo quy trình thống nhất và sử dụng kết quả tự đánh giá môn học* cho thấy tự đánh giá chất lượng môn học đã được các nhà trường tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, tổ (nhóm) chuyên môn và các giáo viên chưa xây dựng được mục tiêu chất lượng môn học phù hợp với đối tượng học sinh nhà trường, mục tiêu môn học chưa toàn diện *(tập trung dạy kiến thức, chưa quan tâm tới giáo dục kĩ năng sống, hành vi, thái độ cho học sinh)*. Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá môn học phù hợp với trình độ của học sinh nhà trường chưa được xây dựng; quy trình tự đánh giá chất lượng môn học chưa được xây dựng cùng với những tồn tại, thiếu sót khi thực hiện tự đánh giá chất lượng môn học như đã nêu đã dẫn đến tự đánh giá chất lượng môn học như hiện nay không đáp ứng được yêu cầu đặt ra của tự đánh giá chất lượng môn học theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

*** Nhận định về một số yếu tố tác động tới tự đánh giá chất lượng ở trường THPT**

Kết quả phỏng vấn sâu về những tác động (bên ngoài và bên trong nhà trường) đối với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT cho thấy:

- Những yếu tố bên ngoài tác động trực tiếp đến hoạt động tự đánh giá:

Về quy định của Bộ GD&ĐT đối với hoạt động tự đánh giá chưa được xây dựng theo hướng mở, do đó các trường THPT không có nhiều quyền tự chủ trong việc xác định các chuẩn mực chất lượng, đề ra các quy trình chất lượng phù hợp với mục tiêu chất lượng của nhà trường (bộ môn). Các văn bản do Bộ GD&ĐT ban hành chưa đề cập nhiều tới trách nhiệm xã hội của nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá. Điều này cùng với việc nhà trường ít quyền tự chủ là những lí do chính dẫn đến trách nhiệm xã hội của nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá không cao.

Về sự chỉ đạo của sở GD&ĐT đối với hoạt động tự đánh giá của các trường THPT, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy sở GD&ĐT đã sớm triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng đến các trường THPT nhưng sự chỉ đạo chưa quyết liệt; sở chưa xây dựng được cơ chế để tạo động lực thúc đẩy các trường THPT tự nguyện, tự giác tổ chức tự đánh giá. Dẫn tới, hoạt động tự đánh giá của các trường diễn ra chậm, mang tính hình thức, kết quả tự đánh giá chưa thực sự thuyết phục những đối tượng quan tâm đến chất lượng nhà trường.

- Một số yếu tố tác động bên trong:

Yếu tố con người: Yếu tố con người trong luận án được giới hạn xét trên hai phương diện: Mức độ quan tâm đến chất lượng, nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên về tầm quan trọng của tự đánh giá; về năng lực tổ chức tự đánh giá và năng lực thực hiện tự đánh giá của đội ngũ cán bộ, giáo viên .

Mức độ quan tâm đến chất lượng và nhận thức của cán bộ, giáo viên các trường THPT được thể hiện ở biểu đồ sau:

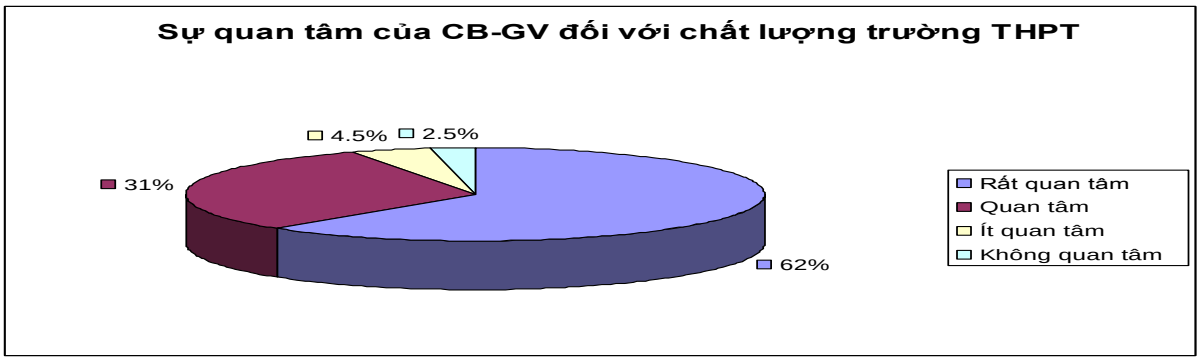

Biểu đồ số 1: Sự quan tâm của cán bộ, giáo viên đối với chất lượng trường THPT

Từ biểu đồ trên ta thấy cán bộ, giáo viên ở các trường THPT quan tâm đến chất lượng trường học của mình. (*93% cán bộ, giáo viên rất quan tâm hoặc quan tâm*). Đây là điều các nhà quản lý mong đợi vì chỉ khi chất lượng của nhà trường được cán bộ, giáo viên quan tâm thì họ mới tìm cách nâng cao chất lượng giảng dạy, công tác của mình. Tuy nhiên, số đông cán bộ, giáo viên chưa nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của tự đánh giá đối với việc đảm bảo chất lượng nhà trường (3% và 15.5% số cán bộ, giáo viên được hỏi lần lượt nhận định tự đánh giá trong trường THPT *Rất quan trọng, quyết định chất lượng nhà trường* hoặc tự đánh giá trong trường THPT *Quan trọng, có ảnh hưởng nhiều đến chất lượng nhà trường;* 43.5% số cán bộ, giáo viên và 38% số cán bộ, giáo viên lần lượt nhận định tự đánh giá trong trường THPT *Có phần quan trọng, ảnh hưởng không nhiều đến chất lượng nhà trường* hoặc *Không quan trọng, không ảnh hưởng gì tới chất lượng nhà trường*). Về trách nhiệm, đa số cán bộ, giáo viên (71.0%) cho rằng tự đánh giá chất lượng trường THPT là trách nhiệm của ban giám hiệu và các cán bộ chủ chốt trong trường, trong khi đó 11.0% số cán bộ, giáo viên xác định đúng tự đánh giá chất lượng trường THPT là trách nhiệm của mọi thành viên trong nhà trường. Điều này cho thấy cán bộ, giáo viên của các trường THPT chưa xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc tổ chức hoạt động tự đánh giá trong nhà trường.

Từ kết quả khảo sát và kết quả phỏng vấn sâu cho thấy: *Chất lượng trường THPT nhận được sự quan tâm của cán bộ, giáo viên. Tuy nhiên số đông cán bộ, giáo viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của tự đánh giá đối với việc đảm bảo chất lượng trong nhà trường; Phần lớn cán bộ, giáo viên không nắm được những kiến thức cần thiết về quản lý chất lượng. Ví dụ: Thế nào là chất lượng; quản lý chất lượng bên trong; tự đánh giá chất lượng...? Quản lý chất lượng có những cấp độ nào? Lí do cần tiến hành tự đánh giá chất lượng? Tự đánh giá chất lượng như thế nào để nâng cao chất lượng?... Về trách nhiệm của cá nhân đối với hoạt động tự đánh giá: Hầu hết cán bộ, giáo viên không xác định đúng trách nhiệm của mình cần phải tham gia vào hoạt động này để có thể thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng*. Do đó, cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và xác định trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên ở các trường THPT.

Về năng lực tổ chức tự đánh giá và năng lực thực hiện tự đánh giá của đội ngũ cán bộ, giáo viên kết quả phỏng vấn sâu cho thấy: năng lực tổ chức tự đánh giá của đội ngũ cán bộ quản lý và khả năng thực hiện tự đánh giá của giáo viên chưa tốt; giáo dục phổ thông thiếu các chuyên gia, đội ngũ cán bộ cốt cán am hiểu về tự đánh giá. Do

vậy, các nhà trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá và kết quả tự đánh giá chưa cao.

Yếu tố cơ sở vật chất – kĩ thuật và tài chính: Các trường THPT đều thiếu cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị và thiếu tài chính để tổ chức tự đánh giá nên việc tổ chức tự đánh giá của các nhà trường gặp nhiều khó khăn.

Yếu tố tổ chức: kết quả phỏng vấn ở trên cho thấy các nhà trường rất thiếu kinh nghiệm tổ chức tự đánh giá. Do vậy, thực tế thực hiện tự đánh giá nhiều nhà trường gặp khó khăn trong việc phân công nhiệm vụ, trong việc tạo sự kết nối giữa các thành viên, tổ chức tham gia hoạt động tự đánh giá.

Việc đổi mới tự đánh giá chất lượng: kết quả phỏng vấn cho thấy nhà trường (tổ, nhóm bộ môn) chưa đổi mới hoạt động tự đánh giá trong nhà trường. Các trường THPT chưa thực hiện TĐG theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng. Nhà trường và các tổ (nhóm) chuyên môn không phát huy được quyền tự chủ và thiếu trách nhiệm xã hội đối với kết quả tổ chức hoạt động tự đánh giá.

*** Nhận định chung về thực hiện tự đánh giá ở các trường THPT của tỉnh Thái Bình**

Những thành tựu của hoạt động tự đánh giá

- Các trường THPT đã thực hiện nguyên tắc đảm bảo tính pháp lí của hoạt động tự đánh giá.

- Nhà trường đã có một số quyền tự chủ và thực hiện khá tốt những quyền tự chủ này trong việc tổ chức tự đánh giá, song trách nhiệm xã hội của nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá chưa cao.

- Các trường đã triển khai hoạt động tự đánh giá. Tuy nhiên, hoạt động tự đánh giá mới đáp ứng được yêu cầu của kiểm định chất lượng theo kế hoạch của sở GD&ĐT; chưa đáp ứng yêu cầu tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

Những hạn chế, yếu kém của hoạt động tự đánh giá

- Các trường THPT chưa xây dựng được động lực tự đánh giá; mục đích tự đánh giá chủ yếu để đối phó với hoạt động thanh tra, kiểm định chất lượng từ bên ngoài, chưa được xác định là cơ sở để điều chỉnh việc quản lý chất lượng bên trong kết hợp với kiểm định chất lượng.

- Các nguyên tắc tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng chưa được thực hiện nghiêm ngặt.

- Các nhà trường đã phụ thuộc quá lớn vào các cơ quan quản lý cấp trên về kế hoạch tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, điều chỉnh hoạt động tự đánh giá.

- Điều kiện chung và điều kiện tiên quyết để nhà trường tổ chức hoạt động tự đánh giá ở cấp độ đảm bảo chất lượng phần lớn chưa được đáp ứng.

- Đối với tự đánh giá cấp nhà trường: Việc lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện kế hoạch tự đánh giá chưa tốt. Cụ thể: Nhiều trường chưa xác định và triển khai tự đáng giá một số lĩnh vực quan trọng trong đảm bảo chất lượng, chưa xây dựng được quy trình tự đánh giá phù hợp với cấp độ đảm bảo chất lượng; Chưa thực hiện tốt việc tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện hoạt động tự đánh giá. Nguồn nhân lực tham gia hoạt động này thiếu tính "chuyên môn hóa"; Nhiều lĩnh vực quan trọng cần được đánh giá để đảm bảo chất lượng cho nhà trường hoặc chưa được thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng kết quả rất thấp; Báo cáo tự đánh giá chưa được chuẩn bị tốt nhất và kết quả tự đánh giá chưa được công khai kịp thời tới tất cả các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường.

- Đối với tự đánh giá cấp bộ môn: Các tổ (nhóm) chuyên môn chưa xác định được mục tiêu chất lượng môn học phù hợp với mong muốn của học sinh; chưa xây dựng được chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá chất lượng môn học. Hoạt động tự đánh giá chưa được thực hiện theo các quy trình chất lượng nên hiệu quả của tự đánh giá chất lượng bộ môn không cao.

Nguyên nhân của những tồn tại nói trên

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới các tồn tại nói trên. Dưới đây là một số nguyên nhân cơ bản:

- Nguyên nhân khách quan: có hai nguyên nhân chính. *Thứ nhất,* tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT là một hoạt động mới đối với các trường THPT. Do đó, các trường chưa chuẩn bị tốt cho việc tổ chức hoạt động tự đánh giá trên một số phương diện như: tạo động lực, chuẩn bị nhân lực, vật lực… *Thứ hai,* các trường THPT chưa xác định hết và chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa những yếu tố ảnh hưởng không tích cực đến hoạt động tự đánh giá ở trường THPT…

- Nguyên nhân chủ quan: Nhà trường chưa xây dựng được động lực cho hoạt động tự đánh giá và chưa đủ khả năng, năng lực tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng…

2.3. Kinh nghiệm thế giới và các hạn chế trong tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam

2.3.1. Kinh nghiệm thế giới cho hoạt động tự đánh giá ở trường trung học phổ thông Việt Nam

Ngoài Hoa Kì thì các quốc gia còn lại được nêu ra ở trên đều là các quốc gia mới triển khai việc tự đánh giá trong quản lý chất lượng trường phổ thông chưa lâu nhưng họ đã thu được kết quả rất tích cực. Từ thực tiễn tổ chức tự đánh giá ở một số nước đã nêu có thể rút ra một số kinh nghiệm cho các trường THPT ở Việt Nam khi tiến hành tự đánh giá trường học của mình như sau:

Thứ nhất: Tự đánh giá chỉ có thể thành công nếu tự đánh giá là một hoạt động mang tính tự nguyện, tự giác cao của các cá nhân và của nhà trường.

Thứ hai: Trước khi tiến hành tự đánh giá nhà trường cần xác định mục đích tự đánh giá một cách rõ ràng; cần quan tâm, giải quyết các vấn đề có liên quan tới tự đánh giá nhất là lợi ích của cả hai bên, giữa nhà trường và các bên có liên quan đều được coi trọng như nhau...

Thứ ba: Tự đánh giá cần gắn với mục tiêu phát triển trường học, cần bám vào mục tiêu chất lượng và nhằm mục đích cải thiện, nâng cao chất lượng nhà trường là chính chứ không chỉ đơn thuần là một bản báo cáo để đón đoàn đánh giá ngoài.

Thứ tư: Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các nhà trường trong việc tổ chức tự đánh giá cần được coi trọng, quan tâm.

Thứ năm: Bên cạnh các chỉ số thực hiện được đề ra trong chuẩn đánh giá chất lượng đã được Bộ GD&ĐT ban hành, căn cứ vào mong muốn của các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường và tùy vào điều kiện thực tế, nhà trường có thể bổ sung thêm các chỉ số chất lượng phù hợp hoặc có thể tự đề ra chuẩn chất lượng cho nhà trường.

Thứ sáu: Nhà trường cần chủ động lựa chọn nội dung, lĩnh vực quan trọng của nhà trường để tiến hành tự đánh giá. Nên áp dụng nhiều phương pháp thu thập minh chứng một cách mềm dẻo, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lí, đáng tin cậy, đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia và phải phù hợp với thực tế các nhà trường. Hoạt động tự đánh giá cần được thực hiện theo quy trình tự đánh giá thống nhất được xác định trước. Nhà trường nên xây dựng kế hoạch và tiến trình thực hiện tự đánh giá cụ thể, chi tiết, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Quá trình tự đánh giá cần huy động

được đông đảo các đối tượng liên quan tham gia. Quá trình tự đánh giá và kết quả tự đánh giá cần được thông báo công khai, minh bạch...

Thứ bảy: Từ kinh nghiệm của Hoa Kì cho thấy để đảm bảo chất lượng cần thực hiện tự đánh giá ở hai cấp, đánh giá cấp trường và đánh giá cấp bộ môn (cụ thể hơn nữa là đánh giá chất lượng môn học). Một trong các điều kiện cần có để tự đánh giá chất lượng môn học là cần phải có chuẩn đầu ra và chuẩn thực hiện (đánh giá) môn học. Chuẩn thực hiện có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra.

Thứ tám: Nhà trường cần có đủ thời gian để tổ chức tự đánh giá. Từ kết quả tự đánh giá, nhà trường tiến hành tự điều tiết, tự hoàn thiện và kiểm định chất lượng. Hay nói cách khác, cần tạo sự gắn kết hỗ trợ lẫn nhau giữa tự đánh giá với quản lý chất lượng bên trong và kiểm định chất lượng.

2.3.2. Những hạn chế trong tự đánh giá chất lượng ở trường trung học phổ thông Việt Nam

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trường hợp Thái Bình kết hợp với phỏng vấn đối với 15 người là lãnh đạo sở, lãnh đạo một số phòng ban sở, hiệu trưởng một số trường THPT ở các sở GD&ĐT: Thái Bình, Điện Biên, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Kiên Giang có thể rút ra một số hạn chế trong tự đánh giá chất lượng ở trường THPT Việt Nam sau đây:

- Các trường THPT chưa xác định đúng vị trí của tự đánh giá trong hệ thống đảm bảo chất lượng. Vai trò của tự đánh giá sẽ không nhiều đối với việc đảm bảo chất lượng nếu các trường không thực hiện tốt việc quản lý chất lượng bên trong *(lập kế hoạch chất lượng và thực hiện kế hoạch chất lượng)* trước khi tổ chức tự đánh giá. Đây là một hạn chế mang tính lỗi hệ thống. Với hạn chế này, hoạt động tự đánh giá của các trường THPT dù có thực hiện tốt cũng không đóng góp nhiều trong việc xác định thực trạng chất lượng và không giúp nhà trường tìm ra giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng. Đây cũng là một trong những lí do chủ yếu dẫn tới các trường không có động lực tổ chức tự đánh giá.

- Một số nguyên tắc tự đánh giá trong quản lý chất lượng trong đảm bảo chất lượng chưa được các trường THPT thực hiện trong khi tổ chức hoạt động tự đánh giá như: Chưa thực hiện tự đánh giá theo chuẩn chất lượng và bằng các quy trình chất lượng *(do nhà trường xây dựng)*; chưa tạo được sự đồng thuận và sự hưởng ứng tham gia hoạt động tự đánh giá của tất cả các cán bộ, giáo viên trong trường…

- Các trường THPT Việt Nam hiện nay mới dừng ở tự đánh giá cấp trường để thu thập các thông tin chuẩn bị một bản báo cáo đón đoàn đánh giá ngoài *(Sở GD&ĐT thành lập)*. Các trường THPT chưa xác định đúng vai trò của chất lượng bộ môn đối với việc tạo ra chất lượng chung của nhà trường. Do đó, phần lớn các trường THPT chưa thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn trong đảm bảo chất lượng.

- Nhiều trường THPT có quy mô nhỏ hoặc nằm ở vùng sâu, vùng xa gặp rất nhiều khó khăn khi tổ chức tự đánh giá, nhất là tự đánh giá chất lượng bộ môn. Số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia hoạt động tự đánh giá của các trường kể trên không đáp ứng được yêu cầu đề ra. Khi đó, những trường THPT này rất cần sự hợp tác, giúp đỡ của các trường THPT khác để tổ chức tự đánh giá. Tuy nhiên, các trường THPT chưa xây dựng được quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá.

Kết luận chương 2

- Tự đánh giá chất lượng ở trường trung học trên thế giới: Tự đánh giá ở trường trung học là một hoạt động được tổ chức thường xuyên, bài bản tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các quốc gia phát triển như Hoa Kì, Cộng hòa Scotlen – Vương quốc Anh, đến các quốc gia đang phát triển khác như Cộng hòa Croatia, Cộng hòa Slovakia, Cộng hòa Slovenia. Một số bang của Hoa Kì đã thực hiện tự đánh giá trường trung học theo hai cấp, cấp trường và cấp bộ môn.

- Tự đánh giá chất lượng ở trường phổ thông Việt Nam: Tự đánh giá đã được các trường THPT quan tâm nhiều hơn trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, quá trình triển khai, thực hiện tự đánh giá gặp rất nhiều khó khăn, bất cập. Khó khăn trong chỉ đạo của ngành GD&ĐT và khó khăn khi triển khai thực hiện ở dưới cơ sở …

Thực tiễn tại Thái Bình cho thấy các trường THPT đã triển khai hoạt động tự đánh giá theo kế hoạch của Sở và Bộ GD&ĐT. Hoạt động tự đánh giá đã được nhà trường, tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên triển khai thực hiện. Tuy nhiên: *Đa số các trường chưa thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho hoạt động tự đánh giá; Quy trình tự đánh giá đang thực hiện chưa đáp ứng tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng; Nguồn lực để thực hiện tự đánh giá chưa đáp ứng yêu cầu cần có. Các trường THPT chưa thực hiện tốt nội dung tự đánh giá được lựa chọn ở cấp trường; Hoạt động tự đánh giá tập trung ở cấp trường và chưa được thực hiện ở cấp bộ môn; Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá đối với*

việc đảm bảo chất lượng nhà trường của đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa đúng mức. Nhiều cán bộ, giáo viên chưa xác định được trách nhiệm của bản thân đối với hoạt động tự đánh giá. Số đông cán bộ, giáo viên chưa được cung cấp kịp thời các thông tin về quản lý chất lượng, về tự đánh giá. Năng lực tự đánh giá của cán bộ, giáo viên còn nhiều hạn chế; Chưa có sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT để tổ chức tự đánh giá.

- Từ thực tiễn tổ chức hoạt động tự đánh giá ở một số quốc gia trên thế giới và thực tiễn tổ chức hoạt động tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam (nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình) luận án đã nêu ra tám bài học kinh nghiệm cho các trường THPT ở Việt Nam khi tiến hành tự đánh giá ở trường học của mình. Thực tiễn cũng cho thấy tự đánh giá ở trường trung học tại một số quốc gia trên thế giới đã thực hiện khá tốt hai chức năng cơ bản của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là tự đánh giá để nâng cao chất lượng thường xuyên và tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng. Còn tự đánh giá ở trường THPT tỉnh Thái Bình chỉ thực hiện được chức năng tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng.

Cơ sở lí luận và thực tiễn cho thấy cần phải đề ra các biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT để đáp ứng yêu cầu đặt ra của nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT Việt Nam.

CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI TỰ ĐÁNH GIÁ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VIỆT NAM

3.1. Bối cảnh và nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với chất lượng và hoạt động tự đánh giá chất lượng ở các trường trung học phổ thông

Bối cảnh

- Thế giới: Bối cảnh thế giới như đã nêu ở lí do chọn đề tài của luận án là bước sang thập niên thứ hai của thế kỉ XXI sự phát triển của thế giới có một số đặc điểm nổi bật như: *Một là*, xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới. Xu hướng này, một mặt tạo ra sự hợp tác gắn bó, mặt khác tạo ra sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ, quyết liệt giữa các quốc gia, giữa các dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. *Hai là,* sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, sự bùng nổ của công nghệ thông tin và sự phát triển nhanh chóng của mạng lưới Internet đã góp phần chuyển dần nền kinh tế thế giới từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế hậu công nghiệp hay kinh tế tri thức.

Hai đặc điểm trên cộng với quá trình phi tập trung hóa và đại chúng hóa giáo dục đã dẫn tới nhiều chuẩn mực giáo dục bị thay đổi theo hướng xấu như: chất lượng tuyển sinh đầu vào bị hạ thấp, số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh nhưng tài chính tăng chậm, các điều kiện phục vụ việc dạy và học không đảm bảo, chất lượng đầu ra chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động...các yếu tố tiêu cực bên ngoài xã hội đã tác động sâu sắc đến nhà trường. Đặc biệt, giáo dục của thế giới từng bước chuyển dần từ nền giáo dục theo định hướng nhà nước sang nền giáo dục theo định hướng của thị trường, sự cạnh tranh giữa các trường học ngày càng trở nên quyết liệt hơn. Trong bối cảnh đó, nhiều nước phát triển và đang phát triển trên thế giới đã lựa chọn việc đẩy mạnh quản lý chất lượng các cơ sở giáo dục để khắc chế những ảnh hưởng không tích cực như đã nêu.

- Ở Việt Nam: Đánh giá chung về sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam từ 2005 đến nay [58] bên cạnh rất nhiều thành công thì chỉ tính riêng năm 2013 và kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015), tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam có 8 tồn tại cơ bản, trong đó có tồn tại *Chất lượng giáo dục đào tạo và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu* [58]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và

đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã chỉ ra điểm yếu của học sinh, sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp là năng lực giải quyết vấn đề. Từ đó, nghị quyết đã chỉ ra các cơ sở giáo dục cần tập trung, tăng cường nâng cao năng lực của học sinh, sinh viên trong quá trình giáo dục và đào tạo.

Một số vấn đề đặt ra đối với giáo dục trung học phổ thông Việt Nam

Bối cảnh thế giới và trong nước như đã nêu, đã tạo cho giáo dục phổ thông một số thời cơ và thách thức sau:

- Thời cơ: bối cảnh đã tạo cho giáo dục trung học phổ thông ba thời cơ. *Một là,* trong điều kiện kinh tế thị trường, chất lượng giáo dục và chất lượng các sản phẩm của giáo dục luôn được đánh giá một cách khách quan. Do đó, chất lượng của trường THPT sẽ được xã hội đánh giá một cách khách quan. Khi đó, chất lượng của trường THPT sẽ là tiền đề cốt lõi để nhà trường tạo dựng, phát triển *"thương hiệu"* của mình. *Hai là,* hội nhập quốc tế là cơ hội để các quốc gia đi sau, các quốc gia chậm phát triển có cơ hội tiếp cận, thừa hưởng các kinh nghiệm tổ chức, quản lý chất lượng trường trung học của các quốc gia đi trước, quốc gia phát triển. *Ba là,* thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là một trong những giải pháp mang tính chiến lược góp phần đảm bảo tính phát triển bền vững của giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. Các trường THPT của Việt Nam hiện nay đang phát triển nhanh về quy mô, số lượng nhưng tính bền vững chưa cao.

- Thách thức: bối cảnh thế giới và trong nước đã đặt ra cho giáo dục trung học phổ thông ba thách thức.

Thách thức thứ nhất, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế cùng các cam kết thương mại (*thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ (GATS)*) khi Việt Nam gia nhập WTO đã đòi hỏi giáo dục nước ta cần có sự đổi mới bằng cách chuyển nền giáo dục từ phục vụ kinh tế kế hoạch hoá sang vận hành theo cơ chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Giáo dục có đổi mới thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào việc đổi mới quản lý giáo dục trên các phương diện : *tư tưởng quản lý; cơ chế quản lý và phương thức quản lý*. Về tư tưởng quản lý, chuyển từ quản lý bằng mệnh lệnh quan liêu, hành chính sang quản lý bằng pháp luật. Về cơ chế quản lý, chuyển từ quản lý tập trung, bao cấp sang quản lý phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Về phương thức

quản lý: chuyển từ quản lý một chiều từ trên xuống sang lấy nhà trường, cơ sở giáo dục làm trung tâm.

Thách thức thứ hai, đối với giáo dục trung học phổ thông: Mặc dù chưa có sự thống nhất và chưa có sự khẳng định chính thức có hay không có thị trường giáo dục từ các nhà khoa học và các cơ quan quản lý giáo dục, nhưng thực tế giáo dục nói chung và giáo dục trung học phổ thông nói riêng vẫn đang chịu sự ảnh hưởng của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Luận án này sẽ đề cập tới 2 ảnh hưởng lớn nhất, đó là ảnh hưởng của quy luật *Cung - Cầu* và ảnh hưởng của quy luật *Cạnh tranh* đối với sự phát triển của các trường THPT. Khai thác những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực như thế nào là một thách thức lớn đối với các trường THPT. ***Ảnh hưởng của quy luật Cung - Cầu***: Đầu vào, đầu ra là hai trong các yếu tố chính tạo ra chất lượng trường THPT. Yếu tố quan trọng nhất của đầu vào, đó là chất lượng của học sinh đăng kí dự tuyển vào các trường THPT. Yếu tố quan trọng nhất của đầu ra là chất lượng nguồn nhân lực dành cho các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp hay thị trường lao động trong nước và quốc tế. Nếu đầu ra tốt, được xã hội thừa nhận thì đầu vào sẽ thu hút được nguồn học sinh chất lượng dự tuyển vào trường. Ngược lại nếu đầu vào không tốt thì đầu ra khó có thể cao. Chất lượng một trường THPT nếu không đáp ứng được các đòi hỏi và sự kì vọng của xã hội thì sẽ tạo ra tình trạng mất cân bằng giữa Cung với Cầu. ***Ảnh hưởng của quy luật Cạnh tranh:*** Quy luật Cạnh tranh có ảnh hưởng lớn đến giáo dục THPT trong điều kiện kinh tế thị trường. Trước đây, trường THPT do nhà nước lập ra nên nhà trường được chu cấp hoàn toàn trên mọi phương diện, từ nhân lực, vật lực, cơ sở vật chất, tài chính… Ngày nay, trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, với tư cách là các cơ sở giáo dục có thu, tự chủ một phần, hay tự chủ hoàn toàn như các trường tư thục thì chất lượng của mỗi trường THPT, một mặt tạo dựng danh tiếng và thương hiệu cho nhà trường, mặt khác quyết định đến sự tồn tại, phát triển hay giải thể của mỗi nhà trường. Hiện nay, dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà nước, ảnh hưởng của quy luật Cạnh tranh đến các trường THPT là chưa nhiều. Nhưng trong tương lai, các trường THPT sẽ phải cạnh tranh nhau để khẳng định uy tín, thương hiệu của mình, qua đó thu hút những nguồn lực tốt nhất về cho nhà trường. Sự cạnh tranh giữa các nhà trường có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục THPT, tạo ra sự cạnh tranh học tập giữa các học sinh chưa vào học và đã vào học trong trường. Nhà nước cần khuyến khích sự cạnh tranh này nhưng phải đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng.

Thách thức thứ ba, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, sự cạnh tranh không chỉ đến từ các cơ sở giáo dục trong nước mà còn là sự cạnh tranh giữa cơ sở giáo dục trong nước với các cơ sở giáo dục nước ngoài ở Việt Nam để thu hút người học.

Để đối phó với những thách thức như đã nêu, các trường THPT cần sớm áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng vào quản lý chất lượng nhà trường. Cụ thể, quản lý chất lượng nhà trường cần chuyển từ kiểm soát chất lượng *(quản lý hành chính; tập trung; một chiều theo kế hoạch của cơ quan quản lý cấp trên với hoạt động thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài là chủ đạo)* sang đảm bảo chất lượng *(quản lý bằng pháp luật, theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng; đẩy mạnh phân cấp, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường; hoạt động tự đánh giá phục vụ nâng cao chất lượng thường xuyên và phục vụ kiểm định chất lượng là hoạt động nòng cốt trong công tác quản lý chất lượng)* để nâng cao chất lượng nhà trường, đảm bảo cân bằng giữa Cung với Cầu, tăng cường khả năng cạnh tranh giữa nhà trường với các trường THPT khác. Những thời cơ đã nêu sẽ tạo điều kiện cho hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT Việt Nam có tính khả thi hơn nhờ tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm tổ chức tự đánh giá ở những quốc gia có nền giáo dục phát triển. Hiện nay các trường THPT Việt Nam chưa nắm vững cơ sở lí luận, thiếu kinh nghiệm thực tiễn tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng nên hội nhập quốc tế là cơ hội tốt để các trường THPT của chúng ta học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá trên thế giới.

Căn cứ vào lí luận, thực tiễn ở chương 1 và chương 2; căn cứ vào bối cảnh và vấn đề đặt ra đối với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT, luận án đề xuất một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường THPT.

3.1.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

- Nguyên tắc bảo đảm tính lí luận: Các biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT mà luận án đề xuất phải phù hợp với cơ sở lí luận về tự đánh giá được nêu ra ở chương 1 và khắc phục được một số vấn đề đã được xác định trong phần đánh giá thực trạng hoạt động tự đánh giá ở chương 2. Cụ thể: Cần tiến hành tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng. Hoạt động tự đánh giá dù do nhà trường, tổ, nhóm bộ môn hay do giáo viên tổ chức đều phải xuất phát từ nhu cầu, thỏa mãn lợi ích của nhà trường, của đội ngũ cán bộ, giáo viên và mục tiêu cuối cùng là cải thiện, nâng cao chất lượng nhà trường, môn học. Tự đánh giá được thực hiện theo chuẩn, bằng các quy trình chất

lượng đã xác định, được tiến hành đồng thời ở hai cấp, cấp trường và cấp bộ môn. Tự đánh giá được thực hiện gắn liền với quản lý trong và kiểm định chất lượng.

- Nguyên tắc bảo đảm tính thực tiễn: Các biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT được trình bày trong luận án phải đảm bảo tính thực tiễn. Đó là, các trường THPT Việt Nam cần: Tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá của một số trường học, một số quốc gia trên thế giới; Vận dụng sáng tạo, linh hoạt các kinh nghiệm nói trên vào Việt Nam trong điều kiện kinh tế nước nhà còn nhiều khó khăn, khoa học công nghệ chậm phát triển; Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi tỉnh, thành, địa phương trong nước có những đặc điểm riêng biệt nên quá trình vận dụng các biện pháp, nên cân nhắc kĩ lưỡng tới tình hình thực tiễn ở địa phương của mình để vận dụng sáng tạo, linh hoạt các biện pháp được nêu.

- Nguyên tắc bảo đảm tính đồng bộ: Các biện pháp mà luận án đưa ra phải đảm bảo tính đồng bộ. Tính đồng bộ được thể hiện trên các khía cạnh sau: Đảm bảo, tự đánh giá ở trường THPT là một hoạt động không thể thiếu của quá trình bảo đảm chất lượng cho nhà trường do nhà trường, vì nhà trường; Khi tổ chức tự đánh giá ở trường THPT, cần quan tâm đúng mức, hài hòa và tạo mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ giữa quyền tự chủ với trách nhiệm xã hội để một mặt tạo sự chủ động cho nhà trường, nhưng mặt khác đảm bảo tính trách nhiệm của nhà trường trong việc thực hiện tự đánh giá; Quyền tự chủ của các nhà trường cần được sự chấp nhận và chịu sự kiểm soát của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Hoạt động tự đánh giá ở trường THPT tùy theo tình hình thực tiễn, có thể rất đa dạng, phong phú nhưng không được trái pháp luật.

- Nguyên tắc bảo đảm tính cấp thiết: Biện pháp mà luận án đưa ra phải đảm bảo tính cấp thiết trên hai phương diện xã hội và công tác quản lý chất lượng giáo dục.

Về xã hội, việc thực hiện biện pháp sẽ giải quyết được những yêu cầu mà nhà nước, địa phương, học sinh, cha mẹ học sinh…đặt ra đối với chất lượng của trường THPT. Từ đó, nâng cao hiệu quả giáo dục và sự đóng góp của các trường THPT đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, chính trị của đất nước, của địa phương.

Về công tác quản lý chất lượng ở các trường THPT, thực hiện các biện pháp đã nêu ra sẽ tháo gỡ những bế tắc trong việc tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá, qua đó nhà trường thực hiện việc đảm bảo chất lượng của mình trong giai đoạn hiện nay.

- Nguyên tắc bảo đảm tính khả thi:

Các biện pháp đã nêu cần bảo đảm tính khả thi trên các phương diện: khả thi về mặt pháp lý, chính trị; khả thi về mặt kỹ thuật *(quy trình và nhân lực có hiểu biết)* và

khả thi về mặt tài chính. Về mặt *pháp lý, chính trị*, các biện pháp được đưa ra có đủ khung pháp lí để thực hiện hoặc nếu thiếu có thể bổ sung kịp thời mà không làm ảnh hưởng đến các điều kiện pháp lí khác và các biện pháp được đề xuất nhận được sự ủng hộ của các cơ quan quản lý có thẩm quyền, của các trường THPT, của đội ngũ cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh, của xã hội. Về mặt *kỹ thuật,* quy trình thực hiện các biện pháp có thể thực hiện được và nhân lực hiện có đủ về số lượng, có năng lực thực hiện các biện pháp. Về mặt *tài chính*, nhà trường có đủ tài chính để triển khai thực hiện các biện pháp được đề xuất.

3.2. Một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá ở trường trung học phổ thông

Căn cứ vào cơ sở lí luận và thực tiễn về tự đánh giá, luận án đề xuất 6 biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT

3.2.1. Thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá

Chương 2 của luận án đã nêu ra một thực trạng khá phổ biến ở các trường THPT là các trường không thực hiện quản lý chất lượng bên trong *(lập kế hoạch chất lượng và thực hiện kế hoạch chất lượng)* trước khi tổ chức tự đánh giá. Điều này dẫn tới tự đánh giá không đóng góp nhiều cho việc nâng cao chất lượng nhà trường. Do vậy để đổi mới hoạt động tự đánh giá trong trường THPT thì biện pháp đầu tiên và cấp thiết cần thực hiện là thực hiện quản lý chất lượng bên trong trường THPT để tạo tiền đề cho hoạt động tự đánh giá. Việc thực hiện quản lý chất lượng bên trong trước mắt tập trung vào một số nội dung quan trọng như: xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn chất lượng của nhà trường và đối với mỗi môn học

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

Ý nghĩa của biện pháp:

- Cơ sở lí luận của luận án đã nêu ra: sứ mệnh của trường THPT phải hướng tới phục vụ học sinh, cố gắng thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của học sinh và mục tiêu là sự cụ thể hóa một bước sứ mệnh của trường THPT. Tuy nhiên, thực tiễn đã chỉ ra số đông cán bộ, giáo viên không xác định được sứ mệnh và mục tiêu của nhà trường, của môn học. Do đó, việc xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu chất lượng của nhà trường, môn học là bước đi cần thiết, *trước tiên* là thể hiện sự tôn trọng tới quyền lợi của học sinh, *sau là* để nhà trường và mỗi cán bộ, giáo viên quan tâm đúng mức tới mong muốn, nhu cầu học tập của học sinh; từ đấy có sự điều chỉnh thích hợp đối với hoạt

động giáo dục trong nhà trường, môn học đáp ứng nhu cầu của học sinh luôn thay đổi theo từng thời kì, từng giai đoạn khác nhau. Việc xác định mục tiêu của nhà trường, môn học còn có ý nghĩa nữa là giúp nhà trường, giáo viên đầu tư thích hợp thời gian và các nguồn lực để đạt mục tiêu đã xác định.

- Chuẩn chất lượng đối với nhà trường, môn học nếu được xây dựng, một mặt cụ thể hóa tuyên bố sứ mệnh, mục tiêu chất lượng đã được xác định; mặt khác chuẩn chất lượng còn là kim chỉ nam chỉ ra cái đích về chất lượng mà nhà trường, giáo viên cần hướng tới.

Mục tiêu của biện pháp:

- Nhà trường đưa ra một tuyên bố sứ mệnh. Tuyên bố này được cụ thể hóa bởi mục tiêu của nhà trường và của các môn học, kèm theo các chuẩn chất lượng của nhà trường, môn học bám sát chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT nhưng phù hợp, sát với thực tế nhà trường.

- Chuẩn chất lượng của nhà trường gồm bao nhiêu tiêu chí, tiêu chuẩn và các tiêu chí, tiêu chuẩn đó như thế nào, điều này phụ thuộc vào việc lựa chọn các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá của nhà trường. Nên một mục tiêu khác của biện pháp này là nhà trường phải xác định được các lĩnh vực (nội dung) cần đánh giá và trình tự đánh giá của các lĩnh vực (nội dung) đó.

<u>Nội dung thực hiện biện pháp</u>

- Nhà trường, tổ (nhóm) bộ môn kiểm tra, rà soát lại việc xây dựng kế hoạch chất lượng của nhà trường, tổ (nhóm) chuyên môn. Nếu chưa có, nhà trường, tổ (nhóm) chuyên môn cần khẩn trương triển khai xây dựng kế hoạch. Nếu đã có, cần rà soát lại các nội dung được đề cập trong kế hoạch có đảm bảo tính thời sự, có thường xuyên được bổ sung cập nhật thông tin và có đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng học tập của học sinh hay không. Đặc biệt, cần quan tâm trong kế hoạch chất lượng đó nhà trường, tổ (nhóm) chuyên môn đã xác định, làm rõ sứ mệnh, mục tiêu, chuẩn mực chất lượng cần đạt hay chưa. Nếu chưa xác định, chưa đề ra, chưa làm rõ cần bổ sung kịp thời trước khi tiến hành tự đánh giá chất lượng nhà trường. Tiếp theo, thực hiện công khai sứ mệnh, mục tiêu và chuẩn chất lượng của nhà trường, mục tiêu và chuẩn chất lượng của mỗi môn học tới tất cả các cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh nhà trường và xã hội. Việc thực hiện công khai nói trên phải được thực hiện thường xuyên, liên tục theo nhiều cách khác. Cần tránh thực hiện công khai qua loa trong một số cuộc họp.

Cách tốt nhất để các nội dung cần tuyên truyền, phổ biến đến được từng cán bộ, giáo viên là vừa tuyên truyền, phổ biến, vừa triển khai thực hiện.

- Xác định các lĩnh vực (nội dung) cần đánh giá để tự đánh giá được thực hiện trong đảm bảo chất lượng. Dựa vào *Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT* của Bộ GD&ĐT và dựa vào phân tích về các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá trong phần cơ sở lí luận của luận án thì các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng nên gồm chín lĩnh vực chính: *(1) Xem xét sứ mệnh và mục tiêu; (2)Đánh giá nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học và nhà trường; (3) Đánh giá việc quản lý phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh (đánh giá việc quản lý phát triển của nhà trường và của từng bộ môn); (4) Đánh giá công tác tổ chức và quản lý nhà trường; (5) Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và đánh giá môi trường học tập, bầu "không khí" trong nhà trường; (6) Đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập của học sinh; (7) Đánh giá quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; (8) Đánh giá hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; (9) So sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường trung học khác.*

Để thực hiện tự đánh giá nhà trường theo các lĩnh vực được lựa chọn cần xây dựng chuẩn chất lượng phù hợp. Đối với việc xây dựng chuẩn chất lượng, thay cho việc nhà trường chỉ cần trả lời "*có*" hoặc "*không*"; " *đủ*" hoặc "*thiếu*"; "*bảo quản tốt*"; "*lưu trữ tốt*"… là hoàn thành câu trả lời cho một nội dung nào đó trong lĩnh vực tự đánh giá như chuẩn chất lượng đã ban hành kèm theo *Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT* của Bộ GD&ĐT thì chuẩn chất lượng được xây dựng nên cụ thể hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí theo điểm số. **Ví dụ:**

Ví dụ về cho điểm đối với nội dung xác định mục tiêu chất lượng: nhà trường chưa đề ra mục tiêu chất lượng cho 0 điểm; đã đề ra mục tiêu chất lượng được 1 điểm. Các điểm cộng khác của nội dung xác định mục tiêu chất lượng: mục tiêu rõ ràng cộng thêm 1 điểm, mục tiêu phù hợp với nhà trường cộng thêm 1 điểm, mục tiêu bao phủ các hoạt động của nhà trường cộng thêm 1 điểm, mục tiêu được trên 80% cán bộ, giáo viên nhất trí cộng thêm 1 điểm, mục tiêu thường xuyên được cập nhật, bổ sung cộng thêm 1 điểm nữa… Như vậy, tính riêng nội dung xác định mục tiêu chất lượng thì điểm tối đa một nhà trường có thể nhận được là 6 điểm, điểm tối thiểu là 0 điểm.

Ví dụ về cho điểm đối với các lĩnh vực tự đánh giá trong nhà trường: Những lĩnh vực quan trọng có thể nhân hệ số 2 sau khi tính điểm từng lĩnh vực (ví dụ: lĩnh vực 1,3,4,8 trong chín lĩnh vực nêu trên), các lĩnh vực khác hệ số 1.

Ví dụ về đánh giá mức độ đạt chuẩn chất lượng của nhà trường căn cứ vào điểm số: Chất lượng nhà trường đạt hay không đạt chuẩn, nếu đạt chuẩn thì đạt ở cấp độ nào, điều này cần được quy định rõ bởi số lĩnh vực được đánh giá tối thiểu là bao nhiêu và điểm trung bình chung về chất lượng của nhà trường đạt được *(chia cho số lĩnh vực được tự đánh giá, sau khi đã nhân hệ số)*. Chẳng hạn: để đạt chuẩn cấp độ 1 thì ***điều kiện cần*** thứ nhất là nhà trường tối thiểu thực hiện đánh giá 6 lĩnh vực, gồm: *Xem xét sứ mệnh và mục tiêu* và 5 lĩnh vực khác như Bộ đã quy định trước đây; để đạt chuẩn cấp độ 2 thì ***điều kiện cần*** thứ nhất là nhà trường tối thiểu thực hiện 7 lĩnh vực, gồm 6 lĩnh vực tối thiểu như điều kiện cần để đạt chuẩn cấp độ 1 và lĩnh vực *quản lý phát triển nội dung, chương trình học tập của học sinh…*

- Xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học. Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học được xây dựng theo trình tự như sau:

(i) Xác định các căn cứ để xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học.

(ii) Tổ, nhóm chuyên môn xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học. Dự thảo này cần bám sát mục tiêu môn học đã được xác định.

(iii) Khảo sát ý kiến các nhóm đối tượng về chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá (nhóm đối tượng có thể là: chuyên gia của Bộ GD&ĐT, chuyên viên phụ trách bộ môn của sở GD&ĐT; các giáo viên dạy giỏi môn học, tổ (nhóm) trưởng môn học…)

(iv) Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học.

Điều kiện thực hiện biện pháp

- Vận dụng Điều 14, Điều 100 Luật giáo dục năm 2005, Luật giáo dục sửa đổi 2009 và Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ GD&ĐT để thực hiện phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm xã hội cho các trường học trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá. *Cụ thể*: (i) Chuyển dần từ nhà trường quản lý xuống các tổ, nhóm chuyên môn quản lý để đảm bảo việc mọi cá nhân, tập thể trong trường đều có nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia tự đánh giá. (ii) Thiết kế sự phân cấp quản lý trong nhà trường đối với hoạt động tự đánh giá. Làm rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng cá nhân, tập thể trong việc tổ chức tự đánh giá chất lượng. Ví dụ: Ban lãnh đạo nhà trường thông qua hội đồng tự đánh giá để quản lý hoạt động tự đánh giá ở cấp trường. Các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý hoạt động tự đánh giá chất lượng môn học của

đội ngũ giáo viên dưới quyền và họ phải chịu trách nhiệm trước nhà trường về hoạt động tự đánh giá chất lượng môn học của tổ mình.

Lưu ý: *Lưu ý thứ nhất,* cần kết hợp giữa tập trung và phân cấp (như phi tập trung hoá, uỷ quyền, trao quyền) để đảm bảo quyền hạn đi đôi với trách nhiệm thực hiện và nâng cao quyền tự chủ cho trường THPT trong khuôn khổ quy định của pháp luật. *Lưu ý thứ hai,* phân cấp quyền ra quyết định từ nhà trường đến các tổ chức chính trị, tổ, nhóm bộ môn trong trường. Phân quyền đi đôi với việc củng cố và xây dựng hệ thống chịu trách nhiệm với kết quả thực hiện. Tập trung nhiều hơn vào việc xác định quan hệ, trách nhiệm trong nhà trường và các vấn đề khác có thể nảy sinh khi đã tăng cường quyền tự chủ cho nhà trường và trong nhà trường. *Lưu ý thứ ba,* thực hiện phân cấp quản lý trường THPT cần đi liền với việc nâng cao năng lực tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường. Huy động và tạo điều kiện để mọi cán bộ, giáo viên có cơ hội tiếp cận với kiến thức về quản lý chất lượng giáo dục để họ có thể cùng tham dự vào quá trình xây dựng mục tiêu chất lượng và chuẩn chất lượng nhà trường, môn học.

- Tìm hiểu nhu cầu, mong muốn học tập của học sinh và thường xuyên cập nhật nhu cầu, mong muốn của học sinh.

3.2.2. Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng

Cơ sở lí luận đã nêu ra tầm quan trọng của quy trình nâng cao chất lượng và quy trình tự đánh giá chất lượng. Thực trạng cho thấy các trường THPT (Thái Bình) chưa xây dựng quy trình nâng cao chất lượng và quy trình tự đánh giá đang thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu của tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng. Do đó, biện pháp 2 sẽ tập trung vào việc hoàn thiện quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường để có thể tiến hành tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng và xây dựng quy trình tự đánh giá chất lượng môn học ở trường THPT.

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

- Quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường, môn học theo cấp độ đảm bảo chất lượng sẽ giúp hoạt động tự đánh giá nhà trường, môn học diễn ra tuần tự, logic, khoa học và đạt kết quả cao.

- Mục tiêu của biện pháp là hoàn thiện quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường và đề xuất quy trình tự đánh giá chất lượng môn học theo trình tự các bước thực hiện với các nhiệm vụ, nội dung chi tiết của từng bước.

Nội dung thực hiện biện pháp

Căn cứ vào lí luận và thực tiễn hoạt động tự đánh giá chất lượng ở trường THPT, luận án đề xuất phương án hoàn thiện quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường và đề xuất quy trình tự đánh giá chất lượng môn học như sau:

- Quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường gồm có 5 bước theo trình tự với các nhiệm vụ, nội dung chi tiết của từng bước được xác định như sau:

Bước 1: Chuẩn bị tự đánh giá

Bước chuẩn bị tự đánh giá gồm các nhiệm vụ chính sau:

B-1.1 Xác định các điểm mạnh, điểm yếu về chất lượng của nhà trường; xác định thời cơ và thách thức đối với nhà trường trong việc bảo đảm chất lượng. Bước này rất quan trọng, giúp lãnh đạo nhà trường giải trình trước cấp trên, trước các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường về lí do phải tiến hành tự đánh giá.

B-1.2 Tìm kiếm sự ủng hộ của lãnh đạo cấp trên. Thực tiễn tổ chức tự đánh giá ở một số nước trên thế giới và thực tế ở Việt Nam cho thấy ở đâu việc tự đánh giá dưới cơ sở được giới lãnh đạo cấp trên quan tâm và dành sự ưu tiên cho công việc này thì hoạt động tự đánh giá diễn ra thuận lợi, đạt kết quả tốt. Do đó, nếu trường hợp lãnh đạo cấp trên không quan tâm hoặc ít quan tâm đến hoạt động tự đánh giá dưới cơ sở thì trường THPT nên tạm dừng hoạt động cho đến khi nhà trường tìm kiếm được sự ủng hộ của lãnh đạo cấp trên.

B-1.3 Xây dựng đội ngũ chuyên gia kĩ thuật. Hoạt động tự đánh giá diễn ra trong khoảng thời gian dài, cần nhiều kĩ năng, nghiệp vụ tự đánh giá, phương pháp thu thập và xử lý số liệu... Do vậy, ngay từ đầu nhà trường phải xây dựng được đội ngũ chuyên gia kĩ thuật có trách nhiệm, đủ năng lực chuyên môn để hướng dẫn và bồi dưỡng kĩ thuật tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên .

B-1.4 Chuẩn bị nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị, tài chính). Nguồn lực (nhất là nhân lực, tài chính) là yếu tố quan trọng quyết định tới sự thành công của hoạt động tự đánh giá. Nhân lực mà nhất là đội ngũ chuyên gia kĩ thuật quyết định tới chất lượng và kết quả của hoạt động tự đánh giá. Nguồn tài chính cần có không những phải đảm bảo cho việc tiến hành hoạt động tự đánh giá mà cần có nguồn tài chính đầu tư cho việc thực hiện những thay đổi theo kiến nghị của hội

đồng tự đánh giá. Nguồn nhân lực và tài chính cần nhiều hay ít phụ thuộc vào quy mô và yêu cầu cụ thể của hoạt động tự đánh giá.

B-1.5 Xây dựng động lực tự đánh giá. Mục tiêu của hoạt động tự đánh giá là thông qua tự đánh giá nhà trường sẽ cải thiện tình hình chất lượng của trường THPT, điều này quan trọng hơn việc đối phó với yêu cầu của kiểm định chất lượng. Do đó, ngoài sự cam kết của lãnh đạo, việc xây dựng động lực tự đánh giá sẽ thuyết phục các thành viên trong nhà trường tích cực tham gia vào hoạt động tự đánh giá và tác động quan trọng tới kết quả tự đánh giá.

B-1.6 Thành lập hội đồng tự đánh giá và hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm triển khai hoạt động và viết báo cáo tự đánh giá. Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường (trường hợp đặc biệt mới để phó hiệu trưởng làm chủ tịch), các phó chủ tịch là các phó hiệu trưởng, thư kí hội đồng là một cán bộ chủ chốt của nhà trường, các ủy viên hội đồng là tổ trưởng, nhóm trưởng bộ môn, các cán bộ, giáo viên có khả năng, năng lực đánh giá. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường giới thiệu người tham gia hội đồng. Số lượng phó chủ tịch và số ủy viên hội đồng nhiều hay ít phụ thuộc vào phạm vi, lĩnh vực tự đánh giá mà nhà trường dự kiến tiến hành hoặc phụ thuộc vào số các nhóm đánh giá định thành lập. Lưu ý, các thành viên trong hội đồng đánh giá phải có những kỹ năng: tổ chức, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, điều tra, viết báo cáo, biên tập...

Bước 2: Thiết kế quá trình tự đánh giá và công cụ thu thập minh chứng

B-2.1 Thiết kế quá trình tự đánh giá. Thiết kế quá trình tự đánh giá được thực hiện bởi nhóm chuyên gia kĩ thuật, sau đó quá trình này cần được hội đồng tự đánh giá phê duyệt trước khi thực hiện. Những công việc quan trọng mà nhóm chuyên gia cần thực hiện để thiết kế quá trình tự đánh giá, đó là:

Nắm được những thông tin sơ bộ về trường THPT: Thông tin sơ bộ về trường THPT, gồm: thông tin về lịch sử xây dựng và trưởng thành của nhà trường; tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh; cơ sở vật chất nhà trường hiện tại… Thông tin về nhà trường mà nhóm chuyên gia cần nắm được còn là những thông tin có liên quan đến thực trạng mục tiêu ("rõ ràng" hay "không rõ ràng"); thời gian tự đánh giá lần trước (đã lâu chưa); năng lực thông tin (đội ngũ, kinh nghiệm) và sự hiện hữu của thông tin (số liệu, xu thế, ý kiến, hệ thống thông tin); hiện trạng lập kế hoạch chất lượng; sự nhất trí trong giới lãnh đạo về việc tự đánh giá và xác định vấn đề; các yếu tố lịch sử và chính trị trong tổ chức; sức ép của cơ quan bên ngoài… Trên cơ sở

những thông tin này, việc thiết kế được tiến hành để chuẩn bị cho giai đoạn thực hiện tự đánh giá.

Thiết kế các hoạt động thu thập và xử lý thông tin để tiến hành thu thập, khai thác, xử lí các số liệu có liên quan đến lĩnh vực cần đánh giá.

Dự kiến các ý tưởng về bản báo cáo tự đánh giá: Những kết quả đánh giá cần được dự kiến trước và đặt trong kế hoạch chung.

Sau khi các nội dung nêu trên đã được xác định, nhóm chuyên gia xây dựng một bản kế hoạch chi tiết, gồm: nội dung các hoạt động, thời gian tiến hành, thời hạn kết thúc, kết quả mong đợi và những người chịu trách nhiệm. Bản kế hoạch này được hội đồng tự đánh giá sử dụng để theo dõi tiến độ của hoạt động tự đánh giá…

B-2.2 Thiết kế công cụ thu thập minh chứng. Trước khi thiết kế công cụ thu thập minh chứng, nhóm chuyên gia phải liệt kê những loại thông tin cần thu thập để lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng phù hợp. Có nhiều loại công cụ thu thập minh chứng để phục vụ việc tự đánh giá. Thiết kế loại công cụ nào? điều này phụ thuộc vào cấp độ thu thập thông tin *(tự đánh giá trường học hay tự đánh giá một môn học cụ thể nào đó)*. Đối với các trường THPT có thể sử dụng ba loại công cụ chính sau đây để thực hiện việc thu thập minh chứng: sử dụng bảng biểu thống kê, sử dụng các phiếu hỏi và sử dụng phiếu phỏng vấn. Các bảng biểu thống kê giúp người điều tra xác định các thông tin về học sinh đang theo học; học sinh đã tốt nghiệp; thu và chi tài chính; cơ sở vật chất, kĩ thuật, thiết bị, tài chính; giáo viên (số lượng, trình độ); ... Các bộ phiếu hỏi cho phép tìm hiểu thái độ của học sinh, cán bộ, giáo viên, các đối tượng sử dụng lao động. Việc thiết kế các bộ phiếu hỏi cho phép tìm hiểu không hạn chế về những vấn đề và các mối quan tâm đặc biệt ở thể lượng hóa để đánh giá mức độ. Lưu ý trong việc thiết kế các phiếu hỏi là phiếu hỏi không quá dài, câu hỏi cần được lựa chọn kĩ càng tập trung vào những vấn đề trọng tâm và tránh những câu hỏi có nhiều phương án trả lời. Các phiếu hướng dẫn phỏng vấn cho phép thu thập thông tin sâu về những vấn đề chưa tìm được câu trả lời thỏa đáng sau khi đã sử dụng các công cụ trên. Đôi khi người ta sử dụng phỏng vấn sâu để có thể tìm hiểu sâu và rộng một vấn đề nào đó mà các công cụ trên không làm được. Thiết kế phiếu hướng dẫn phỏng vấn là một việc làm rất khó, đòi hỏi người thiết kế phải có trình độ tay nghề cao, rất am hiểu vấn đề và hình dung được các tình huống có thể xảy ra cũng như việc sử dụng kết quả phỏng vấn đó dùng để làm rõ vấn đề gì.

Bước 3: Tổ chức triển khai tự đánh giá

Tổ chức triển khai tự đánh giá gồm các công việc chính như sau:

B-3.1 Thu thập, xử lý các số liệu, các minh chứng. Thu thập, xử lý các số liệu, các minh chứng liên quan đến các lĩnh vực tự đánh giá được nhà trường lựa chọn.

B-3.2 Đối chiếu kết quả thu được ở B-3.1 với chuẩn mực chất lượng đã đề ra. Từ việc đối chiếu, phân tích, đánh giá mức độ đạt được của chất lượng nhà trường trong từng lĩnh vực.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá, đề xuất biện pháp cải tiến

B-4.1 Viết báo cáo tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá là sản phẩm đầu ra của hoạt động tự đánh giá. Báo cáo phải lột tả được toàn bộ công việc, kết quả, ý kiến, kiến nghị.

B-4.2 Đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng đối với những nội dung, mục tiêu chưa đạt so với chuẩn mực chất lượng.

Bước 5: Công bố kết quả tự đánh giá

B-5.1 Kết quả tự đánh giá được công khai báo cáo trước các nhóm đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường.

B-5.2 Chuyển kết quả tự đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền, lưu trữ các ghi chép tự đánh giá, tài liệu tự đánh giá và bằng chứng có liên quan.

- Quy trình tự đánh giá chất lượng môn học gồm có 3 bước theo trình tự với các nhiệm vụ, nội dung chi tiết của từng bước được thể hiện trong sơ đồ S2:

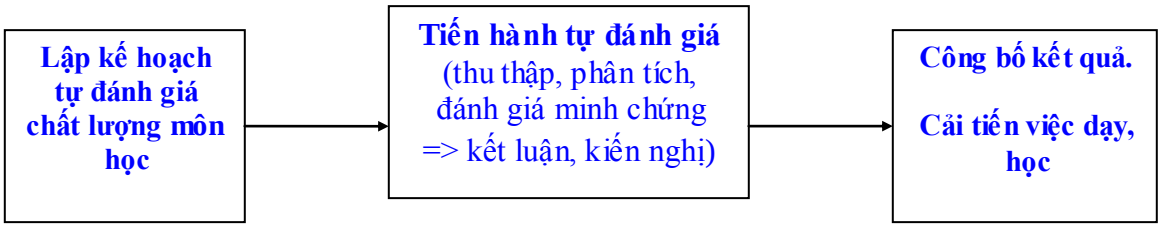

Sơ đồ S2: Quy trình tự đánh giá chất lượng môn học

Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng môn học

Xác định các điểm mạnh, điểm yếu về chất lượng của môn học; xác định các yêu cầu đặt ra đối với chất lượng môn học đáp ứng mục tiêu nhà trường đề ra. Đây là nội dung đầu tiên, rất quan trọng giúp tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên giải trình trước cấp trên, trước các đối tượng quan tâm tới chất lượng môn học về lí do phải tiến hành tự đánh giá. Xác định các nội dung công việc cần làm, thời điểm bắt đầu thực hiện, thời gian thực hiện, các đối tượng tham gia và các điều kiện cần có để thực hiện

tự đánh giá. Xác định và lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh *(kênh thông tin quan trọng phản ánh chất lượng môn học).* Theo Stiggins [93], có 4 nhóm phương pháp chính để đánh giá kết quả học tập của học sinh, gồm: phương pháp đánh giá kiểu lựa chọn trả lời, còn được gọi là trắc nghiệm khách quan; phương pháp đánh giá bằng bài viết đủ dài, còn được gọi là tự luận; phương pháp đánh giá qua thực hành và phương pháp đánh giá qua giao tiếp (vấn đáp). Việc lựa chọn phương pháp nào trong 4 nhóm phương pháp kể trên để tiến hành đánh giá kết quả học tập của học sinh trong trường THPT điều đó còn phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm, nội dung chương trình của môn học. Ví dụ: môn Toán hoặc môn Văn nên dùng tự luận, môn Lí hoặc môn Hóa nên dùng trắc nghiệm khách quan, môn Tin học nên dùng phương pháp thực hành, môn Ngoại Ngữ nên dùng phương pháp vấn đáp để kiểm tra kĩ năng nghe, nói của học sinh. Đối với một số môn nên cùng lúc áp dụng nhiều phương pháp để việc đánh giá đạt kết quả cao hơn. Ví dụ môn Tiếng Anh vừa sử dụng trắc nghiệm khách quan, vừa sử dụng tự luận, vừa sử dụng vấn đáp để kiểm tra 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

Tiến hành tự đánh giá *(thu thập, phân tích, đánh giá các minh chứng, kết luận, kiến nghị):* Xây dựng kế hoạch điều tra, thu thập minh chứng. Xác định hình thức thu thập minh chứng, trực tiếp hay gián tiếp. Tiến hành thu thập minh chứng, phân tích, đánh giá các minh chứng thu được. So sánh kết quả tự đánh giá với chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá. Từ đó đưa ra kết luận về mức độ đạt chuẩn chất lượng môn học và đưa ra các kiến nghị thay đổi.

Công bố kết quả tự đánh giá; sử dụng kết quả tự đánh giá để cải tiến việc dạy, học: Việc công bố kết quả tự đánh giá được thực hiện theo yêu cầu của nhà trường, tổ, nhóm bộ môn hay các đối tượng quan tâm tới chất lượng môn học. Khi đó giáo viên dạy hay tổ, nhóm chuyên môn cần thực hiện tốt hai nhiệm vụ sau: *Viết báo cáo tự đánh giá* và *Công bố kết quả tự đánh giá*. Từ kết quả tự đánh giá chất lượng môn học, giáo viên dạy hay tổ, nhóm chuyên môn xác định nguyên nhân đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng môn học. Từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến quá trình dạy học, cải tiến phương pháp, nội dung dạy học. Đề xuất biện pháp quản lý, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo viên hay tạo động lực thúc đẩy quá trình dạy và học ... Xem xét việc điều chỉnh lại chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá (nâng lên nếu môn học đã đạt chuẩn chất lượng đề ra, hạ thấp xuống nếu chuẩn đó quá cao với thực tiễn) và bắt đầu chu trình tự đánh giá mới.

Điều kiện thực hiện biện pháp

- Nhà trường, tổ, nhóm chuyên môn và đội ngũ cán bộ, giáo viên được trao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm xã hội để xây dựng quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường, môn học.

- Việc hoàn thiện quy trình tự đánh giá chất lượng nhà trường và xây dựng quy trình tự đánh giá chất lượng môn học cần có sự tham gia của các chuyên gia, đội ngũ nhân viên kĩ thuật. Do đó, nhà trường cần có kế hoạch mời chuyên gia và xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên kĩ thuật này.

3.2.3. Tăng cường các nguồn lực và thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng được lựa chọn ở cấp trường

Biện pháp này tập trung vào hai nội dung chính: Tăng cường các nguồn lực tự đánh giá cấp trường và thực hiện các nội dung tự đánh giá được lựa chọn ở cấp trường (*Tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện và tiến hành trình tự đánh giá các lĩnh vực được lựa chọn)*

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

Ý nghĩa của biện pháp

- Hoạt động tự đánh giá sẽ không thể thực hiện thành công nếu thiếu nguồn lực thực hiện. Kết quả đánh giá thực trạng ở chương 2 luận án đã chỉ ra tình trạng thiếu nguồn lực (nhân lực, vật lực, kĩ thuật, tài chính…) để phục vụ hoạt động tự đánh giá ở các trường THPT là khá phổ biến. Vì vậy, việc đề ra và thực hiện biện pháp này một mặt khẳng định lại yêu cầu nhà trường cần phải chuẩn bị đủ nguồn lực trước khi tổ chức tự đánh giá; mặt khác là cơ sở để các trường THPT kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ, giúp đỡ nhà trường tăng cường các nguồn lực đáp ứng tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường theo các lĩnh vực (nội dung) tự đánh giá đã lựa chọn là cơ sở giúp nhà trường nhận định mức độ đạt được về chất lượng của nhà trường so với mục tiêu và chuẩn chất lượng đã xác định. Từ đó, nhà trường sẽ điều chỉnh việc thực hiện các quy trình chất lượng để nâng cao chất lượng hoặc xác định lại mục tiêu, chuẩn chất lượng cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tổ chức tốt nguồn nhân sự hiện có, phân bổ thời gian hợp lí, huy động và sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí là một yếu tố góp phần thực hiện thành công hoạt động tự đánh giá.

Mục tiêu của biện pháp: Thông qua thực hiện biện pháp để xác định những yêu cầu cần có về nguồn lực để thực hiện tự đánh giá cấp trường theo cấp độ đảm bảo chất lượng; đề xuất phương án tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện. Sau đó thực hiện tự đánh giá theo các lĩnh vực đã xác định.

Nội dung thực hiện biện pháp

- Tăng cường các nguồn lực tự đánh giá cấp trường: Tăng cường nguồn lực được nêu ra ở đây bao gồm tăng cường chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường vật lực, kĩ thuật, thiết bị và tài chính. Trong đó, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng nhất. Chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề lớn nên luận án sẽ trình bày sâu về vấn đề này trong một biện pháp được đề xuất khác. Do đó, tăng cường các nguồn lực tự đánh giá cấp trường trong biện pháp này chỉ tập trung vào tăng cường vật lực, kĩ thuật, thiết bị và tài chính. Kết quả phỏng vấn cho thấy hiện tại vật lực, thiết bị, kĩ thuật, tài chính đáp ứng cho hoạt động tự đánh giá rất thiếu. Khi đã tăng cường nhân lực tham gia hoạt động tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng thì vật lực, thiết bị, kĩ thuật, tài chính càng thiếu trầm trọng hơn. Do vậy các trường THPT cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, kĩ thuật và tài chính dành cho hoạt động tự đánh giá từ nhiều nguồn khác nhau như từ ngân sách nhà nước, từ các nguồn thu của nhà trường, đặc biệt là huy động từ xã hội dưới hình thức xã hội hóa.

- Thực trạng đã chỉ ra các nhà trường chưa thực hiện tốt việc tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian không hợp lí và thiếu kinh phí tổ chức hoạt động tự đánh giá. Do đó, luận án đưa ra gợi ý việc tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch tự đánh giá theo chu kì 5 năm (60 tháng) đối với lần tự đánh giá đầu tiên, các lần sau có thể rút xuống 3 năm tùy tình hình cụ thể:

ND công việc trong Quy trình	**Người thực hiện**	**Người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh**	**Thời gian thực hiện**	**Nguồn kinh phí**
B-1.1	Ban giám hiệu, cố vấn	Hiệu trưởng	*02 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-1.2	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng	*01 tháng*	
B-1.3	Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Hiệu trưởng	*06 tháng*	Ngân sách nhà nước và nguồn khác
B-1.4	Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Hiệu trưởng	*06 tháng*	

B-1.5	BGH, Cán bộ, giáo viên	Hiệu trưởng	*02 tháng*	
B-1.6	Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Hiệu trưởng	*01 tháng*	Ngân sách nhà nước và nguồn khác
B-2.1	Nhóm chuyên gia, cố vấn	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*03 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-2.2	Chuyên gia, Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*03 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-3.1	Hội đồng tự đánh giá, Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*12 tháng*	Ngân sách nhà nước và nguồn khác
B-3.2	Nhóm chuyên gia, Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*06 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-4.1	Nhóm thư kí	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*06 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-4.2	Hội đồng tự đánh giá, chuyên gia	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	*03 tháng*	Ngân sách nhà nước
B-5.1	Ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên	Hiệu trưởng	*06 tháng*	Ngân sách nhà nước và nguồn khác
B-5.2	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng	*03 tháng*	

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng các lĩnh vực (nội dung) đã xác định. Cụ thể:

Về sứ mệnh và mục tiêu: Trước tiên xác định nhà trường đã tuyên bố sứ mệnh và đề ra mục tiêu chất lượng chưa? Nếu đã có, tiếp tục đánh giá về mức độ rõ ràng, phù hợp, tính liên tục, tính bao quát… của sứ mệnh, mục tiêu chất lượng được đưa ra. Sứ mệnh, mục tiêu chất lượng được đưa ra sẽ không có nhiều tác dụng nếu sứ mệnh, mục tiêu đó không được tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng đến đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường để thực hiện; đến các đối tượng quan tâm đến chất lượng nhà trường để giám sát, đánh giá việc thực hiện của nhà trường. Đặc biệt, sứ mệnh, mục tiêu chất

lượng phải thể hiện bản chất và những dự định của nhà trường, đảm bảo theo quy định của Bộ nhưng lại đáp ứng các mong mỏi của học sinh. Các minh chứng về lĩnh vực này được thể hiện rõ nét qua hồ sơ quản lý của nhà trường. Ngoài ra, có thể sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập minh chứng đánh giá.

Về nhu cầu tự đánh giá: Nhu cầu tự đánh giá tập chung vào việc trả lời "có" hay "không". Nếu có thì "nhu cầu xuất phát từ đâu và yếu tố nào chi phối nhiều nhất đến nhu cầu này?". Đây là một lĩnh vực rất khó đánh giá vì nhu cầu này không thể hiện trên hồ sơ, sổ sách một cách rõ nét. Do đó, để thu thập minh chứng này nhà trường cần sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi, kết hợp với phỏng vấn đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Về quản lý, phát triển nội dung chương trình học tập: Đánh giá việc quản lý, phát triển nội dung chương trình học tập của nhà trường có đáp ứng, có phù hợp so với yêu cầu của Bộ; so với mục tiêu chất lượng nhà trường đề ra. Đánh giá tác động của việc quản lý, phát triển nội dung chương trình học tập đối với duy trì, nâng cao chất lượng nhà trường đạt được ở mức độ nào…Việc thu thập minh chứng cho lĩnh vực này có thể kết hợp đồng thời các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn, nghiên cứu sản phẩm.

Về tổ chức và quản lý nhà trường: Đánh giá về tổ chức và quản lý nhà trường trên trên các phương diện: cơ cấu tổ chức của nhà trường có đủ; hoạt động có đúng theo điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật hay không. Đánh giá công tác quản lý của nhà trường đã tác động như thế nào đến chất lượng nhà trường. Minh chứng cho lĩnh vực này được thể hiện trên hồ sơ quản lý của nhà trường. Để có thêm các minh chứng cần kiểm tra thực tiễn, kết hợp với phỏng vấn cán bộ, giáo viên và học sinh.

Về môi trường dạy và học, về đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh: Về môi trường dạy và học: Đánh giá trên 3 phương diện, tác động từ bên ngoài, tác động từ bên trong, môi trường dạy và học hiện tại thuận lợi hay không thuận lợi cho hoạt động dạy, học… Minh chứng có thể thu thập theo nhiều kênh khác nhau nhưng quan trọng nhất vẫn là khảo sát kết hợp với phỏng vấn. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh: việc đánh giá được dựa trên các số liệu được thể hiện trên hồ sơ quản lý của nhà trường. Để tăng độ tin cậy khi đưa ra các nhận định, đánh giá về lĩnh vực này, nhà trường có thể tiến hành phỏng vấn, khảo sát học sinh, cha mẹ học sinh những *"khách hàng"* trực tiếp của nhà trường.

Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập: Đánh giá lĩnh vực này dựa trên hồ sơ lưu trữ của nhà trường, kết hợp với kiểm tra thực tế, đối chiếu với các quy định của Bộ về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập cần có để phục vụ việc giảng dạy, học tập. Bên cạnh đó, cần đối chiếu với yêu cầu đề ra về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính và tài liệu học tập đáp ứng mục tiêu chất lượng của nhà trường.

Về quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội: Đánh giá sự hợp tác và mối quan hệ giữa ba lực lượng giáo dục này và đánh giá về tác động của sự hợp tác, phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội đến chất lượng nhà trường… Minh chứng để đánh giá lĩnh vực này là kế hoạch, cơ chế quản lý, phối hợp giữa ba lực lượng và kết quả đạt được, được thể hiện trên hồ sơ. Ngoài ra có thể tiến hành khảo sát, phỏng vấn các lực lượng giáo dục trên để tăng độ chính xác của các đánh giá.

Về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: Đánh giá hoạt động dạy, hoạt động học và các hoạt động khác có đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Bộ đối với nhà trường, môn học; có hướng tới mục tiêu chất lượng đã đề ra hay không. Đánh giá kết quả nhà trường, môn học đạt được so với mục tiêu chất lượng đề ra. Đánh giá năng lực thực hiện của học sinh… Các minh chứng về hoạt động dạy, hoạt động học và các hoạt động khác trong nhà trường; kết quả giáo dục nhà trường, môn học đạt được so với mục tiêu chất lượng đề ra được thể hiện rõ nét ở các số liệu thống kê mỗi kì, mỗi năm, mỗi khóa học… Riêng đối với đánh giá năng lực thực hiện của học sinh thì ngoài sử dụng các số liệu thống kê, nhất thiết cần có các bài thử nghiệm để tăng độ tin cậy của các minh chứng.

Về so sánh kết quả tự đánh giá của nhà trường với các trường trung học khác: So sánh các điều kiện bên ngoài, bên trong của các nhà trường và kết quả mỗi nhà trường đạt được để thấy mặt mạnh, mặt yếu của nhà trường, thấy được hiệu quả đầu tư của nhà trường. Việc so sánh nói trên cần có sự cộng tác, giúp đỡ của các nhà trường trong việc cung cấp các minh chứng cần thiết.

Điều kiện thực hiện biện pháp

- Để tăng cường các nguồn lực tự đánh giá cấp trường, các trường THPT công lập có thể áp dụng Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ra ngày 25/4/2006: *Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập* và Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ, ra ngày 18/04/2005: *Nghị quyết về đẩy mạnh xã*

hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao để thực hiện nội dung này. Đối với các trường THPT ngoài công lập có thể áp dụng nội dung Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ, ra ngày 18/04/2005 để tăng cường nguồn lực tự đánh giá cho mình.

- Biện pháp này sẽ không thể thực hiện được hoặc nếu có thực hiện sẽ không đạt kết quả như mong muốn nếu nhà trường không thực hiện hay thực hiện không tốt việc quản lý chất lượng bên trong *(không đề ra mục tiêu chất lượng; không xây dựng được chuẩn chất lượng với các lĩnh vực đánh giá hoặc chuẩn chất lượng không chi tiết; chưa có quy trình tự đánh giá hay đã có quy trình tự đánh giá nhưng nhà trường không thực hiện đúng các bước như quy trình đã đề ra).*

3.2.4. Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn

Như đã nêu ở phần cơ sở lí luận thì tự đánh giá cấp bộ môn trong luận án này tập trung vào nội dung tự đánh giá chất lượng môn học.

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

- Tự đánh giá chất lượng môn học là một hoạt động thường xuyên của giáo viên và của tổ, nhóm chuyên môn trong các nhà trường. Tuy nhiên, thực tiễn đã chỉ ra việc tự đánh giá chất lượng môn học ở các trường THPT hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của hoạt động tự đánh giá theo đảm bảo chất lượng. Cụ thể: tự đánh giá chưa giúp cho việc dạy của thầy, việc học của trò được cải tiến một cách rõ nét, góp phần đảm bảo chất lượng nhà trường. Do đó, việc thực hiện biện pháp sẽ giúp đội ngũ giáo viên nhà trường đánh giá đúng chất lượng của môn học so với chuẩn chất lượng đã đề ra, thấy được những tồn tại, tìm ra biện pháp khắc phục tồn tại để nâng cao chất lượng môn học.

- Mục tiêu của biện pháp là lập kế hoạch tự đánh giá, triển khai tự đánh giá và công bố kết quả hoạch tự đánh giá chất lượng môn học.

Nội dung thực hiện biện pháp

- Các tổ (nhóm) chuyên môn, các giáo viên căn cứ chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình tự đánh giá chất lượng môn học đã được xây dựng ở hai biện pháp đầu tiên để lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng môn học. Kế hoạch phải làm rõ nội dung các công việc, thời gian thực hiện, thời điểm thực hiện và người thực hiện.

- Phổ biến kế hoạch nói trên tới tất cả các giáo viên trong tổ (nhóm) chuyên môn và thực hiện bồi dưỡng kĩ năng tự đánh giá cho đội ngũ giáo viên (nếu cần).

- Thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học trong trường THPT gồm 3 bước như luận án đề xuất ở biện pháp thứ hai.

- Sử dụng kết quả tự đánh giá để cải tiến việc dạy và học của giáo viên, học sinh ở mỗi lớp học. Một điểm cần lưu ý là việc soạn bài, giảng bài của giáo viên, đánh giá năng lực thực hiện của học sinh trên cơ sở thực hiện theo chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá môn học là nội dung quan trọng nhất khi thực hiện biện pháp này.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Một là, các tổ, nhóm chuyên môn và các giáo viên xác định mục tiêu môn học đối với từng đối tượng học sinh cho từng năm học và cả cấp học. Mục tiêu nói trên phải phù hợp với mục tiêu môn học do Bộ GD&ĐT đề ra, đồng thời đáp ứng nguyện vọng, năng lực của học sinh.

Hai là, tổ, nhóm chuyên môn và các giáo viên cần xây dựng được chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và nắm vững quy trình tự đánh giá chất lượng môn học.

Ba là, có sự ủng hộ của lãnh đạo nhà trường về mặt chủ trương. Lãnh đạo nhà trường cần có sự chỉ đạo thống nhất việc triển khai biện pháp tới tất cả các tổ, nhóm chuyên môn trong trường. Nhà trường tạo điều kiện về nhân lực, tài chính, thời gian… để các tổ, nhóm chuyên môn và các giáo viên có thể thực hiện tự đánh giá chất lượng môn học theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

Bốn là, để thực hiện biện pháp này, không thể thiếu sự ủng hộ của đội ngũ giáo viên trong các tổ, nhóm chuyên môn vì trong quy trình tự đánh giá chất lượng môn học theo cấp độ đảm bảo chất lượng có những bước là sự làm việc của tập thể các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn. Ví dụ: xác định chuẩn đầu ra và chuẩn đánh giá chất lượng môn học…

Năm là, sự hợp tác của học sinh, sự cộng tác của học sinh rất quan trọng vì học sinh là nhân vật trung tâm của hoạt động này.

3.2.5. Nâng cao năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên

Biện pháp này tập trung vào hai nội dung chính: Nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin và bồi dưỡng năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

Ý nghĩa của biện pháp:

- Số đông cán bộ, giáo viên ở các trường THPT chưa nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của tự đánh giá đối với việc đảm bảo chất lượng nhà trường, chưa xác định

đúng tự đánh giá chất lượng trường THPT là trách nhiệm của mọi thành viên trong nhà trường nên họ chưa tích cực, chưa tự giác tham gia hoạt động tự đánh giá. Việc xác định và thực hiện biện pháp này sẽ góp phần nâng cao nhận thức, định rõ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên khi tham gia hoạt động tự đánh giá trong nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên các nhà trường phần lớn chưa qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý chất lượng, về tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng; năng lực quản lý, tổ chức, điều hành, thực hiện hoạt động tự đánh giá còn rất nhiều hạn chế nên khi triển khai hoạt động tự đánh giá ở cơ sở giáo dục của mình, họ làm việc theo suy nghĩ cảm tính, chủ quan hoặc theo tài liệu hướng dẫn đã có. Tài liệu hướng dẫn như đã đánh giá ở chương 2 chưa nhiều, nội dung tương đối chung chung, không thể đi sâu vào các chi tiết cụ thể. Điều này dẫn đội ngũ cán bộ, giáo viên gặp rất nhiều khó khăn trong tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá. Trong hoạt động tự đánh giá, chất lượng nguồn nhân lực góp phần quyết định đến kết quả của hoạt động. Do đó, vấn đề cung cấp thông tin và bồi dưỡng nâng cao năng lực tự đánh giá chất lượng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên mang tính cấp thiết, góp phần thực hiện thành công tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng.

Mục tiêu của biện pháp:

- Sau khi thực hiện biện pháp, đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường THPT thấy được vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá đối với việc đảm bảo chất lượng nhà trường, xác định được trách nhiệm của bản thân đối với hoạt động tự đánh giá. Từ đó, các cán bộ, giáo viên tự giác, tích cực tham gia hoạt động tự đánh giá và tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực tự đánh giá do nhà trường, do các cơ quan quản lý cấp trên triển khai.

- Xác định được những nội dung quan trọng cùng với điều kiện thực hiện của kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tự đánh giá chất lượng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Nội dung thực hiện biện pháp

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Xác định những thông tin có liên quan đến hoạt động tự đánh giá cần cung cấp cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tiến hành cung cấp trực tiếp các thông tin nói trên hoặc hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ, giáo viên tìm kiếm các thông tin có liên quan đến hoạt động tự đánh giá trên sách, báo và trên Internet.

- Thực trạng tự đánh giá ở các trường THPT cho thấy nhân lực tham gia hoạt động tự đánh giá chủ yếu là đội ngũ cán bộ quản lý, một số ít cán bộ, giáo viên, đại diện cha mẹ học sinh. Đội ngũ này đa số chưa qua các khóa bồi dưỡng về tự đánh giá nên khả năng tổ chức, triển khai thực hiện tự đánh giá rất hạn chế. Đa số các trường THPT tiến hành tự đánh giá trong điều kiện không có chuyên gia cố vấn và thiếu cán bộ cốt cán để thực hiện các kĩ thuật đánh giá... Do đó, để tăng cường nguồn nhân lực, trường THPT cần tập trung làm tốt ba nội dung sau:

Nội dung thứ nhất, huy động mọi cán bộ, giáo viên của nhà trường tham gia vào hoạt động tự đánh giá; mời các chuyên gia về cố vấn và phổ biến kĩ thuật tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

Nội dung thứ hai, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực tự đánh giá chất lượng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên với một số công việc trọng tâm sau: *Xác định các kiến thức trọng tâm, các phẩm chất, năng lực mà cán bộ, giáo viên tham gia hoạt động tự đánh giá cần được bồi dưỡng. Xây dựng nội dung bồi dưỡng kiến thức và năng lực cho cán bộ, giáo viên, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả. Đa dạng hoá các hình thức, phương pháp, phương tiện bồi dưỡng, đánh giá năng lực của cán bộ, giáo viên; Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên trường THPT theo chu kỳ hoặc bồi dưỡng thường xuyên, phấn đấu để các trường THPT có đội ngũ cán bộ, giáo viên cơ hữu đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng, có năng lực, trình độ đáp ứng nhu cầu tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá trong nhà trường; Động viên cán bộ, giáo viên theo học các chương trình đào tạo hay các khóa bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ tổ chức, thực hiện hoạt động tự đánh giá; Xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ, giáo viên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ của bản thân…*

Nội dung thứ ba, thực hiện việc chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ, giáo viên để thực hiện hoạt động tự đánh giá cấp độ nhà trường *(cần xác định rõ: người thực hiện, người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh).* Thành lập nhóm cố vấn và nhóm chuyên gia kĩ thuật để các nhóm này tham gia vào hoạt động tự đánh giá trong nhà trường.

Điều kiện thực hiện biện pháp

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên là chủ trương của Nhà nước được thể hiện qua các văn bản của Chính phủ ban hành tại quyết định số 09/2005/ QĐ-TTg, ngày 11 tháng 01 năm 2005; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011-2020; Chiến lược phát triển Giáo dục 2011- 2020 của Chính phủ,...

- Đội ngũ cán bộ quản lý các trường THPT cần thể hiện vai trò gương mẫu, tiên phong đi đầu trong việc thực hiện biện pháp này. Các cán bộ quản lý cần được trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết về tự đánh giá để làm hạt nhân cho hoạt động tự đánh giá, từ đấy lan tỏa đến đội ngũ giáo viên, nhân viên trong trường.

- Trách nhiệm, ý thức của mỗi cán bộ, giáo viên các trường THPT trong việc tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ là điều kiện đảm bảo xuyên suốt quá trình đổi mới hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT.

- Tài chính, thiết bị, kĩ thuật, thời gian và các điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cần được đáp ứng.

3.2.6. Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá

Ý nghĩa, mục tiêu của biện pháp

Ý nghĩa của biện pháp: Hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là một hoạt động rất mới mẻ với tất cả các trường THPT. Các nhà trường thiếu cả về cơ sở lí luận lẫn kinh nghiệm thực tiễn và các điều kiện khác để tổ chức hoạt động tự đánh giá. Đây là một khó khăn rất lớn đối với các nhà trường. Tuy vậy, mỗi trường học ít nhiều đều có những thế mạnh của riêng mình trong việc triển khai hoạt động tự đánh giá. Những thế mạnh nói trên sẽ không có nhiều giá trị đối với hoạt động tự đánh giá nếu tách chúng ra. Ngược lại, nếu biết kết hợp hài hòa các thế mạnh đó lại thì hiệu quả của hoạt động tự đánh giá sẽ được nâng lên rất nhiều. Do đó tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT sẽ tạo cơ hội, điều kiện tốt nhất để các trường THPT thực hiện thành công hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

Mục tiêu của biện pháp, thực hiện biện pháp sẽ tạo ra sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá. Sự phối hợp và hỗ trợ này một mặt đem lại thành công cho hoạt động tự đánh giá, mặt khác tạo ra mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa các trường THPT trong cùng mạng lưới (*thường là trong cùng một tỉnh, thành phố*).

Nội dung thực hiện biện pháp

- Trước tiên cần xác định điểm mạnh, điểm yếu của mỗi nhà trường trong việc tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá.

- Xác định lợi ích chung của các trường THPT khi phối hợp và hỗ trợ để thực hiện tự đánh giá. Xác định những mục tiêu, nội dung có thể phối hợp và hỗ trợ giữa

các nhà trường để tổ chức hoạt động tự đánh giá với mục đích nâng cao chất lượng các trường học trong cùng mạng lưới.

- Nghiên cứu cách tiến hành phối hợp và hỗ trợ giữa các nhà trường.

- Xây dựng và triển khai sự hợp tác, hỗ trợ nhau trong tổ chức, quản lý hoạt động tự đánh giá. Việc hợp tác, hỗ trợ giữa các trường trước tiên nên tập trung vào ba vấn đề sau: *Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên; Giúp đỡ và hỗ trợ nguồn nhân lực; Chia sẻ kinh nghiệm tổ chức, quản lý tự đánh giá nhà trường, môn học.* Việc phối hợp và hỗ trợ giữa các trường nên tập trung vào: Lập kế hoạch chất lượng (xác định mục tiêu chất lượng, chuẩn chất lượng, quy trình chất lượng) nhà trường, môn học. Lập và triển khai kế hoạch tự đánh giá (xác định lĩnh vực tự đánh giá, thực hiện tự đánh giá, công bố kết quả tự đánh giá …)

- Đánh giá mức độ hợp tác và lợi ích thu được trong mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa các nhà trường để thực hiện hoạt động tự đánh giá.

Điều kiện thực hiện biện pháp

- Mỗi nhà trường trong cùng một mạng lưới cần có năng lực, thế mạnh nhất định để đóng góp vào sự trao đổi, hợp tác. Nếu một trường THPT không có năng lực, thế mạnh nào có thể đem ra trao đổi thì việc phối hợp, trao đổi giữa các nhà trường có thể thực hiện theo cơ chế dịch vụ.

- Quá trình hợp tác và giúp đỡ giữa các trường học trong mạng lưới cần sự rõ ràng, minh bạch. Trong mạng lưới, để việc chia sẻ thông tin diễn ra hiệu quả, cần xây dựng niềm tin giữa các bên có liên quan, đây là chìa khóa của sự ổn định trong mối liên kết.

- Sự phối hợp và giúp đỡ giữa các nhà trường phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia, không xuất hiện mối đe dọa đối với chất lượng của tất cả các bên.

3.3. Khảo nghiệm và thử nghiệm biện pháp được đề xuất

3.3.1. Khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

- Mục đích khảo nghiệm: Khảo nghiệm để tìm hiểu, phân tích quan điểm của đội ngũ cán bộ, giáo viên trường THPT đối với các biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT được đề xuất trong luận án.

- Nội dung khảo nghiệm: Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của 6 biện pháp đổi mới tự đánh giá ở trường THPT. Các biện pháp được khảo nghiệm gồm có:

BP1: *Thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá*

BP2: *Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng*

BP3: *Tăng cường các nguồn lực và thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng được lựa chọn ở cấp trường*

BP4: *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn*

BP5: *Nâng cao năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên*

BP6: *Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá.*

- Mẫu khảo nghiệm: (xem thêm phần phụ lục)

- Phương pháp, đối tượng tham gia khảo nghiệm: Phương pháp khảo nghiệm bằng phiếu hỏi. Đối tượng tham gia khảo nghiệm là 200 cán bộ, giáo viên của 10 trường THPT ở 4 huyện, thành phố của tỉnh Thái Bình.

- Kết quả khảo nghiệm được thể hiện trong biểu đồ số 2 và số 3 dưới đây:

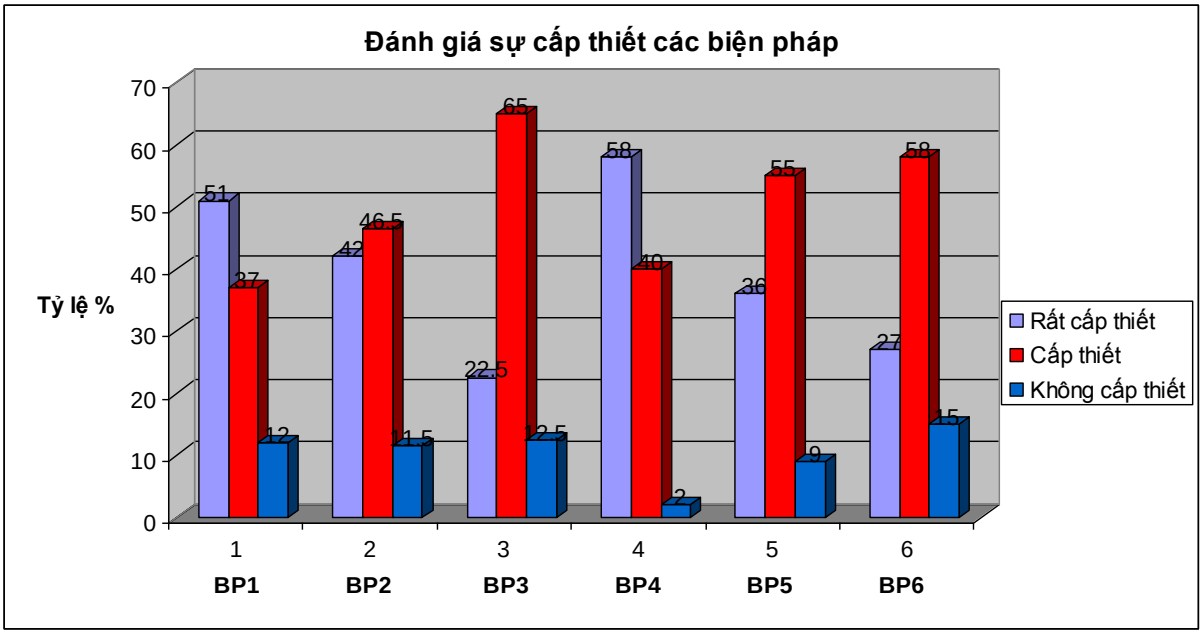

Biểu đồ số 2: Kết quả khảo sát tính cấp thiết của các biện pháp

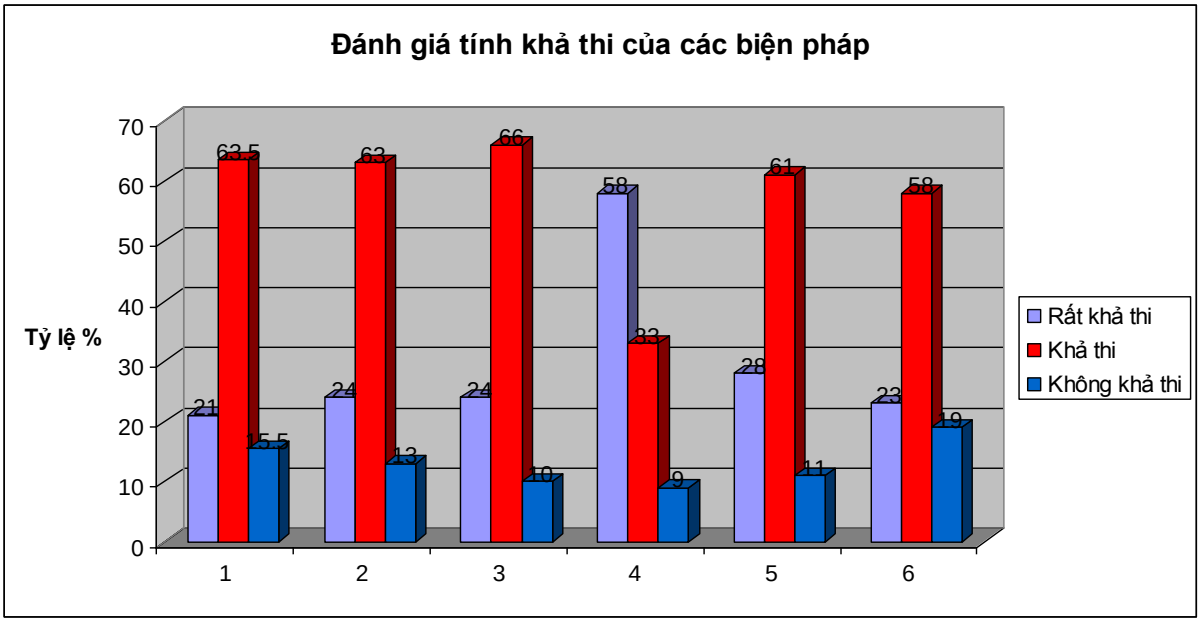

Biểu đồ số 3: Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

Qua kết quả khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp, ta thấy:

- Những biện pháp nêu trên đã nhận được sự ủng hộ cao của đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường THPT. Các biện pháp luận án đưa ra đều mang cấp thiết và tính khả thi cao với tổng các mức rất cấp thiết với cấp thiết và rất khả thi với khả thi trên 75%. Dẫn đầu về tính cấp thiết là biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* (tổng tỉ lệ 2 mức rất cấp thiết và cấp thiết là 98%). Điều này cho thấy, tự đánh giá chất lượng môn học theo cách truyền thống mà giáo viên ở các nhà trường đang thực hiện chưa đáp ứng được những đòi hỏi của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nên cần chuyển sang tự đánh giá môn học theo đảm bảo chất lượng. Khả thi nhất cũng là biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* (tổng tỉ lệ 2 mức rất khả thi và khả thi là 91%, trong đó 58% là rất khả thi).

- Với tỉ lệ đánh giá ở mức rất cấp thiết lần lượt là 51%, 42% và 36% đối với các biện pháp 1, 2 và 5 như: *Thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá; Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng; Nâng cao năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên* là một minh chứng khẳng định muốn thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng cần phải xác định rõ mục tiêu của nhà trường, cần phải có chuẩn chất lượng, các quy trình chất lượng và không thể thiếu yếu tố con người, những người tự giác, biết thực hiện tự đánh giá chất lượng nhà trường, môn học theo chuẩn chất lượng, bằng các quy trình chất lượng.

- Tuy nhận được sự ủng hộ và đánh giá cao về tính cấp thiết và tính khả thi của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhưng biện pháp 6 *Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá* là biện pháp bị "*nghi ngờ*" nhất về tính cấp thiết, tính khả thi với tỉ lệ đánh giá không cấp thiết và không khả thi lần lượt là 15%, 19%. Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân dẫn tới sự "*nghi ngờ*" nói trên, kết quả cho thấy: xét về tính cấp thiết một số cán bộ, giáo viên quan niệm các nhà trường cần tập trung tổ chức tốt hoạt động tự đánh giá của mình, sau đó mới có thể hỗ trợ cho các trường khác, do đó việc thực hiện các biện pháp khác cấp thiết hơn biện pháp 6; xét về tính khả thi trong bối cảnh kinh tế thị trường, sự "*cạnh tranh*" giữa các nhà trường là điều khó tránh nên nếu có thể tổ chức phối hợp và hỗ trợ giữa các nhà trường trong việc tổ chức tự đánh giá thì hiệu quả sẽ không được như mong đợi, khi đó biện pháp 6 sẽ không có tính khả thi cao. Sự "*nghi ngờ*" nói trên là điều giới lãnh đạo cần quan tâm khi áp dụng biện pháp 6 vào tổ chức hoạt động tự đánh giá. Giới lãnh đạo nhà trường cần: làm tốt công tác tư tưởng cho những người tham gia phối hợp để họ yên tâm, tập trung cho công việc; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động phối hợp và giúp đỡ giữa các trường. Cần làm rõ giúp đỡ cái gì, giúp như thế nào, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia như thế nào…

- Một số cán bộ, giáo viên đề nghị quá trình thực hiện các biện pháp cần phải bám sát tình hình, diễn biến thực tế ở các nhà trường để bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

3.2.2. Thử nghiệm một số biện pháp đề xuất

Những biện pháp được đề xuất trong luận án trên, do thời gian thực hiện luận án không có nhiều, nên việc thử nghiệm mới dừng ở mức độ lựa chọn 4 trong số 6 biện pháp đã nêu để thử nghiệm nhằm tăng tính thực tiễn của luận án.

- Lý do, mục đích, yêu cầu của việc thử nghiệm

Lý do thử nghiệm: *Lý do thứ nhất*, tự đánh giá chất lượng môn học là một hoạt động quan trọng khi tiến hành tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng và nhà trường cần thực hiện tự đánh giá chất lượng ở tất cả các môn học. Hiện tại, các trường THPT đã tiến hành tự đánh giá cấp trường nhưng chưa tiến hành tự đánh giá cấp bộ môn (tự đánh giá chất lượng môn học) nên thử nghiệm tự đánh giá chất lượng môn học rất cần thiết. *Lý do thứ hai,* để thực hiện hoạt động tự đánh giá cấp trường hay cấp bộ môn thì điều kiện tiên quyết là cần xác định được mục tiêu, chuẩn chất lượng và các quy trình chất lượng. Nhưng việc xác định mục tiêu, chuẩn chất lượng và các quy trình chất

lượng môn học chưa được thực hiện. *Lý do thứ ba,* một số trường có quy mô nhỏ hoặc một số môn học trong trường THPT có ít giáo viên như môn Sinh, môn Sử, môn Địa, ... gặp rất nhiều khó khăn khi tổ chức triển khai tự đánh giá chất lượng môn học. Dẫn tới cần có sự phối hợp giữa các nhà trường để khắc phục khó khăn đã nêu. Thực tế cho thấy các trường THPT chưa thực hiện phối hợp tự đánh giá nên cần thử nghiệm sự phối hợp này.

Mục đích thử nghiệm là tiến hành thử nghiệm bốn biện pháp nhằm khẳng định các biện pháp được đề xuất có tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn và việc thực hiện biện pháp đã góp phần đổi mới hoạt động tự đánh giá chất lượng ở trường THPT.

Yêu cầu việc thử nghiệm phải được thực hiện công khai, minh bạch.

- Giả thuyết thử nghiệm: Phối hợp giữa các trường THPT và phối hợp giữa tổ, nhóm cùng bộ môn của các trường để xác định chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá, quy trình tự đánh giá, triển khai thực hiện tự đánh giá chất lượng môn học sẽ góp phần vào sự thành công của tự đánh giá cấp bộ môn.

- Nội dung thử nghiệm: Thử nghiệm một phần của biện pháp 1, biện pháp 2 và biện pháp 6, với nội dung thử nghiệm là phối hợp hai trường THPT để xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học, một trong những điều kiện tiên quyết để tự đánh giá chất lượng môn học. Kết quả thực hiện một phần của các biện pháp 1, 2 và 6 được sử dụng vào thử nghiệm biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* với môn học cụ thể là môn Sinh học của trường THPT.

- Mẫu thử nghiệm: gồm 2 mẫu, mẫu xin ý kiến giáo viên về *chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học* và mẫu nhận xét, đánh giá kết quả thử nghiệm của giáo viên (xem thêm phần phụ lục).

- Tiêu chí đánh giá thử nghiệm

Đối với biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn,* việc thử nghiệm được coi là thành công nếu việc triển khai thử nghiệm ở hai trường THPT diễn ra đúng kế hoạch, số lượng học sinh của mỗi trường tham gia thử nghiệm không dưới 500 học sinh. Kết quả áp dụng chuẩn đánh giá đã xây dựng vào đánh giá kết quả học môn Sinh của học sinh hai trường phải phản ánh đúng chất lượng học của học sinh. Giáo viên sau khi tham gia thử nghiệm tự rút ra cho bản thân những điều chỉnh cần thiết trong việc tổ chức dạy và học.

Đối với một phần biện pháp 1, biện pháp 2 và biện pháp 6, việc thử nghiệm được coi là thành công nếu hai điều kiện sau đồng thời thỏa mãn: *Thứ nhất*, lãnh đạo

hai trường THPT và ít nhất 70% giáo viên thuộc tổ (nhóm) Sinh nhất trí phối hợp để xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học của trường THPT. *Thứ hai,* chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học của trường THPT được xây dựng và hoàn thiện.

- Thời gian, địa điểm thử nghiệm

Thời gian thử nghiệm: Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 05 năm 2014.

Địa điểm thử nghiệm: Các biện pháp được tiến hành thử nghiệm tại hai trường là THPT Đông Tiền Hải và THPT Chu Văn An của tỉnh Thái Bình.

- Mô tả bối cảnh các trường THPT được chọn thử nghiệm

Trường THPT Đông Tiền Hải – Thái Bình

Trường THPT Đông Tiền Hải được thành lập năm 1980, là trường được thành lập khá muộn so với các trường THPT công lập của Thái Bình. Trường được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân ở vùng đất phía đông của huyện Tiền Hải. Tuy thời gian thành lập chưa lâu nhưng nhà trường đã nhanh chóng phát triển về cả quy mô lẫn chất lượng. Hiện tại, nhà trường có 73 cán bộ, giáo viên, trong đó số giáo viên là 68, số thạc sĩ là 5. Nhóm Sinh của nhà trường gồm có 3 giáo viên, trong đó có 1 thạc sĩ và 1 đang học cao học.

Trường THPT Chu Văn An – Thái Bình

Trường THPT Chu Văn An là trường THPT được công nhận đạt Chuẩn Quốc gia giai đoạn 1 năm 2009 và giai đoạn 2 năm 2014, là một trong hai trường THPT của Thái Bình được sở GD&ĐT cấp Giấy chứng nhận trường THPT đạt chuẩn chất lượng cấp độ 3 *(cấp độ cao nhất)*. Nhà trường có lịch sử và bề dày thành tích với hơn 40 năm xây dựng, phát triển, trưởng thành. Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên được đánh giá cao về khả năng chuyên môn và nghiên cứu khoa học, đứng đầu các trường THPT trong tỉnh về số lượng nghiên cứu sinh, thạc sĩ và học viên cao học. Nhóm Sinh của nhà trường gồm có 6 giáo viên, trong đó có 1 giáo viên chuẩn bị bảo vệ luận văn thạc sĩ.

- Tiến trình thử nghiệm

+ Tháng 8 năm 2013 làm việc với lãnh đạo hai trường để thống nhất chủ trương thử nghiệm.

+ Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013, NCS cùng với đại diện BGH và giáo viên dạy môn Sinh của hai trường THPT Đông Tiền Hải và trường THPT Chu

Văn An thử nghiệm một phần của biện pháp 1, biện pháp 2 và biện pháp 6, với công việc cụ thể theo trình tự như sau:

Dưới sự giúp đỡ của chuyên gia, nghiên cứu sinh cùng với nhóm trưởng và một số giáo viên dạy Sinh của hai trường THPT phối hợp với nhau để xây dựng Dự thảo chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học của trường THPT. Dự thảo chuẩn đầu ra phải đảm bảo đạt chuẩn do Bộ GD&ĐT quy định và phù hợp với năng lực của học sinh nhà trường. Chuẩn đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra được xây dựng.

Tổ chức lấy ý kiến giáo viên dạy Sinh bằng phiếu hỏi về chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học.

Hoàn chỉnh chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học để chuẩn bị cho việc đưa vào thử nghiệm đánh giá đối với học sinh.

+ Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 05 năm 2014, nghiên cứu sinh cùng với đại diện BGH và giáo viên dạy môn Sinh của hai trường THPT Đông Tiền Hải và trường THPT Chu Văn An tiến hành thử nghiệm biện pháp 4 *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* (môn Sinh học) với công việc cụ thể theo trình tự được mô tả trong bảng sau:

TT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện	Thời gian	Thành phần tham gia
1	Họp thông qua kế hoạch thử nghiệm, phân công nhiệm vụ	01/2014	1 buổi	Nghiên cứu sinh, đại diện ban giám hiệu, giáo viên dạy Sinh của hai trường THPT
2	Tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên tham gia thử nghiệm.	01/2014	2 buổi	Nghiên cứu sinh, đại diện ban giám hiệu, giáo viên dạy Sinh của hai trường THPT
3	Tổ chức thử nghiệm (Ở ba khối lớp 10,11,12 của từng trường, mỗi khối có 2 lượt giáo viên giảng thử nghiệm.	Từ 02/2014 đến 04/2014	20 tiết/1 giáo viên/1 lớp	Nghiên cứu sinh, đại diện ban giám hiệu, giáo viên dạy Sinh, học sinh của các lớp được chọn thử nghiệm ở hai trường THPT

3.1	*Căn cứ vào chuẩn được xây dựng giáo viên tiến hành soạn giáo án; duyệt giáo án*			Đại diện ban giám hiệu, tổ (nhóm) trưởng, giáo viên dạy thử nghiệm
3.2	*Giáo viên giảng trên lớp, tiến hành đánh giá học sinh dựa vào chuẩn đánh giá được xây dựng.*			Đại diện ban giám hiệu, tổ (nhóm) trưởng, giáo viên dạy thử nghiệm, giáo viên Sinh
4	Viết báo cáo phân tích kết quả thử nghiệm và đề xuất, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền liên quan sau khi thử nghiệm	05/2014		Đại diện ban giám hiệu, tổ (nhóm) trưởng nhóm Sinh
Ghi chú		Sau mỗi tháng thử nghiệm, nghiên cứu sinh cùng với đại diện lãnh đạo hai trường thu thập, đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.		

+ Tháng 6 năm 2014, tổng kết, đánh giá kết quả thử nghiệm các biện pháp được đề xuất thử nghiệm.

- Kết quả thử nghiệm: Kế hoạch thử nghiệm được sở GD&ĐT, hai trường THPT đồng thuận, nhất trí cao. Một tổ công tác phối hợp hoạt động thử nghiệm giữa hai trường THPT được thành lập, tổ trưởng là nghiên cứu sinh, tổ phó là đại diện BGH của hai trường, hai thư kí là nhóm trưởng nhóm Sinh của mỗi trường, các ủy viên là giáo viên dạy Sinh của hai trường tham gia thử nghiệm. Hoạt động thử nghiệm được đưa vào kế hoạch công tác của nhóm Sinh như là một hoạt động bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn của nhóm. Kinh phí hoạt động của tổ công tác do nghiên cứu sinh chi trả theo thỏa thuận.

Kết quả thu được:

Về số lượng cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia thử nghiệm: Có 15 cán bộ, giáo viên của hai trường THPT tham gia vào các hoạt động thử nghiệm, trong đó số giáo viên dạy môn Sinh là 9/9 đạt tỉ lệ 100%. Có 1500 học sinh ở cả 3 khối 10, 11 và 12 của hai trường THPT được đánh giá kết quả học tập, trong đó THPT Chu Văn An là 700, THPT Đông Tiền Hải là 800.

Về góc độ khoa học, chuyên môn:

Dưới góc độ khoa học, kết quả lấy ý kiến giáo viên dạy Sinh về chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1 Kết quả lấy ý kiến giáo viên dạy Sinh về chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học

	Mức độ bám sát (BS) mục tiêu môn học (tỉ lệ % tính gần đúng)				**Mức độ bám sát (BS) nội dung chương trình của Bộ** (tỉ lệ % tính gần đúng)				**Mức độ phù hợp (PH) với năng lực của học sinh** (tỉ lệ % tính gần đúng)			
	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
	Rất BS	BS	Có phần BS	Chưa BS	Rất BS	BS	Có phần BS	Chưa BS	Rất PH	Phù hợp	Có phần PH	Chưa PH
CĐR	11.1	88.9			44.4	44.4	11.2			55.6	44.4	
CĐG	55.6	44.4			44.4	55.6				66.7	33.3	
QT ĐG	22.2	77.8			11.2	44.4	44.4			66.7	33.3	

(CĐR – chuẩn đầu ra; CĐG – chuẩn đánh giá; QTĐG – quy trình đánh giá)

Kết quả lấy ý kiến nói trên cùng với những ý kiến bổ sung của giáo viên là cơ sở để nhóm Sinh của hai trường THPT thống nhất thông qua Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá và Quy trình đánh giá chất lượng môn Sinh học trung học phổ thông *(xem nội dung Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá và Quy trình đánh giá chất lượng ở phụ lục)*.

Thành công của thử nghiệm cho thấy các biện pháp được đề xuất trong luận án không chỉ mang tính lí luận mà còn mang tính thực tiễn cao.

Dưới góc độ chuyên môn, tham gia thử nghiệm là dịp để các tổ, nhóm chuyên môn, các giáo viên ở trường THPT tham gia vào một hoạt động bồi dưỡng chuyên môn thiết thực, bổ ích. Xây dựng Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá và Quy trình đánh giá môn học giúp cho đội ngũ giáo viên của tổ, nhóm bộ môn có thêm một cách tiếp cận mới đối với hoạt động tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng. Kết quả học tập môn Sinh học theo Chuẩn đánh giá của học sinh hai trường THPT được thể hiện trong bảng 3.3 dưới đây. Theo nhận xét của đội ngũ giáo viên tham gia thử nghiệm thì kết quả này là đáng tin cậy, phù hợp với thực lực của học

sinh. Giáo viên có thể căn cứ vào kết quả thu được để điều chỉnh việc giảng dạy của mình.

Bảng 3.2 Kết quả học tập môn Sinh học theo Chuẩn đánh giá đã xây dựng

Cấp độ đạt	**Số lượng học sinh đạt/ số lượng học sinh áp dụng**	**Tỷ lệ % đạt** (tính gần đúng)
Đạt cấp độ 4	*122/1500*	*8.1*
Đạt cấp độ 3	*263/1500*	*17.5*
Đạt cấp độ 2	*618/1500*	*41.2*
Đạt cấp độ 1	*459/1500*	*30.6*
Không đạt	*38/1500*	*2.6*
Tổng	**1500**	**100%**

Về góc độ xã hội: Hoạt động thử nghiệm đã được cán bộ, giáo viên, học sinh tích cực tham gia, cha mẹ học sinh nhiệt tình ủng hộ. Góp phần tăng cường sự gắn kết, hợp tác làm việc giữa cán bộ, giáo viên với học sinh, tạo tiền đề để nhà trường tiến hành thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

- Tổ chức hội thảo, chuyên gia đánh giá kết quả thử nghiệm (xem thêm phụ lục)

Hội thảo lần 1:

Mục đích tổ chức hội thảo: Giới thiệu các biện pháp đổi mới tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường THPT và đề xuất kế hoạch thử nghiệm một số biện pháp.

Kết quả đạt được: Lãnh đạo sở GD&ĐT và lãnh đạo hai trường THPT đồng ý cho triển khai thử nghiệm.

Hội thảo lần 2 (*tổ chức tại hai trường THPT được thử nghiệm*)

Mục đích tổ chức hội thảo: Triển khai thử nghiệm ở các trường THPT.

Kết quả đạt được: Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên dạy môn Sinh học, học sinh ủng hộ và cam kết tích cực tham gia vào kế hoạch thử nghiệm.

Hội thảo lần 3

Mục đích tổ chức hội thảo: Đánh giá kết quả thử nghiệm

Kết quả đạt được:

Báo cáo kết quả thử nghiệm và các kết luận về việc thử nghiệm.

Báo cáo kết quả thử nghiệm:

Đối với thử nghiệm một phần của biện pháp 1, một phần biện pháp 2 và một phần biện pháp 6

(1) Điểm mạnh:

- Việc phối hợp và hỗ trợ giữa hai trường THPT để tổ chức hoạt động tự đánh giá đã được thực hiện thành công.

- Việc tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT để tổ chức tự đánh giá đã tháo gỡ nhiều khó khăn cho hai trường THPT trong việc tổ chức hoạt động này nhờ phát huy tối đa thế mạnh của từng trường cũng như khắc phục các hạn chế cơ bản như thiếu kinh nghiệm tổ chức, thiếu nhân lực…

- Sự phối hợp nói trên đã giúp các nhà trường tiết kiệm kinh phí, rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng của chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học được xây dựng.

- Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình tự đánh giá chất lượng môn Sinh học THPT (có thể áp dụng cho Thái Bình) được xây dựng.

(2) Điểm yếu:

- Hoạt động phối hợp và hỗ trợ nói trên cần những người đứng đầu nhà trường có năng lực tổ chức, nắm vững cơ sở lí luận về tự đánh giá. Khi nhân rộng việc thử nghiệm sang các môn học khác và sang các trường THPT khác thì đây là một khó khăn mà các trường THPT không thể đáp ứng trong một thời gian ngắn.

- Thái Bình chưa xây dựng được cơ chế tổ chức phối hợp giữa các trường THPT trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá. Nguồn lực, vật lực… chưa đáp ứng yêu cầu cần có khi triển khai tổ chức thử nghiệm.

Đối với biện pháp 4: *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* (thử nghiệm với môn Sinh)

(1) Điểm mạnh:

- Việc tổ chức tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng là một hoạt động mới lạ dễ thu hút sự tham gia của đội ngũ giáo viên và học sinh; mục đích tự đánh giá hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực thực hiện của học sinh, đáp ứng vấn đề mang tính thời sự là đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Do đó, việc thử nghiệm biện pháp này nhận được sự ủng hộ rất cao của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Sinh của hai trường THPT. Kết quả 100% giáo viên dạy Sinh của hai trường tham gia thử nghiệm.

- Với sự hỗ trợ của chuyên gia, với khả năng tổ chức, quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý, với trình độ chuyên môn cao của đội ngũ giáo viên dạy Sinh ở hai trường THPT tham gia thử nghiệm nên việc triển khai thử nghiệm gặp rất nhiều thuận lợi. Áp

dụng chuẩn đầu ra vào giảng dạy và sử dụng chuẩn đánh giá vào đánh giá chất lượng học tập môn Sinh trong hai nhà trường đã có kết quả tốt.

(2) Điểm yếu: Thử nghiệm biện pháp này rất tốn thời gian, công sức, trí tuệ của những người tham gia và cần nhiều kinh phí để tổ chức thử nghiệm.

Kết luận về việc thử nghiệm:

- Việc thử nghiệm đã thành công, giả thuyết thử nghiệm đã được chứng minh. Kết quả thử nghiệm cho thấy:

Tổ chức phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT để xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá chất lượng môn học là rất cần thiết để tổ chức tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng. Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học trường THPT được xây dựng (xem thêm phần phụ lục) là minh chứng cho sự thành công của việc triển khai thực hiện một phần các biện pháp 1, 2 và 6. Kết quả thử nghiệm cho thấy các biện pháp này đã đáp ứng được vấn đề đặt ra đối với việc tổ chức tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng, đủ cơ sở để triển khai nhân rộng trong thời gian tới.

Thử nghiệm biện pháp 4: *Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn* (thử nghiệm với môn Sinh học) thành công cho thấy tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng đã góp phần nâng cao chất lượng môn học và nâng cao chất lượng nhà trường. Thành công trong việc tiến hành đánh giá chất lượng học tập môn Sinh học là tiền đề quan trọng để nhà trường tiếp tục tổ chức tự đánh giá chất lượng các môn học khác.

- Nghiên cứu sinh cần dựa trên những quan sát, các ý kiến góp ý từ các kênh thông tin khác nhau trong quá trình thử nghiệm để hoàn thiện biện pháp.

- Kết quả thử nghiệm cần được phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ quản lý các trường THPT để các trường có thể áp dụng kết quả thử nghiệm vào tổ chức hoạt động tự đánh giá trong thời gian tới.

- Nghiên cứu sinh cần tiếp tục triển khai thử nghiệm các biện pháp còn lại được đề xuất trong luận án.

Kết luận chương 3

- Xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới và nền kinh tế thế giới đang chuyển dần từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế hậu công nghiệp hay kinh tế tri thức nhờ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật là đặc

điểm nổi bật của thế giới bước sang thế kỉ XXI. Chất lượng GD&ĐT và chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu của những thay đổi nói trên. Bối cảnh thế giới và trong nước như đã nêu, đặt ra cho ngành GD&ĐT nói chung, các trường THPT nói riêng một số thời cơ và thách thức. Để tranh thủ thời cơ và vượt qua thách thức, các trường THPT cần thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

- Căn cứ vào cơ sở lí luận và thực tiễn của tự đánh giá, luận án đã đề xuất 6 biện pháp đổi mới tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT, đó là: *Tiến hành quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho tự đánh giá; Hoàn thiện quy trình tự đánh giá để thực hiện tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng; Tăng cường các nguồn lực và thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng được lựa chọn ở cấp trường; Thực hiện tự đánh giá cấp bộ môn; Nâng cao năng lực tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá*

- Kết quả khảo nghiệm cho thấy 6 biện pháp nói trên đều mang tính cấp thiết và tính khả thi cao. Kết quả thử nghiệm với 4 trong 6 biện pháp được đề xuất đã thành công. Sự thành công trong thử nghiệm đã khẳng định tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp được đề xuất. Kết quả thử nghiệm cho thấy thực hiện tốt chức năng tự đánh giá để nâng cao chất lượng thường xuyên sẽ góp phần thực hiện chức năng tự đánh giá để chuẩn bị cho kiểm định chất lượng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về cơ sở lí luận:

- Chất lượng là *sự phù hợp với chuẩn mực được xác định và chuẩn được xác định phải phù hợp với mục tiêu được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.* Chất lượng trường THPT là *mức độ đạt được của nhà trường so với chuẩn chất lượng đã xác định, chuẩn chất lượng phải phù hợp với mục tiêu được đặt ra đối với nhà trường.* Quản lý chất lượng trường THPT là *tất cả các hoạt động quản lý trong nhà trường nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách chất lượng, trách nhiệm của các đối tượng có liên quan đến chất lượng; tổ chức triển khai thực hiện những chính sách và trách nhiệm này.* Tự đánh giá chất lượng ở trường THPT là *hoạt động tự kiểm tra, xem xét việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chất lượng của nhà trường có đáp ứng chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT và nhà trường đề ra, đáp ứng sự mong đợi của các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường.*

- Tự đánh giá thực chất chỉ tồn tại một cách đúng nghĩa ở cấp độ đảm bảo chất lượng. Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng có hai chức năng cơ bản là nâng cao chất lượng thường xuyên và chuẩn bị cho kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài). Tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng được thực hiện theo chuẩn, bằng các quy trình chất lượng.

- Điều kiện để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng là trường THPT cần có quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội về hoạt động tự đánh giá, cần phải thực hiện 02 điều kiện tiên quyết: i) nhà trường lập kế hoạch chất lượng; và ii) nhà trường thường xuyên thực hiện kế hoạch chất lượng (thực hiện các quy trình chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng).

- Nội dung tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng: tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng cần được thực hiện ở cấp trường và cấp bộ môn, trong đó tự đánh giá cấp bộ môn với nội dung chính là tự đánh giá chất lượng môn học đóng vai trò quan trọng. Tự đánh giá cấp trường gồm 6 nội dung công việc chính: i) lựa chọn mô hình đánh giá; ii) lập kế hoạch tự đánh giá (lựa chọn lĩnh vực tự đánh giá, xác định các phương pháp thu thập minh chứng, xây dựng quy trình tự đánh giá); iii) tổ chức nhân sự, phân bổ thời gian, xác định nguồn kinh phí thực hiện; iv) tiến hành trình tự đánh giá; v) phân

tích, đánh giá và chuẩn bị báo cáo tự đánh giá; và iv) công bố kết quả tự đánh giá. Tự đánh giá cấp bộ môn trong luận án này tập trung vào tự đánh giá chất lượng môn học với các nội dung chính như: Xây dựng chuẩn đầu ra; chuẩn đánh giá; xây dựng và thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng môn học.

- Hoạt động tự đánh giá ở trường THPT chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp của nhiều yếu tố như quy định của Bộ, sự chỉ đạo của sở GD&ĐT và các yếu tố thuộc về nhà trường.

1.2. Về cơ sở thực tiễn

- Tự đánh giá ở trường trung học là hoạt động được tổ chức bài bản tại nhiều quốc gia trên thế giới.

- Ở Việt Nam: các trường THPT đã triển khai tự đánh giá theo kế hoạch của Sở và Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình cho thấy các trường THPT chưa thực hiện quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho hoạt động tự đánh giá; quy trình tự đánh giá đang thực hiện chưa đáp ứng tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng; nguồn lực để thực hiện tự đánh giá hạn chế; nhà trường chưa thực hiện tốt các nội dung tự đánh giá được lựa chọn, chưa thực hiện tự đánh giá ở cấp bộ môn. Những hạn chế nói trên cùng với việc cán bộ, giáo viên các nhà trường chưa được cung cấp đầy đủ, kịp thời các kiến thức về tự đánh giá, năng lực tự đánh giá còn nhiều hạn chế… dẫn tới tự đánh giá ở trường THPT mới đáp ứng chức năng phục vụ cho kiểm định chất lượng, chưa đáp ứng chức năng nâng cao chất lượng nhà trường.

Từ thực tiễn tự đánh giá ở một số quốc gia đã nêu và thực tiễn tự đánh giá ở trường THPT Việt Nam, luận án đã rút ra 08 bài học kinh nghiệm cho các trường THPT ở Việt Nam khi tiến hành tự đánh giá trường học của mình. Thực tiễn cũng cho thấy một số quốc gia trên thế giới đã thực hiện tốt cả hai chức năng của tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng, các trường THPT ở Việt Nam *(trường hợp điển hình ở Thái Bình)* mới thực hiện được chức năng tự đánh giá để phục vụ kiểm định chất lượng.

1.3. Về biện pháp: Căn cứ vào lí luận, kết hợp với thực tiễn, luận án đã đề xuất 6 biện pháp đổi mới tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT.

Kết quả khảo nghiệm ý kiến của đội ngũ cán bộ, giáo viên cho thấy các biện pháp được đề xuất được đánh giá cao về tính cấp thiết và tính khả thi.

Một phần các biện pháp 1, 2, 6 và biện pháp 4 đã được thử nghiệm thành công. Điều này cho thấy tính đúng đắn, cấp thiết, khả thi của các biện pháp được đề xuất.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ GD&ĐT Bộ GD&ĐT sớm triển khai việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, tạo lập hành lang pháp lý cho phép các trường THPT có quyền tự chủ trong việc: quản lý, phát triển nội dung chương trình giảng dạy, học tập; xây dựng chuẩn chất lượng và các quy trình chất lượng nhà trường (môn học) dựa trên chuẩn, quy trình chất lượng do Bộ GD&ĐT đưa ra nhưng phù hợp với mục tiêu chất lượng của nhà trường.

2.2. Đối với các sở GD&ĐT

- Sở GD&ĐT cần xây dựng cơ chế để thúc đẩy hoạt động tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở các trường THPT.

- Sở GD&ĐT cần cung cấp (hỗ trợ) tài chính cho các trường THPT để trường THPT có thể xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng cường năng lực quản lý, tổ chức tự đánh giá cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ, giáo viên.

- Sở GD&ĐT cần đóng vai trò đầu mối kết nối các hoạt động phối hợp tổ chức tự đánh giá giữa các trường THPT.

2.3. Đối với các trường THPT

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo cấp độ đảm bảo chất lượng (tự đánh giá theo Chuẩn, bằng các quy trình chất lượng). Để thực hiện điều này, trước khi tiến hành tự đánh giá nhà trường cần thực hiện tốt quản lý chất lượng bên trong.

- Thực hiện đủ, đúng, theo trình tự các bước của quy trình tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng.

- Các trường THPT cần triển khai tự đánh giá chất lượng nhà trường ở hai cấp, cấp trường và cấp bộ môn.

- Các trường THPT cần đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục khi thực hiện tự đánh giá theo hướng đảm bảo chất lượng để giải quyết những khó khăn, thách thức đang đặt ra đối với hoạt động tự đánh giá trong nhà trường trong bối cảnh thiếu nhân lực, vật lực, tài lực ... như hiện nay.

- Luận án đã đề xuất quy trình tự đánh giá, đã thử nghiệm tự đánh giá chất lượng đối với môn Sinh học và thử nghiệm một phần các biện pháp. Các nhà trường cần tiếp tục xây dựng quy trình nâng cao chất lượng trường THPT; tiếp tục thử nghiệm tự đánh giá chất lượng môn học đối với các môn học khác; xây dựng cơ chế, chính sách để tạo động lực tự đánh giá đối với các đơn vị, các tập thể, cá nhân trong trường.

Luận án đã: nêu và phân tích lí do vì sao cần tiến hành tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng trong giai đoạn hiện nay; chỉ ra sự cần thiết phải xác định, thực hiện mục tiêu chất lượng, chuẩn và các quy trình chất lượng trước khi tổ chức hoạt động tự đánh giá; nêu ra những nội dung, công việc mà các nhà trường, tổ, nhóm chuyên môn và các cán bộ, giáo viên cần thực hiện để tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, luận án còn những hạn chế nhất định mong được các nhà khoa học và các chuyên gia góp ý, chỉ giáo.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Phạm Anh Tuấn (2013), *Tự đánh giá trong quản lý chất lượng trường phổ thông ở một số nước trên thế giới*, tạp chí KHGD số 96-9/2013

2. Phạm Anh Tuấn (2014), *Tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông*, tạp chí KHGD số 100-1/2014

3. Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hường (2014), *Tự đánh giá cấp môn học trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông*, tạp chí KHGD số ĐB - 10/2014

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt và các Website Việt Nam

1. Lê Đức Ánh (2006), *Quản lý quá trình dạy học ở trường phổ thông dân lập theo hướng tiếp cận Quản lý chất lượng tổng thể (TQM)*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.

2. Ban Bí thư (2004), *Chỉ thị Số: 40-CT/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2004, Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, Hà Nội.

3. Ban chấp hành Trung ương Đảng CSVN, *Nghị quyết 06 - khóa IX*

4. Nguyễn Thanh Bình (2006), Một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho Học sinh THPT - *Tạp chí KHGD* số 11-8/2006.

5. Trần Thanh Bình (2009), Làm thế nào để đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục? - Kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông, Web *Báo Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh,* 18/10/2009, 21:10 GMT+7.

6. Bộ GD&ĐT (2008), *Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT; các Quyết định số 80/2008/QĐ-BGDĐT và số 83/2008/QĐ-BGDĐT*.

7. Bộ GD&ĐT (2011), *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*

8. Bộ GD&ĐT (2012), *Thông tư số 13/2012/TT-BGDĐT, Ban hành Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*

9. Bộ GD&ĐT (2012), *Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên*.

10. Bộ GD&ĐT (2013), *Hướng dẫn số 462*/KTKĐCLGD-KĐĐH

11. Bộ GD&ĐT (2013), *Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT về Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020.*

12. Bộ GD&ĐT (2014), *Tài liệu Hội nghị khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2014-2015 và sơ kết công tác kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2009-2014,* Đà Nẵng.

13. Nguyễn Hữu Châu (Chủ biên) (2008), *Chất lượng giáo dục những vấn đề lí luận và thực tiễn,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

14. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, *Chỉ thị 18/2001/CT-TTg; Quyết định 09/2005/QĐ-TTg; Nghị quyết 05/2005/NQ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 75/2006/NĐ-CP.*

15. Nguyễn Đức Chính (chủ biên) (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Nguyễn Kim Dung (2008), Các mô hình đảm bảo chất lượng trên thế giới và đề nghị ở Việt Nam, Kỉ yếu hội thảo khoa học "*Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định CLGD ĐH Việt Nam*", Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TPHCM, TP Hồ Chí Minh.

17. Nguyễn Kim Dung, Phạm Xuân Thanh (2003), Về một số khái niệm thường dùng trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, Tạp chí Giáo dục, số 66, tháng 9/2003

18. Đinh Tuấn Dũng (2008), Vai trò của kiểm định chất lượng đối với đào tạo đại học, Kỉ yếu hội thảo khoa học "*Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định CLGD ĐH Việt Nam*", Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TPHCM, TP Hồ Chí Minh.

19. Hoàng Mạnh Dũng (2002), *Hoàn thiện hệ thống Quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

20. Nguyễn Ngọc Dũng (2002), *Xây dựng hệ thống Quản lý chất lượng theo ISO 9000 trong trường đại học*, Luận án tiến sĩ.

21. Nguyễn Bá Dụng (2007), *Vai trò của người hiệu trưởng trường THPT trong thời kỳ đổi mới*, tạp chí KHGD số 18-3/2007.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

25. Đảng Cộng sản Việt nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI,VII,VIII,IX,X),* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Trần Khánh Đức (2004), *Quản lý và Kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO&TQM*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

27. Nguyễn Minh Đường (2004), Một số ý kiến về chất lượng và hiệu quả giáo dục, Kỉ yếu hội thảo khoa học *"Đánh giá chất lượng giáo dục và những điều kiện nâng cao chất lượng Giáo dục – Đào tạo",* Hội Khoa học Tâm lí–Giáo dục Việt Nam, Đồ Sơn – Hải Phòng

28. Trình Thanh Hà (2011), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đảm bảo chất lượng đào tạo đại học từ xa ở Việt Nam,* Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Hà Nội.

29. Phạm Minh Hạc (2004), Về chất lượng giáo dục, Kỉ yếu hội thảo khoa học *"Đánh giá chất lượng giáo dục và những điều kiện nâng cao chất lượng Giáo dục – Đào tạo",* Hội Khoa học Tâm lí–Giáo dục Việt Nam, Đồ Sơn – Hải Phòng

30. Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức (đồng chủ biên) (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI (Việt Nam và thế giới),* Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

31. Nguyễn Kim Hồng (2008), Kiểm định giáo dục đại học Việt Nam – Cái nhìn của người được kiểm định, Kỉ yếu hội thảo khoa học "*Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định CLGD ĐH Việt Nam*", Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TPHCM, TP Hồ Chí Minh.

32. Sái Công Hồng (2013), *Quản lý chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh ở đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng*

lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN), Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Hà Nội.

33. Phạm Quang Huân (2003), Tình hình quản lý chất lượng giáo dục phổ thông Việt Nam, *Tạp chí Phát triển Giáo dục*, Hà Nội.

34. Nguyễn Tiến Hùng (2005), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về phân cấp quản lý trường THPT Việt Nam,* luận án tiến sĩ 2005

35. Đặng Thành Hưng (2004), Những nguyên tắc Quản lý chất lượng giáo dục, Kỉ yếu hội thảo khoa học *"Đánh giá chất lượng giáo dục và những điều kiện nâng cao chất lượng Giáo dục – Đào tạo",* Hội Khoa học Tâm lí–Giáo dục Việt Nam, Đồ Sơn – Hải Phòng.

36. Nguyễn Tấn Hưng (2011), Xây dựng và duy trì văn hóa chất lượng trong nhà trường, *Tạp chí KHGD* số 66, 67 – 3/2011 và 4/2011

37. Trần Kiều (2014), Về mục tiêu môn Toán trong trường phổ thông Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 102, tháng 3/2014.

38. Phan Văn Kha (2000), *Phương pháp luận khoa học và phương pháp nghiên cứu giáo dục,* Viện chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội.

39. Đặng Bá Lãm (2003), *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI chiến lược phát triển,* Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.

40. Hoàng Huy Lập (2004), Chất lượng giáo dục phổ thông, quan niệm, thực trạng và biện pháp, Kỉ yếu hội thảo khoa học *"Đánh giá chất lượng giáo dục và những điều kiện nâng cao chất lượng Giáo dục – Đào tạo",* Hội Khoa học Tâm lí–Giáo dục Việt Nam, Đồ Sơn – Hải Phòng

41. Nguyễn Lộc (2010), *Lí luận về quản lý*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

42. Phạm Văn Luân (2008), Vai trò của các bộ quản lý trường học trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục, Kỉ yếu hội thảo khoa học "*Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định CLGD ĐH Việt Nam*", Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TPHCM, TP Hồ Chí Minh.

43. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

44. Phạm Thành Nghị (2004), Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường đại học, *Tạp chí Giáo dục, số 66*.

45. Phạm Thành Nghị (2013), *Quản lý chất lượng giáo dục*, NXB Khoa học xã hội.

46. Nguyễn Thị Lan Phương (2014), Đề xuất định hướng xây dựng mục tiêu và Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá của chương trình giáo dục phổ thông mới, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 100, tháng 1/2014.

47. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Nghị quyết 37/2004/QH11 ; Luật giáo dục 2005; Luật GD 2009(số 44/2009/QH12)*

48. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1992/QH8), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.*

49. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015* tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, ngày 21 tháng 10 năm 2013

50. Phạm Quang Sáng (2001), Tính tự chủ và trách nhiệm về tài chính của các trường đại học, *Tạp chí phát triển giáo dục*, số 4/2001.

51. Phạm Sỹ Tiến (2008), Một vài ý kiến về mô hình cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục ở Việt Nam, Kỉ yếu hội thảo khoa học "*Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định CLGD ĐH Việt Nam*", Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TPHCM, TP Hồ Chí Minh.

52. Phạm Xuân Thanh (2005), Kiểm định chất lượng giáo dục đại học, *Tạp chí Giáo dục*, số 115, tháng 6/2005.

53. Phạm Xuân Thanh (2005), Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: Sự vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam; Website: *http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pktvkdcl/noidung*

54. Lâm Quang Thiệp (2012), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường,* NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

55. Võ Ngọc Vĩnh (2013), *Quản lý chất lượng dạy học ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận Quản lý chất lượng tổng thể*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Hà Nội.

56. Website: *http://www.ais.edu.vn/index.php/vi/tim-hieu-ais/kiem-dinh-wasc-va-cis*

57. Website: *http://www.ceea.ier.edu.vn*, Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định, *Kỉ yếu Hội thảo khoa học*, Ngày 04 tháng 12 năm 2008 tại TP HCM

58. *Website: http://www.chinhphu.vn*, Một vài nét về kinh tế - xã hội Việt Nam.

59. *Website: http://www.daidoanket.vn*, Công tác tự đánh giá giáo dục phổ thông: Hình thức và nặng tính phong trào, ngày 22/7/2010

60. *Website: http://www tlgd.hcmup.edu.vn*

61. *Website: http://www.visamerican.com.vn/visa-du-hoc-my/detall/he-thong-giao-duc-o.my-173*.

62. Website: http://www.vnies.edu.vn

63. Website: http://www.voer.edu.vn

II. Tiếng Anh và các Website nước ngoài

64. Alexander Bilcik, Ph.D., Jozef Kadnar, MSc. Eng.(2011), *Self-Evaluation in managerial work within educational institutions***,** KEGA project 026STU "Quality Assessment Model of Secondary Vocational Schools in Slovakia"

65. Anderson L.W. & Krathwokl D.R. (Chủ biên), *A Taxonomy for Learning. Teaching and Assessing: A Revision of Bloom's Taxinomy of Educational Objectives*. Allyn & Bacon. Boston, MA (Pearson Education Group).

66. Biljana Vrankovic, Maja rebersak, Jasmina Muraja (2009) *Improvement of School Quality Through Key Objectives*, National Centre for External Evaluation in Education Marulicev trg 18, 10000 Zagreb CROATIA.

67. Bloom A. (1956), *Taxonomy of Educational Objectives: The Classification of Educational Goals, Handbook L.* New York: McKay.

68. Bogue E.G. & Saunders R.L (1992), *The Evidence for Quality - Strengthening the Tests of Academic and Administi'ative Effectiveness*, San Francisco: Jossey- Bass Publishers.

69. Brennan J., de Vries P., & William R. 1997, *Standards and Quality in Higher Education*, London (Pennsylvania): Jessica Publishers

70. Brennan J., de Vries p., & Williams R (1997), *Standards and Quality in Higher Education,* London (Pennsylvania): Jessica Kingsley Publishers.

71. Bezzina C., Privitelli R. (2006), *School–based self-evaluation: an introductory study from Malta***,** Paper presented at the CCEAM Conference "Recreating Linkages between Theory and Praxis in Educational Leadership"

72. Crosby P. (1984) trong *Quality without Tears,* New York: McGraw-Hill, pp.14-26.

73. Cullen B. (1987), "Performance Indicators in UK Higher Education: Progress and Prospects", *International Journal of Institutional Management in Higher Education,* vol. 11(2).

74. Dill. D.D., Massy W.F., Williams P.R., Cook CM. (1996), "Accreditation & Academic Quality Assurance: Can We get there from here?" *Change*, vol. 28 (5).

75. Drucker P.E. (1974), *Management: Tasks, Responsibilities and Practices,* New York: Harper & Row Publishers

76. Frackmann E. (1987), "Lessons to be learnt from a Decade of Discussions on Performance Indicators", *International Journal of Institutional Management in Higher Education,* vol. 11(2).

77. Frackmaim E. (1992), "The German Experience", in Craft A. (ed.), *Quality Assurance in Higher Education*. London: The Falmer Press, 47-64.

78. Frazer M. (1992), "Quality Assurance in Higher Education", in Craft A., *Quality Assurance in Higher Education. London*: The Falmer Press, 9-25.

79. Gerry McNamara, Joe O'Hara (2008), *Studies in Educational Evaluation*, Studies in Educational Evaluation (34), pp. 173–179.

80. Harman G. (1996), *Developing and Managing Quality Assurance for Higher Education Systems and Institutions in Asia and the Pacific*, Bangkok.

81. Ishikawa K. (1985), *What Is Total Quality Control*? New Jersey, Prentice-Hall.

82. Jackson N. (1998), "Conceptual Basis for Standards- Based Quality Assurance." *Background paper for Quality Assurance and Enhancement Network Conference*, Coventry, England, Feb, 11-12, 1998.

83. Jelinek S.M., Foster R.S., & Sauser W.I. (1995), "A Rose by Any Other Name: Applying Total Quality Management to Management to Higher Education", in Sims R & Sims s., *Total Quality Management in Higher Education*, Westport: Praeger, 108-126.

84. Kells H.R. (1992), *Self-Regulation in Higher Education: A Multi-National Perspective on Collaborative Systems of Quality Assurance and Control* London: Jessica Kingsley Publishers.

85. Maassen P.A.M. (1998), "Quality Assurance in the Netherlands", in Craft A. (ed.), *Quality Assurance in Higher Education*. London: The Falmer Press, 19-28.

86. Michigan Department of Education Lansing, 1996, *Michigan Curriculum Framework*, publication of the Michigan Department of Education.

87. Nada Pozar Matijasic, Mateja Gajgar, *Self-Evaluation in the system of quality assessment and Assurancein Slovenia,* nguồn: *http://www.fm-p.si/zalozba/ISBN/978-961-6573-65-8/177-180.pdf*

88. Sallis E. (1993), *Total quality management in Education,* NXB Philadephi, London- Anh.

89. Scottish Qualifications Authority (1999), *Guide to Assessment and Quality Assurance for Secondary Schools,* Published by the Scottish Qualifications Authority Hanover House, 24 Douglas Street, Glasgow G2 7NQ, and Ironmills Road, Dalkeith, Midlothian EH22 1LE

90. Scholastic Assessment Test (SAT).

91. Scholastic and College Ability Test (SCAT)

92. Sims R & Sims S. (1995), "Toward an Understanding of Total Quality Management: Its Relevance and Contribution to Higher Education," in Sims R & Sims S., *Total Quality Management in Higher Education*, Westport: Praeger, 1-21.

93. Stiggin R.J (2008), *An Introduction to Student-Involved Assessment For Learning*. Pearson Prentice Hall.

94. Unterberger R. M. (1991), "Quality is the Key to Global Competitiveness: IBM Experience", in Petak W. (ecd), *Quality and Higher Education in the 21st Century*, Proceedings of the Second Annual Symposium: Role of Academia in

National Competitiveness and Total Quality Management, University of Southern California, Los Angeles.

95. Van Vught F.A. & Westerheijden D.F. (1993) trong *Quality Management and Quality Assurance in Europenan Higher Education*. Enschede: Cheps

96. Woft, A. (2001), *Competence base essessment*. In J.Raven & J.Stephenson (Eds), Competence in the learning cosiaty. New York Peter Lang.

97. Website: http://www.acwasc.org_overview.htm

98. *Website: http://www.eaa.unsw.edu.au*

99. *Website: http://vi.wikipedia.org/wiki* và *http://www.masterstudies.vn/Slovenia*

PHỤ LỤC

1. Các phiếu khảo sát, phỏng vấn thực trạng và khảo nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ..... tháng ..... năm 201

PHIẾU HỎI Ý KIẾN
Phiếu PH1

Đối với: CBQL, GIÁO VIÊN trường THPT

Với mục đích góp phần đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động TĐG nói riêng và công tác QLCL nói chung ở các trường THPT, Luận án "Cơ sở lí luận và thực tiễn của tự đánh giá trong quản lí chất lượng ở trường trung học phổ thông" đã tập trung nghiên cứu về vấn đề này. Để nghiên cứu này thành công, mang tính lí luận và thực tiễn cao, kính mong ông (bà) bằng trí tuệ và tâm huyết của mình đối với sự nghiệp giáo dục, xin hãy vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp với ý kiến của mình hoặc viết thêm vào những dòng bỏ trống (...).

Xin trân trọng cảm ơn ông (bà)!

Câu 1:

a) Sự quan tâm của ông (bà) đối với chất lượng trường THPT?

Mức độ quan tâm	Sự lựa chọn	
	SL	Tỉ lệ (%)
Rất quan tâm		
Quan tâm		
Ít quan tâm		
Không quan tâm		

b) Theo ông(bà) tự đánh giá trong trường THPT có tầm quan trọng như thế nào?

Mức độ đánh giá	Sự lựa chọn	
	SL	Tỉ lệ (%)
Rất quan trọng, quyết định chất lượng nhà trường		
Quan trọng, có ảnh hưởng nhiều đến chất lượng nhà trường		
Có phần quan trọng, ảnh hưởng không nhiều đến chất lượng nhà trường		
Không quan trọng, không ảnh hưởng gì tới chất lượng nhà trường		

c) Xin Ông (bà) cho biết:

TT	Nội dung hỏi		Tỉ lệ % Lựa chọn
1	Hoạt động TĐG ở trường THPT cần thực hiện ở các cấp độ nào trong 3 phương án sau:	Nhà trường	
		Môn học	
		Nhà trường và môn học	
2	TĐG chất lượng trường THPT là trách nhiệm của:	BGH và CB chủ chốt nhà trường	
		Giáo viên	
		Mọi thành viên trong nhà trường	

Câu 2

a) Xin Ông (bà) cho biết:

Câu hỏi	**Câu trả lời**	**Kết quả lựa chọn**	
		SL	Tỉ lệ (%)
Nhà trường nơi ông (bà) công tác đã phổ biến công khai, sâu, rộng các văn bản *Chiến lược phát triển giáo dục và các văn bản về KĐCL*	Đúng		
	Không đúng		
Nhà trường nơi ông (bà) công tác đã có kế hoạch chất lượng chưa?	Có		
	Không có		
	Không biết		
Nếu nhà trường đã có Kế hoạch chất lượng thì hoạt động TĐG đã được đưa vào Kế hoạch chưa?	Đã đưa vào		
	Không đưa vào		
	Không rõ		
Ông (Bà) có biết sứ mệnh của nhà trường là gì hay không?	Có biết		
	Không biết		

b) Ông(bà) đánh giá như thế nào về quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc tổ chức TĐG ở nhà trường nơi ông(bà) công tác?

* Quyền tự chủ (QTC)

TT	Tiêu chí	Đánh giá					
		Tự chủ hoàn toàn		Tự chủ một phần		Không có QTC	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
1	Tự chủ trong xác định mục tiêu, chuẩn mực và quy trình chất lượng; quy trình TĐG						
2	Tự chủ trong xác định lĩnh vực (nội dung) TĐG, lựa chọn phương pháp thu thập minh chứng						
3	Tự chủ trong lãnh đạo, điều hành TĐG.						
4	Tự chủ nguồn tài chính để tổ chức TĐG						
5	Tự chủ trong tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ CB,GV tham gia TĐG						

* Trách nhiệm xã hội

TT	Tiêu chí	Đánh giá					
		Đúng		Không hẳn đúng		Không đúng	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
1	Tuyên bố sứ mệnh, mục tiêu chất lượng, chuẩn mực chất lượng, quy trình chất lượng, các điều kiện ĐBCL được thông báo công khai, đầy đủ cho các cơ quan quản lí, HS, CMHS và xã hội.						
2	Lĩnh vực, diễn biến quá trình TĐG, kết quả TĐG được thông tin kịp thời tới các thành viên trong nhà trường và các đối tượng quan tâm, các bên có liên quan đến chất lượng nhà trường để họ cùng tham gia giám sát hoặc đóng vai trò tư vấn cho nhà trường.						
3	Nhà trường công khai về tính hiệu quả, tính kinh tế của việc huy động, sử dụng các nguồn lực từ Nhà nước, từ xã hội so với kế hoạch mà nhà trường đề ra, đạt được khi tiến hành TĐG.						

c) Tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo:

Căn cứ	Đánh giá					
	Đúng		Không đúng		Không rõ	
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đề ra.						
Chuẩn chất lượng do Bộ GD&ĐT đề ra và được nhà trường bổ sung.						

d) Ông (bà) hãy cho biết

Câu hỏi	Trả lời					
	Đúng		Không đúng		Không rõ	
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Nhà trường đã xây dựng các quy trình nâng cao chất lượng						
Nhà trường thường xuyên thực hiện quy trình nâng cao chất lượng để đạt chuẩn và mục tiêu chất lượng						

Câu 3

a) Trong các phương án xác định lĩnh vực tự đánh giá sau, phương án nào được thực hiện ở trường nơi ông(bà) công tác

Phương án	Sự lựa chọn	
	SL	Tỉ lệ (%)
Tự đánh giá 5 lĩnh vực, gồm: *Tổ chức và quản lý nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS; Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục* và thực hiện TĐG theo năm học.		
Tự đánh giá 5 lĩnh vực, gồm: *Tổ chức và quản lý nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS; Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục* và thực hiện TĐG theo chu kì do cơ quan quản lý cấp trên đề ra.		
Bên cạnh thực hiện tự đánh giá 5 lĩnh vực như Bộ GD&ĐT quy định, nhà trường còn bổ sung thêm một số lĩnh vực TĐG khác. Ví dụ: *Xem xét sứ mệnh và mục tiêu chất lượng; Nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học, nhà trường…; Quản lí phát triển nội dung, chương trình học tập của HS; …*		

b) Trong các phương pháp sau, phương pháp nào đã được nhà trường nơi ông(bà) công tác sử dụng trong việc thu thập minh chứng?

Phương pháp thu thập minh chứng	Sự lựa chọn	
	SL	Tỉ lệ (%)

Sử dụng chuyên gia		
Điều tra bằng bảng hỏi		
Phỏng vấn và phỏng vấn sâu một số: CBQL, GV, HS đã và đang công tác, học tập tại trường; CMHS		
Thống kê số liệu của các năm học		
Nghiên cứu sản phẩm		
Quan sát		
Kết hợp các phương pháp nói trên một cách hợp lí		

c) Nhà trường nơi ông(bà) công tác có thực hiện TĐG theo quy trình xác định trước hay không? Nếu có việc thực hiện đó theo quy trình nào trong các quy trình được liệt kê sau đây:

Nội dung	**Sự lựa chọn**	
	SL	Tỉ lệ (%)
Nhà trường thực hiện TĐG theo Quy trình được Bộ ban hành gồm 6 bước: 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá. 2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá. 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng. 4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí. 5. Viết báo cáo tự đánh giá. 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.		
Nhà trường thực hiện TĐG theo Quy trình được Bộ ban hành nhưng có bổ sung thêm một số bước như *Xác định điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức; Tìm kiếm sự ủng hộ của lãnh đạo cấp trên; Xây dựng đội ngũ chuyên gia kĩ thuật; Chuẩn bị nguồn lực; Xây dựng động lực TĐG*... trước khi thành lập hội đồng TĐG hoặc *Đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng* với những lĩnh vực (nội dung) chưa đạt chuẩn chất lượng sau khi TĐG.		

<u>Câu 4</u>: Xin Ông (bà) cho biết nhà trường nơi ông (bà) công tác :

Câu hỏi	**Câu trả lời**	**Kết quả lựa chọn**	
		SL	**Tỉ lệ (%)**
Có huy động mọi thành viên trong nhà trường tham gia hoạt động TĐG hay không?	Có		
	Không		
	Không rõ		
Đã có sự "chuyên môn hóa" trong tổ chức nhân sự để tiến hành tự đánh giá *(xác định rõ: người thực hiện, người chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh)*?	Có		
	Không		

	Không rõ		
Đã thành lập nhóm cố vấn và nhóm chuyên gia kĩ thuật để các nhóm này tham gia vào hoạt động tự đánh giá trong nhà trường?	Có		
	Không		
	Không rõ		
Khi tổ chức hoạt động tự đánh giá đã thực hiện sự phân bổ thời gian và dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từng công việc đánh giá	Có		
	Không		
	Không rõ		

Câu 5: Những lĩnh vực (nội dung) nào trong số những lĩnh vực (nội dung) sau đây đã được nhà trường nơi ông (bà) công tác thực hiện tự đánh giá và mức độ đạt được của từng lĩnh vực (nội dung)?

TT	Lĩnh vực (nội dung)	Thực hiện (TH) *(tỉ lệ %)*		KQ đạt được nếu có TH ở mức độ *(tỉ lệ % so với số người được hỏi)*		
		Không TH	Có TH	Tốt	B.thường	K. tốt
1	Xem xét sứ mệnh và mục tiêu					
2	Nhu cầu cần đánh giá của mỗi cá nhân, tập thể, môn học và nhà trường					
3	Quản lí phát triển nội dung, chương trình học tập của HS					
4	Đánh giá: CB,GV và HS, môi trường học tập, bầu "không khí" trong trường					
5	CSVC, TBDH, tài chính và tài liệu học tập của HS.					
6	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
7	Hoạt động GD và kết quả GD					
8	Công tác tổ chức và quản lý nhà trường					
9	So sánh kết quả TĐG của nhà trường với các trường THPT khác.					

Câu 6: Ông(bà) vui lòng cho biết:

a) Việc viết báo cáo TĐG

TT	Nội dung hỏi			Tỉ lệ % công nhận	
				Đúng	Không đúng
1	Thực hiện viết báo cáo TĐG là:	BGH, tổ (nhóm) trưởng, CB,GV…			
		Nhóm thư kí hội đồng TĐG			
2	Báo cáo tự đánh giá đã:	Phản ánh chất lượng hiện tại	Trong năm học		
			Tại thời điểm TĐG		
		Đưa ra một số đề nghị điều chỉnh để duy trì chất lượng			
		Đề xuất một số biện pháp (biện pháp) và kiến nghị thay đổi để nâng cao CL			
3	Báo cáo TĐG được đưa ra xin ý kiến rộng rãi, được chỉnh sửa, hoàn thiện trước khi công bố.				

b) Việc công bố kết quả TĐG

Nội dung hỏi		Tỉ lệ % công nhận	
		Đúng	Không đúng
Kết quả TĐG được công bố tới các đối tượng:	CB,GV-HS-CMHS		
	Các đối tượng quan tâm tới chất lượng nhà trường như CB,GV-HS-CMHS và xã hội		

<u>Câu 7</u>: Ông(bà) vui lòng cho biết việc tự đánh giá môn học tại nhà trường:

Nội dung hỏi		Tỉ lệ % công nhận	
		Đúng	Không đúng
Mục tiêu đánh giá môn học	Tập trung vào đánh giá kiến thức		
	Đánh giá kiến thức, kĩ năng, hành vi-thái độ		
Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá môn học	Do Bộ và Sở GD&ĐT đề ra		
	Do tổ (nhóm) chuyên môn xây dựng		
TĐG môn học được thực hiện theo quy trình	Lập kế hoạch; tiến hành tự đánh giá theo quy trình đã xây dựng *(thu thập, phân tích, đánh giá các minh chứng)*; công bố kết quả TĐG và sử dụng kết quả tự đánh giá để cải tiến giảng dạy, học tập		
Xây dựng phương pháp đánh giá phù hợp chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá	Xây dựng các chỉ số thực hiện (tiêu chí đánh giá) phù hợp từng nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng và thái độ-hành vi.		
	Xây dựng các phương pháp đánh giá phù hợp với từng nội dung, đối tượng đánh giá theo các mức độ của chuẩn đầu ra.		
	Kết hợp hài hòa các phương pháp đánh giá TNKQ, tự luận, thực hành, vấn đáp		

Thu thập, xử lí minh chứng được thực hiện theo các bước sau:	XD kế hoạch điều tra, thu thập minh chứng. XD Bộ công cụ đánh giá. Xác định hình thức đánh giá, đánh giá trực tiếp hay đánh giá gián tiếp. Tiến hành đánh giá và xử lý kết quả. So sánh kết quả tự đánh giá với chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá. Từ đó đưa ra kết luận về mức độ đạt chuẩn chất lượng môn học.		
Kết quả TĐG môn học được GV sử dụng để:	Báo cáo tổ, nhóm và nhà trường		
	Cải tiến việc dạy và học là chính, ngoài ra để báo cáo tổ, nhóm, nhà trường và xã hội		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ..... tháng ..... năm 201

PHIẾU HỎI Ý KIẾN

Phiếu PH2

Đối với: CBQL, GV trường THPT

Trên cơ sở được cung cấp những vấn đề cơ bản về lí luận và thực tiễn, ông (bà) vui lòng cho biết ý kiến của mình về sự cấp thiết và tính khả thi của một số biện pháp đổi mới hoạt động tự đánh giá trong QLCL trường THPT được nêu ra dưới đây, bằng cách đánh dấu (X) vào sự lựa chọn của mình. Mỗi biện pháp được đánh giá trên hai khía cạnh: Tính cấp thiết và tính khả thi; (chọn 1 trong 3 phương án)

Biện pháp	Sự cấp thiết						Tính khả thi					
	Rất cấp thiết		Cấp thiết		K. cấp thiết		Rất khả thi		Khả thi		K. khả thi	
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
BP1												
BP2												
BP3												
BP4												
BP5												
BP6												

Trong đó:

BP1: *Tiến hành quản lý chất lượng bên trong để tạo tiền đề cho TĐG*

BP2: *Bổ sung quy trình TĐG để thực hiện TĐG theo cấp độ đảm bảo chất lượng*

BP3: *Tăng cường các nguồn lực và thực hiện các nội dung TĐG chất lượng được lựa chọn ở cấp trường*

BP4: *Bổ sung TĐG cấp bộ môn*

BP5: *Nâng cao năng lực TĐG cho đội ngũ cán bộ, giáo viên*

BP6: *Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức TĐG.*

Ông(bà) có thể nêu ra ý kiến của riêng mình về những vấn đề được đề cập ở trên
.....
.....

Xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của ông (bà)!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ..... tháng ..... năm 201

PHIẾU PHỎNG VẤN
Phiếu PV

A. Nội dung phỏng vấn lãnh đạo sở, lãnh đạo phòng ban chuyên môn sở GD&ĐT; Hiệu trưởng (Phó hiệu trưởng) trường THPT

1/ Ông (bà) có thể cho biết:

- Mục đích tổ chức TĐG của nhà trường là gì?
- Vị trí của TĐG trong hệ thống đảm bảo chất lượng?
- Hoạt động TĐG có vai trò gì trong các vai trò sau:

(i) Xác định chất lượng hiện tại của nhà trường
(ii) Xác định chất lượng hiện tại và góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng.
(iii) Các vai trò khác.

- Hoạt động TĐG của nhà trường xuất phát từ yêu cầu của cấp trên hay xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của nhà trường, của tập thể, của cá nhân CB,GV?
- Các căn cứ, nguyên tắc tổ chức TĐG của nhà trường là gì?
- Có điều kiện tiên quyết nào được đặt ra với nhà trường khi tiến hành TĐG hay không?
- Nguồn lực TĐG từ đâu và được sử dụng như thế nào?
- Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch chiến lược để phát triển nhà trường hay chưa? TĐG có được đưa vào kế hoạch chiến lược hay không? Nếu chưa có kế hoạch và nếu có kế hoạch mà TĐG chưa được đưa vào thì lí do vì sao?
- Nhà trường có xây dựng kế hoạch chất lượng hay không? Kế hoạch đó gồm những nội dung cơ bản nào?
- TĐG có được thực hiện theo chuẩn và quy trình chất lượng hay không? Chuẩn và các quy trình chất lượng được xây dựng như thế nào, do Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT hay do nhà trường xây dựng?
- Các lĩnh vực (nội dung) TĐG, quy trình TĐG và các tiêu chí TĐG do Bộ, sở GD&ĐT xây dựng? do nhà trường xây dựng? Kết hợp giữa Bộ, sở GD&ĐT với nhà trường?
- Kế hoạch TĐG do Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT hay do nhà trường xây dựng? Chỉ đạo thực hiện TĐG là Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT, nhà trường hay đối tượng nào? Hỏi tương tự với việc kiểm tra, điều chỉnh hoạt động TĐG?

- Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường đối với hoạt động TĐG như thế nào *(nhà trường có quyền hạn như thế nào khi tổ chức TĐG và nhà trường có trách nhiệm như thế nào đối với hoạt động TĐG)*?

- Nhà trường có tổ chức TĐG các môn học hay không? Nếu có, hoạt động TĐG môn học được thực hiện như thế nào?

- Kết quả cuối cùng nhà trường nhận được sau khi tổ chức TĐG là gì?

B. Nội dung phỏng vấn riêng Hiệu trưởng (Phó hiệu trưởng) trường THPT

2/ Ông (bà) vui lòng cho biết ở trường ông (bà) công tác:

- Quy trình nâng cao chất lượng môn học gồm có những nội dung cơ bản nào?

- Mục tiêu cơ bản của môn học là mục nào trong các mục tiêu sau:

(i) Kiến thức

(ii) Kĩ năng

(iii) Hành vi và thái độ

(iv) Cả 3 mục tiêu trên.

- Hoạt động giảng dạy của giáo viên tập trung vào mục tiêu nào trong các mục tiêu nói trên? Nhà trường có xây dựng mục tiêu môn học phù hợp với đối tượng HS hay không?

- Nhà trường thực hiện hoạt động giảng dạy các môn học theo nội dung, phân phối chương trình do Bộ GD&ĐT quy định hay do nhà trường quy định?

- Các tổ, nhóm chuyên môn đã xây dựng được quy trình tự đánh giá chất lượng môn học hay chưa? Nếu đã xây dựng rồi thì Quy trình đó gồm những bước nào và quy trình đó đã được sử dụng như thế nào?

- Kết quả tự đánh giá môn học (nếu có) đã được sử dụng như thế nào?

3/ Ông (bà) có thể cho biết những tác động (bên ngoài và bên trong nhà trường) đối với hoạt động TĐG trong QLCL ở trường THPT nơi ông (bà) công tác?

C. Một số câu hỏi phỏng vấn riêng chuyên gia về quản lý chất lượng, CBQL ở Bộ GD&ĐT, ở sở GD&ĐT Thái Bình

1/ Đối với chuyên gia:

- Giáo sư có thể cho biết về các điều kiện để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng ở trường THPT? Nếu trường THPT không thực hiện tự đánh giá theo chuẩn và quy trình chất lượng thì tự đánh giá có vai trò nâng cao chất lượng của trường THPT hay không? Trên cơ sở các thông tin mà ông có được thì các trường THPT đã tự đánh giá theo chuẩn và bằng các quy trình chất lượng hay chưa?

- Giáo sư có thể cho biết việc xem xét sứ mệnh và mục tiêu chất lượng của nhà trường so với yêu cầu thực tiễn của nhà trường tại thời điểm đánh giá có vai trò như thế nào? Theo ông, việc xác định nhu cầu tự đánh giá của tập thể, cá nhân trong nhà trường có vai trò như thế nào?

2/ Đối với CBQL của Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT Thái Bình

- Căn cứ vào dự thảo đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mà Bộ GD&ĐT đang xây dựng, bổ sung, theo ông (bà) để thực hiện tự đánh giá trong đảm bảo chất lượng thì ngoài các lĩnh vực tự đánh giá đã được xác định trong Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT cần bổ sung thêm những lĩnh vực tự đánh giá nào và vì sao phải bổ sung?

- Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đã đặt ra yêu cầu với ngành GD&ĐT cần nâng cao năng lực thực hiện của người học. Theo ông (bà), các cơ sở giáo dục cần phải làm gì để thực hiện yêu cầu này?

Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của giáo sư (ông/bà)!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 10 tháng 8 năm 2013

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Thời gian: 14h, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Địa điểm: Phòng họp Sở GD&ĐT Thái Bình

Thành phần: Đại diện lãnh đạo sở và đại diện một số phòng ban sở GD&ĐT; đại diện sở KHCN; chuyên gia, đại diện lãnh đạo, nhóm trưởng môn học của hai trường THPT Chu Văn An và Đông Tiền Hải, Nghiên cứu sinh

Chủ tọa: Ông …… Phó Giám đốc Sở GD&ĐT Thái Bình

Nội dung: Giới thiệu các biện pháp đổi mới tự đánh giá trong QLCL ở trường THPT và đề xuất kế hoạch thử nghiệm một số biện pháp.

Nội dung chi tiết:

1 – NCS trình bày:

- Tóm tắt cơ sở lí luận và thực tiễn của TĐG trong QLCL ở trường THPT thông qua kết quả nghiên cứu trường hợp điển hình ở Thái Bình.

- Một số biện pháp đổi mới tự đánh giá trong QLCL ở trường THPT và kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp được đề xuất.

- Đề xuất kế hoạch thử nghiệm một phần của các biện pháp 1, 2, 6 (*Xác định sứ mệnh, đề ra mục tiêu và chuẩn chất lượng của nhà trường và đối với mỗi môn học; Xây dựng quy trình tự đánh giá theo cấp độ đảm bảo chất lượng; Tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường trung học phổ thông trong việc tổ chức tự đánh giá*) và biện pháp 4 *Đổi mới việc tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng* (thử nghiệm môn Sinh học)

2 – Đại diện lãnh đạo sở phát biểu:

- Tầm quan trọng của QLCL nói chung và của TĐG trong QLCL nói riêng đối với sự phát triển của các trường THPT.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu khoa học ứng dụng là nhiệm vụ của các nhà trường. Các trường cần phối hợp tốt với phòng GDCN của sở và phòng chức năng của sở KHCN để làm tốt nhiệm vụ này. Do đó, sở ủng hộ đề xuất của NCS và đề nghị các trường THPT có liên quan tạo điều kiện cho NCS thử nghiệm.

3 – Các đại biểu dự hội thảo phát biểu, trao đổi và tiến tới thống nhất nội dung, phương thức, thời gian, tổ chức phối hợp giữa các nhà trường để *xây dựng Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình tự đánh giá chất lượng môn Sinh học; Thử nghiệm đánh giá chất lượng môn Sinh học.*

4 – Chuyên gia: chia sẻ các kinh nghiệm và kĩ thuật tiến hành thử nghiệm; chia sẻ cách *xây dựng Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình tự đánh giá chất lượng môn học; Thử nghiệm đánh giá chất lượng môn học*

5 - Kết quả đạt được: Lãnh đạo sở GD&ĐT và lãnh đạo hai trường THPT đồng ý cho triển khai thử nghiệm.

Hội thảo kết thúc vào 16h30 cùng ngày.

Thư kí

……

HỘI THẢO LẦN 2 được tổ chức tại các trường THPT tham gia thử nghiệm. Đồng chủ trì là lãnh đạo nhà trường, NCS, nội dung hội thảo tương tự hội thảo triển khai công tác thử nghiệm ở sở GD&ĐT. Thời gian tổ chức đầu tháng 9 năm 2013, do nhà trường xếp lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2014

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Thời gian: 8h, ngày 14 tháng 6 năm 2014

Địa điểm: Phòng họp Sở GD&ĐT Thái Bình

Thành phần: Đại diện lãnh đạo sở và đại diện một số phòng ban sở GD&ĐT; chuyên gia, đại diện lãnh đạo, nhóm trưởng môn học của hai trường THPT Chu Văn An và Đông Tiền Hải, Nghiên cứu sinh

Chủ tọa: Ông …… Phó Giám đốc Sở GD&ĐT Thái Bình

Nội dung: Đánh giá kết quả thử nghiệm

Nội dung chi tiết

1 – NCS trình bày Báo cáo tổng hợp kết quả thử nghiệm

- Tiến trình triển khai thử nghiệm ở các trường THPT được lựa chọn.
- Báo cáo kết quả thử nghiệm

Đối với thử nghiệm một phần của các biện pháp 1, 2 và 6

(1) Điểm mạnh:

- Việc phối hợp và hỗ trợ giữa hai trường THPT để tổ chức hoạt động tự đánh giá đã được thực hiện thành công.
- Việc tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các trường THPT để tổ chức tự đánh giá đã tháo gỡ nhiều khó khăn cho hai trường THPT trong việc tổ chức hoạt động này nhờ phát huy tối đa thế mạnh của từng trường cũng như khắc phục các hạn chế cơ bản như thiếu kinh nghiệm tổ chức, thiếu nhân lực…
- Sự phối hợp nói trên đã giúp các nhà trường tiết kiệm kinh phí, rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng của chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn học được xây dựng.
- Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình tự đánh giá chất lượng môn Sinh học THPT (có thể áp dụng cho Thái Bình) được xây dựng.

(2) Điểm yếu:

- Hoạt động phối hợp và hỗ trợ nói trên cần những người đứng đầu nhà trường có năng lực tổ chức, nắm vững cơ sở lí luận về TĐG. Khi nhân rộng việc thử nghiệm sang các môn học khác và sang các trường THPT khác thì đây là một khó khăn mà các trường THPT không thể đáp ứng trong một thời gian ngắn.

- Thái Bình chưa xây dựng được cơ chế tổ chức phối hợp giữa các trường THPT trong việc tổ chức hoạt động TĐG. Nguồn lực, vật lực… chưa đáp ứng yêu cầu cần có khi triển khai tổ chức thử nghiệm.

Đối với biện pháp 4: *Đổi mới việc tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng* (thử nghiệm với môn Sinh học)

(1) Điểm mạnh:

- Việc tổ chức tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng ĐBCL là một hoạt động mới lạ dễ thu hút sự tham gia của đội ngũ GV và HS; mục đích TĐG hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực thực hiện của học sinh, đáp ứng vấn đề mang tính thời sự là đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Do đó, việc thử nghiệm biện pháp này nhận được sự ủng hộ rất cao của đội ngũ CBQL, giáo viên dạy môn Sinh của hai trường THPT. Kết quả 100% giáo viên dạy Sinh của hai trường tham gia thử nghiệm.

- Với sự hỗ trợ của chuyên gia, với khả năng tổ chức, quản lý của đội ngũ CBQL, với trình độ chuyên môn cao của đội ngũ giáo viên dạy Sinh ở hai trường THPT tham gia thử nghiệm nên việc triển khai thử nghiệm gặp rất nhiều thuận lợi. Áp dụng chuẩn đầu ra vào giảng dạy và sử dụng chuẩn đánh giá vào đánh giá chất lượng học tập môn Sinh trong hai nhà trường đã có kết quả tốt.

(2) Điểm yếu: Thử nghiệm biện pháp này rất tốn thời gian, công sức, trí tuệ của những người tham gia và cần nhiều kinh phí để tổ chức thử nghiệm.

2 – Các đại biểu dự hội thảo phát biểu, thảo luận về kết quả thử nghiệm.

3 – Đại diện lãnh đạo sở GD&ĐT kết luận về việc thử nghiệm

- Tổ chức phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường THPT để xây dựng chuẩn và quy trình tự đánh giá chất lượng môn học là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay các trường THPT đang thiếu kinh nghiệm, nguồn lực… trong việc tổ chức TĐG ở cấp độ ĐBCL. Chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá và quy trình đánh giá môn Sinh học trường THPT đã được xây dựng là một minh chứng cho sự thành công của việc triển khai thực hiện một phần các biện pháp 1,2 và 6. Kết quả thử nghiệm cho thấy các biện pháp này đã đáp ứng được vấn đề đặt ra đối với việc tổ chức TĐG theo hướng ĐBCL, đủ cơ sở để triển khai nhân rộng trong thời gian tới.

- Kết quả thử nghiệm biện pháp 4: *Đổi mới việc tự đánh giá chất lượng môn học theo hướng đảm bảo chất lượng* (thử nghiệm với môn Sinh học) với việc tiến hành đánh giá chất lượng học tập môn Sinh học của học sinh theo chuẩn đánh giá đã thành công. Thành công trong việc tiến hành đánh giá chất lượng học tập môn Sinh học là tiền đề quan trọng để nhà trường tiếp tục tổ chức TĐG chất lượng các môn học khác.

- Kết quả thử nghiệm cần được phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ quản lý các trường THPT để các trường có thể áp dụng kết quả đã được thử nghiệm vào tổ chức hoạt động TĐG trong thời gian tới.

- NCS cần dựa trên những quan sát, các ý kiến góp ý từ các kênh thông tin trong quá trình thử nghiệm để hoàn thiện biện pháp.

- NCS cần tiếp tục triển khai thử nghiệm các biện pháp còn lại được đề xuất trong luận án.

4- Kết quả đạt được: Báo cáo kết quả thử nghiệm và các kết luận về việc thử nghiệm.

Hội thảo kết thúc vào 11h00 cùng ngày.

Thư kí

……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ..... tháng ..... năm 2013

PHIẾU XIN Ý KIẾN (M1)

Kính gửi: **Các ông (bà) tổ trưởng(nhóm trưởng) và GV Sinh học của trường THPT**

Với mục đích góp phần đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động Tự đánh giá trong trường THPT nói chung và Tự đánh giá bộ môn Sinh học nói riêng, đề tài khoa học: "Cơ sở lí luận và thực tiễn của tự đánh giá trong quản lý chất lượng ở trường trung học phổ thông" đã tập trung nghiên cứu về vấn đề Tự đánh giá trong trường học. Dưới đây là: Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá và Quy trình đánh giá chất lượng bộ môn Sinh học trung học phổ thông do một số chuyên gia, CBQL và giáo viên giỏi thuộc lĩnh vực này xây dựng.

Để nghiên cứu này thành công, mang tính lí luận và thực tiễn cao, kính mong ông (bà) bằng trí tuệ và tâm huyết của mình đối với sự nghiệp giáo dục, hãy vui lòng cho biết ý kiến của mình về Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá và Quy trình đánh giá chất lượng bộ môn Sinh học trung học phổ thông.

Xin trân trọng cảm ơn ông (bà)!

Câu hỏi 1: Ông (bà) có nhận xét gì về Chuẩn đầu ra (CĐR), Chuẩn đánh giá (CĐG) và Quy trình đánh giá (QT ĐG) chất lượng bộ môn Sinh học trung học phổ thông? *(Nhận xét về mức độ bám sát mục tiêu môn học, nội dung chương trình do Bộ GD&ĐT đề ra và mức độ phù hợp với năng lực, trình độ của HS nơi ông bà công tác)*

	Mức độ bám sát (BS) mục tiêu môn học				Mức độ BS nội dung chương trình do Bộ đề ra				Mức độ phù hợp với năng lực, trình độ của HS			
	1	*2*	*3*	*4*	*1*	*2*	*3*	*4*	*1*	*2*	*3*	*4*
	Rất BS	BS	Có phần BS	Chưa BS	Rất BS	BS	Có phần BS	Chưa BS	Rất PH	Phù hợp	Có phần PH	Chưa PH
CĐR												
CĐG												
QT ĐG												

Câu hỏi 2: Đề xuất, bổ sung của ông (bà) đối với Chuẩn đầu ra, Chuẩn đánh giá, Quy trình đánh giá chất lượng bộ môn Sinh học trung học phổ thông

- Chuẩn đầu ra:

.....

- Chuẩn đánh giá:

.....

- Quy trình đánh giá:

.....

Ông(bà) có thể nêu ra ý kiến của riêng mình về những vấn đề được đề cập ở trên

.....

Một lần nữa xin cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của ông (bà)!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ..... tháng ..... năm 2014

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (M2)

Đơn vị công tác: Trường THPT ……..

1 – Nhận xét của bản thân về quá trình triển khai thử nghiệm

* Thuận lợi:

* Khó khăn:

2 – Kết quả thử nghiệm

Áp dụng Chuẩn đánh giá đã nêu vào đánh giá HS do bản thân trực tiếp giảng dạy, kết quả chung đạt được theo các cấp độ đã nêu như sau:

Cấp độ đạt	**Số lượng HS đạt/ số lượng HS áp dụng**	**Tỷ lệ % đạt cấp độ**	**Ghi chú**
Đạt cấp độ 4			
Đạt cấp độ 3			
Đạt cấp độ 2			
Đạt cấp độ 1			
Không đạt			
Tổng			

3 – Một số đề xuất, kiến nghị và một số điều chỉnh của bản thân sau thử nghiệm

.....

GIÁO VIÊN MÔN SINH HỌC

(Kí hoặc không kí tên)

CHUẨN ĐẦU RA CỦA MÔN SINH HỌC
Trung học phổ thông

1. Chuẩn kiến thức

Tiêu chí / Nội dung	Bậc 1 Ghi nhớ các kiến thức Sinh học	Bậc 2 Hiểu, vận dụng, giải thích được các quá trình, hiện tượng Sinh học	Bậc 3 Phân tích, tổng hợp, đánh giá các quá trình, hiện tượng Sinh học
1.1. Kiến thức chung về thế giới sống	- Liệt kê các cấp tổ chức của thế giới sống. - Nêu được đặc điểm chung của thế giới sống. - Nêu được đặc điểm của 5 giới sinh vật.	- Giải thích mối liên hệ giữa các cấp độ tổ chức sống. - Giải thích được mối quan hệ giữa các giới sinh vật.	- Phân tích được tính đa dạng của thế giới sống. - Phân tích được sơ đồ phát sinh giới thực vật, động vật.
1.2. Các đặc điểm đặc trưng cơ bản của sự sống ở cấp độ tế bào 1.2.1. Thành phần hóa học của tế bào 1.2.2. Cấu tạo tế bào 1.2.3. Trao đổi chất và năng lượng trong	- Nêu được các thành phần hóa học trong tế bào và cấu trúc, chức năng của các bộ phận trong tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực. - Trình bày được quá trình trao đổi	- Giải thích được mối thống nhất trong tế bào giữa cấu tạo-chức năng. - Giải thích được cơ chế các quá trình chuyển hóa, trao đổi chất trong tế bào. - Vẽ được sơ đồ các kỳ của nguyên phân,	- So sánh được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. Chứng minh được quá trình tiến hóa của tế bào nhân thực so với nhân sơ. - So sánh được các quá trình phân bào. So sánh quá trình

tế bào 1.2.4. Phân chia tế bào	chất của tế bào qua màng sinh chất. - Trình bày được diễn biến quá trình sinh lý ở cấp độ tế bào: nguyên phân, giảm phân, quang hợp và hô hấp... - Nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân đối với sinh vật.	giảm phân. - Giải thích được ý nghĩa của hoạt động của NST trong nguyên phân, giảm phân. - Làm được các bài tập cơ bản về ADN, ARN, nguyên phân, giảm phân.	quang hợp, hô hấp. - Làm được các bài thực hành về quang hợp, hô hấp, nguyên phân theo yêu cầu. - Phân tích được ứng dụng của quá trình trao đổi chất và phân bào trong thực tế.
1.3. Các vấn đề về Vi sinh vật học 1.3.1. Khái quát về vi sinh vật 1.3.2. Dinh dưỡng của vi sinh vật 1.3.3. Virus	- Trình bày được các hình thức dinh dưỡng của vi sinh vật. - Nêu được cấu tạo virus, phân loại các dạng virus. - Trình bày được các ảnh hưởng của virus đối với sinh vật và con người.	- Phân biệt được các hình thức dinh dưỡng của vi sinh vật. Gọi tên vi sinh vật theo hình thức dinh dưỡng. - Viết được các phương trình chuyển hóa ở vi sinh vật. - Giải thích được cơ chế sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật. - Giải thích được chu trình nhân lên của virus chung và HIV.	- Chứng minh được virus không phải là sinh vật. - So sánh được vius với tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. - Phân tích được các bệnh do vi khuẩn, virus gây ra và nguyên tắc chữa bệnh. - Phân tích được vai trò của vi sinh vật trong thực tiễn.
1.4. Các hoạt động sống, các quá trình sinh học cơ bản ở cấp độ cơ thể 1.4.1. Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở cơ thể sinh vật 1.4.2. Cảm ứng ở sinh vật 1.4.3. Sinh trưởng phát triển ở sinh vật 1.4.4. Sinh sản ở sinh vật	- Nêu được vai trò của các nguyên tố hóa học đối với cơ thể. - Trình bày được các quá trình chuyển hóa vật chất, năng lượng của thực vật: dinh dưỡng khoáng, quang hợp, hô hấp ở cấp độ cơ thể. - Trình bày được quá trình tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn ở động vật. - Trình bày được đặc điểm các hình thức cảm ứng ở động vật, thực vật. - Trình bày được quá trình sinh trưởng, phát triển	- Giải thích được cơ chế trao đổi chất và năng lượng ở thực vật, động vật. - So sánh được quá trình hô hấp và quang hợp ở cấp độ cơ thể. - So sánh được các hình thức cảm ứng ở thực vât: hướng động-ứng động: ở động vật: phản xạ có điều kiện-phản xạ không điều kiện, tập tính bẩm sinh- tập tính học được, điện thế nghỉ-điện thế hoạt động. - So sánh sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính. - Giải thích được vai trò, ý nghĩa của các quá trình sống của	- Chứng minh được sự tiến hóa trong cấu tạo các hệ cơ quan tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp, sinh sản ở động vật. - Chứng minh được chiều hướng tiến hóa của các hình thức cảm ứng, sinh sản ở động vật, thực vật. - Vận dụng các kiến thức về các quá trình sống của sinh vật vào thực tiễn sản xuất. - Làm được các bài thực hành chứng minh các hiện tượng, quá trình sinh học: dinh dưỡng khoáng, tính

	sinh sản ở thực vật, động vật và các yếu tố ảnh hưởng.	thực vật, động vật đối với con người. - So sánh, phân biệt quá trình sinh trưởng và phát triển ở thực vật, động vật - Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố đến trao đổi chất, sinh trưởng phát triển, sinh sản của sinh vật.	hướng, sinh sản... - Phân tích được đó là các đặc trưng sống cơ bản của sinh vật, không có ở vật vô sinh. - Có các kiến thức về sức khỏe sinh sản và giới tính.
1.5. Các Kiến thức về di truyền học 1.5.1. Vật chất di truyền ở cấp độ phân tử, tế bào. 1.5.2. Cơ chế di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử, tế bào 1.5.3. Tính quy luật của các hiện tượng di truyền 1.5.4. Di truyền học	- Trình bày được cấu trúc của vật chất di truyền ở cấp độ phân tử: ADN, ARN, Pr, gen, mã di truyền; cấp độ tế bào: NST. - Nêu được đặc trưng của vật chất di truyền của các loài. - Trình bày được diễn biến của các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử: Tự sao, phiên mã, dịch mã; ở cấp độ tế bào: nguyên phân, giảm phân, thụ tinh. - Phân biệt được khái niệm, nguyên nhân, cơ chế phát sinh và biểu hiện, hậu quả, ý nghĩa của các dạng đột biến. - Trình bày được nội dung, cơ sở tế bào học, ý nghĩa của các quy luật di truyền: quy luật phân ly, phân ly độc lập, tương tác gen, liên kết gen, di truyền liên kết với giới tính.	- So sánh gen của sinh vật nhân sơ, sinh vật nhân thực; phân biệt: gen phân mảnh- gen không phân mảnh, Intron-Exon. - Phân loại gen căn cứ vào chức năng và cấu trúc. - Giải thích được ý nghĩa của các đặc điểm của mã di truyền. - Dùng sơ đồ tư duy mô tả, phân loại được các dạng biến dị ở sinh vật. - - Giải thích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh, hậu quả các dạng biến dị. So sánh được các dạng biến dị. - Vận dụng làm được các bài tập cơ bản. - So sánh được các quy luật di truyền. Biết cách nhận dạng các quy luật di truyền. - Vận dụng để làm các bài tập cơ bản. - Biết cách xác định tần số hoán vị gen. - Biết cách so sánh sự di truyền qua nhân và di truyền qua tế bào chất.	- Phân tích được các tiêu chuẩn của vật chất di truyền. - Phân tích được ý nghĩa của các dạng biến dị trong tiến hóa và chọn giống, hậu quả đối với sinh vật. Chứng minh được các ứng dụng trong thực tiễn sản xuất. - Vận dụng làm được các bài tập nâng cao. - Làm được bài thực hành về cơ chế di truyền, biến dị theo yêu cầu. - Phân tích được cơ sở tế bào học, ý nghĩa của các quy luật di truyền. - Phân tích được quy luật di truyền các tính trạng ở sinh vật, ở cấp độ cơ thể. - Hình thành được các công thức để giải bài tập. - Vận dụng để làm các bài tập nâng cao.

quần thể	- Viết được sơ đồ các phép lai cơ bản. - Nêu được các hiện tượng: di truyền ngoài nhân, ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen. - Định nghĩa được quần thể, quần thể tự phối, quần thể ngẫu phối. - Trình bày được các đặc trưng di truyền của quần thể: vốn gen, tần số alen, thành phần kiểu gen.	- So sánh được đặc điểm di truyền của quần thể tự phối, quần thể ngẫu phối. - Biết cách tính tần số alen, thành phần kiểu gen của quần thể qua các thế hệ. - Biết cách xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể. - Giải thích được các ý nghĩa của định luật Hacđi- vanbec.	- Phân tích được các điều kiện của định luật Hacđi-vanbec. - Phân tích được vai trò của tự phối và ngẫu phối đối với sinh vật, tiến hóa và các ứng dụng trong thực tiễn. - Biết cách làm các bài tập nâng cao về di truyền quần thể.
1.5.5. Ứng dụng di truyền học vào chọn giống 1.5.6. Di truyền học người	- Trình bày được cấu trúc di truyền của quần thể qua các thế hệ tự phối hoặc ngẫu phối. - Nêu được đặc điểm di truyền ở quần thể tự phối và ngẫu phối. - Trình bày được trạng thái cân bằng di truyền của quần thể. - Trình bày được quy trình của các quá trình chọn tạo giống mới: Lai giống, gây đột biến, công nghệ tế bào, công nghệ gen. - Liệt kê được các thành tựu trong chọn tạo giống mới trên thế giới và ở Việt Nam. - Nêu được các đặc điểm khi nghiên	- So sánh các phương pháp chọn tạo giống mới: Công nghệ gen-công nghệ tế bào; công nghệ TBTV-công nghệ TBĐV. - Giải thích được cơ sở di truyền của các phương pháp chọn tạo giống mới. - So sánh được ý nghĩa đặc trưng của các phương pháp nghiên cứu di truyền người. Nhận định được 1 hiện tượng hay bệnh tật được phát hiện bằng phương pháp nào. - Giải thích được cơ chế gây ra các bệnh di truyền ở người, bệnh ung thư.	- Phân tích được các ứng dụng của các phương pháp chọn tạo giống mới. - Phân tích được các cấp độ trong chọn tạo giống mới: Từ cơ thể -> tế bào -> phân tử. - Phân tích được các thành tựu và mặt trái của sinh vật biến đổi gen. - Đề xuất được các biện pháp HS có thể thực hiện để tham gia bảo vệ môi trường. - Phân tích được cơ sở của các vấn đề xã hội của di truyền học. Từ đó đề xuất các biện pháp ngăn chặn các tác động mặt trái của các vấn

	cứu di truyền người, các khó khăn khi nghiên cứu di truyền ngươi. - Trình bày được các phương pháp nghiên cứu di truyền người: Phả hệ, nghiên cứu trẻ đồng sinh, phương pháp tế bào, phân tử... - Trình bày được vai trò của di truyền y học, những thành tựu của di truyền y học. - Liệt kê được các bệnh, tật di truyền ở người ở cấp độ phân tử, tế bào. Mô tả được một số bệnh cở bản: mù màu, máu khó đông, pheninketo niệu, ung thư... - Trình bày được các biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người; các vấn đề xã hội của di truyền học.	- Giải thích được cơ chế của các biện pháp bảo vệ vốn gen loài người. Nêu được tầm quan trọng của phương pháp tư vấn di truyền, sàng lọc trước sinh. Giải thích được triển vọng của liệu pháp gen trong tương lai.	đề đó. - Tăng cường kiến thức về AIDS. Đề xuất các biện pháp phòng tránh AIDS. - Làm được các bài tập về di truyền người.
1.6. Nguyên nhân, bằng chứng, cơ chế, quá trình tiến hóa của sinh giới 1.6.1. Các bằng chứng tiến hóa 1.6.2. So sánh các học thuyết tiến hóa	- Trình bày được các bằng chứng tiến hóa. - Phân biệt cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa. - Trình bày được các luận điểm cơ bản của học thuyết	- Giải thích được vai trò ý nghĩa của các bằng chứng tiến hóa. - Giải thích một số cơ quan tương đồng, cơ quan thoái hóa trên cơ thể người. Chứng minh quan hệ họ hàng, quan hệ nguồn gốc của loài người. - So sánh được học thuyết Lamac và học thuyết Đacuyn; học	- Chứng minh được quan hệ nguồn gốc và quan hệ họ hàng giữa các loài thông qua các bằng chứng tiến hóa. - Chứng minh dược nguồn gốc chung của sinh giới, nguồn gốc của các bào quan trong tế bào nhân thực: ty thể, lạp thể. - Phân tích được những đóng góp và

	Lamac, học thuyết Đacuyn. Nêu được những thành công và hạn chế trong 2 học thuyết cổ điển.	thuyết Đacuyn và học thuyết tiến hóa hiện đại. - So sánh chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo theo Đacuyn.	nguyên nhân của những hạn chế trong học thuyết tiến hóa cổ điển.
1.6.3. Quan niệm hiện đại về nguyên nhân và cơ chế tiến hóa	- Trình bày được những nội dung cơ bản của học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại: các nhân tố tiến hóa, các cơ chế cách ly sinh sản, các con đường hình thành loài, hình thành đặc điểm thích nghi, các chiều hướng tiến hóa của sinh giới.	- Giải thích sự khác nhau giữa học thuyết Đacuyn và học thuyết hiện đại. - Giải thích được vai trò của các nhân tố tiến hóa. - Giải thích vai trò của ngẫu phối trong tiến hóa. - Giải thích cơ chế tiến hóa theo Đacuyn, học thuyết tổng hợp, học thuyết Kimura.	- Phân tích được sự phát triển học thuyết Đacuyn trong học thuyết hiện đại. - Phân tích quá trình tiến hóa chủ yếu bằng chọn lọc tự nhiên theo con đường phân ly tính trạng và chứng minh nguồn gốc chung của sinh giới.
1.6.4. Quá trình tiến hóa của sinh giới	- Nêu được đặc điểm cơ bản của học thuyết Kimura. - Trình bày được các giai đoạn phát sinh sự sống: Tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học. - Mô tả được các giai đoạn phát triển của sự sống qua các đại địa chất.	- Giải thích được cơ chế các sự kiện của các giai đoạn phát sinh sự sống. - Nhận định được các sự kiện chính, quan trọng trong từng đại địa chất. - Giải thích được vai trò, ý nghĩa của hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới.	- Phân tích được các giả thuyết về sự phát sinh sự sống; chứng minh sự xuất hiện của các hợp chất hữu cơ, đặc biệt là sự xuất hiện của ARN, ADN. - Phân tích mối quan hệ giữa sự biến động khí hậu, địa chất với sự xuất hiện, phát triển, diệt vong của sinh vật.
1.6.5. Sự phát sinh loài người	- Đưa ra các bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người. - Mô tả được các giai đoạn phát sinh loài người. - Trình bày được các giả thuyết về địa điểm phát sinh loài người.	- Giải thích được vai trò của các bằng chứng chứng minh nguồn gốc loài người. - So sánh sự giống và khác nhau giữa người và vượn người ngày nay. - Giải thích được các biến đổi về cấu trúc	- Phân tích được vai trò của các nhân tố sinh học và xã hội trong quá trình phát sinh và phát triển của loài người. - Chứng minh chiều hướng tiến hóa, phát triển của xã hội loài người.

	- Nêu được các giai đoạn trong sự phát triển của xã hội loài người.	cơ thể, đời sống của các giai đoạn phát sinh loài người hiện đại.	
1.7. Các kiến thức về sinh thái học 1.7.1. Các cấp độ tổ chức sinh thái học 1.7.2. Mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sinh thái với môi trường và nhân tố sinh thái	- Phát biểu được các khái niệm sinh thái học: môi trường, nhân tố sinh thái; các tổ chức sinh thái: quần thể, quần xã, chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, diễn thế sinh thái, hệ sinh thái, sinh quyển, hiệu suất sinh thái... - Trình bày được các đặc trưng của các tổ chức sinh thái: đặc trưng của quần thể, quần xã, chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, hệ sinh thái, sinh quyển... - Mô tả được mối quan hệ trong các tổ chức sinh thái, mối quan hệ giữa các tổ chức sinh thái với nhau, với môi trường.	- Giải thích được mối liên hệ trong các tổ chức sinh thái từ thấp đến cao: cơ thể -> quần thể -> quần xã -> hệ sinh thái. - Giải thích được cơ chế ảnh hưởng của các nhân tố đến các tổ chức sinh thái. - Giải thích được các hiện tượng sinh thái: sự biến động số lượng cá thể trong quần thể, diễn thế sinh thái, chu trình sinh địa hóa, dòng năng lượng trong hệ sinh thái, hiệu suất sinh thái, tháp sinh thái... - Phân tích được các nguồn tài nguyên: quá trình khai thác, sử dụng và ảnh hưởng của chúng đối với môi trường.	- Phân tích được mối thống nhất trong toàn sinh giới thông qua các mối quan hệ sinh thái, các tổ chức sinh thái. - Phân tích được vai trò của toàn hệ thống sinh thái đối với sinh giới và con người. - Đề xuất được các biện pháp tác động tích cực, ngăn chặn các tác động tiêu cực đến các tổ chức sinh thái nhằm đem lại lợi ích cho con người và đảm bảo sự phát triển bền vững của sinh giới cũng như con người. - Phân tích các biện pháp khắc phục suy thoái môi trường, quản lý, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. - Biết cách tiến hành bài thực hành.

2. Chuẩn kỹ năng: Hình thành, hoàn thiện các kỹ năng

2.1. Có các kỹ năng nhận thức cơ bản

2.1.1. Kỹ năng chú ý

- Chú ý các kiến thức sinh học.
- Chú ý các hướng dẫn học tập, thực hành thực tiễn từ các giáo viên.
- Chú ý các hoạt động thực hành sinh học.
- Chú ý các vấn đề sinh học mới nảy sinh.

2.1.2. Kỹ năng ghi nhớ

- Ghi nhớ các thông tin trong từng bài, chương, phần.
- Ghi nhớ các vấn đề quan trọng của từng bài, chương, phần.
- Ghi nhớ bản chất các vấn đề sinh học.
- Rèn luyện các hình thức, phương pháp ghi nhớ.

2.1.3. Kỹ năng đọc

- Tốc độ đọc, kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, đọc phim ảnh.
- Nắm bắt thông tin khi đọc.
- Xử lý, sử dụng thông tin đã đọc.

2.1.4. Kỹ năng toán học

- Kỹ năng tính toán từ đơn giản đến phức tạp trong giải quyết các bài tập Sinh học.
- Trang bị các kiến thức toán cơ bản liên quan đến bộ môn Sinh học.
- Bổ trợ các kiến thức toán đặc trưng phù hợp với chuyên ngành Sinh học.

2.2. Rèn luyện các kỹ năng tư duy bậc cao

2.2.1. Rèn luyện kỹ năng phân tích

- Phân tích các kiến thức, thông tin thu thập từ bài học, từ các nguồn khác để giải quyết các yêu cầu của giáo viên.
- Phân tích các tình huống Sinh học cụ thể.
- Phân tích bản chất các hiện tượng Sinh học.
- Phân tích các kết luận rút ra từ các hiện tượng và quá trình Sinh học.

2.2.2. Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề

- Kỹ năng xác định tình huống có vấn đề trong bài học, bài tập.
- Kỹ năng đưa ra các khả năng giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề, bài tập.

2.2.3. Rèn luyện kỹ năng tổng hợp, tích hợp thông tin

- Kỹ năng phát hiện các mối liên hệ giữa các thông tin đã học và kiến thức mới, mối liên hệ theo cấp độ kiến thức từ sinh học phân tử --> sinh học tế bào --> cơ thể --> quần thể ...
- Kỹ kỹ năng khái quát các hiện tượng quá trình Sinh học thành các quy luật cơ bản.
- Kỹ năng tích hợp nội dung các phần kiến thức với nhau: di truyền với tiến hóa, di truyền với tế bào ...
- Kỹ năng suy luận diễn giải, quy nạp giữa các hiện tượng, quá trình với các quy luật Sinh học.

2.3. Hình thành các kỹ năng tư duy đặc trưng của bộ môn Sinh học

2.3.1. Kỹ năng diễn đạt, trình bày

- Diễn đạt các khái niệm, định nghĩa Sinh học.
- Diễn đạt đặc điểm các cấu trúc Sinh học.
- Diễn đạt vai trò, ý nghĩa của các quy luật sinh học.
- Trình bày các cơ chế, quá trình sinh học.
- Trình bày sơ đồ các phép lai.

2.3.2. Kỹ năng mô tả

- Mô tả các hiện tượng, thí nghiệm.
- Mô tả quá trình nghiên cứu của các nhà khoa học
- Mô tả các quá trình sống của sinh vật.

2.3.3. Kỹ năng so sánh

- So sánh các cấu trúc sinh học tương đương: ADN- ARN, các bào quan, các tế bào, các sinh vật, các tổ chức khác...
- So sánh các cấu trúc thứ bậc: phân tử- tế bào- cơ thể- quần thể- quần xã- hệ sinh thái ...
- So sánh các quá trình sinh học tương đương: quang hợp- hô hấp, nguyên phân- giảm phân- thụ tinh, tự sao- phiên mã- dịch mã, sinh trưởng- phát triển...
- So sánh các quá trình ở các nhóm sinh vật khác nhau: sinh trưởng, phát triển ở thực vật- động vật, phiên mã ở sinh vật nhân thực- sinh vật nhân sơ...

2.3.4. Kỹ năng giải thích

- Giải thích cơ sở khoa học của các hiện tượng, quy luật Sinh học.

- Giải thích cơ chế các hiện tượng, quá trình sinh học.
- Giải thích mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình, quy luật sinh học

2.3.5. Kỹ năng thực hành thực tiễn

- Kỹ năng làm các thí nghiệm, các tiêu bản thí nghiệm.
- Kỹ năng vận dụng các lý thuyết vào các tình huống thực tiễn.
- Kỹ năng làm các bài tập.
- Kỹ năng trình bày kết quả, giải thích kết quả các thí nghiệm đã thực hiện
- Kỹ năng sưu tầm các mẫu vật, tranh ảnh, tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau minh họa cho các vấn đề.

2.4. Hình thành các kỹ năng mềm và kỹ năng bổ trợ khác

- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác.
- Hiểu biết về vai trò của khoa học và công nghệ: Có kiến thức cơ bản về khoa học, công nghệ; vận dụng được các giá trị của của khoa học, công nghệ; sử dụng các thành tựu của Khoa học, công nghệ vào bộ môn Sinh học.
- Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ.

3. Chuẩn thái độ, hành vi. Hình thành các giá trị bản thân quy định nhân sinh quan cá nhân

3.1. Hình thành các giá trị khoa học xã hội và nhân văn

- Hình thành kỹ năng nhận thức giá trị của các môn học KHXH-NV và KHTN, vận dụng những giá trị của các môn khoa học này vào môn sinh học.
- Hình thành kỹ năng học tập lâu dài, bền bỉ thông qua các hoạt động đặc trưng của môn sinh học
- Tăng cường hiểu biết về lịch sử: hiểu biết về lịch sử bộ môn Sinh học, về quá trình nghiên cứu môn học, hiểu biết về sinh vật, các hiện tượng, quá trình sinh học trên đất nước, địa phương. Từ đó có kỹ năng ứng xử, hành động phù hợp lịch sử.

3.2. Rèn luyện các phẩm chất cá nhân

- Hình thành các phẩm chất về đạo đức, lối sống thông qua các phương pháp, hình thức nghiên cứu, học tập môn sinh học: cẩn thận, tỉ mỉ, khoa học, chính xác, hợp tác, chia sẻ...
- Hình thành thói quen rèn luyện cơ thể và tâm hồn khoẻ mạnh: Đảm bảo dinh dưỡng cho cơ thể, luyện tập TDTT, phòng chống bệnh tật, thực hiện cuộc sống lành mạnh, văn minh.

3.3. Hình thành, hoàn thiện nhân sinh quan khoa học, định hướng phát triển cá nhân

3.3.1. Hình thành nhân sinh quan khoa học về các hiện tượng, quá trình, quy luật sinh học

- Mô tả các hiện tượng sinh học bằng cách nhìn khoa học duy vật biện chứng.
- Biết đến các quan niệm duy tâm về các hiện tượng sinh học.
- Hình thành tư duy phê phán. So sánh các quan niệm khác nhau về các hiện tượng, quy luật sinh học; phân tích được sự đúng đắn của các quan niệm khoa học.
- Giải thích các hiện tượng, quá trình sinh học trên cơ sở tư duy khoa học duy vật biện chứng.

3.3.2. Hoàn thiện dần nhân sinh quan khoa học về thế giới tự nhiên và các quy luật thiên nhiên

- Giải thích thành thạo các quy luật sinh học bằng quan niệm khoa học.
- Giải thích các hiện tượng, tình huống cụ thể bằng quan niệm khoa học.
- Hoàn thiện tư duy khoa học thông qua các hoạt động nghiên cứu bộ môn sinh học.
- Hình thành, hoàn thiện tư duy trong các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung.

3.3.3. Định hướng con đường phát triển nhân cách cá nhân

- Thấy rõ giá trị của bản thân
- Hình thành thói quen tự đánh giá các giá trị của bản thân.
- Rèn luyện phẩm chất dám khẳng định các giá trị tốt.
- Hình thành thói kiểm soát, đặt kế hoạch cho bản thân.
- Hình thành thói quen điều chỉnh, hoàn thiện bản thân.
- Rèn kỹ năng đánh giá cải tiến bản thân.
- Hình thành sự định hướng và chiều hướng phát triển các nhân cách cá nhân.

CHUẨN ĐÁNH GIÁ BỘ MÔN SINH HỌC
Trung học phổ thông

Tiêu chí kiến thức	Tiêu chí kỹ năng	Tiêu chí thái độ, hành vi
Tiêu chuẩn 1: Có các kiến thức chung về thế giới sống và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Liệt kê: các cấp tổ chức của thế giới sống, các giới sinh vật; Nêu được đặc điểm chung của thế giới sống, 5 giới sinh vật.	1. Biết cách đọc hình, tóm tắt được nội dung từng phần và bài học.	1. Học theo nội dung bài.
2. Hiểu được mối liên hệ giữa các cấp độ tổ chức sống, giữa các giới sinh vật.	2. Biết cách ghi nhớ nội dung.	2. Chủ động tìm hiểu các thông tin về giới sinh vật.
3. Phân tích được tính đa dạng của thế giới sống.	3. Vẽ được sơ đồ phân loại 5 giới.	3. Giải thích cho người khác bằng tư duy biện chứng về giới sinh vật.
4. Xác định được vị trí của một sinh vật trong thang phân loại.	4. Phân tích, đánh giá các nguồn thông tin về 5 giới sinh vật.	4. Hình thành tư duy khoa học về thế giới sống.
Tiêu chuẩn 2: Nắm được các đặc điểm, đặc trưng cơ bản của sự sống ở cấp độ tế bào và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Trình bày được: các thành phần hóa học trong tế bào, cấu trúc, chức năng của các bộ phận trong tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; quá trình trao đổi chất của tế bào; diễn biến quá trình sinh lý ở cấp độ tế bào.	1. Biết cách đọc hình, tóm lược nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được: mối thống nhất trong tế bào giữa cấu tạo-chức năng; cơ chế các quá trình chuyển hóa, trao đổi chất trong tế bào; Làm được các bài tập cơ bản về ADN, ARN, nguyên phân, giảm phân.	2. Biết cách quan sát, mô tả các hiện tượng, thí nghiệm, các quá trình sinh học: Trao đổi chất, nguyên phân, giảm phân, quang hợp, hô hấp...	2. Tự giác, chủ động, tích cực tìm kiếm kiến thức về cấu trúc và các quá trình sống ở cấp độ tế bào.
3. So sánh được các loại cấu trúc, các loại quá trình sinh học trong tế bào.	3. Vẽ được sơ đồ biểu diễn cấu trúc tế bào và các quá trình, cơ chế sinh lý trên; biết làm các bài tập về nguyên phân, giảm phân.	3. Giải đáp các cơ chế, quá trình bằng cách nhìn, tư duy khoa học.
4. Hình thành các công thức	4. Biết làm tiêu bản tế	4. Hình thành các phẩm

làm các dạng bài tập; Làm được các bài thực hành.	bào, làm thí nghiệm về enzim, biết phân tích, đánh giá các thí nghiệm về nguyên phân, giảm phân.	chất: cẩn thận, tỉ mỉ, khoa học khi nghiên cứu các đặc trưng sống ở cấp độ tế bào.
Tiêu chuẩn 3: Am hiểu các vấn đề về vi sinh vật, virus và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Trình bày được cấu tạo, các hình thức dinh dưỡng, chuyển hóa của vi sinh vật, virus, các khái niệm bệnh truyền nhiễm, miễn dịch.	1. Có kỹ năng đọc, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được cơ chế sinh trưởng của vi sinh vật, chu trình nhân lên của virus.	2. Có kỹ năng quan sát, mô tả các hiện tượng xảy ra trong cơ thể vi sinh vật, virus.	2. Tự giác tìm hiểu các dạng vi sinh vật, virus và hoạt động, ứng dụng của chúng trong thực tiễn, tìm hiểu các bệnh do chúng gây ra.
3. So sánh vi sinh vật- vius; phân tích vai trò, ảnh hưởng của vi sinh vật, virus đối với sản xuất, đời sống con người.	3. Biểu diễn được chu trình sinh trưởng của vi sinh vật, chu trình nhân lên của virus bằng hình vẽ; làm được các bài tập về vi sinh vật, virus.	3. Giải thích các hiện tượng do vi sinh vật, virus gây ra bằng tư duy khoa học.
4. Phân tích được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh, phương pháp phòng chữa các bệnh do vi sinh vật, virus gây ra.	4. Làm được các thí nghiệm chứng minh ứng dụng của vi sinh vật trong thực tiễn: lên men, rượu, lên men lactic...	4. Có các thái độ, hành vi đúng khi xem xét các hiện tượng hiện tượng do vi sinh vật, virus gây ra.
Tiêu chuẩn 4: Nắm được các hoạt động sống, các quá trình sinh học cơ bản ở cấp độ cơ thể và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Trình bày được các đặc trưng sống của động vật, thực vật: trao đổi chất- năng lượng, sinh trưởng- phát triển, cảm ứng, sinh sản.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được cơ chế của các hoạt động sống đó ở động vật, thực vật.	2. Có kỹ năng quan sát, mô tả các đặc trưng sống ở cấp độ cơ thể thực vật, động vật và khái quát thành đặc điểm chung; kỹ năng sưu tầm các tư liệu, mẫu vật về đặc trưng sống của thực vật, động vật.	2. Chủ động vận dụng các kiến thức về đặc trưng sống ở cấp độ cơ thể thực vật, động vật vào thực tiễn chăm sóc vật nuôi cây trồng hàng ngày.
3. So sánh được các đặc trưng đó giữa thực vật- động vật, giữa các nhóm động vật, thực vật:	3. Biết phối hợp các kỹ năng so sánh, phân tích để chứng minh quá	3. Quan sát, giải thích các đặc trưng sống của thực vật, động vật bằng

quá trình dinh dưỡng khoáng ở thực vật với tiêu hóa, hô hấp ở động vật, sinh trưởng và phát triển ở thực vật, các hình thức phát triển ở động vật, các hình thức cảm ứng ở động vật thực vật, sinh sản vô tính- hữu tính ...; chứng minh được chiều hướng tiến hóa của các quá trình sống ở các nhóm sinh vật.	trình tiến hóa của các quá trình sống ở ĐV, TV.	tư duy khoa học.
4. Phân tích và đề xuất được các biện pháp vận dụng các đặc trưng sống của động vật, thực vật vào thực tiễn chăn nuôi, trồng trọt, chọn tạo giống mới....làm được các bài thực hành.	4. Biết cách bố trí, thực hiện các thí nghiệm chứng minh các quá trình sống: dinh dưỡng khoáng, quang hợp, hô hấp, tuần hoàn, cảm ứng, sinh sản.	4. Hình thành thái độ, hành vi đúng về các hiện tượng xảy ra ở động vật, thực vật, về sức khỏe giới tính, sức khỏe sinh sản; biết cách giữ gìn sức khỏe
Tiêu chuẩn 5: Nắm chắc các kiến thức về di truyền học và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền biến dị		
1. Trình bày được: cấu trúc của vật chất di truyền ở cấp độ phân tử: ADN, ARN, Pr, gen, mã di truyền, ở cấp độ tế bào: NST; đặc trưng của vật chất di truyền của các loài; diễn biến của các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử: Tự sao, phiên mã, dịch mã, ở cấp độ tế bào: nguyên phân, giảm phân, thụ tinh; khái niệm, nguyên nhân, cơ chế phát sinh và biểu hiện, hậu quả, ý nghĩa của các dạng đột biến.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được cơ sở khoa học của các cơ chế di truyền, biến dị và hậu quả, ý nghĩa của các dạng biến dị đối với tiến hóa, chọn giống; Áp dụng để làm các bài tập di truyền.	2. Có kỹ năng biểu diễn các cơ chế di truyền, biến dị bằng sơ đồ; kỹ năng so sánh, phân loại các vật chất di truyền, các dạng biến dị; kỹ năng quan sát các tiêu bản NST, các dạng đột biến NST.	2. Tự giác tìm hiểu cơ sở vật chất, cơ chế di truyền biến dị ở cấp độ phân tử, tế bào ở các nhóm sinh vật khác nhau, tìm ra những nét chung, nét riêng ở các nhóm sinh vật.
3. So sánh các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, cấp độ tế bào; so sánh các dạng biến dị về nguyên nhân, cơ chế phát sinh, biểu hiện, hậu quả, ý nghĩa.	3. Rèn luyện sự phối hợp các kỹ năng phân tích, so sánh, giải thích ... trong tìm hiểu cơ sở vật chất và cơ chế di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử, tế bào.	3. Giải thích các hiến tượng di truyền, biến dị trong tự nhiên bằng quan niệm khoa học.
	4. Biết làm tiêu bản tạm	4. Hình thành tư duy

4. Phát hiện được các ứng dụng của các cơ chế di truyền, biến dị vào thực tiễn sản xuất; Hình thành các công thức làm bài tập.	thời ở châu chấu; Viết được các báo cáo thu hoạch khi xem phim về cơ chế di truyền, biến dị.	phê phán trong phân tích, đánh giá, so sánh các hiện tượng di truyền, biến dị ở sinh vật.
2. Tính quy luật của các hiện tượng di truyền		
1. Trình bày được: nội dung, cơ sở tế bào học, ý nghĩa của các quy luật di truyền: quy luật phân ly, phân ly độc lập, tương tác gen, liên kết gen, di truyền liên kết với giới tính; Viết được sơ đồ các phép lai cơ bản; Nêu được các hiện tượng: di truyền ngoài nhân, ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được cơ sở tế bào học của các quy luật, hiện tượng di truyền; so sánh được các quy luật và hiện tượng di truyền; áp dụng quy luật di truyền để làm các bài tập đơn giản.	2. Rèn luyện các kỹ năng: viết sơ đồ các phép lai, biểu diễn cơ sở tế bào học các quy luật di truyền, quan sát thực tế, nhận xét các thí nghiệm, kỹ năng so sánh, phân tích, kỹ năng mô tả các thí nghiệm và quá trình nghiên cứu của các nhà di truyền học.	2. Tích cực, chủ động tìm hiểu sự biểu hiện các quy luật di truyền trong thiên nhiên; tìm hiểu ý nghĩa các hiện tượng di truyền trong trồng trọt, chăn nuôi.
3. Biết cách nhận dạng các quy luật di truyền; biết các cách xác định tần số hoán vị gen; phân tích được ý nghĩa của các quy luật và hiện tượng di truyền.	3. Rèn kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng các kiến thức toán học trong giải quyết các tình huống, bài tập sinh học, đặc biệt là toán xác suất.	3. Giải thích được cơ sở khoa học của các kỹ thuật áp dụng các hiện tượng di truyền trong trồng trọt, chăn nuôi; giải thích được vai trò của giống và kỹ thuật trong sản xuất.
4. Hình thành các công thức để làm bài tập; làm được các bài tập nâng cao; đề xuất được các ứng dụng trong thực tiễn chọn và sử dụng các loại giống vật nuôi, cây trồng.	4. Nhận dạng và giải quyết các bài tập di truyền một cách thành thạo.	4. Hình thành tư duy, hành vi khoa học thông qua các hoạt động thực tế liên quan đến các quy luật di truyền các tính trạng ở sinh vật và con người.
3. Di truyền học quần thể		
1. Trình bày được: định nghĩa quần thể, quần thể tự phối, quần thể ngẫu phối, các đặc trưng di truyền của quần thể: vốn gen, tần số alen, thành phần kiểu	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.

gen, cấu trúc di truyền của quần thể qua các thế hệ tự phối hoặc ngẫu phối, đặc điểm di truyền ở quần thể tự phối và ngẫu phối, trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.		
2. Biết cách tính tần số alen, thành phần kiểu gen của quần thể qua các thế hệ, cách xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.	2. Có kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng các kiến thức toán học để tính tần số alen, thành phần kiểu gen.	2. Tích cực, chủ động tìm hiểu các cấu trúc di truyền của các quần thể, vai trò của tính đa hình trong quần thể ngẫu phối, ý nghĩa của quần thể tự phối trong chọn giống.
3. So sánh được đặc điểm di truyền của quần thể tự phối, quần thể ngẫu phối, phân tích được: ý nghĩa, điều kiện nghiệm đúng của định luật Hacđi- vanbec, vai trò của tự phối và ngẫu phối trong chọn giống và tiến hóa.	3. Phối hợp các kỹ năng so sánh, phân tích để tìm hiểu cấu trúc di truyền của các quần thể ở các tính trạng khác nhau.	3. Biết cách giải thích trạng thái di truyền của các quần thể đối với các gen khác nhau bằng cơ sở khoa học.
4. Hình thành các công thức tính thành phần kiểu gen, tần số alen, trạng thái cân bằng di truyền của quần thể; làm được các bài tập nâng cao; đề xuất được các ứng dụng của ngẫu phối, tự phối trong thực tiễn.	4. Thành thạo các dạng bài tập về di truyền quần thể.	4. Hình thành tư duy khoa học khi nghiên cứu cấu trúc di truyền của các quần thể ngẫu phối, tự phối, giao phối gần.
4. Ứng dụng di truyền học vào chọn giống		
1. Trình bày được quy trình của các phương pháp chọn tạo giống mới: Lai giống, gây đột biến, công nghệ tế bào, công nghệ gen; liệt kê được các thành tựu trong chọn tạo giống mới trên thế giới và ở Việt Nam.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được cơ sở khoa học của các phương pháp chọn tạo giống mới; so sánh được các phương pháp chọn tạo giống mới; giải thích được vai trò của lai kinh tế đối với chăn nuôi	2. Có kỹ năng so sánh các phương thức chọn tạo giống mới, kỹ năng sưu tầm các thành tựu giống mới.	2. Tích cực, chủ động tìm hiểu quy trình và những thành tựu của các phương pháp chọn tạo giống mới.
3. Phân tích được: các cấp độ trong các phương pháp chọn tạo giống mới: Từ cơ thể -> tế bào -> phân tử; ứng dụng của các	3. Phối hợp các kỹ năng: phân tích, so sánh, tổng hợp để đánh giá các ưu điểm, hạn	3. Giải thích cơ sở di truyền và các ứng dụng của các phương pháp tạo giống mới bằng tư

phương pháp chọn tạo giống mới; ý nghĩa của các phương pháp tạo giống hiện đại; các thành tựu và mặt trái của sinh vật biến đổi gen.	chế của các phương pháp chọn tạo giống mới, đề xuất được biện pháp khắc phục các hạn chế.	duy khoa học.
4. Sưu tầm và phân tích được các thành tựu chọn tạo giống mới hiện nay; đề xuất các ứng dụng và triển vọng về chọn giống bằng các phương pháp hiện đại.	4. Viết được báo cáo phân tích một số thành tựu trong chọn giống mới trên thế giới và Việt Nam.	4. Hình thành thói quen, tư duy nghiên cứu khoa học về chọn giống.
5. Di truyền học người		
1. Trình bày được: mục đích, nội dung, kết quả của các phương pháp nghiên cứu di truyền người; khái niệm, vai trò, thành tựu của di truyền y học; các biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người; các vấn đề xã hội của di truyền học; liệt kê được các bệnh, tật di truyền ở người ở cấp độ phân tử, tế bào; mô tả được một số bệnh cơ bản: mù màu, máu khó đông, pheninketo niệu, ung thư... Nêu được khái niệm, nội dung, vai trò của phương pháp tư vấn di truyền, sàng lọc trước sinh, liệu pháp gen.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, đọc phả hệ, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. So sánh được ý nghĩa đặc trưng của các phương pháp nghiên cứu di truyền người; giải thích được: cơ chế gây ra các bệnh di truyền ở người, bệnh ung thư; cơ chế của các biện pháp bảo vệ vốn gen loài người; triển vọng của liệu pháp gen trong tương lai; vai trò của chỉ số ADN để xác định huyết thống và phân tích các bệnh di truyền.	2. Có kỹ năng so sánh, phân tích các phương pháp nghiên cứu di truyền người, các bệnh tật di truyền ở người, các biện pháp bảo vệ vốn gen loài người; biết cách xây dựng phả hệ.	2. Tích cực, chủ động tìm hiểu sưu tầm các tư liệu về các bệnh tật di truyền ở người và khả năng phòng chữa của y học hiện nay
3. Phân tích được cơ sở của các vấn đề xã hội của di truyền học; tăng cường kiến thức về HIV/AIDS; phân tích được nguyên nhân, cơ chế gây ra 1 hiện tượng hay bệnh tật ở người.	3. Phối hợp các kỹ năng đọc, đánh giá, phân tích sơ đồ phả hệ, kỹ năng tính toán để tìm ra quy luật di truyền tật, bệnh và làm các bài tập di truyền người.	3. Biết cách giải thích các bệnh tật di truyền ở người: nguyên nhân, cơ chế, cách phòng tránh bằng cơ sở khoa học; tăng cường kiến thức về ung thư, liệu pháp gen, chỉ số IQ, chỉ số ADN.
4. Đề xuất được các biện pháp	4. Phối hợp thành thạo	4. Có thái độ, hành vi

có thể thực hiện để tham gia bảo vệ môi trường, các biện pháp ngăn chặn các tác động mặt trái của các vấn đề xã hội về di truyền học, đề xuất các biện pháp phòng tránh HIV/AIDS; làm được các bài tập về di truyền người.	các kỹ năng để sưu tầm, báo cáo tư liệu về tật, bệnh di truyền và thành tựu trong việc ngăn ngừa, điều trị bệnh hoặc tật di truyền; đánh giá được những khó khăn, thuận lợi của di truyền y học.	đúng khi xem xét, nghiên cứu bệnh tật di truyền ở người.
Tiêu chuẩn 6: Tìm hiểu về quá trình tiến hóa của sinh giới và có các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Các bằng chứng tiến hóa		
1. Trình bày được các bằng chứng tiến hóa: giải phẫu so sánh, phôi sinh học, địa lý sinh vật học, tế bào, phân tử; phân biệt cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được vai trò ý nghĩa của các bằng chứng tiến hóa; một số cơ quan tương đồng, cơ quan thoái hóa trên cơ thể người.	2. Có kỹ năng mô tả, quan sát, so sánh để chứng minh vai trò của các bằng chứng tiến hóa, cơ quan tương đồng, tương tự, thoái hóa, kỹ năng phân tích ý nghĩa của các bằng chứng tiến hóa.	2. Chủ động tìm hiểu, sưu tầm tài liệu về bằng chứng tiến hóa.
3. Chứng minh quan hệ họ hàng, quan hệ nguồn gốc của các loài thông qua các bằng chứng tiến hóa; chứng minh dược nguồn gốc chung của sinh giới, nguồn gốc của các bào quan trong tế bào nhân thực: ty thể, lạp thể.	3. Phối hợp các kỹ năng so sánh, phân tích, vẽ hình để chứng minh quan hệ nguồn gốc, quan hệ họ hàng giữa các loài.	3. Giải thích nguồn gốc sinh giới, nguồn gốc các loài, quan hệ giữa các loài bằng tư duy khoa học.
4. Phân tích được sự thống nhất về nguồn gốc của sinh giới, các nhóm loài và quan hệ họ hàng của các loài.	4. Có khả năng sưu tầm các bằng chứng tiến hóa và viết báo cáo.	4. Hình thành tư duy phê phán, so sánh được các quan niệm duy tâm và duy vật biện chứng về nguồn gốc của sinh giới.
2. Các học thuyết tiến hóa: nguyên nhân và chiều hướng tiến hóa của sinh giới		
1. Trình bày được các luận điểm cơ bản của học thuyết tiến hóa cổ điển của Lamac, Đacuyn; nêu được những thành công và hạn chế trong 2 học thuyết cổ điển; trình bày được	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.

các luận điểm cơ bản của học thuyết tiến hóa hiện đại: học thuyết tổng hợp, học thuyết Kimura		
2. Giải thích được các nội dung cơ bản của học thuyết tiến hóa hiện đại: đặc điểm và vai trò của các nhân tố tiến hóa, cơ chế hình thành loài, hình thành đặc điểm thích nghi, chiều hướng tiến hóa trong học thuyết tiến hóa tổng hợp và cơ chế tiến hóa ở cấp độ phân tử trong học thuyết Kimura.	2. Có kỹ năng quan sát, mô tả các quá trình tiến hóa của sinh vật, kỹ năng so sánh để phát hiện các ưu điểm, hạn chế của các học thuyết tiến hóa, kỹ năng giải thích các cơ chế; vẽ được sơ đồ hình thành các loài theo con đường phân ly tính trạng.	2. Chủ động tìm hiểu các tài liệu về nguyên nhân và cơ chế tiến hóa theo các quan điểm khác nhau.
3. So sánh được các học thuyết tiến hóa về: nguyên nhân, cơ chế, chiều hướng tiến hóa, sự hình thành loài, hình thành đặc điểm thích nghi, so sánh chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo theo Đac-Uyn.	3. Phối hợp các kỹ năng so sánh, phân tích để tìm hiểu nguyên nhân, cơ chế tiến hóa.	3. Có thể giải thích quá trình tiến hóa của một loài bằng tư duy khoa học.
4. Phân tích được những ưu điểm, hạn chế của các học thuyết tiến hóa, phân tích con đường tiến hóa chủ yếu của sinh giới và chứng minh nguồn gốc chung của sinh giới.	4. Có khả năng sưu tầm các tư liệu về sự thích nghi của sinh vật, có kỹ năng giải các bài tập, tình huống về nhân tố tiến hóa.	4. Hình thành tư duy phê phán, so sánh các quan điểm duy tâm, duy vật thô sơ, duy vật biện chứng về nguyên nhân và cơ chế tiến hóa.
3. Quá trình tiến hóa của sinh giới		
1. Mô tả được các giai đoạn phát sinh, phát triển của sự sống: Tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa sinh học qua các đại địa chất.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được: vai trò, ý nghĩa của hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới, cơ chế các sự kiện của các giai đoạn phát sinh sự sống, các sự kiện chính, quan trọng trong từng đại địa chất.	2. Có kỹ năng quan sát, mô tả các thí nghiệm của các nhà khoa học về sự phát sinh sự sống, mô tả sự sống của sinh vật qua các đại địa chất, kỹ năng sưu tầm tư liệu về sự phát sinh của sinh vật qua các đại địa chất.	2. Chủ động tìm hiểu các tài liệu về hóa thạch, sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất.
3. Chứng minh được nguyên nhân, cơ chế sự xuất hiện, phát triển, diệt vong của sinh vật trong các đại địa chất.	3. Phối hợp các kỹ năng để phân tích sự xuất hiện, phát triển, diệt vong của sinh vật.	3. Giải thích sự phát triển của sinh giới bằng tác động của khí hậu, địa chất.
4. Phân tích được các giả thuyết	4. Phân tích được mối	4. Hình thành cách nhìn

về sự phát sinh sự sống; chứng minh sự xuất hiện của các hợp chất hữu cơ, đặc biệt là sự xuất hiện của ARN, ADN; mối quan hệ giữa sự biến động khí hậu, địa chất với sự xuất hiện, phát triển, diệt vong của sinh vật.	quan hệ giữa điều kiện khí hậu, địa chất và sự phát triển của sinh vật qua các thời kỳ.	khoa học về sự tiến hóa của sinh giới.
4. Quá trình phát sinh loài người		
1. Đưa ra các bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người; mô tả được các giai đoạn phát sinh loài người, sự phát triển của xã hội loài người; trình bày được các giả thuyết về địa điểm phát sinh loài người.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. So sánh sự giống và khác nhau giữa người và vượn người ngày nay, giữa người và các dạng vượn người hóa thạch.	2. Có kỹ năng quan sát, mô tả các giai đoạn của sự phát sinh loài người, kỹ năng sưu tầm các tư liệu về sự xuất hiện loài người.	2. Chủ động nghiên cứu các tài liệu, tranh ảnh... về các giai đoạn trung gian của loài người
3. Giải thích được vai trò của các bằng chứng chứng minh nguồn gốc loài người, cơ chế của các giai đoạn phát sinh loài người hiện đại.	3. Phối hợp các kỹ năng để phân tích nguyên nhân, cơ chế xuất hiện loài người.	3. Giải thích sự xuất hiện loài người bằng tư duy khoa học.
4. Phân tích được vai trò của các nhân tố sinh học và xã hội trong quá trình phát sinh và phát triển của loài người; Chứng minh chiều hướng tiến hóa, phát triển của xã hội loài người.	4. Có khả năng phân tích sự xuất hiện, phát triển và tiến hóa tiếp theo của xã hội loài người.	4. Hình thành tư duy phê phán. Chỉ ra được những hạn chế của các quan điểm duy tâm, những cách nhìn khoa học đúng đắn của các quan điểm duy vật biện chứng về sự xuất hiện loài người.
Tiêu chuẩn 7: Có các kiến thức về sinh thái học và các kỹ năng, thái độ tương đương		
1. Các cấp độ tổ chức sinh thái học		
1. Phát biểu được các khái niệm sinh thái học: môi trường, nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã, chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, diễn thế sinh thái, hệ sinh thái, sinh quyển, hiệu suất sinh thái; trình bày được các đặc trưng của các tổ chức sinh thái: đặc trưng của quần thể, quần xã, chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, hệ sinh thái, sinh quyển...	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. So sánh được các nhân tố, tổ	2. Có kỹ năng quan sát,	2. Chủ động tìm hiểu

chức, hiện tượng sinh thái: môi trường- nhân tố sinh thái, quần thể- quần xã- hệ sinh thái, chuỗi thức ăn- lưới thức ăn, giới hạn sinh thái- ổ sinh thái, làm được các bài tập sinh thái.	mô tả các nhân tố sinh thái, các loại môi trường, các tổ chức sinh thái, kỹ năng phát hiện các hiện tượng sinh thái trong tự nhiên, kỹ năng so sánh các tổ chức sinh thái, kỹ năng phân biệt các hiện tượng sinh thái, kỹ năng sưu tầm các tài liệu về đặc trưng của các tổ chức sinh thái.	các hoạt động của các cấp độ tổ chức sinh thái từ cá thể -> quần thể -> quần xã -> hệ sinh thái -> sinh quyển.
3. Giải thích được các đặc trưng của các tổ chức sinh thái, tính toàn vẹn của các tổ chức sinh thái.	3. Phối hợp các kỹ năng để phân tích sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của các tổ chức sinh thái, các hiện tượng sinh thái.	3. Giải thích các đặc trưng của tổ chức sinh thái bằng cách nhìn sinh thái học.
4. Phân tích được các hiện tượng xảy ra trong các tổ chức sinh thái, phát hiện được vai trò, ý nghĩa của các tổ chức sinh thái đối với sinh giới và con người.	4. Phân tích thành thạo các hiện tượng sinh thái trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn.	4. Hình thành tư duy khoa học về sinh thái học, nhìn thấy vai trò, ý nghĩa của sinh thái học trong đời sống, trong bảo vệ môi trường, giảm thiểu thiên tai và phát triển bền vững.
2. Mối quan hệ sinh thái trong các tổ chức sinh thái và giữa các cấp độ tổ chức sinh thái với môi trường và nhân tố sinh thái		
1. Trình bày được mối quan hệ giữa cá thể, quần thể, quần xã với môi trường và các nhân tố sinh thái thông qua các hiện tượng sinh thái: giới hạn sinh thái, ổ sinh thái, biến động số lượng cá thể trong quần thể, diễn thế sinh thái, chu trình sinh địa hóa các chất, dòng năng lượng và vật chất trong hệ sinh thái, hiệu suất sinh thái; trình bày được mối quan hệ trong các tổ chức sinh thái: quan hệ hỗ trợ, cạnh tranh, đối kháng trong quần thể, quần xã, quan hệ dinh dưỡng trong chuỗi, lưới thức ăn.	1. Có kỹ năng đọc thông tin, đọc hình, tóm tắt nội dung bài học.	1. Học bài theo yêu cầu.
2. Giải thích được mối quan hệ trong quần thể, quần xã, hệ sinh thái và giữa các tổ chức này với môi trường; làm được các bài	2. Có kỹ năng mô tả, quan sát, phân tích các quan hệ sinh thái trong các tổ chức và giữa các	2. Chủ động tìm hiểu các hệ thống sinh thái trong tự nhiên, các tài liệu sinh thái học diễn tả

tập về sinh thái.	tổ chức với nhau, với môi trường, phân biệt các hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên	các mối quan hệ, hiện tượng sinh thái.
3. Phân tích được: mối thống nhất trong toàn sinh giới thông qua các mối quan hệ sinh thái, các tổ chức sinh thái, vai trò của toàn hệ thống sinh thái đối với sinh giới và con người; phân tích được các nguồn tài nguyên: quá trình khai thác, sử dụng và ảnh hưởng của chúng đối với môi trường.	3. Phối hợp các kỹ năng để đánh giá các mối quan hệ sinh thái, các hiện tượng trong các tổ chức sinh thái.	3. Giải thích các hiện tượng, quan hệ sinh thái bằng tư duy khoa học.
4. Đề xuất được các biện pháp tác động tích cực, ngăn chặn các tác động tiêu cực đến các tổ chức sinh thái nhằm đem lại lợi ích cho con người và đảm bảo sự phát triển bền vững của sinh giới cũng như con người; phân tích các biện pháp khắc phục suy thoái môi trường, quản lý, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; biết cách tiến hành bài thực hành.	4. Phân tích thành thạo các hiện tượng sinh thái trong mối quan hệ trong các tổ chức sinh thái, giữa các tổ chức sinh thái với nhau và với môi trường; đánh giá được những tác động tích cực và tiêu cực của con người hiện nay đến các tổ chức sinh thái; thực hiện thành thạo bài thực hành.	4. Hình thành phương pháp nghiên cứu sinh thái học đặc trưng, gắn các hiện tượng, quan hệ trên lý thuyết vào thực tiễn và có khả năng đề xuất các biện pháp tác động tích cực vào hệ thống sinh thái.

Đánh giá:

- Mỗi phần kiến thức là một tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chuẩn đều bao gồm 3 tiêu chí: kiến thức, kỹ năng, thái độ hành vi. Tổng số: 7 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí kiến thức, 15 tiêu chí kỹ năng, 15 tiêu chí thái độ hành vi tương đương. Mỗi tiêu chí được chia thành 4 cấp độ thực hiện từ dễ đến khó:

+ Về kiến thức:

Mức 1: Nhớ. Mức 3: Phân tích, tổng hợp

Mức 2: Hiểu, áp dụng. Mức 4: Sáng tạo.

+ Về kỹ năng:

Mức 1: Làm theo. Mức 3: Thao tác phối hợp.

Mức 2: Thao tác độc lập, đơn giản. Mức 4: Kỹ xảo.

+ Về thái độ, hành vi:

Mức 1: Bắt buộc. Mức 3: Tác động đến xung quanh.

Mức 2: Chủ động, tự giác. Mức 4: Hình thành nhân cách.

- Khi đánh giá sẽ căn cứ vào số lượng tiêu chí đạt và mức độ đạt của các tiêu chí:

+ Đạt cấp độ 4: Tiêu chuẩn: 100% tiêu chí đạt mức độ 3, trong đó ít nhất 30/45 tiêu chí đạt mức độ 4, bao gồm 12 tiêu chí kiến thức, 9 tiêu chí kỹ năng, 9 tiêu chí thái độ hành vi.

+ Đạt cấp độ 3: Tiêu chuẩn: 100% tiêu chí đạt mức độ 2, trong đó ít nhất 30/45 tiêu chí đạt mức độ 3, bao gồm 12 tiêu chí kiến thức, 9 tiêu chí kỹ năng, 9 tiêu chí thái độ hành vi.

+ Đạt cấp độ 2: Tiêu chuẩn: 100% tiêu chí đạt mức độ 1, trong đó ít nhất 30/45 tiêu chí đạt mức độ 2, bao gồm bao gồm 12 tiêu chí kiến thức, 9 tiêu chí kỹ năng, 9 tiêu chí thái độ hành vi.

+ Đạt cấp độ 1: Ít nhất 30/45 tiêu chí đạt mức độ 1, bao gồm bao gồm 12 tiêu chí kiến thức, 9 tiêu chí kỹ năng, 9 tiêu chí thái độ hành vi.

+ Không đạt: Các trường hợp còn lại.

QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG MÔN SINH HỌC Ở TRƯỜNG THPT

Quy trình TĐG chất lượng môn Sinh học gồm có 3 bước theo trình tự với các nhiệm vụ, nội dung chi tiết của từng bước được thể hiện trong sơ đồ sau:

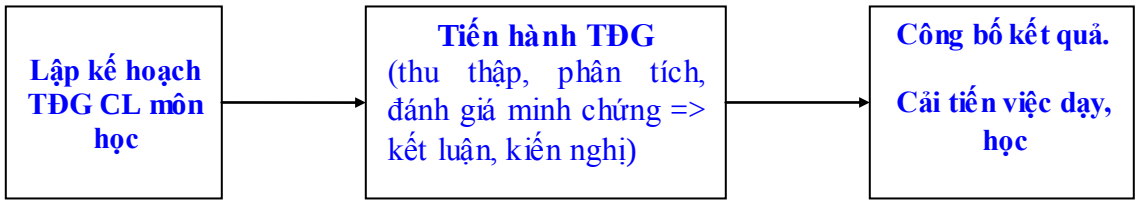

Lập kế hoạch TĐG chất lượng môn học

- Xác định các điểm mạnh, điểm yếu về chất lượng của môn học; xác định các yêu cầu đặt ra đối với chất lượng môn học đáp ứng mục tiêu chất lượng nhà trường đề ra.
- Xác định các nội dung công việc cần làm, thời điểm bắt đầu thực hiện, thời gian thực hiện, các đối tượng tham gia và các điều kiện cần có để thực hiện TĐG.
- Xác định và lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Tiến hành TĐG *(thu thập, phân tích, đánh giá các minh chứng, kết luận, kiến nghị)*

- Xây dựng kế hoạch điều tra, thu thập minh chứng. Xác định hình thức thu thập minh chứng, trực tiếp hay gián tiếp.
- Tiến hành thu thập minh chứng, phân tích, đánh giá các minh chứng thu được.
- So sánh kết quả tự đánh giá với chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá. Từ đó đưa ra kết luận về mức độ đạt chuẩn chất lượng môn học và đưa ra các kiến nghị thay đổi.

Công bố kết quả TĐG; sử dụng kết quả TĐG để cải tiến việc dạy, học

- Viết báo cáo tự đánh giá
- Công bố kết quả tự đánh giá
- Xác định nguyên nhân đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng môn học. Từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến quá trình dạy học, cải tiến phương pháp, nội dung dạy học.

Đề xuất biện pháp quản lý, đào tạo bồi dưỡng CB,GV hay tạo động lực thúc đẩy quá trình dạy và học ...

- Xem xét việc điều chỉnh lại chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá (nâng lên nếu môn học đã đạt chuẩn chất lượng đề ra, hạ thấp xuống nếu chuẩn đó quá cao với thực tiễn) và bắt đầu chu trình tự đánh giá mới.